

方種目種五

芝草上芝多宜

錦繡推早種美多

錦義墨仁旋種美多

錦義師界可旋種

錦義兩界云地種美

錦義柳底種美子原種

Thập Nhị Binh Thư

Nhà xuất bản Thời Đại

nhasach
phuongnam

THẬP NHỊ BÌNH THƯ

Người dịch: LÊ XUÂN MAI

NGUYỄN NGỌC TĨNH

ĐỖ MỘNG KHƯƠNG

LỜI NGƯỜI SOẠN SÁCH

Lịch sử nhân loại luôn gắn liền với lịch sử của những cuộc chiến tranh. Dẫu một nước lớn như Trung Hoa hay một nước nhỏ như Việt Nam cũng không thể tránh khỏi quy luật đó. Thậm chí, lịch sử của cả Trung Hoa và Việt Nam còn là một xâu chuỗi của những cuộc chiến tranh nối liền nhau tưởng như không dứt. Từ xuất phát đó, việc nâng nghệ thuật chiến tranh, nghệ thuật chiến thắng lên thành Lí thuyết, thành học thuật là một nhu cầu cấp thiết của những người làm tướng. Trong cuộc chiến, ai nắm vững nghệ thuật chiến tranh sẽ có nhiều cơ hội chiến thắng hơn nếu là kẻ mạnh và có nhiều cơ hội để tránh thất bại hơn nếu là kẻ yếu. Mà đã yếu nhưng lại tránh khỏi thất bại thì cũng đáng gọi là thắng rồi...

Binh thư đã ra đời như thế. Ta có thể tìm thấy trong binh thư cổ những bí ẩn của phép dụng binh thuở ấy. Từ cách triệt lương phá đường đến đoạt thành chiếm đất. Từ cách trị quân tới cách cử tướng. Từ những mưu chước đánh vào lòng tướng địch cho tới mạo làm tan nhuệ khí địch quân. Kể cả những "bí pháp" ngầm xem tượng trời, xem những "điềm" lành và dữ vẫn là nỗi băn khoăn của bao nhiêu người làm tướng. Nhưng binh thư không chỉ đơn giản ở mức ấy. Còn rất nhiều điều ẩn chứa bên trong những trang sách đã được đúc rút qua bao nhiêu đời...

I. SƠ LUỢC VỀ 12 BỘ BINH THƯ:

12 bộ binh thư được chúng tôi tập hợp và giới thiệu ở đây lần lượt là:

- | | |
|---------------------|--------------------------------|
| 1. Lục thao | <i>Thái Công Khương Tử Nha</i> |
| 2. Tam lược | <i>Thái Công Khương Tử Nha</i> |
| 3. Tư Mã binh pháp | <i>Tư Mã Điền Nhương Tư</i> |
| 4. Tôn Tử binh pháp | <i>Tôn Vũ Tử</i> |

5. Ngô Tử binh pháp	<i>Ngô Khởi</i>
6. Uất Liêu Tử	<i>Uất Liêu</i>
7. Tố thư	<i>Hoàng Thạch Công</i>
8. Binh pháp Khổng Minh Võ Hầu Gia Cát Lượng	
9. Đường Thái Tông -	
Lí Vệ Công vấn đố	<i>Vệ Công Lí Tịnh</i>
10. Binh thư yếu lược	<i>Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn</i>
11. Binh thư yếu lược (tu chỉnh)	
12. Hồ trưởng khu cơ	<i>Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ</i>

Trong số 12 bộ binh thư được chúng tôi tập hợp và giới thiệu có 9 bộ của Trung Hoa, 3 bộ của Việt Nam. Lý do có sự lựa chọn đó rất đơn giản: Binh pháp Trung Hoa cổ vốn nổi tiếng là những bộ binh pháp được đúc kết rất chặt chẽ và nâng thành Lí thuyết chiến tranh. Các bậc anh hùng dân tộc của Việt Nam đều nắm rất vững binh pháp Trung Hoa mới có thể đánh thắng được những đạo quân phương Bắc hùng mạnh với những viên tướng lùa thông binh pháp. Nhưng không chỉ tiếp thu, người Đại Việt suốt bao nhiêu năm đã sáng tạo nên một Lí luận riêng, một nghệ thuật chiến tranh riêng, chỉ có những dân tộc nhỏ nhưng quật cường mới có. Chỉ trên đất Việt này ta mới hiểu thế nào là: "Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo" (Nguyễn Trãi). Chúng tôi sưu tập và giới thiệu cả những tinh hoa binh pháp Trung Hoa và Việt Nam để độc giả tiện so sánh; và hơn nữa, để hiểu thêm nguồn gốc sức mạnh vĩ đại của một dân tộc nhỏ bé đã chiến đấu và chiến thắng trước những Lí thuyết chiến tranh tưởng như không thể nào sai nổi.

1. Về binh pháp Trung Hoa:

Lục thao và *Tam lược* là 2 pho binh thư vào hàng cổ nhất với danh nghĩa là của Thái Công Khương Tử Nha - vị Thừa tướng làm nên sự nghiệp 800 năm của nhà Chu. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu vẫn nghi ngờ vào giá trị thực của 2 bộ sách này, trong đó có những dấu hỏi về vị tác giả nửa thực nửa hư mà người ta biết chủ yếu qua huyền thoại và pho tiểu thuyết Phong Thần viết dưới triều Minh. Sự nghi ngờ cũng vay với bộ *Tố thư*, thường được đi kèm như phụ lục của *Lục thao*.

và *Tam lược* với tác giả lại là một vị tiên. Ông tiên *Hoàng Thạch Công* này, theo tương truyền, là người đã tu chỉnh binh pháp của *Khuông Thái Công* và trao cho *Trương Lương*. Với bộ *Tố thư* đó (cũng theo tương truyền) *Lưu Hầu Trương Tử Phong* đã làm nên sự nghiệp 400 năm của nhà Hán. Vì vậy, xét về giá trị, 4 bộ binh thư quan trọng nhất phải là binh pháp *Tôn Tử*, *Ngô Tử* (vẫn được gọi chung là binh pháp *Tôn Ngô*), *Tư Mã*, và phần nào là *Đường Thái Tông - Lí Vệ Công* vẫn đối. Những vị tác giả của các bộ sách này tỏ rõ sự hiện hữu của mình trong lịch sử và hơn nữa, những điều họ viết đi sâu vào thực tế chứ không viển vông và mơ hồ. *Tôn Tử* là tướng nước *Ngô*, *Ngô Tử* là tướng nước *Ngụy* và nước *Sở*, *Tư Mã Điền* *Nhương Tư* là tướng nước *Tề*. Cả ba người đều góp công dựng nên những nghiệp bá cho vua nước mình giữa thời đại *Đông Chu* đầy loạn lạc. *Đường Thái Tông - Lí Vệ Công* vẫn đối được coi là của *Vệ Công Lí Tịnh* - một mưu thần mà kế sách cũng vào loại lừng danh. Ngược lại, một nhân vật lịch sử hết sức quan trọng là *Võ Hầu Gia Cát Lượng* đã bị thần thánh hoá qua tác phẩm *Tam Quốc* diễn nghĩa nên đường như những gì vẫn được coi là trước tác của ông lại mang đầy vẻ thần bí của một đạo sĩ. Giá như trong này chúng ta gặp sơ đồ của "trâu gỗ, ngựa máy" thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên lắm. Cho nên, ngoài 4 pho binh thư chính đã nói ở trên, các pho còn lại đều có vẻ do hậu sinh trước tác. Dù vậy, cả 9 pho binh pháp đó đều vẫn có những giá trị thực sự không thể chối bỏ. Do đó, chúng tôi vẫn tập hợp lại toàn bộ các pho binh thư và vẫn để nguyên tên tác giả như bao đời nay đã thế.

2. Về binh pháp Việt Nam:

Pho Binh thư yếu lược hiện nay đến tay người tập hợp chỉ có 2 bản chính: một bản đầy những "bí pháp" mơ hồ như một cuốn sách dạy chiêm bốc, một bản đầy những ví dụ sau đó cả vài trăm năm! Đã thế, trải qua mấy phen binh lửa, mấy phen giặc Minh đốt sách, thật khó để biết rằng liệu *Binh thư yếu lược* thực có còn không chứ đừng nói đến sự phân biệt xem đâu là bản "chính". *Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn* là một vị anh hùng dân tộc, nhưng hậu thế cũng đã thần thánh hoá ông thành một "Đức Thánh Trần" mang nhiều màu sắc tín ngưỡng tôn giáo. Nếu nhìn theo khía cạnh ấy, về một mặt

nào đó, dường như bản có nhiều "bí pháp" lại còn có vẻ "đáng tin" hơn. Bởi dù sao phía sau một chương ngắn về các "bí pháp" đó, các chương sau có vẻ đúng là một bộ binh thư với đủ phép bộ binh, chọn tướng... Trong khi đó, bản **Binh thư yếu lược** sau này lại dẫn ra những ví dụ mà chỉ người tiếp theo vài thế kỉ mới biết đến. Thậm chí, ngay trong bản **Binh thư yếu lược** này, ta còn bắt gặp khá nhiều đoạn trích dẫn từ **Hổ trường khu cơ**. Chắc chắn bản này không là bản chính mà đã qua một bàn tay tu chỉnh của hậu thế nếu không nói là một trước tác của hậu thế hẩn hoi (mà phải là dưới thời Nguyễn vì như thế thì mới có được cả những ví dụ từ phép dụng binh của nhà Tây Sơn). Dẫu vậy, chúng tôi vẫn tập hợp cả 2 bản **Binh thư yếu lược** và tạm để tên **Hưng Đạo Vương** gắn với bản thứ nhất mà để trống tên tác giả ở bản thứ hai. Dù gì thì gi, đã quả quyết bản thứ hai do hậu thế tu chỉnh thì không đặt tên **Hưng Đạo Vương** ở ngôi tác giả thì phải nhẽ hơn...

Hổ trường khu cơ gắn liền với tên một vị tướng tài ba trong cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh: Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ. Có lẽ tác phẩm **Hổ trường khu cơ** mà chúng tôi tập hợp tại đây đúng là của Đào Duy Từ vì mấy lẽ: Thứ nhất, thời ông sống khá gần với chúng ta. Thứ hai, ông là một công thần của Nguyễn triều, triều đại cuối cùng của phong kiến Việt Nam nên tác phẩm của ông sẽ không còn bị "vương" phải một cuộc huỷ sách nữa. Thứ ba, văn bản **Hổ trường khu cơ** thiên về thực hành quân sự như một sự đúc rút từ thực tế chứ không phải là lí thuyết đơn thuần. Như thế, nếu không phải đích là một vị võ tướng thân trải trăm trận tự tổng kết kinh nghiệm thì e khó mà nguy tạo cho nổi. Cho nên, văn bản **Hổ trường khu cơ** là có nhiều chứng cứ đáng tin cậy để ghi nhận đúng là trước tác của Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ.

II. BINH PHÁP VÀ GIÁ TRỊ TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY:

Lí luận và nghệ thuật quân sự tới nay chắc chắn đã khác đi nhiều. Không ít những gì được ghi trong binh pháp chỉ còn mang ý nghĩa lịch sử như một thứ dữ liệu về quá khứ. Nhưng vẫn còn một loạt những chân lí của binh pháp cổ mà tới nay còn nguyên giá trị. Có những câu rút ra từ binh pháp đã dần dần đi vào ngôn ngữ thông thường: Tiên phát chế nhân; Tiên

hạ thủ vi cương; Tam thập lục kế, tấu vi thương sách; Phản khách vi chủ... như một dạng "câu cửa miệng". Có những điều mà các nhà cầm quân thuở xưa viết ra vẫn đúng cho đến giờ và còn đúng mãi đến sau này. Chẳng phải Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vẫn thường nói về một đạo quân cha con, về sự "vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước đấu súc" đó sao? Chẳng phải trong "ngũ sự" (5 điều) của việc binh thì Tôn Tử xếp điều thứ nhất chính là **đạo nghĩa** đó sao? Chẳng phải Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ gọi trong 8 điều cốt yếu của người làm tướng thì **chí thành** là chủ đó sao? Những điều ấy đáng được gọi là bất hủ.

Thời nay, binh pháp không chỉ còn mang một ý nghĩa thuần túy quân sự nữa. Binh pháp đã lăng lẽ hoà vào đời sống thành một nghệ thuật đối nhân xử thế, thành nghệ thuật sống, nghệ thuật của người lãnh đạo và của người thừa hành. Vì thế, sẽ rất không thừa, nếu không nói là rất bổ ích khi suy nghĩ và nghiên cứu lại những tinh hoa của binh pháp cổ đại. Như thế mới đáng gọi là "phát huy vốn cổ". Người làm tướng, làm lãnh đạo đọc binh pháp để hiểu thêm về phép trị quốc, trị quân thuở trước, hiểu thêm về "đạo làm tướng". Người thừa hành đọc để hiểu về bốn phận và trách nhiệm cũng như cách tự rèn luyện và phấn đấu vươn lên. Thế mới không phụ tâm huyết của người xưa...

III. VÀI LỜI CUỐI:

Chúng tôi chẳng phải nhà nghiên cứu quân sự, cũng chẳng phải người làm tướng. Duy có một sự may mắn là thu thập được khá đầy đủ tinh hoa binh pháp của người xưa. Trộm nghĩ, nếu cứ khu khu giữ cho riêng mình, e không khỏi lỗi đạo với cổ nhân. Các bản dịch đều đã được thực hiện trên dưới năm chục năm nghĩa là các dịch giả giờ chắc cũng đã người còn, người mất. Vì thế, chúng tôi tập hợp bản thảo mà luôn canh cánh một nỗi: việc liên hệ với các dịch giả không sao thực hiện được. Nhưng vẫn đành vội vã mà làm việc bởi nếu chậm trễ, bản thảo thất lạc chắc khó còn cơ tìm được nữa. Lại may khi gặp dịp được nhiều người khuyến khích, mới tập hợp cả thành một bộ "Binh thư tinh tuyển" để anh em, bạn bè có được chút tài liệu tham khảo. Hơn nữa, cũng muốn qua dịp

này, giới thiệu cùng người đọc cái hùng khí ngát trời trong từng câu từng chữ của binh pháp xưa. Phải nói rằng, giá trị văn học cũng là một phần quan trọng bên cạnh giá trị tư liệu nghiên cứu. Trong mỗi trang sách, ta sẽ như được gặp lại một vị Khuông Thái Công buông cần ở sông Vị đến tuổi 90 mới đăng đàn nhận tiết viet "phù Châu diệt Trụ", một vị tiên Hoàng Thạch Công năm lần bảy lượt thử thách lòng kiên nhẫn trước khi trao sách cho Trương Tử Phòng, hay là một Gia Cát Khổng Minh nằm ở lều tranh chờ chân chúa để "Long Trung quyết kế, thiên hạ chia ba". Hay ta chợt rùng mình mà nghĩ lại những lời sang sảng mà vị Quốc Công Tiết Chế Trần Hưng Đạo trả lời khi vua Trần ướm hỏi: "Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã!". Chao ôi, những vị ấy, đâu đã khuất vào cây cổ, mây nước nhưng sử xanh vẫn lưu truyền danh thơm muôn thuở. Đến tận bây giờ, hậu thế vẫn còn nhắc đến các vị với một điều mà mọi người làm tướng đều mong mỏi: "Ngồi trong màn trường mà quyết được việc ngoài trăm dặm".

Đầu thiên niên kỷ mới, đọc lại người xưa rồi trông lại hôm nay, hẳn là một việc nên làm. Trong cuốn sách dày dặn, đường hoàng, nghiêm chỉnh; kẻ tập hợp cũng cảm thấy yên dạ phần nào. Ngần ấy năm, lần mò, gom góp, giờ chắc đã tới phen thỏa nguyện...

Cuối năm Tân Tỵ
LƯU SƠN MINH

THÁI CÔNG BÌNH PHÁP
THÁI CÔNG KHƯƠNG TỬ NHA
LỤC THAO

QUYỂN I

VĂN THAO

Thiên thứ nhất

VĂN SƯ

Văn Vương sắp đi săn.

Sử Biên gieo quẻ bói rằng: "Đại vương săn ở đất Vị Dương thì sẽ được việc lớn. Không phải được rồng, lân, cọp, gấu, mà là điềm được bậc công hầu Trời cho xuống giúp Đại vương để lập sự nghiệp, hưng thịnh như thời Tam Vương vậy".

Văn Vương nói: "Điềm này tốt đến thế ư?"

Sử Biên tâu: "Xưa Thái tổ của thần là Sử Trù chiêm quẻ cho vua Vũ gấp Cao Dao cũng được điềm này".

Văn Vương bèn nghỉ ngơi ăn chay ba ngày rồi xa giá đến miền Vị Dương, chợt thấy Thái Công đang ngồi dưới túp lều tranh câu cá.

Văn Vương đến úy lạo và hỏi: "Người thích câu cá lắm ư?"

Thái Công đáp: "Thần nghe nói quân tử thích thỏa chí của mình, tiền nhân thích được việc của mình. Nay thần ngồi câu ở đây cũng giống như vậy, chứ không hẳn là vui thích".

Văn Vương hỏi: "Sao gọi là giống như thế?"

Thái Công đáp: "Câu cá có ba điều cần nhắc":

- Tùy quyền mà ban bổng lộc
- Tùy quyền mà khiến người chết
- Tùy quyền mà định tước quan

Câu cá để đạt được nguyện vọng của mình thì ý nghĩa sâu sắc có thể "làm nên việc lớn".

Văn Vương nói: "Xin cho nghe về cái ý nghĩa ấy".

Thái Công đáp: "Nguồn sâu nên nước chảy, nước chảy là cái Lí sinh ra cá. Rẽ sâu nên cây lớn, cây lớn là cái Lí sinh ra quả. Quân tử cùng chí hướng nên hợp nhau, hợp nhau là cái Lí sinh ra sự việc."

Đối đáp bằng ngôn ngữ là cái bề ngoài của tính cách, còn câu nói chí tình là lẽ tận cùng của sự việc. Nay thần nói chí tình không hề kiêng nể, Đại vương có lấy làm trái ý chăng?"

Văn Vương nói: "Người có lòng nhân ái mới chịu nghe điều can gián, không ghét lời nói chí tình. Vậy những lời nói ấy là chi?"

Thái Công đáp: "Dây bé mồi nhỏ thì cá nhỏ ăn. Dây vừa mồi thơm thì cá hạng trung ăn. Cá ăn mồi nên phải mắc câu, người hưởng lộc nên phải theo vua.

Vậy câu cá bằng mồi thì cá sẽ bị bắt, giữ người bằng bỗng lộc thì người sẽ làm hết mình, chiếm nước bằng nhà thì nước sẽ bị chiếm, chiếm thiên hạ bằng nước thì thiên hạ sẽ đi theo.

Ôi, miên man, dằng dặc, cảnh hợp ấy ắt phải tan rã. Tôi tăm mờ mịt sẽ phải rời xa ánh sáng. Huyền diệu thay!

Cái đức của thánh nhân có thể chinh phục được thiên hạ, há chẳng đủ cho mình vui sao? Những điều lo nghĩ của thánh nhân là tùy theo địa vị của mỗi người mà thu phục họ".

Văn Vương hỏi: "Thiên hạ không phải của một người, thiên hạ là của cả thiên hạ. Chung quyền lợi với thiên hạ thì được thiên hạ, chiếm quyền lợi của thiên hạ thì mất thiên hạ.

Trời có thời, đất có cửa, cùng hưởng với người là "nhân". "Nhân" ở đâu, thì thiên hạ theo về đấy.

Tha chết cho người, giải cái khó của người cứu người lúc hoạn nạn, giúp người khi khốn đốn là đức. Đức ở đâu, thiên hạ theo về đấy.

Cùng lo, cùng vui, cùng thương, cùng ghét với mọi người là nghĩa. Nghĩa ở đâu thiên hạ theo về đấy.

Con người vốn tham sống sợ chết, thích đức và lợi, làm cho người được sống được lợi là đạo. Đạo ở đâu, thiên hạ theo về đấy".

Văn Vương bái tạ và nói: "Thật là đúng thay, làm sao ta dám cãi mệnh trời!".

Bèn mời ông cùng ngự xe trở về, phong Thái Công làm Quốc sư.

Thiên thứ hai

DOANH HU'

Văn Vương hỏi Thái Công: "Thiên hạ mênh mông sao có lúc đầy lúc vơi, khi yên khi loạn? Vì vua hiền, ngu không giống nhau, hay vì thiên thời biến hóa tự nhiên sinh ra vậy?".

Thái Công đáp: "Vua ngu thì nước nguy dân loạn, vua hiền thì dân trị nước yên. Nên họa phúc là ở vua, chứ không phải ở thiên thời"

Văn Vương nói: "Xin được nghe về bậc hiền quân thuở trước".

Thái Công đáp: "Xưa vua Nghiêu trị vì thiên hạ, thời đó gọi người là bậc hiền quân" (vua hiền)

Văn Vương hỏi. "Chính trị thời đó ra sao?"

Thái Công đáp: "Khi vua Nghiêu trị vì thiên hạ, không trang sức vàng bạc châu báu, không mặc đồ gấm vóc xa hoa, không nhìn vật lạ kì, không quý đồ tốt đẹp, không nghe nhạc phóng đãng, không trang hoàng cung viện, không chạm trổ kèo cột, không cắt cổ trong vườn.

Dùng áo bông để mặc khi trời rét, lấy áo vải để che thân, lấy gạo xấu làm cơm, lấy rau hoắc làm canh.

Không bày chuyện bắt dân sưu dịch để thiệt hại mùa màng dân chúng. Dốc hết tâm trí vào công việc giáo hóa nhân dân.

Quan nào trung chính thi hành pháp luật thì nâng cao ngôi vị, liêm khiết thương dân thì cho bổng lộc nhiều. Ai nhân từ hiếu đế thì kính yêu, có công trông trot thì khích lệ, đạo đức hiền thực thì treo biển nêu danh nơi cổng làng.

Giữ lòng công bình chính trực, dùng pháp luật ngăn cấm điều gian dối. Người mình ghét mà có công thì vẫn thưởng, người mình yêu mà có tội thì vẫn phạt.

Nuôi dưỡng những người già yếu, góa bụa đơn cô, giúp đỡ các gia đình bị tai ương chết chóc.

Lẽ vật dân dâng thì lấy rất nhẹ, thuế má sưu dịch thì cần rất ít, nên muôn dân giàu có vui vẻ, không có cảnh đói rét điêu linh. Trăm họ thợ vua như mặt trời, mặt trăng, thương vua như cha mẹ vậy".

Văn Vương nói: "Vĩ đại thay! Cái đức của bậc hiền quân".

Thiên Thú ba

QUỐC VỤ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Xin cho nghe về việc lớn để trị nước".

Thái Công đáp: "Chỉ cần thương dân".

Văn Vương hỏi: "Thương dân như thế nào?"

Thái Công đáp: "Làm lợi mà đừng hại, giúp nên mà đừng phá. Để sống mà đừng giết, ban cho đừng chiếm đoạt. Để vui đừng gây khổ, khiến họ mừng mà không giận".

Văn Vương nói: "Xin giải thích lí do".

Thái Công đáp: "Dân không mất việc là lợi, tròng trọt không lỡ mùa là nên. Giảm bớt hình phạt là sống, thu thuế nhẹ là cho. Ít xây cất đền đài là vui, quan lại thanh liêm không sach nhiễu dân là mừng".

Dân bị mất việc là hại, tròng trọt lỡ mùa là hư. Không tội mà phạt là giết, thu thuế nặng là đoạt. Xây nhiều đền đài khiến dân mỏi mệt là khổ. Quan lại tham ô sach nhiễu dân lành là giận.

Nên người trị nước chăm sóc dân như cha mẹ thương con, như anh thương em, thấy dân đói rét thì lo, thấy dân khổ nhọc thì buồn, thương phạt như chính mình phải chịu, thu thuế như chính mình phải đóng. Đây là đạo thương dân".

Thiên Thú bốn

ĐẠI LỄ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Lễ nghi của đạo vua tôi như thế nào?".

Thái Công đáp: "Trên phải soi xét, dưới phải thâm trầm, soi xét mà không xa dân, thâm trầm mà không giấu giếm. Trên phải chu toàn, dưới phải yên định. Chu toàn là trời, yên định là đất. Có trời có đất thì thành đại lễ".

Văn Vương hỏi: "Làm chủ như thế nào?"

Thái Công đáp: "Khoan thai mà điềm tĩnh, ôn hòa nhưng thăng thắn. Định trước mọi việc, cho mà không tranh, khiêm nhường bình dị, lấy sự công bằng mà xử thế".

Văn Vương hỏi: "Chủ phải nghe như thế nào?"

Thái Công đáp: "Đừng nghe xăng, mà hứa, đừng thấy trai mà

chỗng. Hứa sẽ không giữ được, chỗng sẽ gấp bể tắc. Núi cao trông lên không thấy được ngọn, vực sâu nhìn xuống không lường được đáy, Cái dứt của bậc thánh minh là công chính, trầm tĩnh vô cùng".

Văn Vương hỏi: "Chủ phải sáng suốt như thế nào?"

Thái Công đáp: "Mắt quý ở chỗ sáng, tai quý ở chỗ rõ, lòng quý ở chỗ biết. Lấy mắt của thiên hạ mà xem thì không có gì là không nhìn thấy. Lấy tai của thiên hạ mà nghe, thì không có gì là không nghe thấy. Lấy lòng của thiên hạ mà nghĩ thì không có gì là không biết. Họp dân lại mà làm thì sáng suốt, không gì có thể che lấp được".

Thiên thư năm

MINH TRUYỀN

Văn Vương nằm trên giường bệnh, cho mời Thái Công Vọng và Thái Tử Phát đến bên mình mà nói: "Than ôi! Trời sắp bỏ ta. Xã tắc nhà Châu sẽ thuộc về con. Nay ta muốn Quốc sư nói về đạo cả để minh truyền cho con cháu về sau".

Thái Công nói: "Đại vương muốn hỏi điều chi?"

Văn Vương nói: "Xin nghe về đạo của tiên thánh do đâu mà ngưng trệ, do đâu mà hưng khởi".

Thái Công đáp: "Thấy người lành mà khinh, thời cơ đến mà nghi, biết sự trái mà làm, là ba điều khiến cho đạo phải ngưng.

Còn nhu mà tĩnh, cung mà kính, mạnh mà mềm, nhịn mà cứng, là bốn điều khiến cho đạo được hưng khởi.

Nên nhân nghĩa thắng dục vọng thì thịnh, dục vọng thắng nhân nghĩa thì mất, kính thắng khinh thì tốt, khinh thắng kính thì bị diệt".

Thiên thư sáu

LỤC THỦ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Vua là chủ của dân, thế mà cũng có khi mất là vì sao?"

Thái Công đáp : "Vì không thận trọng trong việc giao phó, làm vua có sao điều phải giữ và ba điều quý".

Văn Vương hỏi: "Sáu điều phải giữ là gì?"

Thái Công đáp: "Một là nhân, hai là nghĩa, ba là trung, bốn là tín, năm là dũng, sáu là mưu. Đây là sáu điều phải giữ".

Văn Vương hỏi: "Làm thế nào chọn được người có sáu điều này?"

Thái Công đáp: "Giàu có mà không phạm pháp, được quý trọng mà không kiêu căng, giao việc mà không thay lòng, sử dụng mà không phải đề phòng, lâm nguy mà không sợ hãi, xử lí công việc mà không lúng túng.

Giàu sang mà không phạm pháp là nhân, cao quý mà không kiêu căng là nghĩa, được giao phó mà không đổi lòng là trung, được dùng mà không đề phòng là tín, lâm nguy mà không sợ hãi là dũng, xử lí công việc mà không lúng túng là mưu.

Làm vua không có ba điều quý thì mất quyền uy".

Văn Vương nói: "Xin hỏi về ba điều quý ấy".

Thái Công đáp: "Đại nông, đại công, đại thương là ba điều quý. Nhà nông canh tác trong làng thì lúa gạo đủ ăn. Người thợ hành nghề trong làng thì dụng cụ đủ dùng. Thương gia buôn bán trong làng thì hàng hóa đủ tiêu dùng. Ba điều quý này đặt yên ở mỗi nơi thì dân không lo nghĩ, không loạn trong làng, không loạn trong họ, quan không giàu hơn vua, đô thị không to hơn nước.

Sáu điều giữ được lâu dài thì vua mạnh. Ba điều quý được vuông tròn thì nước yên".

Thiên thư bảy

THỦ THỔ

Văn Vương hỏi Thái Công: "Việc giữ đất đai như thế nào?".

Thái Công đáp: "Không xa người thân, không khinh người lành, an ủi kẻ giúp việc cho mình, chế ngự lân bang ở bốn mặt.

Không mượn người nghiệp chính. Mượn người nghiệp chính sẽ mất quyền hành. Không đào hang mà đắp gò. Không bỏ gốc mà chừa ngọn.

Mặt trời lên đỉnh đầu thì đất phải nắng, cầm dao phải cắt, cầm rìu phải chặt. Đứng bóng mà không nắng, thì trái thời. Cầm dao mà không cắt thì bỏ lõi đập bén. Cầm rìu mà không chặt thì giặc sẽ đến nơi.

Nước chảy lâu ngày sẽ thành sông, ngói Một đốm lửa nhỏ không đập

tất sẽ bốc lên cao. Hai nhánh cây không phạt thì sau phải dùng đến búa to.

Nên làm vua phải lo việc giàu thịnh. Không giàu thì không có gì để làm việc nhân. Không thịnh thì không lấy gì để kết tình thân thiện. Xa người thân thì hại. Mất dân lành thì hỏng.

Không mượn nhân tài, vũ khí của người. Mượn nhân tài vũ khí của người thì sẽ bị hại, không giữ tròn quyền cai trị của mình".

Văn Vương hỏi: "Thế nào là nhân nghĩa?".

Thái Công đáp: "Kính mến dân lành, kết hợp người thân. Kính mến dân lành thì hòa thuận. Kết hợp người thân thì vui vẻ. Đây là đầu mối của nhân nghĩa.

Đừng để người khác cướp uy vua, dựa vào sự sáng suốt, thuận với lẽ thường. Người theo thì lấy đức mà dùng, kẻ nghịch thì lấy thế mà diệt.

Không đa nghi thì thiên hạ mới hòa phục".

Thiên thư tám

THỦ QUỐC

Văn Vương hỏi Thái Công: "Việc giữ nước như thế nào?".

Thái Công đáp: "Xin Đại vương sống thanh tịnh rồi thần sẽ nói về lẽ bất dịch của trời đất, sự sinh biến của bốn mùa, đạo của bậc thánh nhân và cơ tình của dân gian".

Vua bèn ăn chay, thanh tịnh bảy ngày, hướng về hướng Bắc lạy hai lạy rồi hỏi.

Thái Công nói: "Trời sinh ra bốn mùa, đất sinh ra vạn vật, trong thiên hạ có dân, bậc thánh nhân phải chăm nom dẫn dắt.

Nên mùa Xuân là mùa sinh nở, vạn vật tốt tươi. Mùa Hạ là mùa tăng trưởng, vạn vật lớn mạnh. Mùa Thu là mùa ngưng tụ, vạn vật đầy đủ. Mùa Đông là mùa ẩn tàng, vạn vật yên tĩnh.

Dày đủ thì ẩn tàng, ẩn tàng rồi lại phát ra không biết đâu là đầu, không biết đâu là đuôi. Thánh nhân so sánh để tìm ra lẽ bất dịch của trời đất.

Nên phải dùng âm mà phát, dùng dương mà hội. Khởi xướng trước trong thiên hạ rồi mới làm, làm khác với lẽ thường để hòa hợp. Không tiến mà tranh, không lui mà nhường. Giữ được như thế thì nước nhà có thể vinh quang như trời đất".

Thiên Thú chín

THƯỢNG HIỀN

Văn Vương hỏi Thái Công: "Làm vua phải nâng cái gì? hạ cái gì? lấy cái gì? bỏ cái gì? cấm cái gì? ngăn cái gì?".

Thái Công đáp: "Làm vua phải nâng người hiền, hạ kẻ dữ, lấy sự thành tín, bỏ điều gian xảo, cấm chuyện bạo tàn, ngăn việc xa hoa. Nên làm vua có sáu điều hư và bảy điều hại".

Văn Vương hỏi: "Xin nghe về lẽ ấy".

Thái Công đáp: "Sáu điều hư là:

1/ Bè tôi cất lâu đài thủy tọa to lớn, đàn hát vui chơi phuong hại đến đức độ của vua.

2/ Dân không lo trống trọt, vui thú chơi bời, phạm điều luật cấm, không nghe quan dạy, phuong hại đến phong hóa của vua.

3/ Bè tôi cầu bè kết đảng, che lấp người hiền trí, ngăn trở sự sáng suốt của chúa, phuong hại đến quyền hành của vua.

4/ Kẻ sĩ có ý chống đối, nhò tiết tháo thanh cao mà có uy thế, ngoài thì kết giao với chư hầu, không tôn trọng chúa, phuong hại đến uy danh của vua.

5/ Bè tôi khinh rẻ tước ngôi, làm điều xấu xa gây khó khăn cho thượng cấp, phuong hại đến công lao của bậc công thần.

6/ Những tông phái mạnh chiếm đoạt quyền hành, áp bức người nghèo yếu, phuong hại đến nghề nghiệp của dân.

Bảy điều hại là :

1/ Những kẻ không trí lược quyền mưu mà được trọng thưởng tước cao nên hùng hổ coi thường, cậy vào sự rủi may. Vua phải cẩn thận, không nên cho làm tướng.

2/ Những kẻ có tiếng mà không có tài, ra vào dì nghi, phô bày điều xấu, che giấu việc hay, khéo lui khéo tiến. Vua phải cẩn thận, không nên bàn mưu.

3/ Những kẻ hình dáng ra vẻ chất phác, ăn mặc giản dị, đối đáp như không cầu danh, nói năng có vẻ không cầu lợi, là người giả dối. Vua phải cẩn thận, không nên gần gũi.

4/ Những kẻ đai mưu khác người, mặc đồ kì dị, hay nghe biện bác, bàn luận cao xa, ở nơi vắng vẻ, cho mình là tốt, chê bai thế tục, là người gian giảo. Vua phải cẩn thận, không nên sủng ái.

5/ Những kẻ dèm pha, nịnh hót để cầu quan tước, tham lam vô độ, coi thường cái chết, thấy lợi thì làm, không nghĩ đại sự, đặt điều hư thực, nói trước mặt vua. Vua phải cẩn thận, không nên tin dùng.

6/ Những kẻ hành nghề chạm trổ đồ gang sắt, tuy khéo léo đẹp đẽ nhưng có hại cho việc nhà nông. Vua phải cấm đoán.

7/ Những kẻ có thuật dị ki giả dối, đồng bóng tà đạo, nói điều không tốt, mê hoặc dân lành. Vua phải ngăn cấm.

Cho nên, dân không cố gắng thì không phải là dân của ta. Kẻ sĩ không thành tín thì không phải là kẻ sĩ của ta. Quan không trung trực thì không phải là quan của ta. Tướng quốc mà không biết làm cho nước giàu quân mạnh, điều hòa âm dương để làm yên lòng vua, sửa sai quần thần, dùng người tài danh, khiến cho muôn dân vui vẻ, thì không phải là tướng quốc của ta.

Đạo làm vua như đầu rồng, ngự trên cao để nhìn xa, quan sát kỹ để nghe rõ, chỉ rõ lộ trình như trời cao không thể đến, như vực sâu không thể đo.

Cho nên điều đáng giận mà không giận thì gian thần lộng hành, đáng giết mà không giết thì giặc lớn nổi lên, quân đội mà không tăng cường thì nước địch sẽ mạnh hơn".

Văn Vương nói: "Thật là hay lắm".

Thiên thứ mười

CỦ HIỀN

Văn Vương hỏi Thái Công: "Vua lo cử người hiền mà không nên việc gì cả, khiến đời càng thêm loạn đên nỗi bị nguy vong là vì sao?"

Thái Công đáp: "Cử người hiền mà không dùng thì chỉ có tiếng là cử hiền mà không thực sự dùng hiền".

Văn Vương hỏi: "Lỗi đó tại ai?"

Thái Công đáp: "Lỗi đó là vì vua chỉ thích dùng người theo lời khen ở đời, nên không được người hiền chân chính".

Văn Vương hỏi: "Tại sao vậy?"

Thái Công đáp: "Vua thấy người đời khen thì cho là người hiền, thấy người đời chê thì cho là không hiền. Nên người nhiều phe đảng,

ủng hộ thì có thể tiến thân, người ít phe đảng ủng hộ thì phải lui về. Do đó mà bọn gian tà liên kết để che giấu người hiền.

Vì thế trung thần vô tội mà bị chết, gian thần nhờ hư danh mà được tước vị, nên đời càng loạn, thì nước không tránh khỏi cảnh nguy vong".

Văn Vương hỏi: "Cử người hiền như thế nào?"

Thái Công đáp: "Phân định chức vụ tướng quân và tướng quốc rồi chọn người hiền ra làm quan bằng cách thi tuyển danh tài, tài phải xứng với danh, danh xứng với tài thì mới đúng là cử người hiền".

Thiên thư mười một

THƯỞNG PHẠT

Văn Vương hỏi Thái Công: "Thưởng cốt để khen, phạt cốt để ngăn. Nay trẫm muốn thưởng một người để khuyên trăm người, phạt một người để răn dân chúng thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Thưởng quý ở chữ tín, phạt quý ở chữ đúng. Thưởng cho đúng công, phạt cho đúng tội, để cho mọi người nghe thấy, thì những người không nghe thấy không khỏi không thầm phục".

Lòng thành còn thấu đến trời đất, thông đến thần linh, huống hồ là đối với con người".

Thiên thư mười hai

BINH ĐẠO

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đạo dùng binh như thế nào?".

Thái Công đáp: "Phàm đạo dùng binh, không gì hơn một. Nắm vững được một, thì có thể từ đó tung hoành.

Một lấy đạo làm gốc, lấy thân biến hóa làm ngọn, tùy thời cơ mà sử dụng, tùy thời thế mà thể hiện, do vua mà hình thành. Nên bậc thánh vương gọi việc binh là việc hệ trọng bất đắc dĩ mới dùng đến.

Nay vua Thương⁽¹⁾ chỉ biết còn mà không biết mất, chỉ biết vui mà không biết họa, còn hay không còn ở chỗ biết lo mất. Vui hay không vui

(1) Chỉ Trụ Vương. Vua cuối cùng của nhà Thương, bị Vũ Vương diệt

ở chỗ biệt lo họa. Nay vua đã lo đến tận nguồn hà tất phải lo đến lòng nước cháy".

Võ Vương hỏi: "Hai quân gặp nhau, đối phương không thể đến, bên ta không thể đi, đôi bên canh phòng chặt chẽ, không ai dám ra quân trước. Ta muốn đột kích nhưng không nắm được lợi thế thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Ngoài loạn mà trong chỉnh, giả đói mà thật no, trong rõ mà ngoài dốt. Lúc hợp lúc rời, khi thu khi tan. Mưu kế kín đáo, quân cơ bí mật. Đắp cao thành luỹ, ba quân yên lặng như tờ, địch không biết ta phòng bị ra sao. Muốn đánh phía Đông thì vào phía Tây".

Võ Vương hỏi: "Địch biết tình hình ta, thông hiểu mưu của ta thì làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Thuật dùng binh thắng địch là bí mật theo dõi quân cơ của địch, nhanh nhẹn nắm lấy lợi thế rồi bất ngờ tấn công mau lẹ".

QUYỂN II

VŨ THAO

Thiên Thú nhất

PHÁT KHẢI

Văn Vương ở đất Phong, mời Thái Công đến mà nói rằng: "Than ôi, vua Thương tàn ác vô cùng, giết hại người vô tội. Khanh có cách gì để giúp đỡ dân đang đau khổ chăng?"

Thái Công đáp: "Vua nên sửa đức để người hiền cảm phục, ban ân để dân thấy đạo trời.

Không có tai ương thì không thể khởi xướng đạo trời. Không có tai họa thì không thể toan tính đạo người.

Phải thấy thiên tai và nhân họa thì mới mưu được việc lớn. Phải thấy được phái trái thì mới biết được lòng người. Phải thấy bên ngoài và bên trong thì mới rõ được ý người, phải thấy chổ sờ hở và chổ thân thì mới hiểu được tính người.

Bây giờ theo đạo mà làm, đạo sẽ được thi hành, theo cửa mà vào, cửa sẽ được mở cho vào. Đặt ra việc lẽ, lẽ nghi sẽ thành. Đầu tranh bằng sức mạnh, sức mạnh sẽ chiến thắng.

Toàn thắng mà không phải đánh nhau, không cần lập đại binh, cảm thông đến quỷ thần. Huyền diệu thay!

Đối với người, cùng bị bệnh thì cứu nhau, cùng bị thương thì dựa vào nhau, cùng bị ghét thì giúp nhau, cùng thích thì hợp nhau. Nên không cần giáp binh mà vẫn thắng. Không cần xung đột, mà vẫn tiến công, không cần hào luỹ mà vẫn cổ thủ.

Người có trí lớn không cần đến trí, có mưu cao không cần đến mưu, có dung khí không cần đến dung, có lợi to không cần đến lợi

Làm lợi cho thiên hạ thì thiên hạ chao đón, làm hại cho thiên hạ thì thiên hạ chối từ. Thiên hạ không phải của một người, thiên hạ là của cả thiên hạ. Chiếm lấy thiên hạ như việc săn thú, mà mọi người đều tin rằng mình sẽ được chia phần thịt, cũng như ngồi chung thuyền mà sang sông, qua được thì cũng có lối đi, mà thất bại thì cùng bị hại, nên tất cả đều chờ đón mà không chối từ.

Không lấy của dân là chiếm được dân, không lấy của nước là chiếm được nước, không lấy của thiên hạ là chiếm được thiên hạ.

Không lấy của dân thì dân làm lợi cho mình, không lấy của nước thì nước làm lợi cho mình. Không lấy của thiên hạ thì thiên hạ làm lợi cho mình.

Cho nên đạo hay ở chỗ không thể thấy, sự hay ở chỗ không thể nghe, thăng hay ở chỗ không thể biết. Huyền diệu thay!

Chim cắt sấp bắt mồi thì ngưng bay thu cánh, thú dữ sấp vô thì nép mình cúp tai, thánh nhân sấp hành động thì có vẻ dại khờ.

Nay ở nước Thương, dân chúng ngờ vực lẫn nhau, tinh thần hoang mang, đời sống khổ cực vô cùng. Đây là cái điềm mất nước.

Ta nhìn thấy ngoài đồng cỏ nhiều hơn lúa, dân chúng thì gian nhiều hơn ngay, quan lại tham tàn bạo ngược, bất chấp cả luật pháp trên dưới đều không giác ngộ. Đây là lúc mất nước.

Đại minh phát ra thì muôn vật đều sáng. Đại nghĩa phát ra thì muôn vật đều lợi. Đại binh phát ra thì muôn vật đều phục tùng.

Vĩ đại thay! cái đức của thánh nhân! chỉ nghe chỉ thấy cũng đủ vui lòng".

Thiên Thú hai

VĂN KHẢI

Văn Vương hỏi Thái Công: "Thánh nhân phải giữ điều gì?"

Thái Công đáp: "Phải lo nghĩ, xót xa, quan tâm đến vạn vật. Xót xa lo nghĩ, quan tâm thì vạn vật sẽ hết lòng vì mình. Chính sách ban ra, ai cũng biết. Thời cơ đưa đến, ai cũng biết lúc đổi thay. Thánh nhân giữ điều này mà cảm hóa vạn vật."

Phàm cái gì đến chỗ cùng tận thì trở lại lúc ban đầu. Muốn tốt muôn nhân thì kheo leo mà cầu mong. Cầu mong mà được thi không;

"thể không giữ lấy, đã giữ lấy thì không thể không hành động, đã hành động thì" không nên khoe mình.

Trời đất không khoe mình nên tồn tại lâu dài. Thánh nhân không khoe mình nên tên tuổi rạng rỡ.

Xưa Thánh nhân tập hợp người lại thành nhà, tập hợp nhà lại thành nước, hợp nước lại thành thiên hạ, phong hầu cho người hiền, lập thành vạn quốc, gọi là đại kỉ.

Đặt ra chính sách, dạy dỗ, dựa theo phong tục của dân, sửa điều trái thành ngay, thay hình đổi dạng muôn nước đều thông, khắp nơi đều vui vẻ, mọi người đều thương vua, gọi là đại thịnh.

Ôi, Thánh nhân lo ổn định, hiền nhân lo chỉnh đốn, kẻ ngu không thể chỉnh nên tranh chấp với người trên, nên có nhiều hình phạt, hình phạt nhiều thì dân lo lắng, dân lo lắng nên lưu vong khắp nơi, trên dưới sống không yên, cứ thế kéo dài đời này sang đời kia, gọi là đại thất.

Người trong thiên hạ ví như dòng nước chảy, hễ ngăn thì dừng, mở thì chảy, yên thì trong.

Thần diệu thay! Thánh nhân thấy cái khởi đầu thì biết được sự kết thúc".

Văn Vương hỏi: "Làm sao yên?".

Thái Công đáp: "Trời có hình tượng của trời, dân có đời sống bình thường, cùng dân chung sống thì thiên hạ yên. Xưa bậc minh quân noi theo đó mà cảm hóa dân, dân được cảm hóa thì tuân theo chính sách, nên làm nên sự nghiệp, giàu có. Đây là cái đức của thánh nhân".

Văn Vương nói: "Lời nói của người rất hợp với lòng ta vậy. Ta sẽ đêm ngày ghi nhớ không quên để dùng làm đạo".

Thiên Thú ба

VĂN PHẠT

Văn Vương hỏi Thái Công: "Văn phạt là thế nào?".

Thái Công đáp: "Văn phạt có mươi hai điều:

1/ Tùy sở thích của người mà chiêu theo ý họ, họ sẽ sinh lòng kiêu hãnh, sẽ hay gây sự, ta nhân dịp đó mà trừ đi.

2/ Thân thiện với người họ yêu quý để chia sẻ uy quyền, một người mà hai lòng thì nội bộ ắt suy, trong triều không có trung thần thì xã tắc phải nguy.

3/ Mua chuộc những người thân cận để gây cảm tình. Thân ở trong, mà lòng ở ngoài thì nước sẽ bị hại.

4/ Cho họ hưởng lạc để làm tan ý chí, biểu nhiều châu ngọc, hiến dâng gái đẹp để mua vui, nói năng khiêm nhường thuận với lẽ phải thì họ sẽ không tranh, gian kế ấy sẽ thành.

5/ Đối với trung thần không được hối lộ, vờ lưu giữ họ, khiến cấp trên không nghi họ mà thay ngay kẻ khác. Ta đối với họ thành thật, thân mật và tin tưởng. Vua sẽ triệu họ về mà nghiêm trị. Khi đó ta có thể mưu việc lấy nước.

6/ Mua chuộc bên trong, li gián bên ngoài, khiến cho quan giỏi giúp bên ngoài, địch đánh vào trong thì họ không tránh khỏi mất nước.

7/ Muốn nắm được lòng người thì phải biểu xén thật nhiều, thu phục những người thân cận trung tín với vua, chỉ ra cái lợi khiến họ lơ là công việc mà gây nên sự suy yếu trong nước.

8/ Hối lộ đồ quý báu rồi nhân đó cùng mưu tính công việc. Mưu có lợi thì họ phải tin, gọi là trung thân (đã thân lại thêm thân), thân nhiều thì ta có thể dùng. Ở trong nước mà lòng hướng ngoại thì nước sẽ đại bại.

9/ Tôn cho họ một danh vị mà không hại đến bản thân họ. Biểu dương thế lực cho họ tin tưởng mà sinh lòng tôn kính. Trước hết làm cho họ được vinh quang, vờ coi họ như thánh thần thì có thể lấy được nước.

10/ Hạ mình cho họ tin để biết rõ tình hình, tùy theo ý họ mà ứng biến, như cùng chung sống với nhau, lúc đã được lòng họ thì từ từ mà thu phục dân chúng, chờ khi thời cơ đến thì là lúc Trời diệt họ.

11/ Dùng đạo để che lấp. Từ quan đến dân không ai là không thích giàu sang phú quý, ghét sự chết chóc và tội lỗi. Ta tỏ ra cao quý rồi lén đem báu vật thu phục hào kiệt. Bên trong chất chứa nhiều mà ngoài thì ra vẻ thiêng thốn. Ngầm kết nạp tu sĩ để tính kế bàn mưu, thu dụng dung sĩ để nâng cao uy thế. Giàu sang sung túc thì vây cánh càng đông, đồ đảng càng nhiều. Đây là bưng bít. Có nước mà bị bưng bít thì làm sao gọi là có nước?

12/ Nuôi dưỡng loạn thần để mê hoặc vua, hiến nhạc dâm, gái đẹp để quyến rũ vua, nhường chó tốt ngựa hay để giải khuây, cho quyền thế lớn để dụ dỗ. Khi đã kiểm soát được trên thì cùng thiên hạ mưu đồ việc lớn.

Dài đủ mười hai điều này thì việc binh sẽ thành. Đây là trên xem trời, dưới xem đất, điều kiện xuất hiện thì có thể đánh chiếm".

Thiên thứ bốn

THUẬN KHẢI

Văn Vương hỏi Thái Công: "Làm thế nào để trị thiên hạ".

Thái Công đáp: "Lượng phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới chúa được thiên hạ. Tín phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới buộc được thiên hạ. Nhân phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới giữ được thiên hạ. Quyền phải bao trùm thiên hạ rồi sau mới không mất thiên hạ. Làm mà không nghi thì vận trời không thể rời, thời thế không thể thay đổi.

Sáu điều này có đầy đủ thì mới cai trị được thiên hạ.

Cho nên có lợi cho thiên hạ thì thiên hạ chào đón, có hại cho thiên hạ thì thiên hạ chối từ.

Cho thiên hạ sống thì thiên hạ ghi ân. Giết hại thiên hạ thì thiên hạ làm giặc.

Soi thấu thiên hạ thì thiên hạ cảm thông. Đưa thiên hạ đến chỗ cùng cực thì thiên hạ oán thù.

Làm cho thiên hạ yên thì thiên hạ tin cậy. Làm cho thiên hạ nguy thì thiên hạ hại mình.

Thiên hạ không phải của một người, nhưng người có "ĐẠO" thì sẽ nắm được thiên hạ".

Thiên thứ năm

TAM NGHI

Võ Vương hỏi Thái Công: "Trẫm muốn lập nên nghiệp lớn, nhưng có ba điều ngại: sợ sức mình không thể đánh nước mạnh, không li giàn được người thân, không phân chia được dân chúng. Vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Phải mưu tính cẩn thận và dùng nhiều tiền của.

Muốn đánh nước mạnh, phải dưỡng họ cho mạnh, giúp họ khuếch trương. Mạnh quá phải gãy, trương quá phải khuyết.

Dùng nước mạnh đánh nước mạnh. Dùng người thân li giàn người thân.

Dùng dân chúng phân chia dân chúng.

Phàm đạo dùng mưu, quy ẩn điểm chư đáo. Tùy sự mà định, lấy lợi mà nhử thì họ sẽ sinh lòng tranh chấp.

Muốn chia rẽ nội bộ họ thì tùy theo sở thích của họ mà làm cho người họ yêu quý, cho điều họ muốn, vạch rõ điều lợi, rồi nhân đó mà làm họ chia rẽ nhau. Họ thấy lợi thì vui, nhưng đừng cho họ thỏa mãn. Khi gây được hiềm nghi thì dừng lại.

Về phép tấn công, trước phải che mắt địch rồi mới đánh vào chỗ mạnh. Diệt điểm lớn của địch, tránh làm hại cho dân.

Dùng sắc quyền họ mê, dùng lợi nhử họ ăn, dùng hương vị quyền rũ họ, dùng ca nhạc giúp vui. Đã xa người thân ắt phải xa dân.

Dùng cho họ biết mưu kế, cũng đừng để họ biết ý định của mình, ngầm giúp dân để thu phục nhân tâm thì có thể thành công.

Ban ân cho dân thì đừng tiếc của. Dân như trâu, ngựa, phải chăm nom nuôi nấng, nghe và thương mến họ.

Lấy lòng mở mang trí tuệ, dùng trí tim của, lấy của thu dân, dùng dân đón người hiền.

Đón được người hiền thì làm vua thiên hạ".

QUYẾN III

LÔNG THAO

Thiên thứ nhất

VƯƠNG DỤC

Võ Vương hỏi Thái Công: "Vua mang quân đi đánh phải có tay chân vây cánh để tạo nên uy thần, muốn vậy thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Phàm cất quân đi đánh, thì dùng tướng làm mệnh. Mệnh cốt ở chố thông suốt, chứ không theo một phép nhất định. Tùy theo khả năng mà giao phó nhiệm vụ, tận dụng sở trường của từng người, lấy sự tùy cơ ứng biến làm nguyên tắc.

Nên tướng có 72 người làm tay chân vây cánh, ứng theo số trời định để nghiên cứu phương pháp, hiểu rõ nguyên lý, đủ tài hay thuật lạ, thì mọi việc đều xong cả".

Võ Vương nói: "Xin hỏi về từng mục".

Thái Công đáp: "Tâm của một người, chuyên về mưu lược, đối phó cấp thời, diệt trừ biến loạn, nắm trọn mưu kế để bảo toàn tính mạng của dân.

Mưu sĩ 5 người, lo sự an nguy, tính việc chưa xảy đến, xem xét đức hạnh tài năng, thường phạt nghiêm minh, bổ nhiệm quan tước, quyết đoán sự hiềm nghi, định việc nên hay đừng.

Thiên văn 3 người, chuyên xem tinh tú, khí hậu dự đoán ngày giờ, quan sát sự linh ứng, kiểm chứng thiên tai chuyện lạ, biết rõ lòng người và thời cơ tiến lui.

Địa lợi 3 người, lo việc tiến dừng của ba quân, tình thế lợi hại, tin tức gần xa, dễ hay khó, sông núi cách trở ra sao, để không mất địa lợi.

Binh pháp 9 người, nghiên cứu những điểm khác nhau, hành động,

thanh hay bại, huân luyện ba quân, chỉ ra những điều sai của binh pháp.

Thông lương 4 người, lo việc ăn uống, tích trữ lương thực, chuyển vận ngũ cốc, khiến ba quân không bị thiếu thốn.

Phản uy 4 người, chuyên chọn người tài đức, nghiên cứu binh lược, đánh như gió thổi, sấm vang, khiến địch không biết đến từ đâu.

Phục cổ kì 3 người lo việc dùng cờ trống, làm sáng tai mắt ba quân, mạo chứng thu ấn tín, giả hiệu lệnh đối phương, đi lại trong đêm tối xuất nhập như thần:

Cố vấn 4 người, đảm nhiệm công tác nặng nề, sửa hào đắp luỹ, phòng ngự địch quân.

Thông tài 3 người, chuyên tìm chỗ sơ sót, sửa chữa lỗi lầm, tiếp đãi tân khách, bàn bạc chuyện trò giải quyết việc rắc rối.

Quyền sĩ 3 người, chuyên làm điều quý quyết, đặt chuyện dị ki, biến trá vô song, không ai biết được.

Nhĩ mục 7 người, đi lại nghe ngóng tin tức, quan sát biến động, xem xét công việc bốn phương và tình hình trong quân ngũ.

Trảo nha 5 người, chuyên nâng cao uy vũ khích lệ ba quân, khiến họ hăng hái không ngại xông pha chốn hiểm nguy.

Vũ dực 4 người, chuyên tuyên truyền danh tiếng, kinh động bốn cõi, làm nao núng lòng địch.

Du sĩ 8 người, chờ dịp có âm mưu gian biến móc nối cảm tình, xét ý hướng địch để làm gián điệp.

Thuật sĩ 2 người, lợi dụng quý thần làm điều giả dối để mê hoặc lòng dân.

Phương sĩ 2 người, rành về thuốc men, trị lành bệnh và thương tích.

Pháp toán 2 người, lo việc kế toán trong ba quân, xuất nhập vật dụng, doanh trại, lương thực, tiền của".

Thiên thư hai

LUẬN TƯỚNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép luận tướng như thế nào?"

Thái Công đáp: "Tướng có năm điều hay và mười điều lợi".

Võ Vương hỏi: "Xin hỏi về từng mục".

Thái Công đáp: "Năm điều hay là dũng, trí, nhân, tín, trung. Dũng

thì không thể xâm phạm. Trí thì không thể rối loạn. Nhân thì hay thương người. Tín thì không dối trá. Trung thì không ở hai lóng.

Mười điều lợi là :

Dũng mà coi thường cái chết. Gấp mà trong lòng vội vã. Tham mà ham lời. Nhân mà không nỡ giết người. Trí mà nhút nhát. Tín mà hay tin người. Liêm mà không thương người. Trí mà chậm chạp. Cương mà chỉ theo ý mình. Nhu mà hay nghe người.

Dũng mà coi thường cái chết thì bị hại. Tham mà ham lợi thì sơ suất. Nhân mà không nỡ giết người thì sinh phiền nhiễu. Trí mà nhút nhát thì bị khốn đốn. Tín mà hay tin người thì bị lừa gạt. Liêm mà không thương người thì bị khinh nhờn. Trí mà chậm chạp thì bị đánh úp. Cương mà chỉ theo ý mình thì thành tai hại. Nhu mà hay nghe người thì bị chèn ép.

Nên việc binh là việc trọng đại, là đạo mحت còn của một nước. Mệnh ở trong tay của người tướng nên tướng là người phò tá nước nhà mà xưa kia các bậc tiên vương vốn rất coi trọng. Khi phong người làm tướng không thể không xét kỹ.

Cho nên thường nói rằng, binh không thắng hai lần, cũng không thua hai lần, không mất nước thì cũng bị mất tướng tàn quân".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên Thủ ба

TUYỂN TƯỚNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi vua cử binh, muốn tuyển chọn anh hùng, làm sao phân biệt tài cao thấp của kẻ sĩ?".

Thái Công đáp: "Diện mạo kẻ sĩ thường không giống với suy nghĩ bên trong".

- Có người nghiêm mà không hiền.
- Có người hiền mà trộm cắp.
- Có người cung kính bề ngoài mà trong lòng khinh người.
- Có người tỏ ra liêm khiết mà không thật thà.
- Có người chung thủy mà bất nghĩa.
- Có người nồng hậu mà không thành tâm.
- Có người giỏi mưu mà không quả quyết.

- Có người quá cảm mà không tài năng.
- Có người thật thà mà không tin được.
- Có người hốt hoảng mà trung trực.
- Có người quỷ quyết mà làm nên công.
- Có người ngoài dạn mà trong nhát.
- Có người trang nghiêm mà dễ dãi.
- Có người quát tháo mà bình tĩnh.

- Có người hình dáng xấu xa, nhưng khi ra ngoài thì ngang dọc vây vùng, không có gì mà không làm được. Thiên hạ khinh thường mà thành nhân quý trọng. Người thường không thể biết nếu không là bậc cao minh thì không nhìn thấy điều này. Đây là diện mạo kẻ sĩ, không giống với suy nghĩ bên trong.

Võ Vương hỏi: "Làm sao mà biết được?"

Thái Công đáp: "Có tám cách để biết"

- Một là dùng lời mà hỏi để xem xét cách ăn nói.
- Hai là cố tình trách móc để xem sự đổi thay.
- Ba là cho biết âm mưu để xem lòng thành thật.
- Bốn là thăm hỏi rõ ràng để xem đức độ.
- Năm là sai khiến bằng tiền để xem tính thanh liêm.
- Sáu là thử sắc đẹp để xem sự trinh khiết.
- Bảy là cho biết khó khăn để xem lòng can đảm.
- Tám là chuốc rượu cho say để xem thái độ.

Thử bằng tám cách này thì phân biệt được kẻ ngu người hiền".

Thiên thứ bốn

LẬP TƯỚNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đạo lập tướng như thế nào?".

Thái Công đáp: "Khi đất nước lâm nguy thì vua rời khỏi chính điện, mời vị tướng vào mà dụ rằng "Xã tắc yên nguy, đều do nỗi tướng quân. Nay có nước Mô không thuần phục, mong tướng quân đem binh đồi phó".

Khi tướng đã nhận mệnh, vua sai quan Thái sứ xem xét thiên và ^{vận}, ăn chay ba hôm nơi Thái miếu, nghiên cứu linh quy, chọn ngày tốt để trao bùa riệu.

Vua vào trong miếu, đứng ở cửa bắc, cầm lưỡi búa trao cho tướng mà nói rằng "Từ nay trở đi, mọi việc trên đời đều do tướng quân định đoạt.

Rồi cầm cán trao lưỡi búa cho vị tướng mà nói rằng: "Từ nay trở đi từ mặt đất đến vực thẳm đều do tướng quân chế ngự. Thấy địch yếu thì tiến, địch mạnh thì dừng, không vì quân đông mà khinh địch, chớ vì nhận mệnh mà phải chết. Đừng cho mình cao quý mà khinh người, không độc đoán mà phản bội lòng dân, cũng không nên cho lời của mình là đúng. Quân chưa ngồi thì không ngồi, quân chưa ăn thì không ăn, cùng chung cảnh ấm no đói rét, như thế thì sĩ tốt sẽ chiến đấu quên mình".

Tướng nhận mệnh xong bái tạ ân vua mà đáp rằng: "Thần nghe nói, nước không thể trị từ bên ngoài, quân không thể trị từ bên trong. Kẻ có hai lòng không thể thờ vua, người nhút chí không thể đánh giặc. Nay thần đã chịu mệnh vua, nắm trọn quyền uy lãnh đạo, thần không dám tham sống trở về, xin vua hạ lệnh cho thần, nếu vua không cho phép, thì thần không dám làm tướng".

Vua nhận lời, tướng bèn cáo biệt ra đi. Mọi việc trong quân ngũ đều không theo lệnh vua, mà tuân theo lệnh tướng. Gặp địch chỉ quyết chiến, chứ không có hai lòng.

Như vậy thì trên không có trời, dưới không có đất, trước không có địch, sau không có vua. Nên bậc tài trí mới có công giúp vua, người vú dũng mới gǎng sức dẹp giặc. Khí thế cao vút tận mây xanh, tiến nhanh như ngựa phi nước đại, quân chưa giao chiến mà địch đã đầu hàng.

Ngoài thiến thắng địch, trọng lập được công to, quan được thăng cấp, quân được ban thưởng, trăm họ vui mừng, không còn gặp cảnh tai ương. Do đó mà bốn mùa mưa thuận gió hòa, ngũ cốc phong phú, xã tắc yên vui".

Võ Vương nói: "Thật là hay lắm".

Thiến thứ năm

TƯỚNG UY

Võ Vương hỏi Thái Công: "Tướng lấy gì làm uy, lấy gì làm sáng, lấy gì làm rắn mà lệnh được thi hành?".

Thái Công đáp: "Tướng lây việc diệt lớn làm uy, thưởng nhỏ làm sáng, hình phạt làm răn mà lệnh được thi hành.

Nên giết một người mà ba quân run sợ thì phải giết. Thưởng một người mà vạn người đều vui thì nên thưởng. Việc giết quý ở chỗ không kể người cấp to, việc thưởng quý ở chỗ kể cả người cấp nhỏ. Giết đến quan đang có địa vị cao quý là phạt đến cấp cao nhất. Thưởng đến kẻ chăn trâu tẩm ngựa là thưởng đến tận kẻ dưới.

Phạt đến kẻ trên cùng, thưởng đến tận kẻ dưới là những việc làm tăng thêm uy quyền của người tướng vậy".

Thiên thư sáu

LỆ QUÂN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Trẫm muốn khiến cho ba quân, lúc công thành thì tranh nhau lên, khi đã chiến thì tranh nhau tiến, nghe chiêng khua mà giận, nghe trống đánh mà mừng thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Tướng có ba điều cần biết".

Võ Vương hỏi: "Xin hỏi từng mục".

Thái Công đáp: "Tướng mà mùa hè không cần quạt, mùa đông không mặc áo lông cừu, gặp mưa không che lợng, gọi là Lẽ Tướng. Làm tướng mà thân không giữ lễ, thì không biết được sự nóng rét của sĩ tốt.

Ra chốn hiểm trở, vào nơi sinh lầy, tướng phải đi trước, gọi là Lực Tướng. Làm tướng mà bản thân không lao lực thì không biết được sự cực khổ của sĩ tốt.

Quân đã yên nghỉ, tướng mới vào nhà. Cơm đều chín cả, tướng mới đến ăn. Quân không đốt lửa, tướng cũng không đốt. Gọi là Chỉ dục Tướng. Làm Tướng mà không ném qua cảnh cực khổ thì không biết được sự đói lo của sĩ tốt.

Tướng cùng sĩ tốt chung cảnh nóng rét, cực khổ, đói no thì khi nghe trống đánh ba quân đều mừng, nghe chiêng khua ba quân đều giận, gặp thành cao hào sâu, tên bay đá ném vẫn tranh nhau lên, đao kiếm giáp nhau vẫn tranh nhau tiến, không phải là họ thích bị thương vong, mà vì tướng biết đến cảnh ấm no đói rét, hiểu rõ sự lao khổ của họ".

Thiên thư bảy

ÂM PHÙ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, nếu trong ba quân chọt có việc hoãn gấp có thể có lợi, có thể có hại. Vua với tướng muốn thông báo nhau từ gần đến xa, tiếp ứng nhau từ trong ra ngoài, cung cấp nhu cầu cho ba quân thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Vua và tướng có thứ âm phù: (ám hiệu)

- Thứ đại thắng dài 1 thước
- Thứ giết quân bắt tướng dài 9 tấc
- Thứ chiếm đất hạ thành dài 8 tấc
- Thứ báo tin đuổi địch dài 7 tấc
- Thứ răn quân kiên thủ dài 6 tấc.
- Thứ xin lương thêm binh dài 5 tấc
- Thứ quân thua tướng mất dài 4 tấc
- Thứ bất lợi, chết quân dài 3 tấc

Những người nhận lệnh thi hành âm phù cần phải thận trọng, nếu việc trong âm binh bị tiết lộ thì người nghe kẻ nói đều bị giết.

Vua và tướng dùng tám thứ âm phù này để bí mật thông báo tin tức với nhau chứ không dùng lời nói câu văn.

Đây là một thuật để trong ngoài hiểu nhau, nên dù địch có thánh trí cũng không thể biết được".

Võ Vương: "Thật là hay vậy".

Thiên thư tám

ÂM THƯ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, vua và tướng muốn họp quân lại để hành sự, biến hóa vô cùng, hay mưu tính việc lợi trong khi địch bất trắc, như thế công việc rất nhiều mà âm phù không diễn tả được, đôi bên lại xa cách, không thể dùng lời nói thông tin với nhau, thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Khi có chuyện mất hay toan tính việc lớn thì nên dùng thư mà không dùng phù. Vua viết thư cho tướng, tướng viết thư hồi vua. Thư từ đều dùng cách hợp nhất phân chia, ba

người phát đưa mà chỉ một người biết, nghĩa là lây ý trong thư chia ra làm ba phần, giao cho ba người mang đi, nên không ai rõ được sự tình. Như thế gọi là âm thư, dù địch có thánh trí cũng không thể biết được".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thư chín

QUÂN THẾ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép công phạt như thế nào?"

Thái Công đáp: "Phải nhân sự biến động của địch giữa hai trận đánh mà phát ra thế kì chính vô tận.

Cho nên việc đến không cần bàn, dùng binh không cần bàn nhiều vì ít có thời gian, binh đã dùng thì hình dáng không thể thấy nó, chót đi chót đến, không ai chế ngự được. Đó mới là biết cách dùng binh.

Phàm việc binh hễ nghe thì bàn bạc, thấy thì mưu đồ, biết liệu chõ khó khăn, phân biện việc nguy hiểm. Nên người thiện chiến không chờ đến lúc dàn quân, kẻ khéo trị đã biết diệt trừ khi họa chưa xảy đến.

Người giỏi thắng địch, thắng từ lúc vô hình, khi ra trận không được giao chiến. Cho nên tranh thắng nơi trận mạc không phải là tướng giỏi, phòng bị khi đã mất không phải là bậc thánh, dạy dỗ như mọi người không phải là bậc thánh, trị giống như mọi người không phải là bậc quốc sư, tài nghệ như mọi người không phải là bậc quốc công.

Không gì lớn hơn là việc đã hoàn thành. Không gì khéo hơn là bình tĩnh hành động, không gì hay hơn là bất ngờ. Mưu không gì tốt hơn là kín đáo. Người thắng trước là kẻ đã thấy chõ yếu của địch rồi mới đánh, nên chỉ làm một nửa mà hiệu suất gấp bội.

Thánh nhân xem sự biến động của trời đất mà biết được giềng mồi, xét đạo âm dương mà tùy thế tùy thời. Trời đất đầy voi là lẽ thường, vạn vật sống chết là do hình tượng của trời đất, nên chưa thấy hình dạng mà đánh thì dù đông vẫn thua.

Người thiện chiến, săn có tinh thần bất khuất, thấy thắng thì khởi binh, không thắng thì dừng, nên mới nói rằng không sợ hãi mà cũng không do dự. Trong phép dùng binh, do dự là một điều tai hại nhất. Tai vạ trọng, ba quân, cung không, có gì hơn là hổ nghi.

Người thiện chiến, thấy lợi không thể mất, gấp thời không hổ nghi, vì để mất lợi thì sau phải gánh lấy tai ương.

Nên người có trí, tùy thời mà không bỏ lợi. Kẻ khéo tính, cương quyết mà không phân vân, như sấm không kịp che tai, chớp nhanh không kịp nhắm mắt, đi mau như sợ hãi, dùng binh như điên cuồng, ai ngăn thì phải vỡ, ai gần thì phải chết, không ai có thể chống cự.

Phàm tướng không nói mà giữ được là thần, không nhìn mà thấy được là minh (sáng). Nên biết đạo thần minh thì trong rừng không có giặc hoành hành, trước mắt không có nước đối lập".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thư mười

KÌ BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Điều quan trọng trong phép dùng binh như thế nào?"

Thái Công đáp: "Xưa kia, những người thiện chiến không phải đánh ở trên trời, cũng không phải đánh ở dưới đất, mọi việc thành bại đều do "thế" mà ra. Được thế thì thịnh, thất thế thì mất.

Thường giữa hai trận đánh, ta dàn quân cởi giáp cho sĩ tốt nghỉ ngơi, thi hành kế hoạch của trận đánh.

Đóng nơi cây cổ rậm rạp để có chỗ ẩn nấp, nơi hang sâu hiểm trở để ngăn xe chống kị binh, nơi núi rừng quan ải để dùng ít đánh nhiều, nơi ao đầm âm u để che giấu hình dáng, nơi đồng trống quang đãng để dùng sức tranh hùng.

Nhanh như tên bay, đạn bắn để phá chỗ tinh vi của địch, bày mưu ẩn núp, đem binh dẫn dụ để phá quân, bắt tướng. Chia tư xέ năm để phá thế vuông tròn. Khiến địch sợ hãi để dùng một đánh mười. Thừa lúc địch mệt để lấy mười đánh trăm.

Dùng kỹ thuật để vượt sông ngòi. Nỏ cứng giáo dài để đánh thủy chiến. Do thám quan ải, đột nhập nhanh chóng để chiếm áp hạ thành. Đánh trống ầm ĩ để dùng kẽ lạ. Mưa to gió lớn để đánh trước chặn sau. Giả làm sứ địch để chặn đường tải lương, giả mạo hiệu lệnh, ăn mặc như địch để phòng khi chạy trốn.

Lấy nghĩa mà đánh để khích quân thắng địch. Thắng, chúc trọng;

thường để khiến quân tuân hành. Nghiêm hình trọng phạt để răn quân lười biếng. Khi vui khi giận, lúc lấy lúc cho, khi vẫn khi võ, lúc nhanh lúc chậm để điều hòa ba quân trị người dưới trướng.

Ở nơi cao rộng để tiện việc phòng thủ, giữa chốn hiểm nguy để dễ bè cung cỏ, rừng núi rậm rạp để che dấu sự đi lại, lũy cao hào sâu lương đầy để cầm cự lâu dài.

Cho nên không biết mưu kế tấn công thì không thể nói là vô địch, không biết cách phân chia thay đổi thì không thể nói là li kì, không giỏi cách trị loạn thì không thể nói là ứng biến.

Nên mới nói rằng: "Tướng không có nhân thì ba quân không thân, tướng không có dũng thì ba quân không tinh nhuệ, tướng không có trí thì ba quân nghi ngờ, tướng không sáng suốt thì ba quân nghiêng ngửa, tướng không tinh vi thì ba quân lơ là, tướng không hay răn dạy thì ba quân không phòng bị, tướng không cương quyết thì ba quân bê trễ.

Cho nên tướng là tư lệnh của ba quân, có thể khiến ba quân yên, có thể khiến ba quân loạn. Tướng giỏi thì quân cường nước thịnh, tướng không giỏi thì quân suy nước mất".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ mười một

NGŨ ÂM

Võ Vương hỏi Thái Công: "Nghe âm thanh luật quản (nhạc cụ chế bằng ống trúc để làm tiêu chuẩn cho các âm thanh) có thể biết được tin tức của ba quân, có quyết định sự thắng bại hay không?".

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua thật là sâu sắc. Luật quản có mươi hai thứ, căn bản là ngũ âm: cung, thương, giác, chủ, vũ. Đây là những âm thanh chính, muôn đời không thay đổi, là chỗ thần diệu của ngũ hành mà cũng là lẽ thường của đạo.

Nhờ ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, ta có thể biết được địch và đồng cài hay của mỗi loại để tấn công họ.

Ngày xưa, Tam Hoàng, lấy sự khiêm nhường mà trị sự cứng cỏi, chưa có chữ nghĩa, chỉ dùng ngũ hành. Ngũ hành là đạo tự nhiên của trời đất, chia thành lục giáp thần diệu vô cùng.

Phương pháp áp dụng là nhân lúc trời trong sáng, không mây mù

mưa gió, nửa đêm đem quân đột nhập thành lũy địch, cách hơn chục
trăm bước, tay cầm luật quản, gào thét bên tai địch, trong âm thanh
kinh động xen lẫn tiếng quản nghe rất nhỏ.

Tiếng trổ âm giác (mộc) thì dùng bạch hổ (kim), trổ âm thủy (hỏa)
thì dùng huyền vũ (thủy), trổ âm thương (kim) thì dùng chu tước (hỏa),
trổ âm vũ (thủy) thì dùng câu trần (thổ). Tiếng quân chấm dứt không
trổ âm nào là cung (thổ) thì dùng thanh long (mộc), đây là âm hiệu ngũ
hành giúp cho chiến thắng, là cơ sở của sự thành bại".

Võ Vương nói: "Hay lắm"

Thái Công tiếp: "Khi nghe âm thanh khác lạ thì phải dò xét bên ngoài"

Võ Vương hỏi : "Làm sao mà biết?"

Thái Công đáp: "Trong khi địch kinh động thì ta để ý nghe. Nghe
tiếng trống là giác, thấy lửa sáng là chủy, nghe tiếng kim khí là
thương, nghe tiếng reo hò là vũ, im lặng không có tiếng động là cung.
Đây là âm hiệu của thanh sắc".

Thiên Thú mười hai

BINH TRUNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi chưa đánh nhau, ta muốn biết trước
sự mạnh yếu của địch, thấy trước cái điềm thắng bại thì phải làm thế
nào?".

Thái Công đáp: "Cái điềm thắng bại, có thể nhìn thấy ở tinh thần.
Người tướng sáng suốt biết xem xét, thì cái bại thuộc về người khác.

Cẩn thận là do sự ra vào tiến lui của địch, xem xét động tĩnh, lời nói
tốt xấu do binh sĩ địch tiết lộ.

Nếu ba quân vui vẻ, sĩ tốt tôn trọng pháp luật, tuân theo lệnh
tướng, lấy việc phá địch để cùng vui, lấy lòng dũng mãnh để phô tài,
lấy uy vũ để kính nhau, thì đây là điểm mạnh.

Nếu ba quân hay sợ hãi. Sĩ tốt không một lòng lấy địch mạnh dọa
nhau, đem điều bất lợi bảo nhau, kháo nhau không hết chuyện xấu,
mọi người bàn tán nghi hoặc lẫn nhau, không theo pháp luật, không
trọng tướng mình, thì đây là điểm yếu.

Nếu ba quân tề chỉnh, trận thế vững vàng, thành cao hào sâu, lại
được lợi khi mưa to gió lớn, ba quân chỉ cờ ra phía trước, tiếng chiêng,

vang, rất thanh, tiếng trống kêu rất rõ, thì đây là được sự giúp đỡ của thần linh, là điềm thăng lớn.

Nếu ra trận không vững vàng, cờ xí rối loạn quần lầy nhau, không lợi khi mưa to gió lớn, súng tốt kinh hãi, khí thế bị mất, ngựa chiến sợ chạy, xe bị gãy trục, tiếng chiêng thấp đục, tiếng trống khàn như bị thấm nước, thì đây là điềm thua to.

Phàm đánh thành vây áp mà trông thấy khí sắc trong thành như tro tàn thì thành ấy có thể đánh được, khí trong thành bốc về hướng Bắc thì thành ấy có thể lấy được. Bốc về hướng Tây thì thành ấy phải đầu hàng. Bốc về hướng Nam thì thành ấy không thể chiếm được. Bốc về hướng Đông thì thành ấy không thể đánh được. Bốc rồi lại bay vào là chủ tướng chạy trốn. Bốc lên rồi che trên quân ta thì quân ta mắc bệnh. Bốc lên cao mãi không dứt là phải chiến đấu lâu dài.

Khi đánh thành vây áp quá một tuần mà không mưa không sấm, thì phải bỏ đi ngay, vì trong thành đã có người trợ giúp.

Đây là điềm để biết trước có thể đánh được thì mới đánh, không thể đánh được thì thôi".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thứ mười ba

NÔNG KHÍ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi thiên hạ yên ổn trong nước vô sự, ta không cần tu bổ chiến cụ, không cần lo việc phòng thủ có được chăng?".

Thái Công đáp: "Những công cụ tấn công hay phòng thủ đều do công việc của con người.

Việc cây cối gây trở ngại cho ngựa đi. Xe cộ, ngựa, trâu là dinh luỹ, thuẫn, mộc. Dụng cụ cây bừa là bình khí, mâu, kích. Dù, nón, áo tơi là bình giáp che thân. Cuốc, mai, búa, cưa, chày, cối là vật dụng đánh thành. Trâu, bò, ngựa để vận tải lương thực. Chó, gà để canh phòng kẻ địch. Dàn bà dệt vải để làm cờ xí. Dàn ông san đất là đánh thành.

Mùa xuân sạch cỏ gai là đánh kị binh, mùa hè làm cỏ ngoài đồng là đánh quân bộ, mùa thu gặt lúa là dự trữ lương thực, mùa đông chất đầy kho chứa là để phòng thủ vững chắc.

Tổ chức hàng ngũ ở ruộng, vườn là tín hiệu gắn bó. Trong làng,

có viên chức, trong quan có hàng tướng soái. Quanh làng có tường rào ngăn cách là phân chia đội ngũ. Thu thóc, lấy cỏ, làm kho chứa. Xuân thu hai mùa sửa sang thành quách, tu chỉnh mương rạch để đắp chiến lũy.

Cho nên vật dụng dùng vào việc binh là đều ở công việc của con người. Biết chọn những công việc đó là người giỏi trị nước, nên phải khéo dùng các loại gia súc, khai khẩn đất đai, ổn định nhà cửa, đàn ông làm ruộng, đàn bà dệt vải. Đây là đạo khiến cho nước giàu quân mạnh".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

QUYẾN IV HỒ THAO

Thiên thứ nhất

QUÂN DỤNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi vua điều binh, các vật dụng trong ba quân, chiến cụ quân khí ít hay nhiều, có theo khuôn phép không?".

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua thật là lớn. Các loại chiến cụ quân khí đều có kích thước và số lượng riêng. Đây là cái uy lớn của nhà vua".

Võ Vương nói: "Xin được nghe về điều này".

Thái Công đáp: "Phàm chỉ huy đại binh, tướng và giáp sĩ hàng vạn người, theo phép phải dùng:

- Xe võ xung to 36 cỗ, quân giỏi nỏ cứng mâu kích yểm hộ hai bên, mỗi xe có 24 người đẩy. Dùng bánh xe tám thước, trên xe đặt cờ trống, binh pháp gọi là chấn hải, để phá trận kiên cố, đánh quân địch mạnh.

- Xe võ dục to 72 chiếc, quân giỏi nỏ cứng mâu kích yểm hộ hai bên, dùng bánh xe 5 thước, cột nỏ vào xe, để phá trận kiên cố, đánh quân địch mạnh.

- Xe đê dục nhỏ 140 chiếc, cột nỏ vào xe dùng bánh xe hươu, để phá trận kiên cố, đánh quân địch mạnh.

- Xe đại hoàng tham liên 36 cỗ, quân giỏi nỏ cứng mâu kích yểm hộ hai bên, sử dụng phi phù và điện ảnh. Phi phù là loại tên cát đổ cánh trắng, đầu bằng đồng. Điện ảnh là loại tên cánh xanh cánh đỏ, đầu bằng sắt. Ban ngày dùng lụa đỏ dài 6 thước, rộng 6 tấc làm dấu hiệu rực rỡ. Ban đêm dùng lụa trắng dài 6 thước, rộng 6 tấc làm dấu hiệu sao băng, để phá trận kiên cố, đánh quân bộ và kị binh.

- Xe xung kích to 36 cỗ, chờ vải võ sợi cảm tử, có thể xông pha ngang,

dọc, đánh xe quân nhu và kị binh, còn gọi là điện xa. Bình pháp gọi là điện kích để phá trận kiên cố, đánh bộ binh, kị binh tấn công ban đêm.

- Xe mâu kích nhẹ 160 chiếc, mỗi xe có 3 võ sĩ cầm tú. Bình pháp gọi là định kích, để phá trận kiên cố, đánh bộ binh và kị binh.

- Gậy sắt đầu vuông nặng 12 cân, chuôi dài 5 thước trở lên, 1.200 cây, gọi là thiên bối.

- Rìu to lưỡi dài 8 tấc, nặng 8 cân chuôi dài 5 thước trở lên. 1.200 cây, còn gọi là thiên việt.

- Búa sắt đầu vuông nặng 8 cân, chuôi dài 5 thước, 1200 cây, còn gọi là thiên chùy, để đánh bộ binh và kị binh.

- Phi câu dài 8 tấc, câu mang dài 4 tấc, chuôi dài 6 thước trở lên, 1.200 cây để khi phỏng thủ phóng vào quân giặc.

- Xe xung kích gỗ rộng 2 trượng, 120 chiếc còn gọi là hành mã, đi trên đất bằng, để bộ binh đánh quân xa và kị binh.

- Xe ủi gai góc, 2 thước 5 tấc, 120 chiếc để đánh bộ binh và kị binh.

- Muốn đuổi giặc thua chạy , dùng xe đoàn xung mâu kích 120 chiếc, xưa Hoàng đế đã dùng để đánh bại Sy-Vưu và quân bộ binh, kị binh.

Muốn đuổi giặc thua chạy, nơi ngõ đường mòn đặt chông sắt lưỡi nhọn 4 tấc, rộng 8 tấc, dài 6 thước trở lên, 1.200 cây, để đánh bộ binh và kị binh.

Phòng giặc thình lình kéo đến khiêu chiến trước khi trời tối, đặt lưỡi dao, chông 2 mũi và gai nhọn hình ngôi sao, rải rác khắp mặt đất, cách nhau 2 tấc, 12.000 cái.

Nơi đồng cỏ trống trải: đặt mâu ngắn cán vuông bằng sắt, 1200 cây, và mâu dài cán sắt cao 1 thước 5 tấc, để đánh bộ binh, kị binh.

Muốn đuổi giặc thua chạy thì ở nơi đường mòn ngõ hẹp đặt thiết giới phong tỏa 120 bộ, để đánh bộ binh, kị binh.

Muốn đuổi giặc thua chạy chống giữ cửa thành, dùng xe mâu kích nhỏ 12 chiếc, cột nỏ trên xe.

Khi ba quân phòng thủ, dùng phên tre nối thành 1 bộ, rộng 1 trượng 5 thước, cao 8 thước, 120 bộ.

Xe chống đao kiếm rộng 1 trượng 5 thước, cao 8 thước, 520 bộ.

Phi kiều 1 bộ để vượt hào sâu, rộng 1 trượng 5 thước, dài 2 trượng, trở lên, dùng ròng rã 8 bộ, cột dây kéo lên.

Phi giang 8 bộ, để vượt sông to rộng 1 trượng, 5 thước, dài 2 trượng trở lên, cột dây kéo lên.

Thiên phu 32 chiếc trong vuông, ngoại tròn, đường kính 4 thước trở lên, để nối liền với nhau.

Dặt phi giang lên thiên phu để vượt qua bể cản gọi là thiên hoàng hay là thiên hương (thuyền).

Dòng quân nơi rừng núi thì kết phiên che dinh, xung quanh có cọc sắt dài 2 trượng trở lên, 1.200 cây.

Dây to 4 tấc, dài 4 trượng trở lên, 600 sợi

Dây vừa 2 tấc, dài 4 trượng trở lên, 200 sợi

Dây nhỏ dài 2 trượng trở lên, 1.200 sợi.

Trời mưa dùng ván đậy xe rộng 4 thước, dài 4 trượng trở lên, mỗi xe dùng bằng cọc sắt.

Rìu to để chặt cây, nặng 8 cân, chuôi dài ba thước trở lên, 300 cây.

Kích bọc lụa đỏ lưỡi rộng 6 tấc, chuôi dài năm thước trở lên, 300 cây

Đồng trúc dài 5 thước trở lên, 300 cây.

Cào sắt chuôi dài 7 thước trở lên, 300 cây.

Chia sắt chuôi dài 7 thước trở lên, 300 cây

Chia sắt 2 ngạnh chuôi dài 7 thước trở lên, 300 cây. Liềm to phát cỏ, chuôi dài 7 thước trở lên 300 cây

Đầu to nặng 8 cân, chuôi dài 6 thước, 300 cây.

Cọc sắt dài 3 thước trở lên, 300 cây

Búa to nặng 5 cân, chuôi dài 2 thước trở lên 120 cây

Giáp sĩ 10.000 người. Nỏ cứng 6.000 chiếc. Kích thuẫn 2.000 bộ

Mâu thuẫn 2.000 bộ

Thợ giỏi để sửa chiến cụ, mài binh khí, 300 người.

Đấy là số lượng lớn về quân dụng để dùng vào việc binh".

Võ Vương nói: "Đúng thay".

Thiên thứ hai

TAM TRẬN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phàm dùng binh bày thiên trận, địa trận, nhân trận như thế nào?".

Thái Công đáp: "Mặt trời, mặt trăng, sao đầu sao tiêu, một bên trái, một bên phải, một đang trước, một đang sau, gọi là thiên trận.

Gi, đồng, sông, suối cung có lợi về đàng trước đàng sau, bên trái, bên phải gọi là địa trận.

Dùng xe, dùng ngựa, dùng văn, dùng võ gọi là nhân trận".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên Thú ba

TẬT CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi địch vây ta, cắt đứt phía trước, phía sau, chặn đường vận chuyển lương thực của ta thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Đây là quân ta bị nguy khốn. Dùng binh nhanh bạo thì thắng, chậm trễ thì thua. Trong tình trạng này, phải áp dụng tử võ xung trận. Dùng chiến xa và kị binh dũng cảm gây rối trong hàng ngũ địch, rồi thừa cơ đánh thật nhanh thì có thể tự do tung hoành".

Võ Vương hỏi: "Khi thoát khỏi vòng vây, ta muốn nhân dịp đó mà đánh thắng địch thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Quân bên trái đánh nhanh về phía trái, quân bên phải đánh nhanh về bên phải, không tranh giành đường đi với địch. Quân ở giữa thì thay đổi khi trước khi sau. Như thế, binh địch tuy đông, nhưng tướng có thể bỏ chạy".

Thiên Thú bốn

TẤT XUẤT

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, bị địch bao vây bốn mặt, chặn đường rút lui cắt đứt đường vận chuyển lương thực của ta. Quân địch đã đông, lương thực lại nhiều, ta rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm mà muốn thoát ra thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Cách để thoát ra là lấy khí giới làm quý, chiến đấu anh dũng làm đầu, biết rõ điểm yếu của địch và những chỗ không có người thì có thể thoát được.

Tướng sĩ cầm cờ đen, mang khí giới, ngậm hàm mai, chờ đêm đến đem hết sức

Tướng sĩ can đảm dàn hàng, ngang đi đầu, mở đường cho quân tiến

lên. Quân giỏi nỏ cứng làm phục binh đi sau, quân yếu và xa kỵ đi giữa. Dàn trận xong, rồi thông thả mà đi, cẩn thận để phòng, không nên sơ hở, cho xe vỗ xung đi trước và sau để chống cự, xe vỗ dực phòng vệ hai mặt phải, qua trái.

Nếu quân địch phát giác, thì tướng sĩ can đảm đánh nhanh về trước, quân yếu và xa kỵ theo sau, quân giỏi nỏ cứng mai phục một nơi để theo dõi, chờ địch đuổi đến thì nổ trống đốt lửa, đánh mạnh sau lưng như ở dưới đất chui lên: từ trên trời rơi xuống, ba quân chiến đấu mạnh mẽ thì địch không có thể chống lại ta".

Võ Vương nói: "Phía trước có sông to, hào rộng hố sâu, ta muốn vượt qua mà không chuẩn bị thuyền bè. Quân địch đóng đồn ngăn trước chặn sau, các nơi hiểm yếu đều có quân thường xuyên cảnh giới. Quân xa kỵ đón đánh phía trước, quân cảm tử đuổi đánh phía sau thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Nơi sông to, hào rộng, hố sâu quân địch thường không lưu ý phòng thủ, hoặc có phòng thủ thì quân cũng ít.

Gặp trường hợp này thì dùng thuyền để vượt qua, quân sĩ khỏe mạnh và tài giỏi, dưới sự chỉ huy của ta, cảm tử xông vào trận địch.

Trước phải đốt hết quân dụng, kế đến thiêu hủy lương thực, rồi nói rõ cho sĩ tốt biết nếu đánh mạnh thì sống, không đánh mạnh thì chết.

Khi ra khỏi thì ra lệnh cho quân phía sau nổ lửa canh phòng, ở những nơi có cây cổ gò mồ hiểm trở, quân xa kỵ địch ăn không dám đuổi theo quá xa. Vì có lửa làm dấu, nên ra lệnh cho quân chạy đến chỗ có lửa thì dừng, gọi là tử vỗ xung trận. Như thế, ba quân đều chiến đấu mạnh mẽ, không gì có thể ngăn cản được".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên Thú năm

QUÂN LUỢC

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, gặp khe sâu suối lớn, dòng nước hiểm trở, ba quân chưa qua hết thì có mưa to, dòng nước chảy xiết, phía sau không liên lạc được với phía trước. Ta không chuẩn bị thuyền bè, dưới nước cũng không có cây cối có thể giúp mình sang sông. Ta muốn vượt sông, thì làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Khi đem quân đi tác chiến mà tướng không tinh trước, khí giới không đầy đủ, huấn luyện không tinh tường, binh sĩ không thuần phục, như thế không phải là quân của bậc vua chúa.

Khi ba quân lâm chiến ai cũng phải biết sử dụng các loại khí giới. Đánh thành, vây áp thì có xe để đánh thành. Trước khi xung kích, muốn nhìn rõ trong thành thì phải có thang cao. Ba quân đi hay dừng thì phải có xe võ xung phòng thủ trước sau.

Gặp đường cùng ngõ hẹp thì phải có quân giỏi, nỏ cứng bảo vệ hai bên đường. Xây cát dinh lũy thì có lưới sắt phên tre, cỏ gai ngăn cản ngựa, ban ngày lên thang cao nhìn xa, dựng cờ ngũ sắc, ban đêm thắp hàng vạn ngọn đèn, đánh trống khua chiêng thổi kèn, vượt hào sâu thì có phi kiều, bừa, cuốc. Qua sông to thì có thuyền. Đi ngược dòng nước thì có cầu nổi. Ba quân có đầy đủ dụng cụ thì chủ tướng không còn lo gì nữa".

Thiên thứ sáu

LÂM CẢNH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Ta với địch đánh nhau ở biên cương, địch có thể đến chọc ta, ta có thể đến nơi được, hai bên đều dàn trận kiên cố, không ai dám đốc binh trước. Ta muốn tiến công địch, địch cũng có thể tiến công ta, thì phải làm sao?".

Thái Công đáp: "Chia quân ra ba nơi. Lệnh cho tiền quân đào hào đắp luỹ mà không ra, trương cờ xí đánh trống trận mà phòng ngự.

Lệnh cho hậu quân tích trữ lương thực, không để địch biết ý định của ta. Rồi sai quân tinh nhuệ len lỏi trà trộn vào trong dụ địch, đánh lúc họ không để ý, tiến công khi họ không phòng bị, địch không biết tình hình ta, nên không chống lại được".

Võ Vương hỏi: "Địch biết tình hình ta, rõ mưu kế ta, thám thính được sự việc của ta, đem quân tinh nhuệ mai phục nơi rậm rạp hiểm trở, đánh vào chỗ yếu của ta, thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Lệnh cho tiền quân ban ngày ra khiêu chiến làm cho địch mỏi mệt. Cho quân già yếu cầm cây, đánh trống, hò reo qua lại ở hai bên, không quá trăm bước.

Tướng địch sẽ phải mệt, quân địch sẽ phải sợ hãi, như thế

dịch sẽ không dám đến chờ ta, con ta có thể qua bên địch mà không bị ngăn cản, hoặc kích bên trong hoặc kích bên ngoài, ba quân đánh úp thật nhanh thì địch phải thua".

Thiên thứ bảy

ĐỘNG TỊNH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, chạm trán với địch, hai bên đang ghìm nhau, mạnh yếu đều ngang nhau, chưa ai dám đánh trước.

Ta muốn làm cho tướng địch sợ hãi, sĩ tốt của nó lo âu khi đi trận khí thế không vững vàng, phía sau chỉ muốn chạy, phía trước nhìn về phía sau, ta thừa cơ đánh trống reo hò, khiến địch bỏ chạy thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Như thế thì ta đem quân đánh địch mười dặm, mai phục hai bên sườn, cho quân xa kị vượt qua hai phía trước và sau quân địch chừng trăm dặm, dùng nhiều cờ xí và chiêng trống.

Khi đánh nhau thì nổi trống reo hò, tướng địch phải kinh hoàng, quân địch sợ hãi, không cứu được nhau, người sang kẻ hèn không đợi nhau thì địch phải thua".

Văn Vương hỏi: "Nếu địa thế địch khiến ta không thể mai phục hai bên, quân xa kị không thể vượt qua hai phía trước sau, địch biết ý ta nên đề phòng trước. Quân ta hoang mang tướng tá sợ hãi, không đánh thắng địch thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua thật là tê nhị. Như thế thì trước khi giao chiến năm ngày, cho quân xích hầu thám thính tin tức địch, để biết rõ nơi họ sẽ đến, rồi dàn quân phục kích đợi chờ, rồi dụ địch vào tử địa.

Ta tránh giao chiến với địch, đưa cờ xí ra xa hàng ngũ lỏng lẻo, địch ắt đuổi theo, ta bèn chống cự, đánh nhau một trận rồi bỏ chạy không ngọt khua chiêng, chạy được ba dặm thì quay lại, khi ấy phục binh nổi lên, hoặc vây hãm hai bên sườn, hoặc công kích hai phía trước và sau, ba quân đánh áp sát thật nhanh thì địch phải chạy".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thư lâm

KIM CỐ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, chạm trán với địch, gặp thời tiết quá lạnh, quá nóng, mưa dầm hết ngày này sang ngày khác. Hào luỹ đều hư, cửa ải không phòng thủ, quân xích hầu biếng nhác, sĩ tốt không cảnh giới. Ban đêm địch đến ba quân không đề phòng, trên dưới rối loạn thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Phàm trong ba quân, phải cảnh giác thật nghiêm ngặt, biếng nhác thì thua.

Ra lệnh cho quân trên thành, mọi người đều phải cầm cờ xí, dùng dấu hiệu để truyền lệnh mà không dùng lời nói. Tất cả đều hướng về bên ngoài, ba ngàn người lập thành một đồn, nhắc nhở nhau mỗi người phải giữ gìn cẩn thận chỗ của mình.

Nếu quân địch đến, thấy ta cảnh giới, thì cũng phải bỏ về, đã mệt sức lại nhụt chí, bấy giờ ta cho quân tinh nhuệ đuổi theo mà đánh".

Võ Vương hỏi: "Nếu địch biết ta đuổi theo mà phục binh tinh nhuệ, giả thua chạy qua chỗ phục kích rồi quay lại, hoặc đánh phía trước, hoặc đánh phía sau, hoặc đánh thành của ta. Ba quân sợ hãi rối loạn, mất cả trật tự bỏ chỗ của mình, thì làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Chia quân làm ba đội mà đuổi theo, đừng vượt qua chỗ phục binh của họ. Khi ba đội cùng đến, hoặc đánh hai phía trước sau; hoặc hâm hai bên sườn, hiệu lệnh rõ ràng, đánh nhanh đánh trước thì địch phải thua".

Thiên thư chín

TUYỆT ĐẠO

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, cầm cự với địch, địch chặn đường vận tải lương thực của ta, lại vượt qua hai phía trước và sau của ta.

Nếu ta đánh thì không thắng, mà thủ thì không giữ được lâu, vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Khi đi sâu vào đất địch, phải xét tình thế đất đai tìm chỗ tiện lợi, dựa vào núi rừng hiểm trở, có thể suối nước, cây cối

mà cũng có, phong thủ cần thận các nơi quan trọng, lại phải biết lợi thế của thành áp gò mà. Như thế thì quân ta vững vàng, địch không thể chặn đường vận tải, lương thực cũng không thể vượt qua hai phía trước và sau của ta.

Võ Vương hỏi: "Ba quân qua đồi cao đầm rộng hay chỗ đất bằng phẳng, quân ta bị thất lạc, đột nhiên giao chiến với địch, nếu đánh thì không thắng, mà thủ thì không vững. Địch bố trí hai bên sườn và vượt qua hai mặt trước và sau của ta khiến cho ba quân kinh sợ thì làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Phàm phép cầm binh, cách địch hai trăm dặm phải cho quân xích hâu đi trước để biết rõ địa thế bất lợi của địch, rồi đem xe và xung làm thành luỹ mà tiến lên.

Dặt hai cánh viện binh phía sau, cánh xa trăm dặm, cánh gần năm chục dặm, nếu có chuyện khẩn cấp thì trước sau có thể cứu nhau.

Ba quân luôn phòng bị vững chắc thì không bị tổn thất".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thư mười

LƯỢC ĐỊA

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi đánh thắng, tiến sâu vào chiếm đất địch gấp thành lớn không hạ được, lại có một đạo quân đặc biệt của địch đóng nơi hiểm yếu chống lại ta.

Ta muốn đánh thành vây ấp, chỉ e quân địch bắt chẹt kéo đến, trong ngoài liên kết vây đánh ta, khiến ba quân rối loạn, trên dưới sợ hãi, thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Phàm khi công thành xây ấp thì cho quân xa kị đóng đồn ở xa để cảnh giới và ngăn trở sự liên lạc giữa bên trong và bên ngoài. Nên bên trong hết lương bên ngoài không thể đưa vào, người trong thành sợ hãi thì tướng địch phải đầu hàng".

Võ Vương hỏi: "Nếu bên trong hết lương, bên ngoài không thể đưa vào, địch lén giao ước với nhau, mưu kế bí mật, ban đêm đưa quân cảm tử ra quyết chiến, quân xa kị tinh nhuệ xông thẳng vào trong trận ta, hoặc đánh từ ngoài vào khiến cho sĩ tốt hoang mang, ba quân tán loạn, thì làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Như thế thì chia quân làm ba phần, xem kỹ địa hình mà chiến đấu, dò xét nơi trú quân và thành luy địch, nhằm đó bố trí để nhử địch, đe phòng cẩn mật không để sơ hở.

Quân địch sợ hãi, nếu không chạy vào rừng núi thì chạy về áp lớn. Cho toán quân địch đi rồi, đem quân xa kị vượt lên đón phía trước dùng để họ trốn thoát.

Người trong thành tưởng là toán quân đi trước đã tìm được lối thoát, ắt cho quân giỏi ra theo, chỉ để lại binh sĩ già yếu. Khi ấy ta đem quân xa kị đuổi theo thật xa, khiến địch không dám ra nữa, nhưng tránh giao chiến với địch, mà chỉ bao vây phòng thủ bên ngoài để chặn đường vận lương của địch.

Không đốt đồ vật, không phá nhà cửa, không đắn cây cối, không giết kẻ đầu hàng, không hại người bị bắt. Chỉ thị điều nhân nghĩa, ban ân đức sâu rộng, lệnh cho quân dân địch biết là tội chỉ do một người, như thế thì thiên hạ sẽ yên phục".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thư mười một HỎA CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Đem quân vào sâu đất chư hầu, gấp nơi cỏ rậm um tùm bao phủ quanh ta bốn phía, đi vài trăm dặm thì người ngựa mệt mỏi phải nghỉ ngơi.

Địch thừa lúc trời nắng gió to, đốt lửa ở đầu gió, lại cho quân giỏi và xa kị phục sau lưng ta khiến ba quân sợ hãi, bỏ chạy tán loạn, thì phải làm thế nào?"

Thái Công đáp : "Như thế thì dùng thang mây và lầu cao để nhìn xa hai bên phải trái, quan sát hai phía trước và sau, thấy lửa cháy thì lập tức đốt phía trước cho cháy rộng ra và đốt luôn phía sau ta.

Nếu địch đến phía trước thì dẫn quân lui theo chỗ đất đen. Nếu địch đến phía sau, thấy lửa cháy ắt chạy trở về. Ta cứ tìm chỗ đất đen mà đóng, cho quân giỏi nỏ cứng bảo vệ hai bên phải trái và đất hai phía trước sau thì địch không thể hại ta được".

Võ Vương hỏi: "Địch đốt hai bên phải trái của ta, lại đốt cả hai phía

trước sau, khói mù che lấp quân ta, đại binh địch cũng tìm chỗ đất đen mà đến thì làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Như thế thì áp dụng tử vō xung trận, cùng xông ra bốn mặt, cho quân giỏi nỏ cứng bảo vệ hai bên phải trái, theo cách này thì không thẮng nhưng cũng không thua".

Thiên Thú mười hai

LUÝ HƯ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Làm thế nào mà biết được sự hư hay thực, việc đi hay đến trong thành luỹ địch".

Thái Công đáp: "Làm tướng phải trên rõ đạo trời, dưới rành địa lí giữa thông nhân sự, lên chõ cao trông xuống để quan sát sự biến động của địch, nhìn thành luỹ thì biết thực hay hư, xem sī tốt thì biết đi hay đến".

Võ Vương hỏi: "Làm sao mà biết?"

Thái Công đáp: "Nghe không có tiếng trống, tiếng chiêng, trông lên thành thấy nhiều chim bay lượn mà không sợ hãi, không thấy có hung khí, thì biết địch giả đặt người gõ.

Địch bỏ đi không xa, chưa ổn định quân thế mà quay trở lại, là họ dùng binh quá vội vàng. Vội vàng thì trước sau không theo thứ tự, mất thứ tự thì ra trận phải loạn.

Như vậy, ta mau đem quân tấn công, lấy ít đánh nhiều cũng thẮng địch".

QUYỂN V
BÁO THAO

Thiên thứ nhất
LÂM CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu gặp phải rừng rậm, ta và địch chia rừng ra chống giữ nhau. Ta làm thế nào để thủ thì kiên cố mà đánh thì chắc thắng?"

Thái Công đáp: "Cho ba quân của ta lập thành một đội, xung kích, chỗ nào tiện lợi thì đóng quân cung nỏ bên ngoài kích thuẫn ở bên trong. Chặt cây cỏ cho thật trống, để tiện đường đánh giặc của ta.

Chỗ cao cẩm cờ xí, nhắc nhở binh sĩ cẩn thận không để cho địch biết rõ tình hình của phép đánh giặc trong rừng thì phải cho quân sử dụng mâu kích xếp thành hàng ngũ, chỗ rừng thưa cho kị binh yểm trợ, chiến xa đặt ở đằng trước, thấy tiện lợi thì đánh, thấy không có lợi thì dừng.

Ở cánh rừng hiểm trở ắt phải bố trí một đội xung kích để phòng ngừa mặt trước mặt sau, quân ta phải đánh nhanh, quân địch tuy đông nhưng tướng địch ắt sẽ bỏ chạy, ta cho binh sĩ luân phiên vừa đánh vừa nghỉ. Mọi người phải đi theo đội ngũ của mình, ấy là phép đánh giặc trong rừng".

Thiên thứ hai
ĐỘT CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi quân địch tiến sâu vào nước ta xâm chiếm đất đai ta, lừa bắt trâu và ngựa của ta, quân địch lại đến bao vây

dưới chân thành ta, quân sĩ ta kinh hãi, nhân dân ta vĩ tiếc của cái nén bị địch bắt sống, như vậy làm thế nào để phòng thủ thì kiên cố mà đánh thì chắc thắng?"

Thái Công đáp: "Trường hợp này phải dùng đột binh, vì trâu ngựa không được ăn, binh sĩ hết lương thực. Nên phải đánh nhanh ở mặt trước, rồi ra lệnh cho các ấp xa xôi chọn quân sĩ tinh nhuệ đánh nhanh ở mặt sau, rồi tổ chức đánh địch ban đêm, quân ta tinh nhanh, địch tuy đông, tướng địch cũng có thể bị ta bắt sống".

Võ Vương hỏi: "Địch quân chia ra ba bốn mặt hoặc tiến đánh chiếm đất đai ta, hoặc dùng quân bắt trâu ngựa ta, đại quân của địch chưa đến đầy đủ mà cho những cánh quân ô hợp bao vây chân thành ta, khiến cho ba quân ta sợ hãi, như vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Ta phải quan sát cẩn thận, khi quân địch đến đầy đủ thì phải chuẩn bị chu đáo mà chờ địch đến. Cách thành 4 dặm cho xây chiến luỹ, chiêng trống cờ xí đều bày ở trên luỹ, các đội khác đặt làm phục binh. Trên chiến luỹ có đặt nhiều nỏ mạnh, cứ trăm bộ lại có một cửa đột kích, trước mỗi cửa đều có kị binh và chiến xa.

Các chiến sĩ tinh nhuệ, có sức mạnh và gan dạ mai phục một nơi. Nếu quân địch kéo đến cho khinh binh ra giao chiến rồi giả thua bỏ chạy, khi ấy ở trên thành treo cờ xí, đánh chiêng trống làm như cổ thủ, quân địch cho rằng quân ta thủ thành nên bao vây, lúc đó phục binh của ta xông ra đánh ở giữa, hoặc đánh ở bên ngoài, quân ta đánh nhanh, đằng trước, hoặc đằng sau.

Quân địch dù có liều lĩnh cũng không hề chống cự nổi, kẻ nhát gan cũng không kịp bỏ chạy.

Đó gọi là đột chiếm, quân địch tuy đông, tướng địch ắt sẽ bỏ chạy".

Võ Vương nói: "Hay lắm"

Thiên thứ ba

ĐỊCH CƯỜNG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu, quân ta và quân địch đương đầu nhau, địch đông ta ít, địch mạnh ta yếu. Nửa đêm quân địch kéo đến hoặc đánh bên trái, hoặc đánh bên phải, quân ta náo động, như vậy phải làm sao để đánh thì thắng mà thủ thi vĩnh chắc?".

Thái Công đáp: "Đó là quân địch uy hiếp quân ta, có lợi cho việc đánh chử không có lợi cho việc phòng thủ. Ta phải chọn lựa binh sĩ có tài, biết sử dụng nỏ mạnh, chiến xa và cưỡi ngựa, ra quân bên trái và bên phải, rồi đánh nhanh ở đàng trước và đánh gấp ở đàng sau, hoặc đánh ở bên ngoài, hoặc đánh ở bên trong. Như vậy binh sĩ địch ắt phải rối loạn, tướng địch ắt phải sợ hãi".

Võ Vương hỏi: "Quân địch án ngữ ở phía trước ta, đánh gấp ở phía sau ta, cắt đứt đường tiến quân của cánh quân tinh nhuệ ta, chặn đứng binh sĩ tài ba của ta, khiến quân ở trong và ngoài của ta không thể liên lạc với nhau, quân ta bị rối loạn, tan tác và bỏ chạy. Binh sĩ không có tinh thần chiến đấu, tướng suý và quan quân không quyết tâm chống giữ, như vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Câu hỏi của vua sáng suốt lắm! Vậy ta phải ra hiệu lệnh cho rõ ràng. Dùng những người dũng cảm tinh nhuệ và dám mạo hiểm, một người cầm đầu, hai người đánh trống, như vậy ta sẽ biết được chỗ ở của địch. Lúc ấy ta đánh vào bên ngoài hoặc bên trong, rồi ra ám hiệu cho tắt lửa và ngừng đánh trống. Trong và ngoài hợp lực đánh thật nhanh, quân địch ắt phải thua.

Võ Vương nói: "Hay lắm".

Thiên thứ bốn

ĐỊCH VŨ

(Đánh quân địch mạnh bạo)

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu bất thân gặp quân địch đông và mạnh, chúng dùng chiến xa và kị binh bao vây bên trái và bên phải ta, quân ta đều sợ hãi bỏ chạy không thể ngăn cản được, như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Như vậy gọi là bại binh rồi, phải khéo léo thì có thể thắng, nếu không khéo thì sẽ bị tiêu diệt".

Văn Vương hỏi: "Phải làm như thế nào?"

Thái Công đáp: "Ta phải bố trí lính tinh nhuệ, nỏ mạnh, chiến xa và kị binh ở bên trái và bên phải trước, sau cách nhau ba dặm. Khi quân địch đuổi ta thì cho chiến xa và kị binh xông ra đánh bên trái và bên

phải. Làm như vậy quân địch sẽ phải náo loạn, và quân bỏ chạy của ta cũng sẽ dừng lại.

Võ Vương hỏi: "Khi quân địch đương đầu với chiến xa và kị binh của ta, địch đông ta ít địch mạnh ta yếu, quân địch hàng ngũ chỉnh tề có trật tự và tinh nhuệ, quân ta không dám chống lại địch, như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Ta chọn binh sĩ tinh nhuệ dùng nỏ mạnh, mai phục bên trái và bên phải, chiến xa và kị binh đóng yên một chỗ, đợi đến khi quân địch đi qua chỗ phục binh của ta, cung nỏ bên trái và bên phải cùng lúc bắn ra. Lúc ấy chiến xa kị binh và tinh binh tiến đánh thật nhanh hoặc đánh đằng trước địch hoặc đánh đằng sau địch."

Quân địch tuy đông nhưng tướng địch sẽ bỏ chạy.

Võ Vương khen rằng: "Hay lắm".

Thiên Thú năm ĐIỂU VÂN SƠN BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chư hầu gấp phải núi đá cao vòi voi mà không có cỏ cây, bốn bề đều đương đầu với địch, ba quân ta sợ hãi, binh sĩ ta hoang mang, như vậy phải làm thế nào để thủ thì vững chắc mà đánh thì sẽ thắng?"

Thái Công đáp: "Khi đóng quân ở trên núi cao thì sẽ bị địch uy hiếp bao vây, khi đã chọn núi để đóng quân thì phải bày điểu vân trận. Theo cách thức bày trận, trận điểu vân thì phía dương và phía âm⁽¹⁾ cũng phải phòng bị hoặc đóng quân ở phía âm hoặc đóng quân ở phía dương. Nếu đóng quân ở phía dương thì lo phòng bị ở phía âm, nếu đóng quân ở phía âm thì lo phòng bị ở phía dương. Nếu đóng quân ở phía bên trái thì lo phòng bị ở phía bên phải, nếu đóng quân ở phía bên phải thì lo phòng bị ở phía bên trái. Như vậy quân địch chỉ có thể đánh phá ở phía bên ngoài của cánh quân phòng thủ mà thôi. Những con đường ăn thông đến hang động phải dùng chiến xa ngăn chặn. Cờ xí cắm ở trên cao nhắc nhở binh sĩ cẩn thận không để cho quân địch biết rõ tình hình của ta.

(1) Phía âm là phia không có ánh nắng rọi tới còn phia dương là phia có ánh nắng rọi tới.

Như vậy gọi là xây thành ở trên núi. Khi hàng ngũ đã đang hoảng, binh sĩ đã bày xong trận, pháp lệnh đã được thi hành, quân giá và quân chính quy đã được thiết lập. Tất cả đều lập đội xung kích ở bên ngoài núi. Chỗ đóng quân phải chia chiến xa và kị binh ra bày điểu vân trận rồi thúc quân đánh thật nhanh. Như vậy quân địch tuy đông, tướng địch có thể bị bắt sống.

Thiên Thú sáu

ĐIỀU VÂN TRẠCH BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn binh tiến sâu vào đất chư hầu: ta và địch gặp nhau tại con sông, địch giàu có mà chưa đồng, ta nghèo nàn mà binh ít. Ta muốn vượt sông đánh địch mà không thể tiến, muốn cầm cự lâu ngày mà không đủ lương thực. Chỗ ta đóng quân là nơi nước mặn đồng chua bốn bề không có làng mạc, lại không có cổ cây. Quân ta tìm không ra lương thực, trâu và ngựa của ta không có rơm cỏ để ăn. Như vậy phải làm sao?".

Thái Công đáp: "Ba quân ta không phòng bị, trâu ngựa không có thức ăn, binh sĩ không có lương thực, như vậy phải tìm cách đánh lừa địch để bỏ đi ngay, và phải đặt phục binh ở đằng sau".

Võ Vương hỏi: "Ta không đánh lừa được địch mà binh sĩ ta lại hoang mang, địch đánh phía trước và phía sau ta. Ba quân ta tán loạn thua chạy. Như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Ta tìm lối thoát là chính, dựa theo tình hình địch mà sử dụng một cách khéo léo".

Võ Vương hỏi: "Quân địch biết rằng ta có đặt phục binh. Nên đại quân của chúng không dám vượt sông mà chỉ cho những toán nhỏ qua sông. Quân ta thấy vậy rất lấy làm sợ hãi. Như vậy phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Nếu như vậy ta phải chia ra làm nhiều toán xung kích, chọn chỗ tiện lợi mà đóng quân. Đợi những toán quân nhỏ của địch sang đến bên này bờ sông thì ta cho phục binh đánh nhanh ở phía sau. Nỏ mạnh ở bên trái và bên phải cùng lúc bắn ra. Chiến xa và kị binh lập thành trận điểu vân lo phòng bị ở trước và ở sau. Quân ta đánh thật nhanh, quân địch thấy quân ta tiến đánh ắt họp đại binh lại để vượt sông. Khi đó ta cho phục binh đánh nhanh ở phía sau, chiến xa và kị binh tiến đánh bên trái và bên phải. Quân địch tuy đông, tướng và kị binh tiến đánh bên trái và bên phải. Quân địch tuy đông, tướng

của địch cũng sẽ bỏ chạy. Điểm quan trọng của việc dùng binh là trong khi làm chiến với địch phải tuy nghỉ mà đặt xung trận và coi chô nào tiện lợi thì đóng quân rồi sau mới chia kị binh ra thành lập điểu vân trận. Đó là điều đặc biệt của việc dùng binh. Gọi là điểu vân tức là điểu tan vân hợp (chim bay tản ra và mây tụ hợp lại)".

Võ Vương khen: "Hay lắm".

Thiên Thủ bảy

THIẾU CHÚNG

Võ vương hỏi Thái Công rằng: "Ta muốn dùng binh ít mà đánh binh đông, dùng binh yếu đánh binh mạnh, như vậy phải làm sao?".

Thái Công nói: "Muốn dùng binh ít để đánh binh đông thì phải đợi khi chiêu tối cho binh mai phục ở chỗ cỏ cây rậm rạp và đoạn đường hiểm yếu mà đánh địch. Còn muốn dùng binh yếu đánh binh mạnh thì phải được sự trợ giúp của nước lớn đối với các nước láng giềng".

Võ Vương hỏi: "Chỗ ta đóng quân không có cỏ cây rậm rạp lại không có những quãng đường hiểm yếu. Dịch không đến vào buổi chiều, ta lại không được sự giúp đỡ của nước lớn và các nước láng giềng. Như vậy phải làm thế nào?"

Thái Công đáp: "Ta dùng nghệ thuật đánh lừa để dụ dỗ chúng, làm cho tướng của địch phải nghi ngờ. Ta đi đường cong khiến cho địch phải đi qua chỗ cỏ cây rậm rạp. Ta đi đường xa, khiến địch phải gặp ta vào buổi chiều. Đánh vào lúc địch chưa kịp vượt sông. Hậu quân của địch chưa kịp xuất quân, thì ta cho phục binh đánh nhanh ở bên trái và bên phải.

Chiến xa và kị binh quấy nhiễu mặt trước và mặt sau của địch. Quân địch tuy đông, tướng địch cũng phải bỏ chạy. Sau đó ta phải giao hảo với nước lớn, nhún nhường đối với binh sĩ các nước láng giềng, dùng của cải dụ dỗ họ. Dùng lời lẽ khiêm nhường đối với họ, làm như vậy ta sẽ được nước lớn và các nước láng giềng trợ giúp".

Võ Vương khen rằng: "Hay lắm".

Thiên Thủ tám

PHÂN HIỂM

Võ Vương hỏi Thái Công: "Khi dẫn quân tiến sâu vào đất chủ hau, gặp địch tại nơi hiểm trở, bên trái của ta là núi, bên phải là

sông. Bên phải của địch là núi, bên trái là sông. Dịch và ta chia vung; hiếm trớ mà chống cự nhau, phải làm sao để thủ thi vung, chắc mà đánh thì sẽ thắng?".

Thái Công nói rằng: "Đóng quân bên tả núi thì phòng bị bên hữu núi, đóng quân bên hữu núi thì phòng bị bên tả núi. Chỗ hiểm trớ có sông lớn không có thuyền thì dùng cầu nổi (thiên hoàng) để binh ta sang sông, xong phải mở rộng đường đất để tiện cho chiến đấu, đặt xe vũ xung ở trước và sau, nỏ mạnh bày ở hai bên, ra lệnh giữ kỹ các tuyến đường dùng xe vũ xung chặn các cửa hang, cắm cờ xí ở trên cao, như vậy gọi là xây thành bằng xe. Theo phép đánh giặc thì ở chỗ hiểm yếu phải đặt xe vũ xung ở phía trước và cỗ xe đại lồ dùng để yểm trợ. Binh sĩ tinh nhuệ và nỏ mạnh ở hai bên trái và phải có 3.000 người để đóng đồn và bày xung trận. Chỗ tiện lợi thì đóng quân. Tả quân ở bên trái, Hữu quân ở bên phải, Trung quân ở giữa, cùng lúc tiến đánh, đánh xong trở về đồn, thay phiên nhau vừa đánh vừa nghỉ, đánh đến khi nào thắng mới thôi".

Võ Vương khen rằng: "Hay lắm"

QUYẾN VI

KHUYẾN THAO

Thiên thứ nhất

PHÂN BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Các vua cầm ba quân đóng ở nhiều nơi, nếu muốn tập hợp quân lại để tuyên thệ và thưởng phạt thì phải làm cách nào?"

Thái Công đáp rằng: "Phàm phép dùng binh trong ba quân thì: Đại tướng phải định trước chiến địa và ngày giao chiến rồi mới chuyển hịch thư đến các tướng lĩnh hẹn thời hạn đánh thành vây áp. Thông báo cho các nơi biết rõ ngày đánh trận, ấn định thời giờ cụ thể. Sau đó, đại tướng cho lệnh đóng doanh trại, quét dọn sạch sẽ rồi đứng trước viên môn⁽¹⁾ chờ đợi các tướng lĩnh đến để theo dõi việc thực hiện giờ giấc của họ. Người đến trước giờ đã định thì khen thưởng, kẻ đến sau giờ ấn định thì xử chém. Như thế ba quân ở gần, xa đều khẩn trương đến dự, cùng nhau sống mái với quân thù".

Thiên thứ hai

VŨ PHONG

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phàm việc dùng binh, điều cốt yếu là phải có vũ xa, kiêu kị, tuyển chọn từng trận mà đánh, thấy có thể

(1) Viên môn: Ngày xưa bậc vua chúa đi tuần ở ngoài khi nghỉ chỉ để xe xung quanh làm hàng rào, chỉ để một lối ra vào hai bên để xe dốc xuống, càng xe chỉ lên trên để làm dấu hiệu nên gọi là viên (càng xe) môn.

đánh được thì đánh, vậy thì nào là có lính đánh được?

Thái Công đáp: "Phàm muốn đánh thì nên xem xét rõ ràng 14 biến động của địch. Thấy rõ được việc biến thì đánh ngay, như thế địch sẽ thất bại".

Võ Vương nói: "Có thể cho nghe 14 biến động đó chăng?"

Thái Công đáp:

- "1) Mới tụ tập thì có thể đánh
- 2) Người và ngựa chưa ăn thì có thể đánh
- 3) Thiên thời bất thuận thì có thể đánh
- 4) Chưa nắm vững địa hình thì có thể đánh
- 5) Bỏ chạy thì có thể đánh
- 6) Không phòng bị thì có thể đánh
- 7) Mỏi mệt thì có thể đánh
- 8) Tướng lìa xa sỉ tốt thì có thể đánh
- 9) Vừa vượt qua đoạn đường dài thì có đánh
- 10) Đang vượt sông thì có thể đánh
- 11) Đang bối rối thì có thể đánh
- 12) Đang đi trên đường hẹp có thể đánh, ngăn trở khó khăn thì có thể đánh
- 13) Đang rối loạn thì có thể đánh
- 14) Lòng dạ hoang mang thì có thể đánh".

Thiên Thủ ba

LUYỆN SĨ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Huấn luyện quân lính như thế nào?".

Thái Công đáp: "Trong quân ngũ có hạng người dũng cảm, mạnh khỏe không sợ chết và vui vẻ khi bị thương, xếp hạng người này vào một tốt⁽¹⁾ gọi là lính dám chém giết.

Có hạng người nhuệ khí cường tráng, dũng mãnh, xông xáo, xếp hạng người này thành một tốt gọi là lính phá trận.

(1) Một tốt gồm 100 người.

Có hạng người múa kiếm dài tuyệt vời, sử dụng kiếm như múa, xếp hạng người này vào một tốt, gọi là lính anh dũng tinh nhuệ.

Có hạng người sức lực to lớn, bền bỉ chống cự địch liên tục, có sức mạnh phá vỡ chuông trống, hủy diệt cờ xí địch, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính dũng mãnh.

Có hạng người vượt nỗi chõ cao, chạy được đường xa, nhẹ chân chạy giỏi, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính nhanh như cướp.

Có hạng người khi vương thần thất thế, quyết khôi phục để lập công, khôi phục giang sơn, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính quyết chiến đấu đến cùng.

Có hạng người là con em của các vị tướng tử trận, nên quyết trả thù cho vị tướng đó, xếp hạng người này lại một tốt, gọi là lính cảm tử.

Có hạng người chỉ sống nương tựa và bị đày đoạ bởi kẻ khác, nên muốn nhập ngũ để nêu cao thanh danh, hạng người này xếp thành một tốt, gọi là lính khích lệ.

Có hạng người bần cùng quẫn bách, nên phẫn nộ nguyện gia nhập quân ngũ để toại lòng hả dạ, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính bất tử.

Có hạng người phạm tội, nhưng đã hết hạn, giờ gia nhập quân ngũ để rửa sạch nỗi nhục, xếp hạng người này thành một tốt, gọi là lính may mắn được tuyển dụng.

Có hạng người có tài nghệ hơn người, có khả năng gánh vác đồ đạc nặng nề đi xa, hợp hạng người này thành một tốt, gọi là lính sẵn sàng chờ lệnh.

Sư sắp xếp và tập luyện các hạng quân này không thể không xét kĩ.

Thiên thư kín

GIÁO CHIẾN

Võ Vương hỏi Thái Công: "Hợp đồng đủ ba quân, nếu muốn sĩ tốt thao luyện về đạo giáo chiến thì phải làm thế nào?".

Thái Công đáp: "Phàm thống lĩnh ba quân có hiệu lệnh của trống chiêng khiếu quân sĩ chỉnh tề. Vị tướng phải nói cho quân sĩ quán triệt ba điều lệnh về thao diễn, ăn ở và phép biến đổi của cờ xí.

Phương pháp dạy chiến đấu là: Một người học đánh thành thạo thì dạy cho mười người, mươi người học thành thạo rồi dạy cho trăm người, trăm người học nén thì dạy cho ngàn người. Ngàn người học nén thì dạy cho vạn người. Vạn người nén thì dạy cho ba quân. Phép đại chiến khi học thành thạo thì tập hợp thành triệu người, nén có thể trở thành đại binh lập uy trong thiên hạ".

Võ Vương nói: "Thực là hay vậy"

Thiên thứ năm

QUÂN BINH

Võ Vương hỏi Thái Công: "Lấy xe đánh với quân bộ thì một xe đương đầu nổi với mấy quân bộ, mấy quân bộ đương đầu nổi với một xe, lấy quân kị đánh với xe, thì một xe đương đầu với mấy kị, mấy kị đương đầu nổi với một xe?"

Thái Công đáp rằng: "Xe là vây cánh của quân. Xe dùng để đánh phá những trận địa kiên cố của địch và dùng làm phương tiện lúc thua chạy. Kỵ dùng để dò xét tình hình, tiếp viện cho quân bại trận, cắt đứt đường tải lương của quân giặc. Cho nên nếu xe và kị chưa giao chiến với địch thì một xe không thể đương đầu được với một quân bộ. Tuy nhiên nếu quân đông lập thành trận địa thì ở địa thế dễ dàng một xe sẽ đánh được 80 quân bộ, 80 quân bộ sẽ đánh được một xe. Một kị sẽ đánh được 8 quân bộ, 8 quân bộ đánh được một kị. Một xe đánh được 10 kị, 10 kị đánh được 1 xe. Nếu ở địa thế hiểm trở, thì một xe địch được 40 quân bộ, 40 quân bộ địch được một xe. Một kị địch được 4 quân bộ, 4 quân bộ địch được một kị. Một xe địch được 6 kị, 6 kị địch được 1 xe, xe và kị là binh khí mạnh trong quân đội. 10 xe có thể đánh bại ngàn người, trăm xe đánh bại vạn người, 10 kị đánh bại trăm người, trăm kị đánh bại ngàn người. Đó là con số rất lớn".

Võ Vương hỏi: "Số lượng sĩ quan chỉ huy xe, kị và cách bày trận phải như thế nào?"

Thái Công nói: "Số sĩ quan chỉ huy xe thì cứ 5 xe đặt một trưởng trông coi, 10 xe đặt 1 lại, 50 xe đặt một suất, 100 xe đặt một Tướng. Cách đánh bằng xe nơi thế đất dễ dàng thì cứ 5 xe xếp thành một hàng ngang, dài 40 bộ, khoảng cách giữa hai xe là 10 bộ, khoảng cách

hai đội là 60 bộ. Đánh ở địa thế hiểm trở thì xe phải di chuyển theo đường, xa. Cứ 10 xe lập thành 1 tụ, 20 xe lập thành một đồn, trước sau cách xa 20 bộ, hai bên tả hữu cách nhau 20 bộ, khoảng cách hai đội là 36 bộ, cứ 5 xe đặt một Tướng trong coi, ngang dọc cách nhau 2 dặm, khi di chuyển cần giữ nguyên vị trí. Về số lượng sĩ quan trông coi kị thì 5 kị đặt 1 trưởng, 10 kị đặt một lại, trăm kị đặt một suất, 200 kị đặt một Tướng trông coi. Cách đánh ở thế đất dễ dàng thì 5 kị xếp thành một hàng trước sau cách khoảng 10 bộ, hai bên tả hữu cách nhau 4 bộ, hai đội cách nhau khoảng 50 bộ, cách đánh ở địa thế hiểm trở thì trước sau cách khoảng 10 bộ, tả hữu cách 2 bộ, khoảng cách 2 đội 25 bộ, 30 kị lập thành một đồn, 60 kị lập thành một bối, 10 kị đặt một lại trông coi, ngang dọc cũng cách xa 100 bộ, khi di chuyển đều phải giữ nguyên vị trí".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thủ sáu

VÕ XA SĨ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Việc tuyển xa sĩ phải làm sao?"

Thái Công đáp: "Phép tuyển xa sĩ thì nên chọn người dưới 40 tuổi trở xuống, cao từ thước rưỡi trở lên, chạy nhanh có thể đuổi kịp loài ngựa, đồng thời có thể di chuyển nhanh chóng tới trước, sau, phải, trái, trên cao, dưới thấp và xoay vòng hay quần được còng xí trong người, có thể giương nổ loại nỏ nặng 8 thạch bắn tới trước, sau, trái, phải, mọi mặt đều tiện cho việc thực hành, được gọi là "lĩnh võ xa". Hạng người này không thể không hậu đãi".

Thiên thủ bảy

VÕ KỊ SĨ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Việc tuyển kị sĩ phải làm như thế nào?".

Thái Công đáp: "Cách tuyển kị sĩ là chọn người dưới 40 tuổi cao từ 7 thước 50 trở lên, thân thể tráng kiện, nhanh nhẹn hơn người. Có khả năng cưỡi ngựa nổ đi các mặt tiền, hậu, tả, hữu và xoay vòng, tiến

thoái vượt qua hào rạch; leo trèo dồi núi, mạo hiểm xông vào vùng hiểm trở, ngăn được đầm rạch lớn, điều khiển được kẻ địch mạnh, hiểm họa, ngăn được đám đông. Loại người này được gọi là "kị sĩ" không nhiễu loạn được đám đông.

thể không hậu đãi".

Thiên thứ tám

CHIẾN XA

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép đánh bằng chiến xa như thế nào?".

Thái Công đáp: "Quân bộ phải biết trước biến động, xe phải biết trước địa hình, kị phải biết trước đường xa lỵ. Phàm tử địa của xe thì có mười và thăng địa của xe chỉ có tám mà thôi".

Võ Vương hỏi: "Mười điều tử địa là gì?"

Thái Công đáp:

- "1) Đi được mà không về được là tử địa của xe
- 2) Vượt được đất hiểm trở, lấn được địch mà đi xa là kiệt địa của xe.
- 3) Tiến dễ dàng, sau hiểm trở là khốn địa của xe.
- 4) Bị rơi vào vùng hiểm trở khó mà thoát ra ngoài là tuyệt địa của xe.
- 5) Lúc xe lọt vào đầm trạch, bùn đất dính đầy xe là lao địa của xe.
- 6) Bên trái hiểm trở, bên phải dễ dàng, phía trên có gò đống mà xe phải leo dốc là nghịch địa của xe.
- 7) Lúc xe đi qua bãi ruộng cỏ mênh mông, phải vượt qua các đầm, ao sâu kín là thất địa của xe.
- 8) Xe ít đường di chuyển dễ dàng lại không đương đầu nổi với quân bộ là bại địa của xe.
- 9) Phía sau có hào lạch, bên trái có sông sâu, bên phải có dồi núi cao là hoại địa của xe

10) Xe di chuyển gấp lúc mưa đầm dề ngày đêm, mà luôn phải di chuyển, đường sá ngập lụt, vỡ lở, đằng trước không thể tiến, đằng sau không giải tỏa được, đó là hâm địa của xe.

Mười điều trên là tư địa của xe. Nếu tướng vụng về thường bị bắt, tướng sang suốt sẽ tránh khỏi".

Võ Vương hỏi: "Tám điều thăng của xe thì thế nào?"

Thái Công đáp:

"1) Phía trước phía sau trận địa địch chưa ổn định thì phải tiến công ngay.

2) Cờ xí rối loạn, người và ngựa xáo trộn thì tiến công ngay

3) Sĩ tốt chạy tán loạn, ở cả phía trước, sau, phải, trái thì phải tiến công ngay.

4) Trận địa không kiên cố, sĩ tốt hai mặt trước sau dựa dẫm lẫn nhau thì tiến công ngay.

5) Quân địch đi đến đằng trước thì ngờ vực, đến đằng sau thì hoảng hốt thì tiến công ngay.

6) Ba quân sợ hãi, buộc lòng nổi dậy một cách bất đắc dĩ thì tiến công ngay

7) Đánh ở địa thế dễ dàng mà trời tối, không giải vây được thì tiến công ngay.

8) Quân di chuyển đường xa, nên về muộn, trời tối mới cắm trại, quân lính hoang mang thì tiến công ngay.

Tám điều trên là đất thăng của xe. Vị tướng thông suốt mười điều hại, tám điều thăng thì dù địch có dùng hàng ngàn xe, hàng vạn kị bao vây tiến công thì trong vạn trận đánh, vị tướng đó cũng sẽ chiến thắng".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

Thiên thư chín

THIÊN KÝ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Phép đánh bằng chiến kỵ như thế nào?".

Thái Công đáp: "Đánh bằng chiến kỵ thì có mười lúc thăng, chín lúc bại".

Võ Vương hỏi: "Mười lúc thăng ra sao?"

Thái Công đáp:

"1) Lúc địch mới đến, thế trận chưa định hẳn, hai cánh quân tiền và hậu chưa hỗ trợ nhau được, ta đánh phá các chiến kỵ phía trước, đồng thời đánh hâm hai mặt tả hữu thì địch sẽ chạy ngay.

2) Lúc địch dàn trận đã chỉnh tề, kiên cố, sĩ tốt quyết đấu đến cùng, thì quân kỵ của ta phải sát cánh bên nhau, hoặc đuổi đi, hoặc đuổi lại, hành động nhanh như gió, mạnh như sấm sét, ngày cũng như đêm, thay cờ xí, đổi y phục thì quân ta ắt sẽ thắng.

3) Lúc địch bố trí trận địa chưa kiên cố, sĩ tốt chưa muốn đánh thì ta lấn hai mặt tiền, hậu của chúng, đón hai mặt tả hữu mà đánh, địch sẽ hoảng sợ.

4) Lúc chiêu về quân địch muốn về nghỉ ngơi, quân lính hoang mang, ta kẹp sát hai bên hông của chúng tiến đánh nhanh mặt sau, lấn chiếm cửa thành luỹ khiến địch không có lối vào, địch ắt sẽ bại ngay.

5) Lúc địch không có địa thế hiểm trở để phòng thủ kiên cố thì quân ta xâm nhập đuổi đánh chúng, cắt đứt đường tiếp tế lương thực thì quân địch sẽ bị đói.

6) Lúc ta đóng ở địa thế bằng phẳng dễ dàng, bốn mặt trông thấy địch, ta dùng xa kỵ để đánh phá, địch sẽ rối loạn ngay.

7) Lúc địch tháo chạy, sĩ tốt tán loạn, ta xuất binh và đánh kẹp hai bên hông chúng, hoặc chặn hai mặt tiền hậu, thì sẽ bắt được tướng địch

8) Lúc chiêu xế địch trở về, quân chúng đông nên rối loạn, ra lệnh cho 10 kỵ của ta lập thành đội, trăm kỵ hợp thành đồn, 5 xe lập thành một tụ, 10 xe hợp thành một quân, cắm cờ xí nhiều nơi, hoặc cắt đứt liên lạc giữa hai mặt tiền, hậu của chúng thì sẽ bắt sống được tướng địch.

Đó là mười lúc thắng của quân kỵ".

Võ Vương hỏi: "Chín điều bại như thế nào?"

Thái Công đáp:

"1) Phàm đánh phá địch bằng quân kỵ mà không thể phá trận, địch sẽ vờ thua chạy rồi dùng xa kỵ phản kích mặt sau của ta. Đó là bại địa của quân kỵ.

2) Lúc đuổi theo quân địch qua vùng hiểm trở, truy kích liên tục. Dịch sẽ phục ở hai bên hông ta, đồng thời cắt đứt mặt sau của ta. Đó là vị địa của quân kị.

3) Lúc có đường đi mà không lối về, không có ngõ ra, gọi là bị vây hãm vào gầm trời, dồn vào tử huyệt. Đó là tử địa của quân kị.

4) Lối vào hẹp, lối ra xa, địch yếu cũng có thể đánh được ta mạnh, địch ít cũng có thể đánh được ta đông. Đó là mạt địa của quân kị.

5) Lúc vào nơi khe núi lớn, hang sâu rùng cây um tùm. Đó là kiệt địa của quân kị.

6) Hai bên tả hữu có nước, mặt trước gò lớn, mặt sau núi cao, khi đánh nhau với địch quân ta ở giữa hai dòng nước, địch ở bên ngoài và trong. Đó là gian địa của quân địch.

7) Dịch cắt đứt đường tải lương của ta, đi mà không về được. Đó là khốn địa của quân kị.

8) Khi tiến vào nơi nước đục, đầm ao, tiến thoái lưỡng nan. Đó là hoạn địa của quân kị.

9) Bên tả có mương sâu, bên hữu có đồi núi cao thấp đều như bình địa, tiến thoái đều làm mồi cho địch. Đó là hâm địa của quân kị.

Chín điều trên là tử địa của quân kị, tướng sáng suốt thì có thể thoát khỏi. Tướng u muội thì sẽ bị thảm bại vậy".

Thiên Thú mười

CHIẾN BỘ

Võ Vương hỏi Thái Công: "Nguyên tắc đánh nhau giữa bộ binh và xa kị như thế nào?".

Thái Công đáp: "Nếu bộ binh và xa kị đánh nhau thì bộ binh phải dựa vào gò đống hiểm trở, dùng binh khí dài, cung nỏ mạnh đi trước, binh khí ngắn, cung nỏ yếu đi sau, lúc tiến lúc dừng. Xa kị của địch tuy đông, nhưng khi đến đã gặp trận tuyến kiên cố và đánh nhanh ở phía sau có quân tài giỏi và cung nỏ mạnh sẵn sàng chống trả".

Võ Vương hỏi: "Ta không có gò đống, cũng không có địa thế hiểm trở, khi địch kéo nhiều quân đến, xa kị đánh kẹp hai bên hông ta, đón

đánh hai mặt tiền và hậu của ta, quân ta khiếp sợ, thua chạy tan loạn thì phải làm sao?".

Thái Công đáp rằng: " Ra lệnh cho sĩ tốt ta đóng hàng rào gỗ, chông gai, đặt đội trâu ngựa đánh xông trận bốn mặt. Khi thấy xa kị địch sắp đến thì cho quân chôn chông gai, quốc đất thành hố sâu và rộng khoảng 5 thước (gọi là lồng) vòng qua sau, rồi cho người cầm hàng rào gỗ chặn xe địch để làm lũy. Nếu xe chúng chia làm hai, theo mặt trước và mặt sau ta mà lập đồn thì quân tài giỏi và cung nỏ mạnh của ta săn sàng trấn thủ hai bên hông, tả và hữu. Sau đó ra lệnh cho quân ta đánh nhanh, đánh liên tục không ngừng".

Võ Vương nói: "Thật là hay vậy".

THÁI CÔNG BINH PHÁP
THÁI CÔNG KHƯƠNG TỬ NHA
TAM LUỐC

THƯỢNG LƯỢC

Phép làm chủ tướng cốt là phải nắm lấy lòng dạ các bậc anh hùng, thường bỗng lộc cho kẻ có công, truyền bá được chí hướng của mình cho mọi người.

Cho nên: Nếu cùng ưa thích với mọi người thì chẳng có việc gì là không thành.

Nếu cùng oán ghét với mọi người thì chẳng có cái gì không thể phá đỗ.

Trị được nước, yên được nhà là được lòng người,

Làm cho nước mất nhà tan là mất lòng người.

Đối với hạng người hàm dưỡng chí khí trong lòng, ta đều nguyện cho họ được toại chí.

Sách *Quân Sám*⁽¹⁾ nói rằng:

Mềm trị được cứng, yếu trị được mạnh.

Kẻ mềm là có đức, kẻ cứng là giặc cướp.

Kẻ yếu là kẻ mà người ta giúp đỡ.

Kẻ mạnh là kẻ mà người ta đánh phá.

Mềm cũng có chỗ xây dựng được, cứng cũng có chỗ mà ta cấp thêm cho.

Yếu cũng có chỗ dùng được, mạnh cũng có chỗ gia thêm vào.

Kiêm bốn điều ấy mà chế biến cho thích nghi.

Đầu đuôi chưa thấy thì người ta chẳng có thể biết. Trời đất và thần linh cùng với vạn vật mà dời đổi, biến động vô thường. Nên phải theo địch mà chuyển hóa, chẳng theo việc trước (chẳng noi theo việc đã qua), phải vận động mà tùy theo cơ hội.

Cho nên việc bình trị có thể mưu đồ vô giới hạn, giúp nêu thiên uy, sửa trị tám cõi được tốt lành, định yên chín rợ được mật nhém, mưu tính như thế là thầy của bậc Đế Vương.

Cho nên mới nói rằng:

(1) Sách ghi chép những kinh nghiệm về quân sự.

Chẳng có ai mà không tham mạnh, ít có ai mà giữ được điều nhỏ nhặt.

Vì bằng giữ được điều nhỏ nhặt, thì có thể bảo toàn được sinh dân.

Thánh nhân giữ điều nhỏ nhặt ấy để đối ứng với việc đời và cõi trời.

Buông điều nhỏ nhặt ấy ra thì đầy bốn biển.

Thâu tóm nó lại thì không đầy một chén.

Chứa trữ nó mà không cần nhà cửa,

Giữ gìn nó mà không cần thành quách.

Dấu nó trong lòng mà nước địch phải hàng phục.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Mềm được, cứng được thì nước nhà càng sáng láng.

Yếu được, mạnh được thì nước nhà càng rực rõ.

Mềm yếu, yếu mãi thì nước nhà ắt bị cắt xén.

Cứng mãi, mạnh mãi thì nước nhà ắt bị mất.

Cái đạo trị nước là nhờ cậy vào người hiền và dân chúng, tin người hiền như lòng dạ, sai khiến người dân như tay chân thì chính sách sẽ không thiếu sót, nếu sự thích nghi giống như tay chân và thân thể nối liền nhau, các khớp xương giúp nhau thì đạo trời lưu hành tự nhiên và sự xảo diệu xảy ra thường xuyên.

Điều cốt yếu của việc binh và việc nước là xét lòng dạ của dân chúng để thi hành trăm việc:

Ai nguy khốn thì làm cho họ yên ổn;

Ai lo sợ thì làm cho họ vui vẻ;

Ai phản bội thì làm cho họ quay về

Ai bị tội oan thì làm cho họ thỏa nguyện;

Ai kêu nài thì nên xét;

Kẻ thấp nêu quý;

Kẻ mạnh nêu ức chế;

Ai chống đối thì giết đi

(Đó là 8 phép trị dân)

Ai tham thì cho họ đầy đủ;

Ai có điều thèm muốn thì dùng họ;

Ai sợ hãi thì che dấu họ;

Ai có mưu kế thì ở gần họ;

Ai dèm pha thì lật đổ họ;

Ai nói xấu thì trả điều xấu về họ;
Ai phản phúc thì bỏ đi;
Ai ngang ngược thì kiềm tỏa lại;
Ai tự mãn thì làm tổn hại họ;
Ai thuận theo về thì vời họ lại;
Ai theo ta thì nuôi sống họ;
Ai về hàng ta thì giải thoát họ.

(Đó là 12 phép trị tướng)

Được chố vững thì giữ;
Được chố hiểm thì ngăn chặn;
Được chố khó thì đóng đồn;
Được thành thì cắt cho tướng giữ;
Được đất thì phân chia cho người ở;
Được cửa thì chia dùng.

(Đó là 6 điều xử trí khi thắng trận)

Địch hoạt động thì ta dò xét chúng;
Địch ở gần thì ta phòng bị;
Địch mạnh thì ta hạ chúng xuống;
Địch an nhàn thì ta phá rối chúng;
Địch xâm phạm thì ta chờ đợi;
Địch hung dữ thì ta bủa vây chúng;
Địch trái đạo thì ta lấy điều nghĩa mà thuyết phục chúng;
Địch hòa mục thì dẫn dắt chúng;
Lúc thuận lợi, ta kiềm tỏa chúng,
Nhân được thế, ta phá chúng;
Phóng lời nói qua trách lối chúng;
Bủa bốn mặt lưới mà vây chúng.

(Đó là 8 cách đối phó với giặc)

Được đừng cất,
Ở đừng giữ,
Đánh thành đừng chiếm lâu,
Lập nên rồi chờ lấy dùng
Làm ra ắt là do ta,
Giữ gìn là do kẻ sĩ,

Như thế biết được đâu là điều lợi.

I Họ làm chư hầu,
Ta làm Thiên tử,
Khiến thành trì tự giữ gìn,
Khiến đất đai tự chiếm đóng.

(Đó là 4 phép chính trị)

Người đời có thể thờ cúng tổ tiên mà ít người có thể nhún nhường đối với kẻ dưới. Thờ cúng tổ tiên để gần gũi họ hàng, nhún nhường đối với kẻ dưới để làm vua.

Nhún nhường đối với kẻ dưới là chớ cướp đoạt thì giờ cày cấy trồng dâu nuôi tằm của họ, thu thuế ít thì sẽ không thiếu tiền của, ít việc dao dịch⁽¹⁾ khiến cho dân khỏi nhọc nhăn, ắt là nước giàu, nhà nhà vui vẻ, rồi sau chọn lựa sĩ phu để coi sóc, chăn dắt dân chúng.

Những người được gọi là kẻ sĩ chính là các bậc anh hùng vậy. Cho nên có nói: lôi kéo hết anh hùng thì nước địch phải khốn cùng.

Anh hùng là bậc lương đống của nước, thứ dân là nền gốc của nước. Dùng được các bậc lương đống ấy và tóm thâu cái gốc ấy thì chính sách được thi hành mà không ai oán thán.

Điều cốt yếu của phép dùng binh là chú trọng vào lễ nghi và cấp bổng lộc thật nhiều. Lễ nghi mà trọng hậu ắt là các bậc trí thức phải đến, bổng lộc mà nhiều ắt là các nghĩa sĩ phải coi nhẹ cái chết.

Cho nên cấp bổng lộc cho hiền sĩ thì đừng tiếc tiền của, ban thưởng cho kẻ có công thì đừng để chậm trễ, ắt là kẻ dưới tay sẽ thi đua với nhau, nước địch phải suy vi.

Về phép dùng người, muốn suy tôn người thì dùng tước vị, muốn chu cấp giúp đỡ cho người thì dùng tiền của, ắt là kẻ sĩ sẽ tự đến với mình; tiếp đãi người thì dùng lễ nghi, khích lệ người thì lấy điều nghĩa, ắt là kẻ sĩ phải liều chết.

Tướng súy ắt phải cùng sĩ tốt ném vị ngon chất bổ như nhau, chia sẻ an nguy với nhau, như thế sức cự địch càng tăng thêm nhiều, nhờ đó việc binh toàn thắng và việc cự địch được đầy đủ nhân do.

Ngày xưa khi bậc tướng giỏi dùng binh, có ai dâng bầu rượu "lao" liền sai ném xuống sông để cùng sĩ tốt uống chung một dòng nước ấy.

(1) Dao dịch: Việc công mà dân bắt buộc phải làm cho Nhà nước chớ lầm lẫn với "giao dịch" có nghĩa là đổi chác.

Một báu rượu "lao" không thể làm cho nước sông có mùi vị rượu thế mà si tốt trong ba quân nhớ cách đối xử ấy bèn quyết chết, coi cái mùi vị ấy như đã tới mình vậy.

Sách *Quân Sám* nói rằng:

Giếng của quân chưa đào xong, tướng không được kêu khát;

Màn của quân chưa giăng, tướng không được kêu mệt;

Bếp lửa của quân chưa thổi nấu, tướng không được kêu đói;

Mùa đông không được mặc áo dạ, mùa hè không được phẩy quạt, trời mưa không được trương lọng, đó gọi là lỗ nghi của bậc tướng súy.

Cùng sĩ tốt hưởng an ổn, cùng sĩ tốt chịu nguy khốn, cho nên sĩ tốt phải gắn bó với chủ tướng mà chẳng xa lìa, có thể sử dụng luôn luôn mà chẳng tỏ ra mệt mỏi, đó là lấy ân huệ chứa sẵn mà lo liệu để cho sĩ tốt sẵn sàng hợp nhất.

Cho nên có nói rằng: Chứa ân huệ không nhảm chán thì có thể lấy một người mà sử dụng được muôn người.

Sách *Quân Sám* nói rằng:

Tướng được uy quyền nhờ ở hiệu lệnh;

Đánh được toàn thắng nhờ ở quân chính;

Sĩ tốt khinh chiến (không sợ hãi việc chiến đấu) nhờ vâng mệnh trên.

Cho nên bậc tướng súy không rút lui mệnh lệnh đã ban xuống, thi hành việc thưởng phạt đúng đắn như trời như đất, nhờ thế có thể sai khiến người được, và sĩ tốt vâng mệnh trên có thể vượt biên cảnh.

Cầm quân, giữ thế là việc của tướng suý, sắp đặt mưu lược để thắng trận, đánh bại quân địch là việc của sĩ tốt.

Cho nên loạn tướng chẳng nên cho cầm quân, họ chỉ huy mà chẳng có thể khiến được quân chính phạt. Dánh thành mà chẳng hạ được thành, mưu đồ đánh áp mà chẳng lấy được áp, hai việc làm chẳng thành công ắt là sĩ tốt mỏi mệt; sĩ tốt mà mỏi mệt thì tướng ắt bị cô thế, sĩ tốt sẽ vi bội lệnh trên.

Dùng để giữ ắt không vững chắc, dùng để đánh phá ắt thua chạy, đó là binh già yếu. Binj mà già yếu, ắt là uy vũ của tướng không thi hành được; tướng mà không có uy vũ ắt là sĩ tốt sẽ coi nhẹ hình pháp; sĩ tốt mà coi nhẹ hình pháp ắt là quân sẽ mất hàng ngũ; quân mà mất hàng ngũ ắt là sĩ tốt sẽ bỏ trốn; sĩ tốt mà bỏ trốn ắt là địch sẽ thừa cơ lợi dụng; địch mà thừa cơ lợi dụng ắt là quân đội sẽ tan vỡ.

Sách *Quân Sám* nói rằng: Tướng giỏi thống suất quân đội thì suy

bụng mình ra để trị người, phán phát ân huệ cho kẻ dưới, làm cho sức chiến đấu của quân sĩ mỗi ngày một tân tới, đánh giặc như gió bão, phá thành như nước vỡ bờ, cho nên quân địch chỉ có thể giương mắt nhìn mà chẳng có thể đương đầu với ta được, chỉ có thể đầu hàng mà chẳng có thể thắng ta được; tướng suý tư dấn thân tiến trước người, cho nên binh ấy là binh mạnh bạo trong thiên hạ.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Quân lấy thưởng làm phép ngoài, lấy phạt làm phép trong.

Thưởng phạt sáng suốt thì uy vũ của tướng suý được thi hành.

Được quan lại có tài đức thì sĩ tốt sẽ phục tòng.

Biết dùng hiền sĩ thì nước địch phải sợ.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Hiền sĩ có thái độ thích hợp thì trước mặt không còn địch thủ.

Cho nên kẻ sĩ có thể hạ mình mà chẳng có thể kiêu căng.

Tướng suý có thể tỏ ra an vui mà chẳng có thể tỏ ra lo buồn.

Mưu kế nên nghiên cứu sâu xa kỹ càng, mà chẳng có thể trì nghi.

Kẻ sĩ kiêu căng ắt là người dưới không thuận.

Tướng suý lo buồn ắt là trong ngoài không tin cậy nhau.

Mưu kế mà trì nghi ắt là nước địch phán khởi, thừa cơ công phạt nước ta gây ra cảnh loạn lạc.

Tướng suý tượng trưng cho vận mệnh của nước nhà.

Tướng suý thường sắp đặt để được thắng thế thì nước nhà được yên định.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Tướng suý nên thường thanh, thường tĩnh,

Thường bình thản, thường chỉnh tề,

Thường nghe can gián, thường nghe xử kiện,

Thường thâu nạp nhân tài, thường lượm lặt lời hay lẽ phải.

Thường tìm hiểu phong tục trong nước, thường vẽ hình thế núi sông,

Thường nêu rõ hiểm nạn, thường sắp đặt các việc quyền biến trong quân đội.

Cho nên có nói:

Mưu trí của các bậc nhân hiền,

Điều lo tính của các bậc Thánh minh,

Lời nói của kẻ gánh củi,

Lời nói tại lăng miếu (triệu định),
Các việc hưng suy,
Là điều tướng suý nên nghe.

Tướng suý thường trông nom kẻ sĩ như khát nước ắt là chịu theo sách lược.

Tướng suý không nghe lời can gián, ắt là anh hùng sê li tán.

Không theo sách lược ắt là mưu sĩ sê bội phản.

Coi thiện ác như nhau ắt là công thần chán nản.

Tự chuyên ắt là người dưới sê đổ lối vào bề trên.

Tự khoe ắt là kẻ dưới ít muôn lập công.

Tin lời dèm pha ắt là lòng người li tán.

Tham của ắt là không cấm đoán được việc gian tham.

Mải mê việc thê thiếp ắt là sĩ tốt sinh ra dâm đãng.

Tướng suý có một điều lối kể trên ắt là quân sĩ không phục; có hai điều lối kể trên ắt là quân sĩ mất kỉ luật; có ba điều lối kể trên ắt nước nhà sê gấp tai họa.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Mưu kế của tướng suý cần giữ mật nhém.

Sĩ tốt cần phải chuyên nhất.

Đánh phá quân địch cần phải mau chóng.

Mưu kế của tướng suý được giữ bí mật ắt là manh tâm của kẻ gian tà phải chịu bế tắc.

Sĩ tốt chuyên nhất ắt là lòng quân đoàn kết.

Đánh phá quân địch mau chóng ắt là địch không kịp sắp đặt sự phòng bị.

Quân đội có đủ ba điều kiện ấy thì kế hoạch khởi bị địch chiếm đoạt.

Mưu kế của tướng suý tiết lâu ra ắt là quân đội mất ưu thế.

Bên ngoài dòm ngó vào bên trong được, ắt là tai họa không thể ngăn ngừa được.

Cửa cải vào dinh trại ắt là bọn gian tà tụ hội.

Tướng suý có ba điều lối kể trên thì quân đội phải bại trận.

Tướng không lo tính ắt là mưu sĩ sê bỏ đi.

Tướng không dũng cảm ắt là sĩ tốt nhát sợ.

Tướng hành động bừa bãi ắt là không được quân sĩ tôn trọng.

Tướng hay giận lây qua người khác ắt là tất cả quân sĩ kinh hãi.

Sách *Quân Sám* nói rằng:

Sự lo toan và lòng dũng cảm là việc trọng đại của tướng suy.

Hành động và thịnh nộ là việc thường dùng của tướng suy.

Bốn điều ấy là quy giới rõ ràng của tướng suý.

Sách *Quân Sám* nói rằng:

Quân đội không có tiền của thì kẻ sĩ không đến.

Quân đội không thưởng thưởng thì kẻ sĩ không lại.

Sách *Quân Sám* nói rằng:

Mồi thơm thả xuống ắt có cá chết.

Thưởng lớn ban xuống ắt có dung phu liều mình.

Cho nên ai dùng lễ nghi thì kẻ sĩ theo về.

Ai tướng thưởng công lao thì kẻ sĩ chịu chết cho kẻ ấy.

Chiêu nạp người theo về với mình, trọng đai người chịu chết cho mình, ắt là điều ước mong sẽ được toại nguyện.

Cho nên đã dùng lễ nghi (để mời về) rồi sau lại hối tiếc thì kẻ sĩ không lại.

Đã thưởng mà sau lại hối tiếc thì kẻ sĩ khó sử dụng.

Dùng lễ nghi và tướng thưởng mãi không thôi thì kẻ sĩ sẽ tranh nhau chịu chết cho mình.

Sách *Quân Sám* nói rằng:

Nước nào muốn dấy binh thì cốt yếu trước hết là phải thi ân.

Nước nào muốn đánh dẹp thì cốt yếu trước hết là phải nuôi dân.

Lấy ít mà thắng được nhiều là nhờ thi ân.

Lấy yếu mà thắng được mạnh là nhờ lòng dân.

Cho nên tướng giỏi nuôi nghĩa sĩ, chẳng khác gì nuôi thân thể của chính mình, do đó có thể khiến cho ba quân một lòng một dạ với mình, ắt là sự thắng lợi được hoàn toàn.

Sách *Quân Sám* nói rằng:

Điều cốt yếu của phép dùng binh.

Ất là trước hết phải quan sát tình hình quân địch.

Thăm dò kho lâm chứa lúa gạo và binh khí của địch.

Tính toán phỏng chừng số lương thực của địch.

Đoán biết các chỗ mạnh yếu của địch.

Xem xét tượng trời và thế đất.

Tìm những chỗ sơ hở của địch.

Khi nào làn da không có mẩn nhọt mà lại tiếp vận lương;
thực thi đó là do sự thiếu thốn, con nêu dân có sắc mặt xanh xao như
màu rau cỏ thì phải hiểu là dân chúng đã cùng khốn lầm rồi.

Chó lương từ ngàn dặm tới, quân sĩ có sắc đói, kiêm củi hái rau (hay là cắt cỏ) trước rồi mới thổi nấu sau, thì đó là những dấu hiệu cho biết rằng quân đội không đủ no.

Vận lương từ một trăm dặm tới mà không đủ ăn một năm, từ hai
trăm dặm tới mà không đủ ăn hai năm, từ ba trăm dặm tới mà không
đủ ăn ba năm, như thế là trong nước đã thiếu thốn.

Nước mà thiếu thốn thì dân nghèo, dân mà nghèo thì trên dưới
không thân mật với nhau, địch đánh bên ngoài, dân trộm cắp bên
trong, như thế chắc là phải đổ vỡ.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Trên mà hành động bạo ngược thì dưới sẽ chống đối gấp,
Thuế nặng thu nhiều, hình phạt tăng thêm mãi,
Dân sẽ bị tàn hại, nổi lên làm giặc cướp, ấy là mất nước.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Trong bụng tham lam, ngoài mặt làm ra vẻ liêm khiết,
Giả làm người tốt để lấy danh tiếng,
Trộm của công mà làm ơn cho người,
Nịnh bợ bề trên, cư xử bừa bãi đối với kẻ dưới,
Trang sức thân thể, dung nhan làm ra vẻ nghiêm chỉnh,
Để đoạt lấy chức quan cao,
Ấy là mối đầu sinh ra sự gian tà,

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Quan lại kết bè đảng,
Tất cả chỉ tiến dâng những kẻ thân thích,
Chiêu nạp và bảo cử những kẻ gian tà, cong vạy,
Kiềm chế các bậc nhân hiền,
Bỏ việc công làm việc tư,
Cùng chức vị mà chê bai nhau, ấy là nguồn gốc của mâu thuẫn.

Sách *Quân SáM* nói rằng:

Những tông phái mạnh tụ tập kẻ gian tà,
Kẻ chẳng có chức vị gì cũng được quý trọng,
Có uy quyền đến nỗi chẳng có gì mà không lay chuyển được

Nhưng bọn đưa nịnh câu kết với nhau,
Gieo đức thi ôn,
Chiếm đoạt luôn cả chức vị và quyền hành,
Xâm chiếm và khinh rẻ quyền lợi của dân đen,
Trong nước ôn ào huyên náo,
Các quan che dấu chẳng nói ra,
Ấy là gốc rễ của sự loạn lạc.

Sách *Quân SáM* nói rằng:
Đời đời làm việc gian tà,
Xâm nhập tới chốn huyện đường,
Tới lui đều mưu cầu điều tiện lợi riêng cho mình,
Đặt ra những lời văn ngoắt ngoéo, đùa giỡn châm biếm,
Để làm nguy hại tới uy tín của nhà vua.
Đó là kẻ gian trong nước.

Sách *Quân SáM* nói rằng:
Quan lại thì nhiều mà dân chúng thì ít,
Trên dưới đều ngang nhau, không ai hơn ai,
Kẻ mạnh, người yếu làm hại lẫn nhau,
Chẳng ai tuân theo lời ngăn cấm.
Điều tệ hại ấy lan dần đến bậc quân tử,
Thì nước phải chịu thiệt hại.

Sách *Quân SáM* nói rằng:
Mến người thiện mà không tiến cử họ,
Ghét người ác mà không phế bỏ họ,
Che dấu người hiền,
Người ngu ngốc thì được chức vị,
Như thế nước nhà phải chịu thiệt hại.

Sách *Quân SáM* nói rằng:
Cành và lá to mạnh,
Cũng như nhà Chu chiếm được uy thế (Nghĩa là ngọn mạnh gốc yếu).
Hạng ty tiện lấn lướt bậc tôn quý,
Phe đảng ấy càng lâu càng lớn dần,
Mà bề trên không nỡ phế bỏ,
Thì nước nhà phải chịu bại vong.

Sách *Quân Sâm* nói rằng:

Nịnh thần ở trên,

Trong, khắp quân đội đều có tranh tụng,

Tự tạo uy quyền cho mình,

Hành động trái ngược với quyền lợi của dân chúng,

Chẳng biết tới lui,

Thâu dụng và dung nạp các người tay chân một cách cẩu thả.

Tự ý dành các chức vụ,

Bày việc để khoe công,

Phỉ báng các bậc thịnh đức,

Thường bày chuyện vu oan cho người khác,

Không cần phân biệt người thiện kẻ ác,

Xem mọi người đều giống như mình,

Ngăn chặn sự thi hành các việc,

Ra mệnh lệnh chẳng thông,

Bày ra chính sách hà khắc,

Bãi bỏ các thông lệ cũ và bày ra các việc khác thường,

Nhà vua mà dùng người nịnh,

Ất là phải chịu họa ương

Sách *Quân Sâm* nói rằng:

Bọn gian hùng cùng tôn xưng lấn nhau,

Che lấp các việc sáng suốt của nhà vua,

Tiếng khen, lời chê cùng nổi lên,

Ngăn chặn sự nghe thấy của nhà vua,

Tất cả đều hành động theo lòng tư dục của mình,

Khiến cho nhà vua phải mất các trung thần.

Cho nên: nhà vua phải tìm hiểu những lời nói quái dị mới thấy rõ mầm móng;

Nhà vua thỉnh cầu các bậc nho hiền thì bọn gian hùng phải rời bỏ;

Nhà vua bổ nhiệm các bậc tuổi tác thì mọi việc đều giải quyết xong;

Nhà vua thỉnh cầu các bậc ẩn sĩ tại các chốn hang, động thì kẻ sĩ ấy mới thực có tài đức;

Mưu kế dùng tới kẻ gánh củi thì công nghiệp mới phơi bày ra.

Chẳng mất lòng người, đức mới tràn đầy.

TRUNG LƯƠC

Đời Tam Hoàng chẳng dạy bằng lời nói mà sự giáo hóa được lưu hành khắp bốn biển, cho nên trong thiên hạ không nơi nào dám nhận công nghiệp về phần mình.

Đời Ngũ Đế theo thể tượng trên Trời mà lập phép tắc dưới Đất, có nói, có truyền lệnh mà thiên hạ được thái bình.

Vua tôi nhường công cho nhau nên sự giáo hóa lưu hành bốn biển, trăm họ chẳng có thể biết được lí do ấy.

Cho nên sai khiến bề tôi mà lại không dùng lẽ và thường cho kẻ có công, điều ấy đẹp mà không có hại⁽¹⁾.

Bậc vua chúa dùng đạo để trị người, hàng phục tâm chí của người, đặt ra quy củ, phòng bị chố suy yếu, bốn biển cùng về với mình, chẳng bỏ vương chức, tuy có đủ giáp binh nhưng chẳng gặp nạn chiến tranh.

Vua chẳng nghi bề tôi, bề tôi chẳng nghi chúa.

Nước đã bình định xong, chúa được an lòng, bề tôi vì nghĩa mà lui thì cũng được dẹp mà không có hại.

Bậc bá chủ dùng quyền để trị kẻ sĩ, dùng đức tín để giữ kẻ sĩ, dùng phần thưởng để sai khiến kẻ sĩ. Đức tín mà suy giảm thì kẻ sĩ sẽ xa dần, phần thưởng mà thiếu sót thì kẻ sĩ không theo mệnh trên.

Sách *Quân Thế* nói rằng:

Khi xuất quân và khi đi đường, tướng suý được tự chuyên quyền.

Nếu nhà vua ở bên trong mà định đoạt việc tiến thoái của quân đội thì tướng suý khó mà thành công.

Sách *Quân Thế* nói rằng:

Phải biết sử dụng kẻ trí, kẻ dũng, kẻ tham, kẻ ngu.

Kẻ trí thích lập công.

Kẻ dũng thích thi hành cái của mình.

(1) Đối với kẻ có công, không dùng lẽ và thường. Như thế chỉ cho họ chức vụ và quyền hành.

Kẻ tham mong được lợi

Kẻ ngu không nghĩ đến cái chết.

Nhân theo chí khí và tình ý của người mà dùng họ, đó là sự quyền biến vi diệu của quân đội.

Sách *Quân Thế* nói rằng:

Chớ cho kẻ biện sĩ luận bàn về điều hay của quân địch, vì họ sẽ làm cho quân chúng hoang mang.

Chớ cho kẻ nhân giữ tiền của, vì họ thường bỏ thí nhiều cho kẻ dưới.

Sách *Quân Thế* nói rằng:

Cấm hạng thầy đồng tử, thầy bói không được bói toán cho các lại sĩ đến hỏi việc lành dữ về quân đội.

Sách *Quân Thế* nói rằng:

Muốn sử dụng nghĩa sĩ thì đừng dùng tiền của, cho nên kẻ có nghĩa chǎng vì kẻ bất nhân mà chết, kẻ có trí chǎng vì kẻ ngu tối mà lập mưu kế.

Bậc vua chúa không thể không có đức, nếu không đức thì bè tôi sẽ làm phản; bậc vua chúa không thể không có uy, nếu không có uy thì sẽ mất quyền thế.

Bè tôi không thể không có đức, nếu không có đức thì sẽ không biết lấy gì mà thờ vua; bè tôi không thể không có uy, nếu không có uy thì nước yếu, còn nếu có nhiều uy thì tự mình sẽ gặp nguy hiểm.

Cho nên Thánh vương trị thế, tùy theo thời thịnh suy mà quyền biến, đo lường sự được mất mà đặt ra phép tắc. Cho nên chư hầu thì có hai sư, phuơng bá thì có ba sư, Thiên tử thì có sáu sư.

Gặp đời loạn thì bọn phản nghịch sinh ra mà ân huệ của vua thì hết, ắt là có sự thù ước cùng nhau đánh dẹp.

Đức mà bằng nhau, thế mà ngang nhau thì không lấy gì mà khuynh đảo nhau được, bèn nắm lấy lòng dạ của hạng anh hùng, cùng yêu cùng ghét với họ, rồi sau dùng quyền biến thêm vào.

Cho nên nếu không có mưu kế, sách lược thì không lấy gì mà giải quyết sự ngờ vực; nếu không có mưu kế quý quyết, lạ lùng thì không lấy gì mà phá gian dẹp giặc; nếu không có kế hoạch kín đáo thì không thể thành công.

Thánh nhân theo thế tượng của trời, hiền nhân lập phép tắc dưới đất, bậc trí giả thì học theo xưa, vì thế cho nên ba sách lược được đặt ra cho đời suy.

Thượng lược bay ra lè thường, phân biệt kẻ gian hùng, sáp đất cược thành bại.

Trung lược so sánh đức hạnh hơn thua, xử đoán việc quyền biến.

Hạ lược trình bày việc đạo đức, xét việc an nguy, phê phán kẻ giặc, người hiền.

Cho nên bậc nhân chúa, hiểu rõ thượng lược ắt có thể bổ nhiệm người hiền, bắt giữ kẻ địch; hiểu rõ trung lược thì có thể ngự trị được tướng tá, thống lĩnh quân chúng; hiểu rõ hạ lược thì có thể biết nguồn gốc của sự thịnh suy, xử yên việc kỉ cương trong nước.

Bề tôi hiểu rõ trung lược ắt có thể làm trọn vẹn được công vụ, bảo toàn thân mình.

Khi con chim bay cao đã chết thì cung tốt phải cất giấu đi, nước địch đã diệt xong thì mưu thần phải mất. Mất đây chẳng phải là mất cái thân (chết), mà là đoạt cái uy, bỏ cái quyền, phong cho làm quan tại triều, cho ở địa vị cao nhất để làm sáng tỏ công nghiệp, cho ở trung châu, quản trị đất đai tốt lành để nhà trở nên giàu có, cho hưởng sắc đẹp, của quý để được vui lòng.

Nhóm đệ tử tay chân một lần đã tụ họp thì không thể phút chốc mà chia lìa, uy quyền một lần đã nắm giữ thì không thể phút chốc mà rời bỏ được.

Lúc lui quân, giải ngũ là bước còn mất, cho nên phải dùng địa vị để làm họ suy yếu, dùng đất đai, để đoạt uy quyền của họ, đó là sách lược của bậc bá chủ.

Cho nên việc làm của bậc bá chủ, luận tóm tắt lại là bảo tồn xā tắc, vây bọc anh hùng, đó là cái thế bài ra ở Trung lược cho nên chủ chốt của cái thế là sự bí yếu như vậy đó.

HẠ LƯỢC

Người có thể giúp thiên hạ trong cơn nguy biến ắt có thể giữ gìn sự bình yên cho thiên hạ; người trừ được điều lo cho thiên hạ, ắt có thể đem điều vui cho thiên hạ; người cứu được thiên hạ khỏi tai họa ắt có thể thu được điều phước về cho thiên hạ.

Cho nên ân huệ xuống tới dân chúng, thì người hiền theo về, ân huệ xuống tới côn trùng thì thánh nhân theo về.

Hiền nhân theo về thì nước mạnh, thánh nhân theo về ắt là sáu cõi⁽¹⁾ được dùng trọn vẹn.

Muốn cầu hiền nhân thì dùng đức, muốn tìm mời tới bậc thánh nhân thì dùng đạo.

Người hiền mà bỏ đi thì nước suy vi,

Thánh nhân mà bỏ đi thì nước sẽ gặp cảnh ngang trái (lộn xộn không yên ổn).

Sự suy vi sẽ dẫn tới cảnh nguy biến,

Sự lộn xộn sẽ dẫn tới cảnh mất nước.

Chính sách của người hiền là hàng phục người bằng hình thể (thấy được).

Chính sách của thánh nhân hàng phục người bằng đạo tâm (không thấy được).

Hàng phục bằng hình thể để mưu đồ việc đầu,

Hàng phục bằng đạo tâm để giữ gìn việc cuối.

Hàng phục hình thể thì dùng lễ, hàng phục tâm can thì dùng nhạc⁽²⁾.

Cái mà gọi là nhạc, chẳng phải là vàng, đá, tơ, trúc, mà là cái:

(1) Lục hợp (là trời, đất, đông, tây, nam, bắc).

(2) Nhạc ở đây có nghĩa rộng là sự điều hòa, thanh tịnh.

Làm cho người an vui về nhà cửa;

- Làm cho người an vui về họ hàng;

- Làm cho người an vui về nghề nghiệp;

- Làm cho người an vui về đô áp;

- Làm cho người an vui về phép nước;

- Làm cho người an vui về đạo đức.

Như thế bậc vua chúa bèn đặt ra nhạc để tiết chế lòng người, khiến cho khỏi mất sự điều hòa.

Cho nên bậc vua chúa có đức dùng nhạc để làm người vui, còn bậc vua chúa không có đức dùng nhạc để thân vui.

Làm người vui thì được lâu mà nước được vững bền, còn làm thân vui thì chẳng được lâu mà nước sẽ mất.

Bỏ việc gần mà lo việc xa thì lao nhọc mà chẳng thành công.

Bỏ việc xa mà lo việc gần thì nhàn rỗi mà chóng hết (không thành công lâu dài).

Thi hành chính sách nhàn rỗi thong thả thì có nhiều tôi trung.

Thi hành chính sách lao nhọc thì có nhiều dân oán.

Cho nên có nói:

Chỉ lo về đất rộng, thì đất sẽ bỏ hoang,

Chỉ lo về đức rộng, thì nước sẽ cường thịnh.

Thường có săn, thì cái có ấy được bảo đảm.

Tham lam cái có của người thì chóng hủy hoại.

Chính sách tàn hại cho đời phiền lụy và lo buồn.

Sự tạo tác quá mức mà cố gắng miên cưỡng làm cho thành công, ắt phải thất bại.

Bỏ lỗi cho mình mà đi dạy người là nghịch lí,

Sửa mình cho ngay thẳng mà cảm hóa người là thuận lí.

Việc thuận là cốt yếu của sự yên trị.

Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ, năm cái ấy thuộc về một thể chung.

Đạo là đường lối mà người ta bước theo,

Đức là cái mà người ta được nơi mình,

Nhân là cái mà người ta ưa gần,

Nghĩa là cái mà người ta nên làm,
Lẽ là cái thể thức hành động của người ta,
Những điều ấy rất cần thiết, không thể không có một điều mà
được.

Cho nên sớm dậy tối ngủ, đó là phép tắc của lẽ nghĩ.

Dẹp giặc báo thù là phán quyết của điều nghĩa,

Lòng trắc ẩn là sự phát biểu của điều nhân,

Được cho mình, được cho người, là đường lối thực hiện của cái đức.

Sai khiến người một cách đồng đều không sai lạc, đó là sự biến hóa
của đạo.

Việc sai khiến phát ra từ vua xuống tới bể tội gọi là mệnh.

Viết trên thẻ tre hay lụa thì gọi là lệnh.

Vâng chịu mà thi hành thì gọi là chính.

Mệnh mà mất thì lệnh không thi hành được.

Lệnh mà không thi hành thì chính sách không lập nên được,

Chính sách không lập được thì đạo không thông,

Đạo mà không thông thì gian thần thắng thế,

Gian thần thắng thế thì uy quyền của chúa bị tổn thương.

Từ ngàn dặm đến đón người hiền, con đường ấy thật là xa.

Còn đi tới người ngu, thì con đường ấy gần,

Vì thế bậc vua sáng suốt bỏ gần mà lấy xa, cho nên vua giúp bậc
thượng nhân hoàn thành công nghiệp mà kẻ dưới cùng sẽ hết lòng
làm việc.

Bỏ một người thiện thì số người thiện sẽ suy giảm,

Thưởng một người ác, thì các người ác sẽ chạy đến,

Người thiện mà được che chở giúp đỡ, người ác mà bị trù giết đi thì
nước nhà được bình yên và các người thiện sẽ đến.

Quần chúng mà nghi ngờ thì không bình định được nước.

Quần chúng mà lầm lạc thì không cai trị được dân,

Làm cho kẻ nghi ngờ được yên lòng, dắt người lầm lạc trở về
đường chính.

Thì nước bền trở nên yên ổn.

Một lệnh mà thi hành trái ngược thì trăm lệnh đều thất bại

Một điều ác mà thi hành thi trăm điều ác sẽ kết thành.

Cho nên việc thiện thi hành vào đám dân lành, việc ác tăng vào đám dân hung dữ thì lệnh được thi hành mà chẳng có oán hận.

Dùng oán thì để trị oán, điều ấy gọi là nghịch trời,

Lấy thù trị thù tai họa xảy tới không cứu vãn được.

Trị dân thì khiến cho bình yên, muốn được bình yên thì phải thanh tịnh, ắt là dân được vừa lòng mà thiên hạ được yên lành.

Kẻ xúc phạm bề trên mà được tôn trọng, kẻ tham lam bỉ lậu mà được giàu có, đâu có thánh vương cũng không thể trị yên.

Kẻ xúc phạm bề trên mà được trừ giết đi, kẻ tham lam bỉ lậu mà được câu thúc lại, ắt là sự giáo hóa được lưu hành, mà bọn ác sẽ tự tiêu diệt.

Đối với kẻ sĩ thanh bạch,

Không thể dùng tước lộc mà mời về được;

Đối với kẻ sĩ tiết nghĩa,

Không thể dùng uy quyền và hình pháp mà hiếp bách.

Cho nên việc vua sáng suốt đi mời bậc hiền tài, ắt phải xét rõ lí do mới có thể mời họ đến được.

Muốn mời kẻ sĩ thanh bạch thì trước hết phải tu chỉnh lễ nghi.

Muốn mời kẻ sĩ tiết nghĩa thì trước hết phải tu dưỡng đạo đức, rồi sau mới có thể đi đón mời, như thế danh dự được bảo toàn.

Bậc thánh nhân quân tử.

Hiểu rõ nguồn gốc thịnh suy,

Thông suốt mối thành bại,

Xét cơ trời trị loạn,

Biết được vận tiết đi về.

Tuy khốn cùng không bao giờ nhận chức vị trong một đám dân mất nước,

Tuy nghèo hèn không bao giờ ăn lúa của một nước loạn.

Kẻ giấu danh giữ đạo chờ thời cơ tới mà hành động, ắt là được địa vị quan đại thần tối cao, giữ đức hợp với mình ắt lập được công nghiệp

vì dài, cho nên nhỏ do nên đạo đức được thành cao mà danh tiếng vang lừng đời sau.

Bậc thánh chúa dùng binh chẳng phải vui thích, mà vì muốn trừ bạo dẹp loạn.

Lấy việc nghĩa để trừ việc bất nghĩa, cũng giống như mở thông sông, ngòi để tưới mát lửa đuốc⁽¹⁾ nhằm lúc bất ngờ mà xử cái vật đã muôn nghiêng đổ, thì sự thắng thế ấy át phải có vậy. Nếu chỉ thung dung điềm đạm mà chẳng chịu tiến hành thì sẽ làm tổn thương nặng nề tới người và vật vậy.

Việc binh là việc chẳng lành, đạo trời ghét nó, chỉ dùng nó vì cực chẳng đã mà thôi thì mới hợp đạo trời.

Người ta ở trong đạo cũng như cá ở trong nước, được nước thì sống mất nước thì chết. Cho nên bậc quân tử thường sợ sệt mà chẳng dám lìa đạo.

Hào kiệt mà nắm lấy chức vị thì cái uy của nước trở nên hèn yếu.

Quyền cho sống cho chết mà ở trong tay các hào kiệt thì cái thế của nước phải mất.

Các hào kiệt cúi đầu thì nước mới bền vững lâu dài,

Quyền cho sống cho chết ở trong tay vua thì nước mới yên định.

Đồ dùng của bốn hạng dân (sĩ, nông, công, thương) mà thiếu hụt thì nước không có của để dành,

Đồ dùng của bốn hạng dân mà đầy đủ thì nước sẽ an vui.

Hiền thần mà ở trong triều thì gian thần phải trực xuất.

Gian thần mà ở trong triều thì hiền thần phải chết.

Việc phân chia trong ngoài mà thi hành không dùng phép thì tai họa loạn lạc sẽ lưu truyền trong đời.

Bậc đại thần mà ngờ chúa thì bọn gian sẽ tụ tập,

Bề tôi mà giành chức vụ tôn quý của vua, thì trên dưới hôn ám, nhà vua mà làm công việc của bề tôi thì trên dưới mất vị thứ.

Làm tổn hại người hiền thì tai vạ lưu truyền tới ba đời,

Che giấu người hiền thì thân phải chịu tai hại,

(1) Dùng phương tiện lớn để làm việc nhỏ thì thành công quá dễ dàng.

Ghen ghét người hiền thì danh vị không được bảo toàn,
Cắt nhắc người hiền thì phúc lưu truyền cho con cháu.
Cho nên bậc quân tử gấp lo việc cắt nhắc người hiền nên công danh
tốt đẹp lại càng rực rõ thêm.

Lợi một phần mà hại trăm phần thì dân rời bỏ thành quách đang ở.
Lợi một phần mà hại muôn phần thì dân trong nước lo tính việc
phân tán.

Bỏ một mà lợi trăm thì người người cảm mến ân huệ mà theo về,

Bỏ một mà lợi vạn thì nền chính trị sẽ không rối loạn.

TƯ MÃ BÌNH PHÁP
TƯ MÃ ĐIỀN NHƯƠNG TƯ

QUYỀN THƯỢNG

Thứ nhất: Lấy điều nhân làm gốc

Thời xưa, người ta lấy điều nhân làm gốc, dùng điều nghĩa để sửa trị, đó gọi là chính pháp. Chính pháp thi hành không được vừa ý thì phải dùng phép quyền biến, mà phép quyền biến thì chỉ phát xuất từ chiến tranh, chứ không phát xuất từ đám người bình thường vô sự.

Bởi thế cho nên:

- Giết người mà yên được lòng người thì việc giết ấy nên làm;
- Đánh nước người mà thương dân người thì việc ấy nên làm;
- Dùng chiến tranh để ngăn ngừa chiến tranh, thì chiến tranh ấy là việc nên làm.

Cho nên:

- Đức nhân hiện ra ở sự thân thiết;
- Đức nghĩa hiện ra ở lời dạy dỗ;
- Đức trí hiện ra ở cậy mình;
- Đức dũng hiện ra ở thân xác;
- Đức tín hiện ra ở sự tin thực;

Bên trong thi hành được lòng nhân ái để mà giữ nước; bên ngoài bày tỏ được uy vũ để mà chiến đấu.

Phép đánh giặc là:

- Chớ làm trái thời, chớ nhầm vào lúc dân chúng bị bệnh hoạn, khốn khổ, để tỏ lòng thương dân mình;
- Chớ gây thêm tang tóc, chớ dựa vào điều hung bạo, để tỏ lòng thương dân người;
- Chớ dấy binh mùa đông và mùa hè để tỏ lòng gốm thương dân mình và dân người;

Cho nên nước tuy lớn mà ham thích chiến tranh thì sẽ mất; thiên hạ tuy an ổn mà không lo phòng bị chiến tranh thì sẽ gặp nguy nạn. Khi thiên hạ đã bình yên, Thiên tử vui vẻ bày ra săn bắn vào mùa xuân và

mùa thu, còn chư hầu thì mùa xuân chân chính quân lư, mùa thu làa thi
việc binh, để không quên việc chiến đấu.

Người xưa chạy theo đuổi giặc không quá trăm bước, giăng cờ
không quá ba xá⁽¹⁾, đó là để làm sáng tỏ đức lễ;

Không bức bách quân địch yếu ớt mà lại thương xót những kẻ
mang thương tích, bệnh tật, đó là để làm sáng tỏ đức nhân;

Thành thực tỏ bày và cổ động cho mọi người biết, đó là để làm sáng
tỏ đức tín;

Tranh điêu phải chứ không tranh điêu lợi, đó là để làm sáng tỏ đức nghĩa;

Lại có thể cởi áo ra, đó là để làm sáng tỏ đức dũng⁽²⁾;

Biết đầu biết đuôi, đó là để làm sáng tỏ đức trí.

Tùy thời mà thi hành sáu đức nói trên, dùng việc làm để giáo huấn
cho hợp cách, đó là phép lập kỉ cương cho nhân dân là chính pháp của
thời xưa.

Phép chính trị của các vua xưa là thuận theo đạo trời để lập khuôn
phép trên mặt đất, trông nom đức hạnh của dân chúng để tu chính
danh nghĩa và sắp đặt công việc, lập nước chia chức, tùy theo phẩm
tước mà ban bổng lộc, làm cho chư hầu vui vẻ nhớ ơn, nước ngoài đến
quy phục, ngục tù bỏ không, quân binh nghỉ việc, đó là phép chính trị
của bậc thánh đức.

Dưới đó là các bậc vua hiền bày ra lễ nhạc, pháp độ, rồi đặt năm
loại hình pháp⁽³⁾, dây giáp binh để đánh dẹp kẻ bất nghĩa, tuần thú để
nhóm các vua chư hầu, tìm xét những kẻ chẳng đồng lòng, trong đó có
kẻ khinh bỏ mệnh trên, làm loạn luân thường, trái đức, nghịch thời trời,
rồi tuyên dương những vua có công trạng, cáo khắp chư hầu, vạch rõ
những kẻ có tội, rồi cáo lên Hoàng Thiên Thượng Đế, trời, trăng, sao,
cầu khấn Hậu Thổ⁽⁴⁾ và liệt vị thần linh trong bốn biển, núi sông làng
miếu, bèn làm lễ tế các vua trước rồi sau quan Trung Tề⁽⁵⁾ trung binh
của các nước chư hầu mà nói rằng:

(1) Xá là quãng đường mà quân sĩ đi được trong một đêm tức là 30 dặm.

(2) Cởi áo ra để đánh nhau.

(3) Ngũ hình: Theo sách Truyền ngũ hình là: 1) Mặc: thích chữ vào mặt rồi
bôi mực vào; 2) Nhi: cắt mũi; 3) Phí: chặt chân; 4) Cung: khi phạm tội gian dâm,
trai bị cắt dái, gái bị giam vào cung; 5) Đại tịch: tội chết.

(4) Thần đất.

(5) Chức quan đời nhà Chu, đứng đầu Lục Khanh, về sau gọi là tể tướng.

Nước mõ làm việc trai đạo, đê đánh nước ấy vào năm mõ, tháng mõ, ngày mõ, quân đội các nước chư hầu phải đến nước mõ hội với binh Thiên Tử để thi hành hình pháp chính đáng.

Quan Trưởng Tể cùng trăm quan ban lệnh cho các vua chư hầu nói rằng:

Khi vào đất kẻ có tội:

- Chớ xúc phạm thần linh;

- Chớ săn bắn;

- Chớ phá huỷ thành luỹ, đê điều, đường sá, hào rạch, cầu cống v.v...

- Chớ đốt nhà cửa;

- Chớ phá cây cối, rừng rú...;

- Chớ lấy súc vật, thóc lúa, khí cụ...;

- Thấy già trẻ chịu theo mình thì chớ gây thiệt hại cho họ;

- Tuy gặp những kẻ trai trắng, nếu họ không chống cự thì chớ đánh giết họ;

- Khi đánh nhau, nếu gây thương tích cho họ thì chữa thuốc cho họ rồi cho họ trở về;

- Sau khi trừ giết kẻ có tội, vua cùng các chư hầu bèn sửa sang nước ấy, cất nhắc kẻ hiền tài, dùng các người sáng suốt, lập lại chức vị chư hầu cho được chính đáng.

Bậc vương bá trị yên các nước chư hầu nhờ sáu phép sau này:

1- Dùng đất đai để sáp hình thế cho chư hầu;

2- Dùng chính lệnh để trị yên chư hầu;

3- Dùng lễ tín để thân chư hầu;

4- Dùng tài sức để thuyết phục chư hầu;

5- Dùng mưu sĩ để ràng buộc chư hầu;

6- Dùng binh cách để hàng phục chư hầu.

Cùng chia sẻ hoạn nạn và lợi lộc để hợp chư hầu;

Thân kẻ nhỏ, giúp kẻ lớn để hòa chư hầu.

Nhóm chư hầu để ban bố chín cấm lệnh sau này:

1- Nếu có những ai ức hiếp người yếu đuối, xâm phạm kẻ cô quạnh thì trị tội họ;

2- Nếu có những ai cướp bóc, lấy trộm của người hiền, làm thiệt hại tới dân chúng thì trừ giết họ;

3- Nếu có những ai hung, bạo bên trong, xâm lăng bên ngoài thì bắt giết họ để tể đàn;

4- Nếu có những ai bỏ hoang ruộng đất, làm nhân dân li tán thì tước đất phong của họ;

5- Nếu có những ai cậy mình vững chắc không chịu tòng phục bệ trên thì đánh chiếm đất của họ;

6- Nếu có những ai cướp giết thân nhân thì sửa lỗi họ;

7- Nếu có những ai đuổi giết vua mình thì tàn sát họ;

8- Nếu có những ai trái lệnh trên, phá hoại chính trị thì ngăn chặn họ;

9- Nếu có những ai làm rối loạn trong và ngoài, hành động như cầm thú thì giết sạch họ.

Thứ hai: Nghĩa vụ của Thiên Tử

Nghĩa vụ của Thiên Tử là luôn luôn nhận theo những luật thiên nhiên của trời đất và noi gương các thánh hiền đời trước; nghĩa vụ của sĩ phu và thường dân là phụng dưỡng cha mẹ và sửa mình theo ý của người trên.

Cho nên tuy có vua sáng, sĩ phu chưa được răn dạy trước thì chưa có thể đem ra dùng được.

Ngày xưa muốn dạy dân thì phải lập ra trật tự kẻ sang người hèn, việc thường và sứ mạng đặc biệt chẳng lấn nhau, đức và nghĩa chẳng vượt nhau, tài và nghề chẳng che giấu nhau, dạn và mạnh chẳng xâm phạm nhau, cho nên sức ngang nhau mà ý hòa nhau.

Ngày xưa những kẻ được dung túng trong triều đình thì không được đưa vào quân lữ, những kẻ được dung túng trong quân lữ thì không được đưa vào triều đình cho nên đức và nghĩa không vượt nhau.

Bè trên quý trọng kẻ sĩ không khoe công, kẻ sĩ không khoe công là vật báu của bè trên. Nếu không khoe công thì chẳng tham cầu, không tham cầu thì chẳng tranh giành; việc nghe thấy của triều đình ắt là đúng thực tình, việc nghe thấy của quân lữ ắt là thích nghi, nhờ đó mà tài và nghề chẳng che giấu nhau.

Sĩ tốt tuân mệnh thì được bè trên tưởng thưởng, sĩ tốt trái mệnh thì bị bè trên trừ giết, nhờ đó mà dạn và mạnh chẳng xâm phạm nhau.

Dạy dân tới nơi tới chốn rồi sau tuyển chọn cẩn thận để mà sai khiến.

Việc tu chỉnh thi hành cùng cực thì trăm quan đủ dùng, việc giáo hóa sáng suốt hết mục thì người dân trở nên tốt lành, việc tập quen rồi

thì sẽ thành phong tục của dân chúng; đó là việc giao hóa đã tới nơi tột chót.

Ngay xưa, người ta dưới giặc thì không đi quá xa, giăng cờ thì không dù sô; không xa nên khó khêu chọc địch, không đủ số nên khó vây hãm địch. Coi lẽ nghi làm chỗ vững chắc của mình, lấy điều nhân làm hòn, sau khi đã hơn rồi, việc giáo hóa lại có thể phục hưng, đó là điều mà quân tử rất quý trọng.

Có triều nhà Ngu răn dạy chốn triều đình muốn cho dân chúng vui lòng tuân mệnh của mình; đời Hạ Hậu thề ước giữa chốn quân lữ, muốn cho dân chúng thực hiện trước những điều lo liệu của mình; đời nhà Ân thề ước ngoài cửa trại quân muôn dân chúng có ý thức rõ rệt trước khi làm việc; tướng đời Chu cầm tréo dao kiếm mà thề ước để nhân dân bền chí⁽¹⁾.

Đời Hạ Hậu lo tu chỉnh đạo đức, cũng chưa dùng tới gươm giáo của quân binh, cho nên quân binh không hồn tập. Nhà Ân chuộng nghĩa, lúc đầu cũng có dùng tới gươm giáo của quân binh. Nhà Chu chuộng võ lực nên dùng hết mức gươm giáo của quân binh.

Nhà Hạ ban thưởng tại triều đình bởi quý người lành. Nhà Ân giết tại chợ, để kẻ chẳng lành phải khiếp uy. Nhà Chu thưởng ở triều, giết ở chợ để khuyến khích người quân tử và khiến cho kẻ tiểu nhân phải sợ hãi. Đời Tam Vương⁽²⁾ rực rõ, đạo đức cùng là một.

Binh không hồn tập thì không tiện lợi. Trường binh dùng để bảo vệ, đoàn binh dùng để giữ gìn⁽³⁾. Võ khí có tầm quá xa thì khó xâm phạm, vũ khí có tầm quá ngắn thì không tới đích. Binh quá nhẹ thì bén nhọn, bén nhọn thì dễ loạn. Binh quá nặng thì chậm chạp, chậm chạp thì không cứu được xe cộ.

Đời Hạ Hậu nói rằng: Trước hết phải sửa câu xa cho ngay thẳng;⁽⁴⁾

(1) Ngu là quốc hiệu của Trung Hoa dưới đời vua Thuấn. Hạ là quốc hiệu của Trung Hoa dưới đời vua Võ. Hậu là họ của Hậu Nghệ cướp ngôi nhà Hạ. Vua Thành Thang dứt nhà Hạ, lập ra nhà Thương truyền ngôi much đến đời vua Bàn Cảnh nhà Ân. Vua Chu là Võ Vương dứt nhà Ân mà giành thuyền cho

(2) Tam Vương là vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Thương và vua An nhà Chu.

(3) Trường binh dùng cung, nỏ, súng, hỏa tiễn - đoàn binh kỵ, giao, mae.

(4) Câu xa: loại xe pha thành

Đời Ân nói rằng: Trước hết phải sửa dân xa để chạy cho nhanh⁽¹⁾. Đời Chu nói rằng: Trước hết phải sửa xe nguyên nhung⁽²⁾ cho tốt

Đời Hạ Hậu, cờ có màu đen như dầu, đó là chõ cầm nắm của Người; đời Ân, cờ có màu trắng, đó là nghĩa của Trời; đời Chu, cờ có màu vàng, đó là đạo của Đất.

Về chương hiệu, đời Hạ Hậu dùng mặt trời và mặt trăng vì chuộng sáng suốt; đời Ân dùng con cọp vì chuộng uy dũng; đời Chu chuộng con rồng vì chuộng văn học.

Nhiều quân, chuộng uy dũng ắt là dân chúng bỏ rơi, còn nếu ít uy dũng thì dân chúng sẽ mất thăng lợi.

Người trên sai khiến dân không theo chính nghĩa, dùng trăm họ không theo đúng khuôn phép, dùng tài nghệ không thu được ích lợi, dùng trâu ngựa không đúng việc, còn quan lại thì xâm phạm dân chúng, đó gọi là nhiều uy, nhiều uy thì dân chúng bỏ rơi.

Người trên không tôn trọng người có đức hạnh mà dùng kẻ dối trá gian tà, không tôn trọng người có đạo nghĩa mà dùng kẻ mạnh dạn, không quý người tuân mệnh trên mà quý kẻ trái mệnh, không quý người làm lành mà quý kẻ làm dữ, lấn lướt quan lại, đó gọi là thiếu uy, thiếu uy thì dân chúng không thăng lợi.

Việc quân lữ phải lấy điều thư thả làm chủ chốt, nếu thư thả thì dân đủ sức. Tuy rằng gấp lúc giao chiến, so gươm, nhưng đi bộ chẳng bao giờ phải chạy, đi xe chẳng cần giục ngựa sải, đuổi theo hay thua chạy mà chẳng bỏ hàng ngũ. Nhờ đó quân lữ kiên cố mà không rối loạn, hàng ngũ không mất trật tự, người ngựa không kiệt sức, mau chậm chẳng vượt qua mệnh lệnh dạy răn.

Ngày xưa, những kẻ được dung túng ở triều đình thì không được đưa vào quân đội, những kẻ được dung túng trong quân đội thì không được vào triều đình. Những kẻ được dung túng trong quân đội mà được vào triều đình thì đức hạnh của dân chúng sẽ bị bỏ phế. Những kẻ được dung túng ở triều đình mà được vào quân đội thì quân dân trở nên yếu đuối.

Bởi thế trong nước ngôn ngữ văn nhã và ôn hoà, tại triều đình các quan tỏ ra cung kính và nhường nhịn, sửa mình để tiếp đãi người;

(1) Dân xa: loại chiến xa nhẹ, nhạy mau.

(2) Nguyên nhung: loại chiến xa lớn.

không được mèo thi không tội, không được hỏi thi không nói, khó tiến de lui.

Trong quân lư thi không chiến mà giữ vững, trong hàng ngũ thì tiến lên mà lòng quả cảm, khi mang giáp trụ không còn vái lạy, khi ngồi binh xa không giữ nghi thức, đứng gác trên thành chẳng chạy tháo lui, gấp việc nguy nan chẳng tỏ yếu hèn.

Cho nên lẽ là hình thức bên ngoài, phép là giềng môi bên trong, văn và võ là những kẻ phò tá bên phải và bên trái vậy.

Ngày xưa, vua hiền làm sáng đức của dân, dạy dân làm lành hết mức, cho nên không bỏ đức, không chọn dân⁽¹⁾, không thưởng ai mà chẳng phạt ai. Đời Ngu không thưởng, không phạt mà dân chúng đều dùng được là nhờ đức lớn.

Đời Hạ thưởng mà không phạt là nhờ dạy dân tới nơi tới chốn. Đời Ân phạt mà không thưởng là nhờ uy lớn. Đời Chu đều dùng thưởng và phạt, đó là vì đạo đức suy giảm.

Thưởng chẳng để trễ thời, vì muốn dân chúng chóng thu hoạch lợi ích của việc lành. Phạt ngay chẳng dời ngày, vì muốn dân mau thấy điều hại của việc dữ.

Kẻ có công lớn không được thưởng thì trên và dưới đều chẳng khoe tài⁽²⁾. Người trên không khoe tài ắt là không kiêu căng. Kẻ dưới chẳng khoe tài ắt là không tranh giành ngôi thứ. Trên và dưới chẳng khoe tài, như thế đức thoái thượng thật là hết mức vậy.

Thua lớn mà không bị tội chết, trên dưới đều quy lỗi về mình. Trên nếu quy lỗi về mình, ắt là hối lỗi. Dưới nếu quy lỗi về mình ắt là tránh lỗi về sau. Trên dưới giành phần xấu về mình, như thế đức thoái nhượng thật là tốt mức vậy.

Ngày xưa đóng binh ba năm chẳng dây, đó là vì thấy dân mệt nhọc. Trên và dưới thù đáp với nhau, như thế thực là thuận hòa hết mức. Khi thỏa lòng thì ca hát, đó là vui mừng. Năm dài tại chốn linh đài (đài xem thiên văn) bão đập công lao của dân chúng, đó là nghỉ ngơi.

(1) Không chia hạng cao thấp.

(2) Phạt thiện: khoe tài, khoe công, khoe điều hay giỏi, tốt lành của mình.

Điều cốt yếu của sự tấn công là dự liệu, điều cốt yếu của sự chiến đấu là tiết độ.

Tướng quân là thân thể, linh tráng là tay chân, hàng ngũ là ngón cái.

Danh nhau là dùng mưu trí, chọi nhau là dùng sự mạnh dạn, bày trận là sắp đặt khéo léo.

Ta dùng cái gì ta muốn, ta làm điều gì có thể làm; trái lại nếu địch có điều gì mà ta không muốn, hoặc làm được điều gì mà ta không thể làm thì ta phải phá bỏ những điều ấy.

Muốn chiến đấu, phải được thời trời, phải có tài sản, phải thực khéo giỏi.

Ngày giờ chẳng sai lệch, bối được quẻ tốt và hành động kín nhẹm, đó là được thời trời.

Dân chúng có đủ, nhờ có đủ mà làm điều tốt lành, đó là có tài sản.

Người được tập luyện, trận bày sắc bén, sắp đặt các việc hết mức để dự bị, đó gọi là khéo léo.

Người ráng làm tròn nhiệm vụ, đó gọi là làm cho người vui. Đại quân đã vững chắc⁽¹⁾, nhiều lực đã phúc tạp, xử sự thì biết kén chọn, sửa trị, gấp việc thì biết ứng biến, đó gọi là biết dự liệu sẵn sàng.

Xe có nhẹ nhàng, lính bộ nhanh nhẹn, cung tên vững chắc để chống địch, đó gọi là đại quân (quân mạnh).

Kín đáo, lặng lẽ, bên trong ngầm chứa sức mạnh, đó gọi là chiến trận vững bền.

Nhân đó mà tiến thoái dễ dàng, tuỳ ý, đó gọi là nhiều sức.

Cấp trên thông thả tập luyện quân sĩ, đó gọi là bày trận phúc tạp.

Đã có người chịu nhận chức phận, đó gọi là quen việc.

Nhân đó phân biệt công việc, đó gọi là kén chọn, sửa trị, cất nhắc dân chúng.

Tùy theo đất đai, tùy theo địch tình mà khiến bày trận để chiến đấu, giữ gìn, tối lui, ngừng nghỉ, trước sau sắp bày xe, lính, do đó gọi là tham chiến.

Không phục, không tin, không hoà, giải đai, nghi ngờ, chán nản, sợ sệt, chống cự người trên, bỏ bê công việc, buông thả, suy sụp, chậm chạp, đó gọi là tai họa của chiến tranh.

(1) Ở đây chữ *dã* được dịch theo nghĩa xưa là "đã" để phù hợp với ý nghĩa của những câu tiếp theo (xin đọc già tiếp tục xem ở sau).

Kiêu căng, sợ sệt, ôn ào, an vui, lo lắng, hối tiếc đó gọi là hư hỏng.

Lớn nhỏ, cứng mềm, xen lẩn nhiều ít với nhau tất cả hai thứ, đó gọi là phép quyền biến trong khi chiến đấu.

Khi chiến đấu, phải xét xa xem gần, lợi dụng thời cơ và của cải, tin người sang, ngờ kẻ ác, dùng binh hợp nghĩa làm việc hợp thời, khiến cho người tuy thương nhau mà lo đối địch, tuy yên tĩnh mà đề phòng rối loạn, tuy nhàn hạ mà lo nguy biến, gắp cảnh gian nan mà không hề quên dân chúng.

Khi ra trận lấy sự tin cậy làm ân huệ; trong quân lữ dụng võ công để mở rộng; khi giao chiến lấy sự mau lẹ làm thành quả. Điều cốt yếu tại triều là sự hòa hợp, trong quân lữ là pháp lệnh, khi giao chiến là sự giết địch. Điều cần thấy rõ tại triều là sự tốt lành, trong quân lữ là phương lược, khi giao chiến là sự đúng đắn.

Trong triều, đi thì thưa thớt, đánh thì đây kín, dùng binh thì đủ loại. Về người thì phải dạy cho sâu; giữ bình tĩnh để trị yên; uy tín lợi ở chỗ phân minh. Cùng giữ đạo nghĩa với nhau thì mọi người đều gắng sức; lo liệu nhiều việc được thành công thì mọi người tùng phục; người người thường ngay thẳng tùng phục sau mới trị yên được. Sự vật đã phân minh thì mắt bèn sáng suốt, lo liệu công việc đã yên ổn thì lòng trở nên mạnh mẽ. Tới lui không nghi ngờ⁽¹⁾, thấy địch thì không còn nghe mưu kế nữa⁽²⁾, phải đánh chúng mà không chờ hỏi tên chúng⁽³⁾, không chờ đổi cờ.

Việc tốt lành thì được lâu dài; theo xưa thì phải thề hẹn; làm việc phân minh thì lòng người mạnh mẽ; dẹp điều ác là điều tốt lành.

Phép dẹp điều ác là:

Một là nêu đạo nghĩa, lấy sự tin thực và sức mạnh để đem đạo nghĩa đến nơi đến chốn, làm cho hình thế của một cõi thiên hạ trở thành nền gốc vững vàng, người người chẳng ai mà không đẹp lòng, đó gọi là dùng hết thảy mọi người.

Một là biết dùng quyền mưu khi gắp biến, gây dựng được đầy đủ, giành lấy điều tốt lành, ta ở bên ngoài mà sai khiến từ bên trong.

- Một là người;
- Hai là ngay thẳng (thứ tự; kỉ luật);

(1) Biết kỹ thì không còn nghi ngờ.

(2) Đã chuẩn bị các mưu kế từ trước nên gắp địch thì có thể hành động ngay.

(3) Đã biết rõ địch từ trước.

Bà là lời dạy,

Bón là khéo leo (tay nghề),

- Năm là lửa;

- Sáu là nước;

- Bảy là binh nhu (đô dùng của quân lính).

Đó là bảy việc binh.

Vinh, lợi, thẹn, chết đó là bốn điều phải giữ gìn. Giữ sức chứa uy chưởng qua đổi ý. Phàm theo phép ấy, chỉ nghĩ điều nhân thì được kề thân, được điều nhân thì thiếu uy tín, khi thất bại thì thiệt hại thân mình. Người người phải ngay thẳng, lời lời phải như lửa đốt.

Phép đánh giặc là sau khi đã tạo thành khí thế, nhân đã bày ra kỉ luật, ta bèn dùng sắc mạo để dẫn dụ, dùng lời nói để khuyên bảo, nhân họ sợ sệt mà răn đe họ, nhân họ ham muốn mà buộc họ làm việc, xông tới quân địch mà giành đất, dùng chức tước để sai khiến, đó gọi là phép đánh giặc.

Phàm hình thức của đời sống con người là do sự cầu mong của mọi người. Thủ xét những ai lập hạnh hành động theo danh nghĩa thì họ đều làm điều lành. Nếu hạnh ấy không thực hành thì ta phải tự mình trực tiếp giúp đỡ họ. Nếu hạnh ấy thực hành được thì ta nhân đó khiến họ đừng quên ba giềng mối (Vua Tôi, Cha Con, Vợ Chồng), nhờ đó vạch rõ nghi thức của đời sống con người, đó là phép tắc.

Phép trừ loạn là:

Thứ nhất: Tỏ ra nhân ái;

Thứ hai: Tỏ ra tín thực;

Thứ ba: Tỏ ra ngay thẳng;

Thứ tư: Tỏ ra chuyên nhất;

Thứ năm: Theo chính nghĩa;

Thứ sáu: Dùng quyền biến;

Thứ bảy: Giữ tôn nghiêm.

Cách đặt phép tắc là:

Thứ nhất: Dung nạp người;

Thứ hai: Đặt ra pháp luật;

Thứ ba: Xây dựng

Thứ tư: Làm việc mau mắn;

Thứ năm: Chế ngự việc ăn ở, sinh nhai;

Quân binh áp dụng pháp luật cho chính mình thì gọi là chuyên, cùng kẻ dưới (dân chúng) sơ pháp luật thì gọi là pháp.

Quân binh không nên nghe theo việc nhỏ, khi đánh không nên tham lợi nhỏ, mỗi ngày đều thành công, làm nên được việc vi diệu, đó gọi là đạo (dạy).

Hãy đánh giặc chỉ dùng chính pháp mà không dùng phù pháp thì việc chuyên nhất. Có những kẻ không phục tùng thì ta áp dụng pháp luật đối với họ, có những kẻ không tin cậy nhau thì ta hợp nhất họ lại. Nếu có kẻ lười biếng thì bắt họ hành động; nếu có kẻ nghi ngờ thì ta biến cải họ; nếu nhân dân không tin thực đối với người bề trên thì ta phải đổi xử sao cho không còn như thế nữa, đó là phép chính trị của người xưa.

QUYỀN HẠ

Thứ tư: Sắp đặt ngôi thứ cho được nghiêm chỉnh

Theo phép chiến đấu thì:

- Ngôi thứ phải nghiêm chỉnh;
- Chính trị phải vững vàng;
- Sức lực phải dồi dào;
- Khí vận phải nhàn hạ;
- Lòng người phải hợp nhất

Phép chiến đấu là:

- So sánh đạo nghĩa của hai phe;
- Lập tốt ngũ;
- Định hàng lối;
- Chính đốn giềng mồi;
- Xét đánh thực.

Đang đúng, đi tới thì phải khom lưng, đang ngồi tiến lên thì phải quay gối

Sợ sệt thì phải giữ gìn nghiêm nhặt; gặp nguy hiểm thì phải ngồi xuống.

Ở xa thấy thì không sợ; ở gần đứng nhìn thì không tan rã.

Dưới ногi, sỉ tốt ở hai bên phải và trái cõi giáp ngồi xuống mà thê; hay thông thả mà làm lể tuyên thệ. Nhà vua đón nhận áo giáp (của lính bộ), lưỡng xem nặng nhẹ thế nào, thúc ngựa, khuỵ giáp. Nếu sợ sệt cung phải quay gối kín đáo; nếu ngồi hoặc khom lưng, ắt phải lết bằng đầu gối và thông thả tuyên thệ.

Nếu đánh trống để ra lệnh hàn tối, thì đánh chiêng để ra lệnh dừng lại. Núi lăng, ngâm cõm khô mà thê (?), đang ngồi thì lết bằng, đầu gối mà đẩy nhau tối. Bắt giết, cầm quay lưng, đánh trống, reo hô để xua quân tối trước. Nếu chúng sợ quá thì chờ ném giết. Dùng sắc mặt và lấy việc làm để tò cho chúng, biết tâm ý của mình, tuân tú mà xem xét công việc của chúng.

Giữa ba quan phải chia ngày để răn dạy chúng, phải luôn luôn

của chúng, để mà những kẻ nghi hoặc chịu học theo ta, và phục tùng ta.

Khi đánh giặc, nên giữ sức lực để làm lâu dài, dùng khí the để đánh thắng; nên giữ gìn vững chắc để được lâu dài, dùng sự nguy hiểm để đánh thắng; nên giữ lòng mình vững bền, giữ khí lực mới mẻ để đánh thắng; nên giữ giáp trụ cho bến chắc, dùng khí giới để đánh thắng⁽¹⁾.

Chiến xa lấy sự kín đáo làm kiên cố; lính bộ lấy sự ngồi giữ làm vững chắc; giáp trụ lấy sự nặng nề làm bền bỉ; binh lấy sự nhẹ nhàng làm ưu thế. Kẻ hiếu thắng luôn luôn tỏ ý chống cự, kẻ sợ sệt luôn luôn tỏ vẻ sợ hãi. Hai tâm lí đã ăn hợp với nhau thì hai điều lợi hại như một, công việc của hai bên đều tỏ ra có quyền biến.

Khi đánh giặc, lấy nhẹ làm nhẹ ắt nguy, lấy nặng làm nặng thì không công, lấy nhẹ làm nặng ắt bại, lấy nặng làm nhẹ thì đánh. Cho nên đánh giặc phải cân nhắc nặng nhẹ, khi ở nhà thì cẩn thận về giáp binh, khi đi đường thì sắp đặt hàng ngũ thành trận thế, khi đánh thì cẩn thận về sự tới lui, ngừng nghỉ.

Khi đánh giặc, thận trọng thì được sung túc, điều khiển thì được tuân theo; trên mệt nhọc là nhẹ, trên nhàn hạ là nặng; giục trống là nhẹ, thư thả điểm trống là nặng; theo cái lớn là nhẹ, theo cái đẹp là nặng.

Ngựa xe bến bỉ giáp trụ khí giới bén nhọn thì nhẹ đổi thành nặng; trên đồng đều thì không thu hoạch được gì, trên chuyên quyền thì chết nhiều, trên thiếp kinh nghiệm thì dưới nghi ngờ nhiều, trên chết thì không thắng.

Người ta chết vì thương, chết vì giận, chết vì uy, chết vì nghĩa, chết vì lợi.

Theo phép đánh giặc, phải khuyên dạy người khinh chết, dẫn dắt chết theo lẽ chính.

Khi đánh giặc, phải thua thắng, thua bại, phải tùy theo trời, phải tùy theo người.

Khi đánh giặc:

Lời răn dạy ba quân không được quá ba ngày;

Lời cảnh cáo một người lính không được quá một phần ngày.

Lời ngăn cấm một người không được quá mỗi hơi thở.

Làm điều lành lớn thì dùng gốc, thấp hơn thì dùng ngọn, nắm mưu lược, giữ vi diệu, dùng gốc hay dùng ngọn tùy theo phép cơ quyền trong chiến trận.

(1) Chữ binh ở đây có nghĩa là khí giới.

Khi thắng chỉ một người trong ba quân là thắng.

Sử kích động có nhiều cách: phat cờ, đập thùng xe, vó ngựa, lính hò reo, khua động khí giới, lắc đầu, giậm chân, tất cả kích động một lượt.

Khi đánh đá vững vàng thì cho dùng cách nặng nề chậm chạp, đã vào sau thì chờ để hết.

Hết thì nguy hiểm.

Khi đánh không phải trận khó, mà khó sai người bày trận; nhưng sai người bày trận chưa khó bằng sai người biết dùng trận thế; không phải biết được là khó mà làm được là khó.

Người ở mỗi địa phương có bản tính mỗi khác, bản tính khác thường của mỗi châu đem ra khuyên dạy có thể đổi thành phong tục; phong tục khác thường của mỗi châu đem ra khuyên dạy có thể hóa thành thông tục.

Khi mà số lượng nhiều ít không chế thắng được điều tốt xấu, khí giới không tỏ ra vững chắc, ngựa không tỏ ra tốt mạnh, sĩ tốt không tự nhom họp đông đúc thì chưa có thể nói tới việc thu hoạch thắng lợi.

Nếu đánh thắng, phải cùng sĩ tốt phân biệt các việc hay dở, tốt xấu. Nếu tướng, súy tái chiến thì phải bày ra thường nhiều phạt nặng. Nếu chỉ huy mà không thắng trận được thì phải quy lỗi về mình. Nếu tái chiến để rửa hận thì phải thề trước, không theo đường lối cũ, dù hơn hay thua cũng không trở lui, đó là phép tắc đúng đắn.

Người dân vì điều nhân mà cứu, vì điều nghĩa mà đánh; nhờ trí quyết đoán, vì dũng cảm mà đấu, vì tín thực mà chuyên tâm, vì lợi mà tăng sức, vì muốn lập công mà quyết thắng.

Cho nên người có lòng nhân thì làm việc trung nghĩa. Làm được việc gọi là có trí; kham được việc lớn là dũng cảm; chịu đựng lâu dài là tin thực.

Nhường nhịn để giữ hòa mục giữa người và người, để phù hợp với người khác; tự ta khỏi bắt chước người khác, ta phải tranh làm điều lính để đẹp lòng người, để người người đều ráng sức thi đua.

Trong cuộc tranh chiến:

Nên đánh cái yếu, tránh cái mạnh;

Nên đánh cái mệt mỏi, tránh cái nhàn hạ tốt lành;

Nên đánh cái sợ lớn, tránh cái sợ nhỏ;

Đó là phép đánh giặc từ xưa.

Thứ năm: Sử dụng quân chúng (quân sĩ)

Theo phép tranh chiến, thì dùng ít người để được vững bền, dùng nhiều người để trị yên.

Dùng ít thì lợi về chỗ khéo leo, dùng nhiều thì lợi về chỗ dùng đòn
Dùng nhiều để tới rồi ở lại, dùng ít để tới rồi lui.

Có nhiều binh thì giao chiến, có ít binh thì vây bọc xa xa để mà pha
hoại, khuấy rối.

Nếu phân binh ra để thay phiên nhau mà đánh thì ta chỉ đánh một
ít binh địch để đợi địch đem nhiều binh tới; nếu chúng nghi ngờ rằng ta
ít quân thì chúng sẽ cậy đông mà đuổi đánh ta; nếu chúng tham lợi thì
ta dẹp cờ xí, đón đường mà đánh lại chúng. Nếu địch đông binh ắt là
đem nhiều binh tới để bị ta vây bọc. Nếu địch ít binh hoặc sợ sệt ắt là
chúng trốn tránh, ta hãy mở vòng vây cho chúng chạy.

Khi đánh giặc, nên quay lưng về phía đầu gió, dựa lưng vào chỗ cao,
cánh phải dựa vào nơi cao, cánh trái dựa vào chỗ hiểm trở, vượt qua các nơi
lau cỏ sinh lầy, đem hết quân đội đóng vòng quanh chỗ đất mu rùa.

Khi đánh giặc, nên sắp đặt để xem việc làm của địch, xét địch tình để
mình cử động; khi đợi chờ thì đi tuần phòng nhưng phải lặng lẽ, chờ xem
địch hành động, nếu địch tấn công ta thì ta dùng binh để dò xét chúng.

Khi đánh giặc, ta dùng nhiều binh rồi dùng ít binh để xem binh
biến hóa như thế nào: cho tiến binh rồi lui binh để xem binh vững chắc
như thế nào; lúc nguy khốn, xem binh sợ sệt như thế nào; khi yên tĩnh
xem binh biếng nhác khinh suất như thế nào; khi rối loạn xem binh hồ
nghi như thế nào; khi bị đánh úp xem binh giữ trật tự như thế nào?

Đánh địch đang lúc chúng hồ nghi, lấy sĩ tốt của chúng thêm vào quân
đội của ta, nâng đỡ những kẻ khuất phục ta: noi theo phép tắc của chúng.
Nhân địch không trốn tránh ta, ta ngăn chặn mưu đồ của chúng, phá hỏng
mọi dự tính của chúng, phải biết thừa dịp chúng lo sợ mà hành động.

Khi địch chạy trốn ta nên đuổi theo chúng luôn luôn mà chớ ngừng
nghỉ, nhưng nếu địch dừng lại giữa đường thì ta phải đề phòng.

Khi gần địch, đều phải tìm đường tiến lên, muốn trở lui thì phải
tính đường về.

Đánh trước thì xấu, đánh sau thì phải chịu sợ hãi; nghỉ ngơi thì sinh
biếng nhác, không nghỉ ngơi cũng xấu, nghỉ ngơi quá lâu cũng sẽ sợ sệt
trở lại.

Gửi thư từ để kết thân hay tuyệt giao, đó gọi là lo tính đến cùng cực
(dứt lo nghĩ); chọn binh tốt hay xấu, đó gọi là làm người thêm mạnh; bỏ
hay dùng, cho ăn hay bắt nhịn, đó gọi là dò ý người: đó là phép chính
trị của thời xưa.

NGÔ TỬ BINH PHÁP

NGÔ KHỎI

QUYẾN THƯỢNG

Thiên Thú nhất

MUƯ ĐỒ VIỆC NƯỚC

Ngô Khởi phục sức theo lối nhà nho⁽¹⁾ đến yết kiến Ngụy Văn Hầu⁽²⁾ để bàn về việc binh.

Văn Hầu nói: Quả nhân⁽³⁾ không thích việc quân lữ.

Khởi nói: Hạ thần nhân vì dò xét các việc sâu kín, theo dõi các việc từ xưa đến nay, sao nhà vua lại nói những lời trái với lòng mình? Nay nhà vua suốt bốn mùa đều khiến giết trâu bò để lột da đem thuộc, lấy sơn đỏ phết ở ngoài, vẽ những hình xanh đỏ, dùng những da tê, da voi bóng láng, nếu dùng da ấy để mặc vào mùa đông thì không được ấm, mặc vào mùa hè thì không được mát; Vua khiến đặt rèn kích dài hai trượng bốn thước, kích ngắn một trượng hai thước; Vua khiến đặt làm xe lớn bọc da che bít các cửa, bánh và trục rất thô kệch, lấy mắt để xem thì không được đẹp, cưỡi để đi xem ruộng thì không được nhẹ, không biết vua có thể nào dùng những thứ ấy mà được yên lòng chăng?

Nên làm như thế để chuẩn bị, tới thi danh, hư thì giữ mà chẳng cần đem dùng những thứ ấy cho đúng mục, điều ấy có thể ví như đem gà con đang áp để đấu với chồn cao, đem cho con đang bú để khêu chọc cọp dữ, tuy là có lòng chiến đấu nhưng thực là đưa vào chỗ chết vậy!

Ngày xưa vua họ Thùa Tang chỉ lo tu đức mà phê bỏ việc võ bị cho

(1) Ngô Khởi vốn là nho sĩ, đã từng theo học hơn một năm với thầy Tăng Sâm là cao đồ của Đức Khổng Tử tại nước Lỗ.

(2) Ngụy Văn Hầu là Ngụy Tư, một trong ba chúa của Tam Tấn, Ngụy Hầu đang cần tướng để trấn giữ Tây hà thì Dịch Hoàng giới thiệu Ngô Khởi.

(3) Quả nhân: Lời khiêm tốn tự cho mình là người ít đức.

Da thuộc không mặc được, chính là để làm áo giáp. Xe thô kệch ấy không còn đi xem ruộng được, chính là chiến xa. Sự chuẩn bị ấy chứng tỏ Ngụy Hầu đang chăm lo cho việc võ bị.

nên nước bị huỷ diệt, vua họ Hữu Hổ cậy đông ưa mạnh nên xú tác phải táng vong. Nhà vua sáng suốt xét việc ấy, ắt bên trong phải lo trau dồi văn đức, bên ngoài lo sửa sang việc vỗ bị. Sức mạnh ngang với địch mà không tiến được thì đáng gọi là nghĩa dũng! Cho đến khi thấy chết thây đã cứng đơ mới buồn thương thì không đáng gọi là nhân ái.

Nhân bởi đó, Văn Hầu tự tay mình trải chiếu, phu nhân bưng chén mời Ngô Khởi uống rượu tại miếu đường, lập Khởi làm đại tướng trấn thủ Tây Hà, đánh nhau với chư hầu bảy mươi sáu trận, toàn thắng được sáu mươi tư trận, còn dư lại thì hòa nhau, mở rộng đất bốn phía, giành lấy ngàn dặm đất, tất thảy đều là công của Khởi cả.

Ngô Tử nói: Ngày xưa các bậc vua chúa mưu đồ việc quốc gia, ắt trước hết phải dạy dỗ trăm họ, gần giữ muôn dân.

Có bốn mối bất hoà:

- Trong nước không hòa hợp thì đừng ra quân;
- Trong quân không hòa hợp thì đừng bày trận;
- Trong trận không hòa hợp thì đừng tiến đánh;
- Trong khi đánh không hòa hợp thì không thể quyết thắng.

Bởi thế cho nên bậc vua chúa có đạo lí, nếu muốn sử dụng dân chúng, thì trước hết phải hòa hợp lòng dân rồi sau mới làm được việc lớn. Không dám tin cậy vào mưu kế của riêng mình, ắt phải cáo trước với Trời Đất và tổ tiên nơi tổ miếu, xem việc lành dữ bày ra ở mu rùa⁽¹⁾ coi thêm thời trời⁽²⁾, nếu đều tốt lành cả thì sau mới dấy binh được.

Người dân liền biết nhà vua thương xót mạng sống của họ, buồn tiếc về sự chết chóc của họ, nếu được như thế thì bề trên và người dưới cùng gặp hoạn nạn với nhau thì sĩ tốt sẽ cho rằng tiến tới chõ chết là vinh, lui về cầu sống là nhục.

Ngô Tử nói:

- Đạo là trở về nguồn gốc;
- Nghĩa là làm việc, lập công;
- Mưu là lìa bỏ điều hại, chạy tới điều lợi.
- Việc trọng yếu là bảo tồn sự nghiệp giữ gìn sự thành công.

Nếu hành động không hợp đạo, xử sự không hợp nghĩa mà cứ sự ra vẻ ta đây là to hơn, cao sang, ắt là phải gặp tai họa, bởi thế thánh

(1) Gieo quẻ ở mu rùa (bói).

(2) Coi ngày, giờ, năm, tháng tốt hay xấu.

nhan yén dân băng; đạo hì, tự dân băng; chính nghĩa, sai khiến dân băng; nghị le, vô về dân băng; nhan ai. Bởi đức tính ấy được trau dồi thì nước nhà hưng thịnh, bị phế bỏ đi thì nước nhà suy vong. Cho nên vua Thành Thắng đánh vua Kiệt mà dân nhà Hạ vui mừng, vua Võ Vương đời Chu đánh vua Trụ mà dân nhà Ân không cho là trái lẽ. Đó là nhờ khôi binh thuận theo Trời và Người nên mới được như thế.

Ngô Tử nói: Phàm chế định việc nước, sửa trị việc quân ắt là phải lấy lẽ nghĩa để dạy dân, lấy nghĩa vụ để khuyến khích dân, khiến cho người dân biết xấu hổ. Con người ta biết xấu hổ, hẽ nhiều làm là đánh, ít làm là giữ, Nhưng:

Dánh mà thắng được là dễ;

Giữ mà thắng được là khó;

Cho nên mới nói rằng: Giữa các nước đánh nhau trong thiên hạ:

- Ai thắng năm lần thì gặp tai họa;
- Ai thắng bốn lần thì chịu tệ hại;
- Ai thắng ba lần thì làm bá;
- Ai thắng hai lần thì làm vương;
- Ai thắng một lần thì làm đế.

Thắng nhiều lần mà chiếm được thiên hạ là trường hợp ít có; thắng nhiều lần mà mất thiên hạ là trường hợp thường thấy.

Ngô Tử nói: Phàm việc dấy binh mà có năm cớ:

- Thứ nhất là vì tranh danh;
- Thứ hai là vì tranh lợi;
- Thứ ba là vì chứa ác;
- Thứ tư là vì nội loạn;
- Thứ năm là vì đói kém;

Binh lại có năm danh hiệu khác nhau:

- Thứ nhất là nghĩa binh (binh nghĩa hiệp)
- Thứ hai là cường binh (binh mạnh)
- Thứ ba là cương binh (binh cứng)
- Thứ tư là bạo binh (binh hung dữ);
- Thứ năm là nghịch binh (binh trái ngược)

- Ngăn chặn việc bạo ác, cứu nước nhà trong cơn loạn lạc, đó gọi là nghĩa;

Cậy đồng, để đánh người gọi là mạnh;

- Nhân cơn giận mà dãy binh gọi là cứng;
- Bỏ lẽ nghĩa mà tham lợi lạc gọi là hung dữ;
- Khi nước loạn, người mệt mà dãy binh đánh người, gọi là trái lẽ.

Năm loại binh ấy đều có phép khắc phục.

- Nếu gấp nghĩa binh thì lấy lẽ nghĩa mà khắc phục họ;
- Nếu gấp cường binh thì lấy sự khiêm cung mà khắc phục họ;
- Nếu gấp cương binh thì lấy sự từ tốn mà khắc phục họ;
- Nếu gấp bạo binh thì dùng cách đánh lừa mà khắc phục họ;
- Nếu gấp nghịch binh thì dùng cơ quyền mà khắc phục họ.

Võ Hầu⁽¹⁾ hỏi rằng: Xin được nghe về phép trị binh nuôi người, giữ nước.

Khởi đáp rằng: Ngày xưa bậc quân vương sáng suốt ắt phải lo giữ gìn lẽ chẽ giữa vua và tôi, lo trau dồi nghi thức giữa người trên và kẻ dưới, vỗ về trăm họ, gom trị dân chúng, chiểu theo phong tục mà giáo huấn, tìm mòi các bậc lương thiện tài năng để phòng bị cho khỏi sai lầm.

Ngày xưa, Tề Hoàn Công chiêu mộ được năm vạn sĩ tốt nên làm bá chủ các chư hầu. Tần Văn Công triệu tập được bốn vạn sĩ tốt mà được thỏa chí. Tần Mậu Công đem ba vạn sĩ tốt ra hầm trận mà khuất phục được các lân bang thù địch. Cho nên làm vua một cường quốc ắt phải nuôi người.

- Nếu có những kẻ can đảm, mạnh mẽ thì gom họ lại thành một tốp⁽²⁾.

- Nếu có những kẻ hăng hái tiến đánh, cố hết sức để bày tỏ lòng trung dũng thì gom họ lại thành một tốp;

- Nếu có những kẻ có tài trèo cao, vượt xa, le chân chạy giỏi thì gom họ lại thành một tốp;

- Nếu có những tôi tớ cũ của nhà vua bị mất chức, nay muốn lập công với bê trên thì gom họ lại thành một tốp;

- Nếu có những kẻ bỏ thành không giữ, nay muốn rửa vết nhơ áy thì gom họ lại thành một tốp.

Đó là năm phép để kén chọn quân tinh nhuệ. Kiếm được ba ngàn

(1) Võ Hầu ở đây là Ngụy Kích nối ngôi cha (Văn Hầu) lấy hiệu là Ngụy Võ Hầu.

(2) Tốt có nghĩa là tốp (số người không nhất định) hay là một đội quân gần một trăm người (100);

người như thế, ở trong đánh ra có thể phá vỡ vòng vây, ở ngoài đánh vào có thể hạ thành.

Võ Hầu hỏi rằng: Xin được nghe về phép lập trận cho được vũng vang, phép giữ gìn cho được chắc chắn, phép đánh phá cho được thắng lợi.

Khởi đáp rằng: Nhà vua đứng xem thì còn có thể hiểu cách thức được, há chỉ nghe giảng mà hiểu được sao?

Nếu vua đặt người hiền tài ở trên, kẻ ngu xuẩn ở dưới thì có thể bày trận vũng vàng;

Nếu nhân dân sống yên ổn với nhà ruộng của họ, thân yêu quan lại coi sóc họ, thì có thể giữ gìn chắc chắn;

Nếu trăm họ cho là vua ta phải lẽ, địch quốc trái lẽ, thì có thể đánh phá thắng lợi.

Thường khi Võ Hầu bàn luận việc nước, mà thấy các quan trong triều không ai thông thái bằng mình được, thì lúc bấy giờ triều vua tỏ vẻ vui mừng.

Khởi tiến lên nói rằng: Ngày xưa, thường khi vua Sở Trang Vương bàn luận việc nước, mà thấy các quan trong triều không ai thông thái bằng mình thì lúc bấy giờ triều Vua tỏ vẻ lo buồn. Thân Công hỏi vua rằng: Vua có vẻ lo buồn, vì sao thế? Vua đáp: Quả nhân nghe rằng đời không bao giờ hết thánh nhân, nước không bao giờ thiếu hiền tài, ai được các bậc ấy làm thầy là người ấy làm Vương, ai được các bậc ấy làm bạn thì người ấy làm Bá. Nay quả nhân là người bất tài, mà các quan trong triều không ai hơn được quả nhân, đó là điều nguy hại của nước Sở vậy vào trường hợp Sở Trang Vương lo buồn mà nhà vua lại vui mừng thì hả thần phải thầm lo sợ vậy!

Nghe nói thế, Võ Hầu bèn có sắc khen.

Hiên Thủ hai

TRÙ LIỆU ĐỐI PHÓ VỚI QUÂN ĐỊCH.

Võ Hầu nói với Ngô Khởi rằng: Nay nước Tần hiếp phía Tây nước ta, nước Sở bịt phía Nam nước ta, nước Triệu ép phía Bắc nước ta, nước Tề lấn phía đông nước ta, nước Yên chặn phía sau nước ta, nước Hàn án ngữ phía trước nước ta, binh sáu nước đem giữ chặt bốn phía, ta bị kẹt vào thế quá bất tiện, biết lô tinh làm sao đây?

Khởi đáp rằng: Phép giữ yên nước nhà là trước hết phải lấy sự phòng bị làm quý. Nay vua đã biết phòng bị thì tai họa còn xa xăm chưa thể tới được. Hạ thần xin luận về phong tục, tính tình của người dân sáu nước:

Nước Tề bày trận cẩn thận mà không vững bền;

Nước Tân bày trận rời rạc nhưng biết tự đánh;

Nước Sở bày trận chỉnh tề nhưng không được lâu;

Nước Yên bày trận giữ thế thủ nhưng không bỏ chạy;

Tam Tấn⁽¹⁾ bày trận có trật tự nhưng không vận dụng.

Dân Tề tính khí cứng cỏi, nước giàu, vua tôi kiêu căng xa xỉ, nhưng việc săn sóc lê dân rất sơ sài, nên chính trị khoan dung nhưng bỗng lộc phân chia không đều, một trận mà hai lòng, phía trước cẩn thận mà phía sau khinh suất, cho nên bày trận cẩn thận mà không vững bền. Phép đánh họ ắt là chia quân ra ba phần mà đánh vào hai hông phải và trái, bám sát theo họ thì có thể phá trận của họ được.

Dân Tân tính khí mạnh mẽ, đất đai hiểm trở, nên chính trị nghiêm khắc, sự thưởng phạt đúng đắn, người dân không nhún nhường, ai ai cũng có lòng chiến đấu, cho nên bày trận rời rạc mà mọi người đều biết tự đánh. Phép đánh họ là trước hết phải bày điều lợi để dẫn dụ họ, sĩ tốt tham đoạt lợi nên rời xa tướng suý, thừa dịp họ khinh suất đuổi theo làm cho ba quân rời rạc, và đặt phục binh chờ cơ hội mà đánh úp thì có thể bắt tướng suý của họ được.

Dân Sở tính khí yếu ớt, đất đai rộng rãi, nền chính trị rối loạn, dân chúng mỏi mệt, cho nên bày trận chỉnh tề nhưng không được lâu dài. Phép đánh họ là ùa vào đánh các đồn trước hết phá tan nhuệ khí của họ. Thình lình rồi đánh, rồi rút lui thật nhanh, làm cho họ khốn đốn họ. Vết vẩy, chó nên giao tranh với họ, làm như thế thì có thể đánh bại quân họ được.

Dân Yên tính khí thành thực, cẩn thận, thích sự nghĩa dũng, ít mưu mô dối trá, cho nên cố giữ mà không bỏ chạy. Phép đánh họ là đến sát bức bách họ, đánh phá họ rồi bỏ đi xa, cho quân kị chạy vòng ra phía sau họ thật nhanh, làm cho bên địch trên thì nghi ngờ, dưới thì sợ hãi, phải cẩn thận đề phòng chiến xa và quân kị của ta, như thế tướng của họ phải né tránh ta và ta có thể chặn bắt được.

(1) Tam Tấn là nước Tấn cũ chia làm ba nước Ngụy, Hàn, Triệu.

Tam Tán⁽¹⁾ chính là Trung Quốc, tinh tinh hoa nha, nên chính trị bình an, dân chúng đã met mỏi vì chiến tranh, đã tập quen việc binh bị, tướng suy bị bạc dai, bông lọc ít ỏi, sĩ tốt không có lòng liều chết nên tuy có trát tự mà không sử dụng được. Phép đánh họ là bày trận mà ngăn chặn họ, họ đến thì ta chống cự, họ bỏ đi thì ta đuổi theo, cốt làm cho quân đội của họ mệt mỏi, đó là thế đánh.

Thế rồi, trong mỗi đội quân, ắt có những dũng sĩ, đủ sức gánh vác nhẹ nhàng, chân chạy lẹ làng như ngựa rợ Nhung, giật cờ bắt tướng đều có đủ khả năng, nếu được hạng người như thế thì chọn riêng họ ra, thương yêu, quý mến họ, đó gọi là quân mệnh; theo công dụng của họ mà chia ra năm thứ binh: tài giỏi, mạnh mẽ, dẻo dai, mau lẹ, nuôi chí muối địch, đều ban thêm cho họ phẩm tước, để họ quyết thắng, hậu đãi cha mẹ, vợ con họ, tướng thường để khuyến khích họ, trùng phạt để uy phục họ, hạng sĩ tốt ấy có thể lập trận vững bền, giữ nước lâu dài. Nếu biết suy xét điều ấy thì sức đánh của quân ta sẽ tăng gấp bội.

Võ Hầu khen là hay.

Ngô Tử nói rằng: Khi trù liệu đối địch, có tám trường hợp nên đánh **ngay** mà chẳng cần bối toán:

- Thứ nhất là khi gió lớn, trời lạnh gắt, địch thức dậy sớm để dời binh, phá băng vượt nước, không ngại gian nan.
- Thứ hai là đang ngày hè nóng nực, trời trong vắt không mây, quân địch chịu đói khát rong ruổi, cốt để giành giựt ở nơi xa;
- Thứ ba là địch quân bị kẹt cứng lâu ngày ở một chỗ, lương thực hết sạch, trăm họ oán giận, nhiều kẻ bàn tán việc hòa phục mà cấp trên không ngan cảm được.
- Thứ tư là địch quân hết sạch tiền của lương thực, củi củi thì ít ỏi, trời thì nhiều mây mưa, muốn đi cướp giật để ăn mà cũng không tìm ra chỗ nào;
- Thứ năm là địch gấp cảnh sĩ tốt không nhiều, đất nước không hẹn lợi, người ngựa bị bệnh tật, các nước láng giềng bốn bên không đến giúp;
- Thứ sáu là địch gấp cảnh đường còn xa mà trời đã tối, sĩ tốt vất vả và lô sọ, mệt mỏi và chưa ăn, đang cởi giáp để nghỉ ngơi.

Thứ bảy là bên địch, tướng tá ăn ở lạt lẽo, nhởn nhơ, lại sĩ khinh

(1) Ở đây xét nội tình của Tam Tán (Ngụy, Hàn, Triệu) tức là có xét nội tình của Ngụy ở trong đó. Vẫn để đặt ra là Ngụy phải đánh nhau với Hàn và Triệu.

suất, linh tráng không vững vàng, ba quân nhiều lần sợ hãi, quân đội không được giúp đỡ.

- Thứ tám là bên địch bày trận chưa hẳn hơi, dựng dinh trại chưa xong, đi ngược triền dốc, qua nơi hiểm trở, nửa ẩn nửa hiện.

Gặp những trường hợp như thế, ta nên đánh chúng mà chớ nghi ngại gì cả. Có sáu trường hợp phải tránh né địch quân mà không cần xem tốt xấu⁽¹⁾.

- Thứ nhất là địch có đất đai rộng rãi bao la, nhân dân giàu có, đồng đúc;

- Thứ hai là bên địch, người trên biết thương kẻ dưới, ân huệ ban bố đầy rẫy khắp dân chúng;

- Thứ ba là bên địch, sự tưởng thưởng rất tín thực, hình phạt đúng đắn và thi hành đúng lúc;

- Thứ tư là bên địch đánh trận thì thành công, ở nhà thì tề chỉnh, biết sử dụng người hiền năng;

- Thứ năm là địch có quân lính đông đảo, rất tinh tường việc binh giáp;

- Thứ sáu là địch có các lân bang bốn bên trợ giúp, có nước lớn sẵn sàng cứu viện;

Nếu thấy rằng ta không bằng địch về các phương tiện ấy thì nên né tránh mà đừng đánh chúng, đó gọi là "thấy dễ thì tiến, thấy khó thì lui".

Võ Hầu hỏi rằng: Ta muốn xem tình trạng bên ngoài của địch mà biết được tình hình bên trong, xem cách chúng tiến lên mà biết rằng chúng muốn dừng lại, để quyết định sự hơn thua. Ngài có thể giảng cho ta được nghe không?

Khởi đáp rằng: Quân địch đến gần, như ra vẻ vô tư lự, cờ xí rối loạn, người ngựa ngược xuôi không ngay ngắn chỉnh tề, nếu gặp trường hợp như thế, một người bên ta có thể đánh mười người bên địch, khiến cho chúng không thể sắp đặt kịp thời đối phó với ta.

Các nước chư hầu chưa tụ hội để giúp nhau, vua tôi của họ chưa hòa hợp, hào luỹ chưa chuẩn bị xong, mệnh lệnh chưa được thi hành, ba quân huyên náo. Họ muốn tiến lên mà không được, muốn lui về mà không dám, nếu gặp trường hợp như thế, một số ít quân ta cũng có thể đánh bại số nhiều quân địch, một trăm trận cũng không nguy hại.

(1) Coi quẻ hoặc coi ngày giờ.

Võ Hầu hỏi: Nên đánh địch vào những lúc nào?

Khởi đáp rằng: Khi dùng binh nên do xét để biết quân địch mạnh hay yếu vào lúc nào và ở chỗ nào để đánh chung vào lúc nguy nan;

Quân địch đi từ xa mới tới, hàng lối chưa chỉnh tề: nên đánh chúng!

Quân địch mới bắt đầu ăn chưa sấp đặt sẵn sàng: nên đánh chúng!

Quân địch chạy trốn: nên đánh chúng!

Quân địch đang làm lụng khó nhọc: nên đánh chúng!

Quân địch chưa chiếm được địa lợi: nên đánh chúng!

Quân địch trễ nải, chuẩn bị không kịp ngày giờ: nên đánh chúng!

Quân địch vượt đường dài, mới tới chưa kịp nghỉ ngơi: nên đánh chúng!

Quân địch có cờ xí rối loạn: nên đánh chúng!

Trận địch bị náo động nhiều lần: nên đánh chúng!

Tướng địch rời xa sĩ tốt: nên đánh chúng!

Quân địch có lòng sợ hãi: nên đánh chúng!

Gặp những trường hợp như thế, ta chọn sĩ tốt tinh nhuệ để xông tới rồi chia binh tiếp thêm vào, đánh gấp mà chớ nghi ngại gì cả.

Thiên Thú ka

TRỊ BINH

Võ Hầu hỏi rằng: Trong phép dùng binh, cần làm việc gì trước nhất?

Khởi đáp rằng: Trước hết phải biết rõ bốn điều dễ, hai việc lớn, một điều tin thực.

Hỏi: Sao lại gọi như thế?

Dáp: Đó là làm cho đất dễ đi bằng ngựa, ngựa dễ kéo xe, xe dễ chở người, người dễ chiến đấu.

Biết rõ đất dễ, đất khó thì đất dễ đi bằng ngựa;

Cùng ứng cỏ rơm kịp thời, thì ngựa dễ kéo xe;

Mơ và dầu trực xe dư dùng, thì xe dễ chở người;

Cárom giáo bén nhọn, bào giáp bền bỉ, thì người dễ chiến đấu.

Tiến lên thì được thưởng lớn, lui về thì bị phạt nặng;

Thi hành tin thực

Nếu xét làm được những việc ấy thì có thể làm chủ được sự chiến thắng.

Võ Hầu hỏi rằng: Bình lấy gì làm ưu thắng?

Khởi đáp rằng: Lấy trật tự làm ưu thắng.

Lại hỏi rằng: Có phải nhờ đông đảo không?

Đáp: Nếu pháp lệnh không sáng suốt, thường phạt không tin thực, chiêng đánh không đúng, trống đánh không tới, tuy có trăm vạn binh, dùng được ích gì?

Điều gọi là trật tự có nghĩa là ăn ở theo lề nghi, cử động có uy vũ, tiến tới thì không ai chống cự nổi, lui về thì không ai đuổi kịp, tiến quân đánh đuổi trúng tiết, tả quân hữu quân ứng biến kịp thời theo hiệu lệnh, tuy ở thế kẹt cũng bày trận hắn hoi, tuy tản ra mà cũng còn hàng ngũ.

Cùng hưởng cảnh yên vui với họ, cùng chịu cảnh nguy nan với họ, nên sĩ tốt luôn luôn quây quần theo ta mà không bao giờ li tán, có thể sử dụng mãi mà không bao giờ mỏi mệt, nên quân sĩ vào nơi nào thì thiên hạ không chống cự nổi, đó gọi là binh cha con.

Ngô Tử nói rằng: Theo phép hành quân, chớ nên đi đúng trái tiết, chớ nên ăn uống trái thời, chớ làm kiệt sức người và ngựa, đó là ba điều kiện để sĩ tốt dễ thi hành lệnh trên. Sĩ tốt thi hành lệnh trên, đó là nguồn gốc của sự trị an. Nếu đi đúng không đúng tiết, ăn uống không đúng thời, người ngựa mệt mỏi không được nghỉ ngơi, đó là nguyên nhân làm cho sĩ tốt không thi hành lệnh trên. Lệnh trên bị khinh rẻ thì khi ở yên bình sẽ rối loạn, khi đánh giặc binh sẽ thất bại.

Ngô Tử nói rằng: Khi binh ở chiến trường, đừng vào đất chết, hễ liều chết thì được sống, cầu sống thì phải chết; người tướng giỏi cầm binh cũng giống như ngồi trong thuyền thủng đáy bị nước rỉ vào, hoặc đang nằm ấm trong nhà mà chạy, việc xảy ra thật là cấp bách khiến cho người có trí cũng không kịp mưu tính được gì, kẻ dũng cảm cũng không kịp nổi giận, phải như thế mới có thể ứng địch được. Cho nên có nói rằng: Trong các điều hại của sự dùng binh, sự do dự là nguy hại nhất; tai họa của ba quân sinh ra do sự hồ nghi.

Ngô Tử nói rằng: Người ta thường chết ở chỗ mà mình bất lực, thường thất bại ở chỗ bất tiện cho mình. Cho nên trong phép dùng binh, sự răn dạy phải đúng đắn.

- Một người học đánh, dạy lại thành mười người biết đánh;

- Mười người học đánh, dạy lại thành trăm người biết đánh;

- Trăm người học đánh, dạy lại thành ngàn người biết đánh;

- Ngàn người học đánh, dạy lại thành muôn người biết đánh;

Muốn người học đánh, dạy lại thành ba quân biệt đánh;
Lấy ta ở gần chờ đánh địch từ xa tới;
Lấy ta nhẫn chờ đánh địch mệt;
Lấy ta no chờ đánh địch đói;
Binh ta đang bày viên trận, ta buộc đổi thành phuong trận;
Binh ta đang ngồi, ta buộc đứng dậy đi;
Binh ta đang đi, ta buộc đứng lại;
Binh ta đang đi qua trái, ta buộc đi qua phải;
Binh ta đang quay qua trước, ta buộc đi quay ra sau;
Binh ta đang phân tán, ta buộc tụ hợp lại;
Binh ta đang kế hợp, ta buộc giải tán.

Mỗi việc biến dịch ấy đều phải tập tành cho quen thuộc rồi mới sử dụng, binh ấy được, đó là phận sự của tướng súy.

Ngô Tứ nói rằng: Theo phép dạy đánh thì:

Người thấp cầm giáo kích;
Người cao cầm cung nỏ;
Người mạnh cầm cờ xí;
Người dạn cầm chiêng trống;
Người yếu làm việc vặt vãnh và nấu ăn;
Người trí làm chủ mưu;
Làng xóm nương nhau;
Các đội thập và đội ngũ che chở nhau;
Nghe một tiếng trống thì sắp binh chỉnh tề;
Nghe hai tiếng trống thì tập trận;
Nghe ba tiếng trống thì đi ăn;
Nghe bốn tiếng trống thì làm việc nghiêm chỉnh;
Nghe năm tiếng trống thì vào hàng;
Nghe trống và chiêng cùng đánh một lần⁽¹⁾ rồi mới đưa cờ lên.

Võ Hầu hỏi rằng: Ba quân đi đúng, há phải có phép tắc sao?

Khởi đáp: Không thể chống với thiên táo (bếp trời), không thể chống với long đầu (đầu rồng). Thiên táo là miệng hang lớn, long đầu

(1) Thanh ở đây phải hiểu là thanh la. Xem giao lệnh trong phần Tiện nghi (Không Minh) có câu: Văn cổ thính kim, nhiên hậu cử kỳ.

là đầu núi lớn, át là bên trái có Thanh long, bên phải có Bạch hổ, trước mặt có Chu tước, sau lưng có Huyền Vũ.

Người ở trên được thế chủ động, người ở dưới phải tuân theo thế bị động.

Lúc sắp đánh, phải xem xét gió thổi theo hướng nào. Nếu gió thổi thuận chiều cho ta, thì ta hô lớn mà đánh theo chiều gió; nếu gió thổi ngược chiều với ta, thì ta lập trận vững bền để chờ đánh địch.

Võ Hầu hỏi rằng: Về việc nuôi người và ngựa, phải theo phương pháp nào?

Khởi đáp rằng: Về ngựa, phải cho ở chỗ yên ổn, dễ kiểm cỏ, nước, lo liệu việc no đói của chúng cho có chừng mực. Về mùa đông thì cho ở chuồng ấm, về mùa hè thì cho ở chuồng mát, cắt bớt lông bờm để cho thông xuống bốn phía, bịt kín mắt và tai để ngựa khỏi sợ hãi, tập cho quen chạy mau, tập cho quen đi đúng đúng phép, người và ngựa phải gần gũi quen thuộc nhau rồi mới sử dụng được. Các dụng cụ về ngựa xe là yên, cương, đàm và hàm khớp, phải lo cho đủ đầy, bền chắc. Thường thường thì ngựa, không trước thì sau, đều bị tổn hại; không tổn hại vì đói thì cũng tổn hại vì no. Trời đã tối mà đường còn xa, thì nhiều khi thà để cho người mệt mà cẩn thận chờ cho ngựa mệt, nhờ đó mà ngựa có dư sức để phòng bị trường hợp địch đánh úp ta. Hiểu rõ việc ấy thì tha hồ dọc ngang giữa thiên hạ.

QUYẾN HAI

Thiên Thú Tú

LUẬN TƯỚNG

Ngô Tử nói rằng: Ai có tài kiêm văn võ thì có thể làm tướng cầm ba quân; ai giỏi gồm được hai thuật cứng mềm thì có thể coi được việc binh.

Người ta luận tướng, thường xét tính dũng cảm của họ, nhưng tính dũng cảm ấy chỉ đáng coi là một phần nhỏ trong toàn thể đức tính của tướng, suý. Người dũng cảm ắt là coi thường sự hợp chiến; coi thường sự hợp chiến mà không biết đâu là lợi ích, chưa phải là điều hay.

Cho nên tướng suý có năm điều thận trọng:

- Thứ nhất là chính lí;
 - Thứ hai là chuẩn bị;
 - Thứ ba là quả cảm;
 - Thứ tư là giới luật;
 - Thứ năm là giản ước.
- Biết chính lí thì trị nhiều người cũng giống như trị ít người.
 - Biết chuẩn bị thì đi ra cửa cũng giống như đi gặp địch;
 - Có lòng quả cảm thì khi gặp địch, không hề cầu sống;
 - Biết giữ giới luật thì dù có hơn thua, cũng giống như mới đánh⁽¹⁾.
 - Có tính giản ước thì pháp lệnh vẫn tắt mà không rắc rối. Nhận mệnh trên rồi thì không từ nan, dẹp địch xong rồi mới nói chuyện trở về, đó là lẽ nghĩ của tướng suý.

Cho nên từ ngày ra quân, thà chết vinh còn hơn sống nhục.

Ngô Tử nói rằng: Việc binh có bốn binh cơ (bốn việc binh then chốt):

- Thứ nhất là khí cơ;
- Thứ hai là địa cơ;
- Thứ ba là sự cơ;
- Thứ tư là lực cơ;

(1) Cố giữ tinh thần và kí luật như lúc mới ra quân

- Các việc sắp đặt to hay nhỏ của ba quân du động, tơi trán van, cùng, đều gom lại để do một người cầm nắm, đó gọi là khí cơ (việc chỉ huy);

- Đường sá chật hẹp, hiểm trở, núi cao chặn đường, mười người trấn giữ thì ngàn người không vượt qua được, đó là địa cơ (việc coi đất);

- Giỏi việc gián điệp, cho khinh binh đi về, làm li tán quân địch, khiến cho vua tôi họ oán nhau, trên dưới đổ lỗi cho nhau, đó gọi là sự cơ (việc gián điệp, tình báo);

- Xe cộ bền bỉ, thuyền bè tiện lợi, sĩ tốt thiện chiến, ngựa voi tập quen đi đứng, chạy nhảy, đó gọi là lực cơ (việc quân nhu và huấn luyện).

Biết rõ bốn việc ấy thì có thể làm tướng.

Tuy nhiên người tướng phải có đủ uy, đức, nhân, dũng để dẫn dắt người dưới, trị yên ba quân, khiến địch sợ hãi, có tài quyết đoán không để hổ nghi, ban lệnh cho thì kẻ dưới không dám làm trái, đến nơi nào thì giặc không dám chống cự. Được tướng ấy thì nước mạnh, bỏ tướng ấy thì nước mất, đó gọi là tướng giỏi.

Ngô Tử nói rằng:

- Dùng chiêng trống chuông mõ là để tai sợ uy;
- Vây pháo cờ xí là để mắt sợ uy;
- Bày ra các điều cấm chế, hình phạt là để lòng sợ uy;
- Tiếng làm tai sợ uy, không thể không thanh;
- Sắc làm mắt sợ uy, không thể không sáng;
- Hình phạt làm lòng sợ uy, không thể không nghiêm.

Ba việc ấy không hẳn hoi thì dù có được nước cũng bị địch đánh bại.

Cho nên có nói rằng:

- Tướng vây về phía nào, không thể không đi theo phía ấy;
- Tướng đã chỉ tay, không thể không tiến lên mà chết.

Ngô Tử nói rằng: Khi cần tranh chiến, việc cốt yếu là trước hết phải dò xét tướng lĩnh của quân địch, quan sát tài năng của họ, tùy theo hình thế mà dùng quyền mưu, thì không vất vả mà lập được công.

- Tướng của địch ngu ngốc mà lại tin người thì ta có thể lừa dối họ để dẫn dụ họ;

- Tướng địch tham lam mà không cầu danh thì ta có thể dùng tiền của để hối lộ;

- Tướng địch cùi động không thận trọng mà lại thiếu quyền mưu, thì ta có thể làm cho họ vất vả, lâm cảnh nguy khốn.

Bên địch, người trên gian cõi mà kiêu căng, kẻ dưới nghèo khó và oán vọng, thì ta lì gian họ;

Quân địch tối lui không quyết định, sĩ tốt không biết nương tựa vào đâu, ta có thể làm cho họ rung động, mà trốn chạy;

Bên địch, sĩ tốt coi thường, tướng suý mà có bụng muốn về, chẹn các nơi để đi, mở thông các nơi khó đi, ta chờ cơ hội mà đánh chiếm;

Quân địch dễ tới, khó lui, như thế chúng có thể tiến tới trước (để đánh ta);

Quân địch khó tới, dễ lui, ta có thể xông tới gần mà đánh chúng;

Dịch đóng quân nơi ẩm thấp, nước chảy không thông, gấp khi mưa dầm, thì sẽ bị lụt lội, chìm đắm;

Dịch đóng quân nơi hoang vu, cỏ gai rậm rạp, gió thường thổi mạnh, ta có thể dùng lửa để đốt chúng;

Dịch ở mãi không đi, tướng sĩ trẽ biếng, như thế quân địch không phòng bị, ta có thể âm thầm đến đánh úp chúng.

Võ Hầu hỏi rằng: Hai quân đối mặt nhau, không biết tướng địch như thế nào, ta muốn dò xét tướng của họ, phải dùng phương pháp nào?

Khởi đáp rằng: Nếu mệnh lệnh tầm thường mà lại tỏ ra dũng cảm, tướng địch tỏ ra coi thường sĩ tốt tinh nhuệ của ta như thế là địch muôn bỏ chạy chờ không muốn đánh chiếm.

Nếu ta thấy địch đi tới, kẻ ngồi người đứng, chính pháp của họ chỉ có để trị yên, họ trốn chạy làm ra vẻ không bằng ta, lại thấy điều lợi mà làm như không hay biết gì, tướng địch như thế đáng gọi là tướng mưu ti. Không nên đánh nhau với họ.

Nếu quân địch huyên náo, cờ xí rối loạn, sĩ tốt muốn đi thì đi, muốn dừng, thì dừng, binh đội tự do đi ngang đi dọc không có khuôn phép, khi trốn chạy thì lo rằng không kịp, khi thấy lợi thì lo không chiếm được, đó là hạng tướng ngu ngốc, dù có nhiều quân, ta cũng vẫn đánh bại chúng, được.

Thiên Thú năm

ỨNG BIẾN

Võ Hầu hỏi rằng: Xe bên người tốt, tướng dạn binh mạnh, bỗng bị địch, sĩ tốt rối loạn mất hưng ngũ, bây giờ phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Theo phép đánh thì ban ngày phải cát, sét pháo để làm hiệu lệnh, ban đêm dùng chiêng, trống, kèn, sáo để làm hiệu lệnh; phắt qua trái thù đi qua trái, phắt qua phải thì đi qua phải, đánh trống thì tiến tới, đánh chiêng thì dừng lại; kèn thổi một lần thì đi, lần thứ hai thì họp lại; ai trái lệnh thì chém, ba quân phải sợ uy, sĩ tốt phải tuân mệnh, như thế thì ta đánh, quân địch không còn mạnh với ta được, trận địch không còn vững chắc với ta được.

Võ Hầu hỏi rằng: Nếu địch đông, ta ít, phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Ở đất dễ ta tránh địch, ở đất kẹt ta đón chúng. Cho nên nói rằng:

- Lấy một đánh mười, không đâu tốt bằng đất kẹt;
- Lấy mươi đánh trăm, không đâu tốt bằng đất hiểm;
- Lấy ngàn đánh muôn, không đâu tốt bằng đất khó.

Nay ta chỉ có ít sĩ tốt nhưng thình lình ta đánh chuông, nổi trống, thì ở nơi đường kẹt dù có đông quân địch đi nữa, chúng cũng không khỏi kinh động. Cho nên có nói rằng:

- Dùng quân đông, cần đất dễ;
- Dùng quân ít, cần đất hiểm.

Võ Hầu hỏi rằng: Dịch có quân đông, đã mạnh lại dạn, dựa vào nơi hiểm trở, bên phải có núi bên trái có sông, hào sâu thành cao, dùng nỏ mạnh để giữ kẽ, lui về như núi dời, tiến tới như gió mưa, lương thực lại nhiều, ta khó mà cầm cự lâu dài với họ, phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Việc vua hỏi thật là quan trọng! Trong trường hợp ấy, không thể dùng sức xe ngựa mà dùng mưu kế của thánh nhân. Thường nên dùng ngàn cỗ xe, một vạn quân kị, dùng quân đi bộ thêm vào, chia ra thành năm đạo quân, mỗi đạo quân đi một đường. Bởi vì năm đạo quân đi năm đường khác nhau nên quân địch hồ nghi không biết ta sẽ đánh vào nơi nào. Nếu địch giữ kẽ, lo củng cố binh đội, ta phải cho gián điệp đến dò xét cách sắp đặt của họ. Hoặc họ nghe lời ta rút quân mà đi; hoặc họ không nghe lời ta, chém sứ đốt thư, thì chia ra năm đạo mà tiến đánh, đánh thắng thì đừng đuổi theo địch, không thắng thì lui về gấp làm ra vẻ bỏ trốn; nếu địch không nghi ngờ mà yên lòng theo ta để đánh gấp, thì ta cho một đạo quân chặn đầu, một đạo quân chặn đuôi, rồi cho hai đạo quân ngầm tách phân ra hai phía trái và

phai đánh úp vào nơi chúng đóng binh, năm đạo quân⁽¹⁾ cung đánh, ta sẽ được thắng lợi, đó là phép đánh quân mạnh.

Võ Hầu hỏi rằng: Dịch đến gần bức bách ta, ta muốn bỏ đi để tránh chúng mà không có đường, quân ta hết sức sợ hãi, bây giờ phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Phép đối phó với chúng là: Nếu ta nhiều quân mà chúng ít quân thì ta chia quân ra đánh để đè bẹp chúng; nếu chúng đông quân còn ta ít quân, thì ta theo một hướng nhất định mà đánh chúng, cứ đánh riết đừng cho lơi lỏng, như thế dù chúng đông quân cung phải thua ta.

Võ Hầu hỏi rằng: Nếu gặp địch ở chốn hang, lạch, ở chung quanh có nhiều nơi hiểm trở, địch nhiều quân còn ta ít quân, phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Ở các chốn gò, đồi, rừng, hang, núi cao, đầm rộng, nên đi mau cho qua khỏi, chờ nên nương tựa vào đó. Nếu tại chốn núi cao hang sâu, thình lình gặp địch, ta ắt phải trước hết đánh trống reo hò mà xông vào đánh chúng, đem cung nỏ ra trước, vừa bắn vừa bắt chúng, hễ xét thấy chúng rối loạn thì đánh gấp chờ nên nghi ngại gì cả.

Võ Hầu hỏi rằng: Ở bên trái và bên phải đều có núi cao, ở giữa đất rất chật hẹp, bỗng ta gặp quân địch, muốn đánh chúng mà không dám, muốn tránh chúng mà không được, hỏi phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Đó là trường hợp đánh trong hang núi, tuy nhiều quân cung vô ích, một ít sĩ tốt tài giỏi của ta cũng có thể đối phó ngang sức với quân địch, ta cho binh mạnh lè chân đi trước, cho xe, ngựa nấp ở bên phia, rồi rút cách xa địch vài dặm, địch không thấy binh xe ngựa ấy của ta, ắt phải bày trận giữ vững, không dám lui tới⁽²⁾. Bây giờ ta mới giáng bày cờ xí ra, đi ra khỏi núi mà đóng đinh, như thế địch phải sợ ta: ta liền đem xe ngựa khiêu chiến, đánh riết đừng cho địch nghỉ ngơi, đó là phép đánh trong hang⁽³⁾.

Võ Hầu hỏi rằng: Ta và địch gặp nhau tại chỗ đầm lầy nước lớn,

(1) Một đạo nhử địch đuổi theo, hai đạo chặn đầu chặn đuôi hai đạo đánh vào dinh trại của địch, như thế cộng chung lại là năm đạo.

(2) Trong hang tức là nơi chật hẹp, tiện lợi cho lính bộ mà bất tiện cho xe và ngựa. Dịch chỉ thấy lính bộ là chỗ mạnh của ta mà không thấy xe, ngựa là chỗ yếu của ta nên địch phải sợ ta.

(3) Khi ra khỏi hang được chỗ đất rộng rãi bằng phẳng tiện lợi cho xe ngựa, ta đỡ đánh địch đang còn kẹt trong hang.

nghiêng bánh ngập càng, hoặc là nơi nước cạn, xe ngựa hay thuyền đều không dùng được, tới lui chẳng được, bấy giờ phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Đó là trường hợp đánh trước tiên, không dùng xe ngựa được, phải dẹp vào một bên. Hãy leo cao nhìn bốn phía để biết hình thế nước như thế nào, xem kỹ vùng nước rộng hẹp sâu cạn như thế nào, rồi sau mới lập mưu kế để chiến thắng. Nếu địch vượt nước, ta chờ địch qua nửa chừng rồi là đánh chúng.

Võ Hầu hỏi rằng: Trời mưa dầm lâu ngày, xe ngựa bị kẹt không dời chuyển được, bốn phía đều bị địch bao vây, ba quân sợ hãi, phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Về phép dùng xe, trời mưa ẩm thấp thì nghỉ, trời nắng khô ráo thì dùng, quý nơi cao mà chê nơi thấp. Khi dùng xe nặng, đi đúng đều phải tuân theo đường sá, địch dây binh ắt sẽ đuổi theo dấu bánh xe.

Võ Hầu hỏi rằng: Giặc dữ thình lình kéo đến, chiếm đồng ruộng của ta, bắt trâu dê của ta, phải làm thế nào?

Khởi đáp rằng: Giặc dữ kéo đến, ắt lo lắng về cái hoàn cảnh miến cưỡng của chúng, ta bèn giữ kĩ chớ đánh chúng ngay, đến chiêu chúng muốn lui về cho gấp, như thế chúng không có lòng chuyên chú chiến đấu, ta bèn đuổi theo mà đánh thì quân địch phải tan vỡ.

Ngô Tử nói rằng: Phép đánh địch vây thành là sau khi hạ được thành ấp, ta vào chiếm cung phủ, sắp đặt lộc trật (tổ chức việc cai trị), tịch thu khí vật của họ; quân ta đến chỗ nào, cấm chúng không được chặt cây, phá nhà, lấy lúa gạo, giết gia súc, đốt kho chứa trữ, để tỏ cho dân chúng rằng quân ta không có lòng tàn nhẫn; bên địch có ai xin ra hàng, ta cũng bằng lòng cho hàng và an ủi họ.

Thiên thư sáu KHÍCH LỆ SĨ TỐT

Võ Hầu hỏi rằng: Thường phạt nghiêm minh, riêng việc ấy có đủ để chiến thắng không?

Khởi đáp rằng: Về việc nghiêm minh, hạ thần không dám cho rằng mình biết đủ hết, tuy nhiên chớ nên trông cậy vào đó. Ban bố hiệu lệnh mà dân thích nghe, dây động binh mã mà dân ham đánh, đem ra cho

chiến trường, đầu tên mũi giáo mà đầu vùi lóng, liệu chết, do là bá điệu mà nhân chúa có thể trong cay

Võ Hầu hỏi: Muốn được như thế, phải làm thế nào?

Khởi đáp: Nhà vua nên cat nhắc những người có công trạng để họ hưởng lộc và khuyến khích nhưng kẻ vô công.

Bấy giờ Võ Hầu sắp ngồi tại miếu đình ba hạng khách tiệc:

Các quan đại phu, các người có công đầu được ngồi chiêu ăn hàng đầu, được dài thức ăn uống bậc nhất, thịt tế bậc nhất;

Các người có công kém hơn được ngồi chiêu hàng giữa, được dài kẽm hơn;

Các người không công được ngồi chiêu ăn hàng sau, không được dài các thức thượng phẩm.

Tất cả ăn uống xong rồi đi ra. Lại ban thưởng cho cha mẹ, vợ con của các kẻ có công ngay ngoài cửa miếu đường, cũng bằng theo công trạng mà dài cao thấp khác nhau.

Đối với nhà nào có người chết trận, hàng năm sai sứ giả đến an ủi và ban thưởng cho cha mẹ, để tỏ lòng không quên công lao.

Thi hành việc thưởng công ấy được ba năm thì gấp lúc nước Tần dày binh xâm phạm đất Tây Hà, sĩ tốt nước Ngụy nghe được tin ấy, không đợi lệnh trên sai khiến mà đã mặc áo giáp, đội mũ trụ ráng sức đánh giặc, số người ấy lên tới vạn người.

Võ Hầu triệu Ngô Khởi đến nói rằng: Lời dạy của ngài ngày trước bấy giờ đã thi hành được rồi!

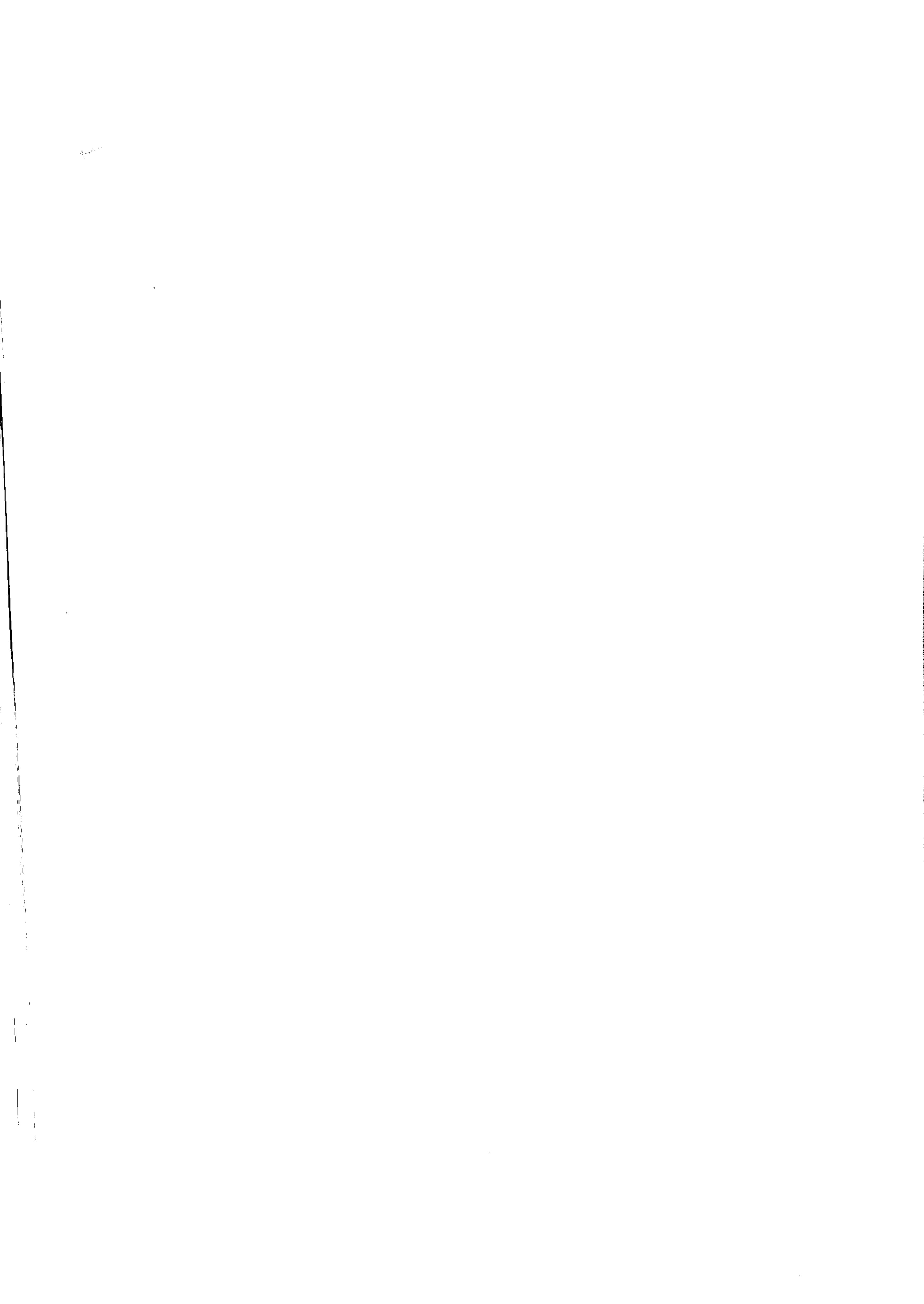
Khởi đáp rằng: Hạ thần được nghe rằng người ta có điều hay điểu đó, khi có khi thịnh khi suy, xin nhà vua hãy giao cho thần năm vạn kẻ không công, thần xin dẫn họ đi đánh giặc, nếu lỡ ra mà không thắng, thì chịu đòn cho chư hầu chê cười, và chịu mất quyền hành giữa thiên hạ. Nay khiến một tên tử tù nấp ở nơi đồng hoang, và cho ngàn người theo đuổi nó, thì nó không khỏi trở nên dữ tợn như chim kiêu⁽¹⁾, như chó sói, biết sao? Bởi nó sợ người ta hành động hung dữ mà hại nó vậy. Đó là một người liều mạng đủ khiến cho ngàn người phải sợ hãi. Nay hạ thần lấy năm vạn quân mà làm một tên tử tù để dẫn quân ấy đi đánh giặc, chắc chắn là giặc khó địch lại ta.

(1) Chim kiêu là tên chim dữ ban đêm đi bắt chim, chuột mà ăn, ăn thịt luôn cả mồi nó

Võ Hầu nghe lời, thêm vào năm trăm cỗ xe, ba ngàn quân kỵ, mà
phá được năm mươi vạn quân Tần, đó là nhờ khuyên khích ta tốt lặp
công vậy. Một ngày trước khi giao chiến, Ngô Khởi ban lệnh xuống, ba
quân nói rằng: Các sĩ tốt của ta đang bị xe ngựa và lính bộ của địch đón
đánh, nếu xe của ta không bắt được xe của địch, lính kị của ta không bắt
được lính kị của địch, lính bộ của ta không bắt được lính bộ của địch,
đều không có công trạng gì cả. Cho nên đến
dù có phá được địch cũng đều không có công trạng gì cả. Cho nên đến
ngày đánh, mệnh lệnh không rắc rối mà uy vũ làm rung động tất cả
thiên hạ.

UẤT LIỄU TỬ

UẤT LIỄU



Thiên Thủ nhất

THIÊN QUÁN

Lương Huệ Vương hỏi Uất Liễu Tử rằng: Có phải vua Huỳnh Đế dùng hình với đức mà đánh giặc trăm trận trăm thắng không?
Uất Liễu Tử đáp:

Hình dùng để công, đức dùng để thủ chứ không phải là việc thiên văn (thiên quan) ngày giờ, âm dương sáng tối. Việc làm của Huỳnh Đế là thuộc ván đế nhân sự.

Thế nghĩa là sao? Tỷ dụ như có một cái thành, ở phía Đông và phía Tây, đánh không vào, ở phía Nam và phía Bắc đánh cũng không vào, ấy chăng phải tại bốn bên đều biết tùy theo trời mà phòng thủ hay sao?

Nhưng thành đánh không vào là bởi thành cao hào sâu, binh khí đầy đủ, tiền bạc và lúa gạo tích trữ được nhiều, anh hùng hào kiệt một lòng. Nếu thành thấp hào cạn, phòng thủ yếu ớt thì thành sẽ bị chiếm. Căn cứ vào đó ta thấy rằng thiên văn ngày giờ không bằng ván đế nhân sự.

Sách *Thiên Quan* nói:

Dựa vào sông mà dàn trận gọi là tuyệt kỉ (sai nguyên tắc), hướng về đường triền dốc mà dàn trận gọi là phế quân (bỏ quân đi).

Vũ Vương dựa vào sông và hướng về đường triền dốc mà dàn thế hàn, dung, hai mươi hai ngàn năm trăm quân đánh hàng vạn quân của vua Trụ mà tiêu diệt nhà Thương. Có phải vua Trụ bày trận không dung theo thiên văn chăng? Công tử Tâm của nước Sở đem quân đi đánh với quân của nước Tề. Khi ấy có sao chổi xuất hiện và cán chổi quay về nước Tề. Có người nói: Cán chổi quay về bên nào thì bên đó thắng, nên không thể thắng được Tề.

Công tử Tâm nói: Sao chổi làm sao biết được.

Ngay hôm sau Công tử Tâm đem quân đi giao chiến đại phá được quân Tề.

Huỳnh Đế nói:

Trong khi hành động mà dựa vào quý thần mà mưu tính kỹ lưỡng, đương là thiên thời và nhân sự.

Thiền thư hai

BINH ĐÀM

Tìm đất đai phì nhiêu mà lập ấp.

Xây thành xứng với đất đai.

Giao thành xứng với người.

Số người tương xứng với lúa gạo.

Ba điều kể trên đều tương xứng thì:

Bên trong có thể cỗ thủ

Bên ngoài có thể chiến thắng. Chiến thắng ở bên ngoài, phòng bị ở bên trong, chiến thắng và phòng bị phải ăn khớp với nhau.

Người cầm binh cần phải:

Bí mật như đất

Cao xa như trời

Biển không thành có

Khi giữ khi thả

Khi mở khi đóng

Dân chúng lưu vong thì ta thân với họ

Đất hoang thì ta khai thác để dùng

Đất rộng mà dùng được thì giàu

Dân đông mà có trật tự thì nước bình yên thịnh trị.

Nước bình trị thì dân không cần phải đánh giặc, chiến xa không phải ra trận mà uy danh đủ áp đảo thiên hạ.

Cho nên nói:

Binh thắng ở triều đình, không cần chiến đấu mà thắng, đó là nhà vua thắng.

Thắng địch ở ngoài mặt trận là tướng thắng.

Dấy binh không thể vì phẫn nộ

Thấy thắng thì đánh

Thấy không thắng thì dừng.

Tai họa trong một trăm dặm thì không dấy binh một ngày.

Tai họa trong một ngàn dặm thì không dấy binh một tháng.

Tai họa trong bốn bề thì không dấy binh một năm.

Bậc tướng suý ở trên không bị trời khống chế.

Ở dưới không bị đất khống chế.

Thiên Thủ hai

BINH ĐÀM

Tìm đất đai phì nhiêu mà lập ấp.

Xây thành xứng với đất đai.

Giao thành xứng với người.

Số người tương xứng với lúa gạo.

Ba điều kể trên đều tương xứng thì:

Bên trong có thể cố thủ

Bên ngoài có thể chiến thắng. Chiến thắng ở bên ngoài, phòng bị ở

bên trong, chiến thắng và phòng bị phải ăn khớp với nhau.

Người cầm binh cần phải:

Bí mật như đất

Cao xa như trời

Biển không thành có

Khi giữ khi thả

Khi mở khi đóng

Dân chúng lưu vong thì ta thân với họ

Đất hoang thì ta khai thác để dùng

Đất rộng mà dùng được thì giàu

Dân đông mà có trật tự thì nước bình yên thịnh trị.

Nước bình trị thì dân không cần phải đánh giặc, chiến xa không
phải ra trận mà uy danh đủ áp đảo thiên hạ.

Cho nên nói:

Binh thắng ở triều đình, không cần chiến đấu mà thắng, đó là như
vua thắng.

Thắng địch ở ngoài mặt trận là tướng thắng.

Dãy binh không thể vì phẫn nộ

Thấy thắng thì đánh

Thấy không thắng thì dừng.

Tai họa trong một trăm dặm thì không dãy binh một ngày.

Tai họa trong một ngàn dặm thì không dãy binh một tháng.

Tai họa trong bốn bề thì không dãy binh một năm.

Bậc tướng suý ở trên không bị trời không chế.

Ở dưới không bị đất không chế.

Ngay xưa binh sĩ có thập ngũ⁽¹⁾.

Chiến xa có thiên liệt⁽²⁾.

Khi đánh trống phất cờ nhiều người dũng cảm leo thành trước.

Nếu trường hợp quân địch chết một mà ta chết một trăm như vậy là giúp cho địch mà làm tổn thất cho ta.

Khi giao trận tướng không thể bỏ chạy lúc đang chỉ huy quân. Như vậy sẽ tổn thất rất nặng nề.

Tướng không thể cấm binh sĩ dùng cung tiến lên giết địch ở ngoài trăm bộ⁽³⁾ và dùng mâu kích giết địch trong vòng năm mươi bộ, hoặc tướng đã đánh trống ra lệnh tiến mà binh sĩ rụt rè không chịu tiến. Nếu đánh giặc mà phạm mấy điều kể trên thì sẽ thua.

Tướng không chú ý đến đội ngũ của binh sĩ và chiến xa thì khi xung trận tất cả đều bỏ chạy.

Tướng làm tốt bốn điều kể trên thì:

Núi cao cũng lên được

Sông sâu cũng ngăn được

Trận thế vững chắc cũng phá được

Tướng không làm tốt bốn điều kể trên thì:

Như thuyền chìm đắm.

Như chèo gãy mái.

Núi sông không thể gìn giữ.

Dân chúng không chịu hi sinh.

Nếu hiệu lệnh dứt khoát pháp chế rõ ràng thì có thể làm cho binh sĩ tiến lên.

Người tiến bộ thì được thưởng.

Kẻ đào ngũ thì bị phạt.

Cho nên ra quân là thắng lợi.

Hành động là lập được công.

Ngày nay một trăm binh sĩ là một tốt.

Một ngàn binh sĩ có một quan Tư Mã chỉ huy.

Mười ngàn binh sĩ có một vị Tướng chỉ huy.

(1) Một thập có 10 người, một ngũ có 5 người.

(2) Một thiên chiến xa gồm có 25 chiếc.

(3) Một bộ là năm thước xưa.

Dùng binh ít mà thắng binh nhiều

Dùng binh yếu mà thắng binh mạnh

Bé hạ thử nghe lời của hạ thần thì có thể sai khiến được ba quân.

Giết một người mà giữ được binh luật thì cha không dám tha cho con, con không dám tha cho cha, hương chỉ là người dân trong nước.

Một tên giặc cầm kiếm đứng ở giữa chợ muôn người đều tránh xa.

Theo hạ thần thì:

Nếu không có một người dũng cảm thì muôn người đều nhút nhát.

Nghe theo lời của hạ thần thì có thể khiến cho ba quân dám hi sinh, khêu cho địch không dám chặn ta ở phía trước, không dám đuổi ta ở phía sau mà quân ta ra vào tự do.

Binh ra vào tự do là binh của bậc bá vương.

Cảm mươi vạn binh mà thiên hạ không dám đương đầu, đó là Hoàn Công.

Cảm bảy vạn binh mà thiên hạ không dám đương đầu, đó là Ngõ Khởi.

Cảm ba vạn binh mà thiên hạ không dám đương đầu, đó là Tôn Võ Tử.

Nay các nước trong thiên hạ đều có không dưới hai mươi vạn quân nhưng không tạo được công danh đó là vì không biết sáng tạo.

Pháp chế rõ ràng thì một người chiến thắng, mười người cũng theo đó mà chiến thắng.

Mười người chiến thắng thì trăm, ngàn vạn người cũng theo đó mà chiến thắng.

Cho nên nói:

Khi giỏi và lương thực đầy đủ, tinh thần vô dũng được bồi dưỡng. Như vậy khi ra quân nhanh như chim cắt bắt mồi, như nước tuôn từ khe suối ngàn nhẫn.

Nay nước ta bị họa xâm lược, của quý phải dùng để mời người ~~thu~~ đến giúp, con cưng phải đem ra làm con tin, đất đai bị chia cắt.

Huân hạ đem binh đến giúp ta, tiếng là mươi vạn nhưng thực ra ~~thập~~ có may vạn mà thôi.

Binh nước bạn kéo tới đều nói với nhau rằng: Tôi gì phải đi đánh ~~thập~~ cho thiên hạ, nhưng thực ra họ không có khả năng chiến đấu.

Vết thay dân ta không có hàng, ngũ gì cho nên không thể chỉnh đốn.

Quần đồng mươi vạn mà đánh không thắng, thủ không vững. Đó ~~thập~~ phải là lợn của dân mà là khuyết điểm chính của triều đình.

Các nước trong thiên hạ giúp ta đánh giặc mà không ích lợi gì cho ta.

Ta làm theo thiên hạ.

Ta sửa đổi pháp chế của thiên hạ làm pháp chế của ta.

Ta tu sửa lại hiệu lệnh.

Ta đặt ra hình thức khen thưởng.

Khiến cho thiên hạ biết rằng không làm ruộng thì không có ăn.

Không đánh giặc thì không được chức tước.

Khiến cho dân chúng thi đua sản xuất và hăng hái ra chiến trường
thì trong thiên hạ hết giặc.

Cho nên nói:

Ra hiệu lệnh mà được dân chúng thi hành thì sẽ chiến thắng quân
địch, thể hiện bằng khả năng chiến đấu chứ không phải nói suông.

Chiếm được đất của địch thì chăm sóc.

Bắt được dân của địch thì nuôi nấng.

Như vậy trong nước ắt được người hiền phò giúp.

Ở trong nước không có người hiền phò giúp mà lại muốn được
thiên hạ thì quân đội ắt phải tan rã, tướng ắt phải chết.

Như vậy, tuy chiến thắng mà nước càng ngày càng yếu.

Như vậy, tuy chiến thắng mà nước càng ngày càng nghèo.

Được đất đai mà nước càng ngày càng nghèo.

Đó là vì pháp chế ở trong nước không được thi hành.

Thiên Thú Lực

CHIẾN UY

Quân đội có khi dùng đạo để chiến thắng

Có khi dùng uy để chiến thắng.

Có khi dùng lực để chiến thắng.

Tuyên truyền vào hàng ngũ địch, khiến cho khí thế của địch suy
yếu, quân ngũ rời rạc, hàng ngũ tuy còn đó mà không dùng được. Đó là
dùng đạo để thắng.

Pháp chế rõ ràng, thường phạt phân minh, khí giới và lương thực
đầy đủ, dân chúng hăng hái chiến đấu. Đó là dùng uy để thắng.

Đánh úp quân giết tướng địch, thừa khi cửa thành địch sơ hở mà tấn
công đánh tan rã quân địch và giành đất đai. Đó là dùng lực để thắng.

Bắc vương; hau biết rõ ba điều thang; do thi sự nghiệp hoàn thành.
Tương suy và binh sĩ di chiến đấu là vì dân.
Dân số di chịu di đánh giặc là do khí thế.
Khí thế đầy đủ thì hăng say đánh giặc.
Khí thế mệt di thì bỏ chạy.
Có năm cách để quân ta chưa cần dùng hình phạt hay giao chiến
mà có thể áp đảo quân địch.
Một là miêu thắng (thắng từ triều đình).
Hai là thụ mệnh.
Ba là vượt biên giới.
Bốn là sâu hào cao luỹ.
Năm là bày trận và kỉ luật.
Trước hết phải đoán được địch tình rồi sau mới hành động.
Bởi thế đánh vào chỗ địch sơ hở để mà thắng.
Kẻ giỏi dùng binh có thể áp đảo địch chứ không bị địch áp đảo.
Áp đảo địch là do quyền mưu ở trong lòng.
Mệnh lệnh là khiến cho binh sĩ một lòng.
Binh động mà không rõ ràng thì sinh ra biến loạn.
Sinh biến loạn thì mệnh lệnh đã ban ra mà binh sĩ không nghe.
Cho nên theo phép ra lệnh thì: Có một lỗi nhỏ không đổi lệnh.
Có một chút nghi ngờ không được nói ra.
Lệnh ra mà bে trên không nghi ngờ thì binh sĩ tin theo.
Hành động mà không có chỗ nghi ngờ thì binh sĩ không lưỡng lự.
Ai cũng tin tưởng nên hết mình.
Ai cũng hết mình nên dám hi sinh.
Cho nên nước có lẽ nghi, có tình nghĩa, trên dưới yêu thương nhau
thì có thể biến đổi thành no.
Nước có lòng hiếu đế, từ bi và liêm sỉ thì có thể biến chết thành
hưng. Ngày xưa lanh đạo dân trước hết phải dùng lẽ tín rồi sau mới
dùng lược.
Trước hết phải cho dân biết liêm sỉ rồi sau mới dùng hình phạt.
Trước hết phải thương yêu dân rồi sau mới dùng kỉ luật để mà
giao du.
Cho nên người cầm binh phải lấy bản thân mình làm gương để mà
khuyên khích kẻ sĩ, giống như con tim điều khiển tay chân vậy.

Ý chí sĩ quan không được khuyến khích, thì họ không chịu hi sinh,
sĩ quan không chịu hi sinh thì binh sĩ không chịu chiến đấu.

Theo cách đó không thể không quan tâm đến đời sống của dân chúng.

Về việc chúc tước, về việc tang chế, về việc làm ăn của dân không thể không để ý đến.

Phải nhân theo đời sống của dân mà đặt ra pháp chế.

Phải nhân theo điều mà dân lấy làm vinh quang mà phát huy.

Phải ban cho họ ruộng đất chúc tước.

Phải lo cho họ miếng ăn miếng uống.

Làng xóm khuyến khích nhau.

Chết sống có nhau.

Binh sĩ nghe theo nhau.

Đó là điều cần phải khuyến khích cho dân chúng.

Trong đội ngũ thương nhau như thân thích.

Binh sĩ và cấp chỉ huy thương nhau như bạn bè.

Khi dừng thì vững như tường thành.

Khi động thì mạnh như vũ bão.

Xe không kẹt bánh⁽¹⁾

Người không buộc chân⁽²⁾ đó là phép giữ lấy gốc để đánh giặc vậy.

Đất là để nuôi dân.

Thành là để giữ đất

Chiến đấu là để thủ thành

Cho nên lo làm ruộng thì dân không đói.

Lo giữ gìn thì đất không mất (nguy)

Lo chiến đấu thì thành không bị vây

Ba điều kể trên là việc căn bản của tiên vương⁽³⁾ là điều cấp bách nhất của quân đội.

Tiên vương có năm điều lo việc binh:

Tích trữ không nhiều thì kẻ sĩ không đến.

Thưởng lộc không nhiều thì dân không được khuyến khích.

(1),(2) Hai câu này nói chiến xa không cần xích bánh, binh sĩ không cần buộc chân mà gấp giặc không bỏ chạy.

(3) Tiên vương là vua đã qua đời.

Binh sĩ không tuyển chọn thì quân đội không mạnh.
Khi cù không bền nhọn thì yếu sút.
Thường phạt không đúng chỗ thì binh sĩ không phục, sợ.
Giữ lấy năm điều trên thì:
Khi yên có thể phòng thủ vững chắc.
Khi động có thể thành công theo ý muốn. Muốn đi đánh người thì
chỗ ở phải vững.
Bảy trận phải kiên cố.
Cấp phát phải hoàn tất
Chỗ thiếu phải lấp đầy
Nước của bậc vương thì dân giàu
Nước của bậc bá thì kẻ sĩ giàu
Nếu nước giàu mà các bậc sĩ đại phu không được chăm sóc tiền của
cho vào kho nhà nước thì gọi là trên đầy mà dưới thiếu, như vậy tai họa
không thể cứu vãn được.
Cho nên nói:
Tiến cử người hiền, và dùng kẻ có tài luôn được thực hiện thì có lợi
cho đất nước.
Ban lệnh rõ ràng không cần bói quẻ mà mọi việc đều tốt đẹp.
Quý mến người có công, nuôi dưỡng người nghèo khó không cần
cung lê vẫn có phúc.
Lại nói: Thiên thời không bằng địa lợi.
Địa lợi không bằng nhân hòa.
Điều mà thánh nhân quý trọng là nhân sự.
Quân đội khi gian khổ thì tướng không được lo cho mình trước.
Trời nắng không che lợng.
Trời lạnh không áo dầy.
Đường hiểm trở thì đi bộ.
Giông linh đào xong tướng mới uống nước.
Còn linh chín rồi tướng mới ăn cơm.
Trai linh làm xong rồi tướng mới ở trong dinh.
Vật và hay nhàn rồi tướng đều hưởng thụ giống như binh sĩ.
Như vậy quân đội tuy đóng quân lâu ngày mà binh sĩ không kiệt
mìn mà cũng không bị thiệt hại.

CÔNG QUYỀN

Quân đội bình tĩnh là thắng.

Quốc gia thống nhất là thắng

Lực lượng bị phân chia là yếu.

Lòng người bị nghi ngờ thì thất bại.

Yếu sức nên tiến thoái không mạnh mẽ.

Nếu địch chạy thì không bắt sống được.

Tướng và quân phải như thân thể một con người.

Nếu nghi ngờ thì dù có kế hoạch đã có cũng không nên hành động.

Đã có kế hoạch hành động mà mỗi người một ý.

Tướng không lo rèn luyện.

Binh sĩ không tập tành, khi đánh giặc sẽ đổ máu.

Bởi thế quân đội không có kỉ luật không đủ sức để đánh giặc.

Tướng suý là trái tim.

Binh sĩ là tay chân.

Trái tim sáng suốt thì tay chân theo đó mà hành động.

Khi hành động mà lòng còn nghi ngờ thì tay chân sẽ không nghe theo.

Tướng suý không dùng lòng mình để chinh phục thì binh sĩ không hành động vì chính nghĩa.

Nhân dân không thể có hai thứ sợ

Sợ ta thì khinh địch

Sợ địch thì khinh ta.

Ai bị coi khinh là thua

Ai có uy thế là thắng

Tướng có đạo thì thuộc hạ kính sợ

Thuộc hạ kính sợ tướng suý thì dân chúng kính sợ thuộc cấp.

Cấp dưới kính phục cấp trên thì địch phải kính nể.

Bởi thế kẻ biết rõ cái lẽ thắng bại thì phải biết rõ cái lẽ kính sợ và khinh bỉ.

Không làm cho dân phấn khởi thì không lãnh đạo được dân.

Đối với dân không nghiêm thì không chỉ đạo được dân làm việc cho mình.

Sự yêu thương, quan tâm chỉ đạo là thuận lợi.
Cái uy thế lớn tối dinh cao là thành công.
Vì yêu thương nên dân không hãi lòng
Vì uy nghiêm nên dân không dám vi phạm.
Bối thế tướng giỏi phải được quân lính yêu thương và có uy thế với toàn quân.

Danh giặc mà không chắc thắng thì không đánh.
Lập công mà không chắc chắn thì không có công.
Có hình phạt, có khen thưởng cũng không đủ để gây uy tín.
Uy tín là ở chỗ giữ đúng lời hứa
Cho nên binh sĩ đã được tập hợp lại rồi, thì không để phân tán.
Binh sĩ đã ra trận thì không được bỏ chạy.
Tìm địch tựa như tìm đứa con bị thất lạc
Danh địch cấp bách như đi cứu người bị chết chìm.
Kẻ sợ nguy hiểm thì không có gan chiến đấu.
Kẻ khiêu chiến thì chiến đấu không hết mình.
Danh giặc mà mù quáng thì không thắng
Kẻ vì nghĩa mà đánh giặc là đáng quý.
Kẻ vì tư lợi và thù oán mà đánh giặc thì phải đặt ở đằng sau.
Khi đánh nhau phải thừa theo địch tình.
Khi nghỉ ngơi phải lo phòng bị
Binh có khi thắng ở triều đình.
Có khi thắng ở đồng bằng
Có khi thắng ở thành thị.
Danh giặc mà không nắm chắc tình hình đối phương, nếu có thắng chỉ là thắng may.
Thắng may không phải là toàn thắng.
Kẻ không toàn thắng thì chẳng có quyền mưu.
Cho nên bậc vua sáng phải chuẩn bị đầy đủ cho ngày giao chiến.
Quân đội bình thường giản dị mà đánh thắng, đó là nhờ chiến đấu có phương pháp, khí giới, lương thực đầy đủ, có tài chỉ huy chiến đấu.
Trong quân đội, năm người là một ngũ
Mười người là một thập.
Trăm người là một tát.
Ngàn người có một tướng, suy.

Vạn người có một vị tướng.

Trước hết phải nghiên cứu tình hình địch và xem tướng của địch rồi sau mới ra quân.

Tập trung quân đội từ ngàn dặm trong vòng một tuần, từ trăm dặm trong vòng một ngày.

Binh sĩ và tướng suý tiến sâu vào đất địch, cắt đứt đường tiếp tế, vây thành, vây áp, leo thành, dàn trận, chiếm điểm trọng yếu.

Đánh chiếm một thành ấp rồi cắt đứt các đường tiếp tế, tiếp đó mới bao vây các thành khác để đánh.

Tướng suý của địch không có uy tín, thuộc cấp bất hòa, hình phạt không được nghiêm minh. Như vậy ta sẽ đánh bại chúng.

Quân cứu viện của địch chưa kịp kéo tới thành mà địch đã đầu hàng, nếu công sự phòng thủ chưa làm xong thì tuy địch có đông cũng không thể tiếp tục phòng thủ được.

Quân lính ở đồn xa chưa kéo đến thì lính tuần thú chưa kéo về, tuy địch có người nhưng cũng như không có.

Súc vật chưa thu gom, lúa thóc chưa gặt hái, của cải chưa tập trung, tuy địch có của cũng như không có.

Thành ấp của địch trống không, của cải hết sạch, ta thừa chỗ sơ hở đó mà đánh.

Bởi thế binh pháp nói: Quân ta ra vào tự do thì địch không dám đánh, mà đầu hàng.

Thiên thư sáu

THỦ QUYỀN

Theo phép phòng thủ, nếu tiến mà không có thành quách, khi thoái không đặt chướng ngại vật để chống cự, như vậy không phải là kẻ đánh giỏi.

Anh hùng hào kiệt, binh giáp, cung nỏ, kho tàng, lương thực tất cả đều ở trong thành.

Phải làm cho kẻ tấn công mạnh gấp trăm lần bị tổn thất nặng nề. Trong khi đó lực lượng phòng thủ chỉ bằng một nửa kẻ tiến công.

Người tướng phải biết rằng phòng thủ là không bỏ những điểm trọng yếu.

Theo phép phòng thủ thì thành mươi trượng mươi người giữ.
Ké ra ngoài thì không thù
Người thù thì không ra ngoài
Một người chống cự mươi người
Mươi người chống cự trăm người
Trăm người chống cự ngàn người
Ngàn người chống cự vạn người
Bởi thế, công của dân chúng đắp đất xây thành không bị phí uổng.
Thành trì dài ngàn trượng thì có muôn người giữ.
Chiến hào phải sâu mà rộng, thành luỹ phải chắc mà dày.
Binh sĩ và dân chúng ở trong thành thì lương thực phải đầy đủ.
Cùng nỏ và mâu kích phải tốt, đó là phép phòng thủ vậy.
Ké đánh thành nếu có binh đong tới trên trăm ngàn, thì kẻ phòng thủ phải có quân cứu viện thì mới thế thủ được.
Thành chắc chắn mà quân cứu viện lại hăng hái thì người trong thành không ai không hết mình chống đỡ.
Thành vững chắc thì thế thủ hơn tiến công, cứu viện hơn thế thủ.
Thành chắc chắn mà quân cứu viện không hăng hái thì ở trong thành tinh thần quân lính bị nao núng, lo sợ. Khi ấy đâu có mang hết cửa cái trong kho ra mà động viên binh sĩ cũng không có tác dụng nữa.
Khi chiến đấu giữ ở phía trước là những anh hùng hào kiệt và binh sĩ tinh nhuệ dùng vũ khí sắc bén và cung nỏ chắc chắn còn những người già yếu giữ ở phía sau. Nếu có binh cứu viện thì mở cửa cho vào. Nếu phòng thủ thì phải phòng thủ các điểm trọng yếu ở bên ngoài. Không cho địch cắt đứt đường tiếp tế bên trong và bên ngoài của ta. Phải hỗ trợ lẫn nhau trong chiến đấu. Đó gọi là phòng thủ.

Thiên Thủ bảy

THẬP NHỊ LĂNG

Quyền uy là ở chỗ không biến đổi
An huệ là ở chỗ biết tùy thời
Cố mưu là ở chỗ biết ứng biến với sự việc
Danh giặc là nhờ có khí thế
Tán công là nhờ ý chí

Phòng thủ là nhơ chuẩn bị
Không lối lầm là nhờ biết độ lượng
Không sơ suất là nhờ có chuẩn bị
Cẩn thận là vì chú ý từng chi tiết nhỏ
Mưu trí là vì biết đối phó với việc lớn
Diệt trừ mối nguy hại là nhờ lòng quả cảm
Được dân chúng ủng hộ là nhờ biết quan tâm đến cuộc sống của họ.
Hồi han là tại vì nghi ngờ
Ác nghiệt là tại vì chém giết
Không ngay thẳng là tại vì tư lợi
Không lành là tại vì không thấy được lối lầm của mình
Không hợp chế độ là tại vì làm kiệt quệ tài sản của dân
Không sáng suốt là tại vì nghe lời li giàn
Không thực tế là tại vì không quan tâm
Hư hỏng là tại vì rời xa người hiền
Họa hoạn là tại vì ham lợi
Tai họa là tại vì gần kẻ tiểu nhân
Mất mát là tại vì không giữ gìn cẩn thận
Nguy khốn là tại vì không có hiệu lệnh

Thiên thứ lám

VÕ NGHỆ

Không dấy binh đi đánh một thành, không giết nhầm người vô tội.
Giết cha anh, cướp của cải, bắt bớ con cái người ta, đó đều là kẻ cướp.
Dấy binh là để trừ bạo và tiêu diệt kẻ bất nghĩa.
Binh kéo đến đâu, nhà nông không rời đồng ruộng, thương gia
không rời chỗ buôn bán, sĩ đại phu không rời văn phòng. Đó là tại vì
nhờ võ nghệ trong tay một người.
Cho nên dấy binh không đổ máu mà thiên hạ đều yên.
Một vạn cỗ xe dùng vào sản xuất nông nghiệp.
Một ngàn cỗ xe dùng vào việc cứu viện và phòng thủ.
Một trăm cỗ xe dùng vào việc nuôi quân.
Sản xuất nông nghiệp thì phải nắm được chính quyền.

Cứu viện và phòng thủ đợi hỏi sự trợ giúp.

Nuôi dân đợi hỏi tiền và của.

Binh mã đem ra ngoài không, dù để đánh giặc, đem vào thành không, dù để phòng thủ, thì họ cho đóng ở chợ búa, vì chợ búa là ngoài phạm vi chiến đấu và phòng thủ.

Một vạn cỗ xe không, có sự giúp đỡ của một ngàn cỗ xe thì tất phải có một trăm cỗ xe ở chợ búa.

Hình phạt là chứng minh cho vũ lực.

Giết một người mà ba quân kinh sợ thì nên giết.

Giết một người mà muôn người mừng rõ thì nên giết.

Giết là quý ở chỗ lớn

Thưởng là quý ở chỗ nhỏ.

Đáng giết thì dù người được quý trọng cũng phải giết. Đó là hình luật áp dụng kể cả bề trên.

Thưởng đến kẻ giữ trâu chăn ngựa, đó là thưởng tới kẻ hèn thấp.

Hình phạt có thể áp dụng đến cấp trên, khen thưởng tới cấp dưới. Đó là vò dũng của người làm tướng.

Cho nên bậc vua chúa phải coi trọng tướng suý.

Tướng suý chỉ huy ba quân, lâm trận quyết chiến ra lệnh tiến lên. Hắng trận được thưởng công, ra lệnh mà binh sĩ không tiến thì bản thân cũng không còn mà nước cũng mất.

Sự mất còn và an nguy đều nằm trong tay người làm tướng, như vậy le nào nhà vua lại không trọng dụng tướng soái?

Nhà vua muốn dùng việc võ để lập nên công trạng, hạ thần cho rằng không khó.

Người xưa nói: Dánh thành không có vũ khí, phòng thủ không có hao hụt. Đó không phải là quân đội thiện chiến.

Không nhìn thấy, không nghe thấy, là tại vì nước không có chợ búa.

Chợ búa là chỗ tập trung trăm thứ hàng hóa.

Người ăn một đấu thóc, ngựa ăn ba đấu thóc. Người đói, ngựa thì ăn gì, ấy là vì sao?

Vì chợ búa mở ra mà không có người trông coi.

Chỉ huy thien hạ mà không biết lo tích trữ của cải thì không gọi là người biết đánh giặc.

Thái Công Vọng (Lư Vọng) năm bảy mươi tuổi còn làm nghề giết

bò ở đất Triều Ca và vất vả ở bên sông Minh Tân. Dù bao bấy năm mà nhà vua không biết tài. Mọi người đều gọi ông là cương phu (ông già khùng). Mãi cho đến khi gặp được Văn Vương, ông mới cảm ba vạn. làm sao lại thành công như vậy.

Bởi thế, ngựa giỏi mà có cương thì đường xa cũng tới, binh sĩ mà gặp minh quân thì đạo lớn có thể làm cho sáng láng hơn lên.

Võ Vương đánh vua Trụ, khi kéo đến bến Minh Tân, quân cảm tử chỉ có ba trăm chiến sĩ chỉ có ba vạn. Binh của vua Trụ đông đến hàng vạn người. Một trận kéo dài cả trăm dặm mà Võ Vương diệt được Trụ. Đó là do nắm vững tình hình địch và ta.

Tướng suý ngày nay thường xem bói, xem mu rùa, xem sao và xem sự thay đổi của gió mây để cầu mong chiến thắng lập công. Hạ thần cho rằng đó là điều rất khó.

Kẻ làm tướng ở trên không bị trời khống chế, ở dưới không bị đất khống chế, ở giữa không bị người khống chế.

Cho nên việc binh là việc dữ, tranh giành là trái đạo đức.

Bởi thế:

Đã là Tướng thì trên không có trời, dưới không có đất, phía sau không có vua, phía trước không có địch.

Mạnh như hổ như sói.

Như gió như bão.

Như sấm như sét.

Oai phong lâm liệt.

Thiên hạ đều kính phục.

Binh đi như nước chảy, như nước từ núi cao đổ xuống, không sút mạnh nào ngăn cản nổi.

Nay ta có vũ khí bén nhọn và chắc chắn, binh sĩ đông đảo mà lại có chính nghĩa hẳn hoi. Kẻ địch không thể nào chống cự nổi.

Cho nên nói: Dùng người hiền tài thì thời nào cũng phải có. Như vậy mới có lợi cho đất nước.

Pháp lệnh rõ ràng, không cần bói toán mà mọi việc đều lành.

Quý kỉ có công, nuôi người vất vả, không cúng tế mà có phúc.

Lại nói: Thiên thời không bằng địa lợi.

Địa lợi không bằng nhân hoà

Người xưa rất cẩn thận về nhau như

Ngô Khởi đem binh đi đánh quân Tần, ăn ở rất bình dân, tại sao thế? Bởi vì không tự cao vay.

Muốn người ta dam hi sinh cho nên không cần lènghi.

Cho nên ngày xưa người chiến sĩ đã nai nịt giáp trụ thì không phải quy lạy. Do là muôn binh sĩ không vì mình mà phiền phức.

Lâm phiền lụy người ta mà muôn người ta hi sinh dũng cảm - điều đó từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy vậy.

Người tướng ngày thụ mệnh vua quên cả gia đình.

Ngày bày trận ở đồng bằng quên cả bà con thân thích,

Ngày giao chiến quên cả bản thân.

Ngô Khởi khi lâm trận, các vị tỳ tướng đưa kiếm cho ông.

Ông nói: Tướng chỉ biết chỉ huy và ra lệnh, việc cầm kiếm không phải công việc của tướng.

Ngô Khởi đem binh đi đánh Tần, chưa có lệnh giao chiến mà đã có một người ý sức mạnh xông tới chặt hai thủ cấp của địch xách về. Ngô Khởi lập tức bắt chém đầu. Mọi người đều can gián nói rằng: "Đó là người tài không nên chém". Ngô Khởi nói: "Mặc dù là người tài, hễ trái lệnh là chém đầu".

Thiên thệ chín

TƯỚNG LÍ

Tướng là chủ của vạn vật, không thiên vị một người nào. Vì không thiên vị một người nên vạn vật được sắp xếp và có trật tự. Vạn vật có trật tự nên điều khiển được chúng.

Người quân tử không cứu tú ở ngoài năm bộ, mà dùng tên bắn tung không được.

Cho nên người giỏi về việc xét xử tù nhân không cần dùng roi đòn, để tra khảo mà họ tự khai.

Dùng gậy đánh trên lưng, dùng lửa đốt dưới nách, dùng giây buộc tay người ta mà tra tấn. Dù là bậc quốc sĩ cũng không chịu nổi sự khảo tra tàn nhẫn đó mà khai ra những điều không thật.

Ngran ngữ có câu: Ngran vàng không chết, trăm vàng không hành khinh

Bè hạ thứ nghe theo lời của hạ thần, áp dụng phuoty pháp của hạ thần, dù người khôn ngoan như Nghiêu Thuần cũng không thể giải một lời.

Theo cách hạ ngực ngày nay, khám nhỏ không dưới mươi người, khám trung không dưới trăm người, khám lớn không dưới ngàn người.

Mười người có liên quan đến công việc của trăm người. Trăm người có liên quan đến công việc của ngàn người.

Ngàn người có liên quan công việc của vạn người.

Con người có quan hệ với nhau, trước hết là cha mẹ và anh em, kể đến là vợ chồng, bè bạn.

Bởi thế nhà nông rời bỏ ruộng đồng, thương gia bỏ nơi buôn bán, sĩ phu không đến văn phòng làm việc.

Vì sự liên quan như vậy nên dân lành đều nằm trong tình trạng tù tội cả. Bình pháp nói: Mỗi ngày phải tốn kém ngàn vàng mới dấy nổi một đạo binh mười vạn.

Nay dân lành mười vạn bị liên quan bởi tù tội. Chúa thượng không xét kỹ hạ thần cho rằng rất nguy vậy.

Thiên thư mười

NGUYÊN QUAN

Quan là chủ của mọi việc, là nguồn gốc của trật tự.

Chế là phân chia chức năng bốn phận của bốn loại (sĩ, nông, công, thương) là sự phân chia để trị.

Cao quý nhờ chức tước, giàu sang nhờ bỗng lộc, bởi thế phải có tôn ty trật tự.

Khen thưởng người thiện, trừng phạt kẻ ác. Đó là pháp chế dùng để cai trị dân.

Phân chia ruộng đất, điều hòa thuế má, đó là đức độ của người chăn dân.

Sắp xếp người làm, dự bị khí cụ, đó là công của người thợ.

Phân chia khu vực, diệt trừ tệ nạn, đó là công việc của người giữ trật tự.

Giữ gìn pháp luật, tính toán mọi việc, đó là công việc của tôi thần.

Làm rõ pháp lệnh và nghiên cứu mọi điều, đó là tài tháo vát của nhà vua.

Thường người có công, phạt người có tội, đó là cách thức trừ gian.

Biết cách co giãn, giữ gìn mồi dão, đó là điều cốt yếu của chính trị.

Dưới đất trên thông, đó là sự cai trị kheo leo.

Biết vật dụng trong nước nhiều hay ít để mà sử dụng,

Biết được cai yếu tức là mạnh.

Biết được cai động tức là bình yên.

Quan chia ra văn võ tùy vua sử dụng.

Dù thuyết và gián điệp không vào được là nhờ tài võ nghệ.

Chữ hán tôn trọng thiên tử thì dân từ đời này sang đời khác tuân mệnh lệnh của vua.

Đi trái ngược lại cái đức sáng của vua cho nên phải theo lễ mà phạt tội.

Thiên Thú mười một

TRỊ BẢN

Làm thế nào để trị người?

Dáp:

Không có ngũ cốc thì không thể lót dạ

Không có vải thì không thể che thân

Cho nên lót dạ phải có gạo, che thân phải có vải.

Không lo việc đồng áng

Vô lo việc canh cừi

Dân không bàn hai việc thì có dư dả.

Đồ dùng bằng gỗ thì hôi dầu

Đồ dùng bằng ngũ kim thì hôi tanh.

Thành nhân uống nước ở nơi đất

An cùn cung ở nơi đất

Cho nên dùng đất nặn thành đồ dùng mà không phí của thiên hạ.

Ngay nay tính của vàng không sợ lạnh mà lại cho mặc áo thêu, tính của trầu ngựa thích ăn cỏ, uống nước mà lại cho ăn đậu ăn bắp. Đó là ~~kiểu~~ cai trị thiếu cẩn bản. Vì thế nên cần phải có quy chế.

Mùa xuân mùa hạ thì dân ông đi làm ruộng.

Mùa thu mùa đông thì dân bà đi dệt vải. Như vậy dân sẽ không ~~nghe~~ khổ.

Nay quân ngăn không đủ che thân

Tâm cảm không đủ lót dạ. Đó là vì mất trật tự.

Ngày xưa cũng đất ấy, người ấy, mà sao người xưa thành công, sao ngày nay lại thất bại?

Người nay làm ruộng không hết đất, khung cùi thường bỏ không, cho nên mới đói rét.

Người xưa biết cách cai trị mà người nay không biết cách cai trị.

Cái gọi là trị, tức là khiến dân không tự tư tự lợi.

Dân không riêng tư thì thiên hạ là một nhà cho nên không ai làm ruộng riêng. Chẳng ai dệt vải riêng cùng nhau chia sẻ sự đói rét.

Cho nên người có mười đứa con không thêm một bát cơm, người có một đứa con cũng không bớt một bát cơm.

Nếu dân truy lạc thì lòng tham lam và sự tranh giành sẽ xảy ra.

Sự ngang ngược xảy ra trong một người thì dân sinh lòng tư lợi.

Kẻ dưới không dám tư lợi thì không làm việc phi pháp.

Làm trái với căn bản thì lòng tham sẽ phát sinh.

Chặn đứng sự tranh giành, huỷ bỏ ngực tù, đồng ruộng có nhiều thóc người dân sống yên lành, thì bên ngoài không có họa xâm lược bên trong không có bạo loạn. Đó là thịnh trị.

Bầu trời bao la vô tận, bậc đế vương biết giữ đúng phép nước thì đời trước không sánh kịp mà đời sau sẽ noi theo.

Bậc thiên tử có bốn điều trọng yếu:

Một là khôn ngoan và sáng suốt

Hai là soi sáng đến muôn dân

Ba là nắm vững chố mạnh yếu

Bốn là không có thù nghịch

Không phải súc vật nuôi trong nhà thì không thể dùng để cúng tế

Mới học không thể gọi là thông kho

Bậc thuyết gia ngày nay nói:

Nước biển bao la trăm dặm không thể uống bớt một phần

Nước ở dưới ba tấc đất có thể dùng cho ba quân giải khát

Hạ thần cho rằng lòng tham sinh ra từ chố không ngăn cấm.

Không cướp đoạt thì giờ của dân

Không cướp tài sản của dân

Dùng võ để ngăn chặn thì thành công

Dùng văn để khen thưởng thì mọi việc đều tốt đẹp.

Thiên thư mươi hai

CHIEN QUYEN

Binh pháp nói:

Có một ngàn người tạo nên sự thay đổi chính quyền

Có một vạn người tạo nên uy vũ

Trước hết đã có chính quyền thì địch không đủ uy để giao chiến.

Cho nên quân đội thắng địch bằng quyền và vũ, nếu ngược lại thì không thể thắng địch.

Thông thường nếu ta đi thì địch đến, nếu ta đến thì địch đi, ta và địch tranh nhau thắng bại. Đó là lẽ tự nhiên.

Tinh thông là ở chỗ thông minh tài trí

Chiến đấu là ở chỗ hiểu biết

Không biến thành có

Có biến thành không.

Lời truyền dạy của tiên vương là:

Dùng người chính trực

Loại bỏ người gian trá

Giữ gìn lòng từ thiện và biến thuận

Cho nên kẻ có đạo đức trước hết phải khiêm tốn

Sự thất bại của kẻ không biết dừng là say sưa với chiến thắng nên chủ quan khinh địch. Cho nên bị địch nhầm vào chỗ sơ hở mà đánh.

Vì thế binh pháp nói:

Đi tìm diệt địch thì phải biết thực lực của địch.

Khi gặp địch thì phải quyết tâm đánh

Nếu địch không chống cự nổi thì đánh mạnh, như vậy sẽ thất bại.

Kẻ bị áp đảo không có khí thế

Kẻ kinh sợ thì không thể cố thủ

Kẻ bại thì không còn người

Muốn đánh mà không có điều nghi ngại thì cứ đánh.

Thắng địch mà ta không bại thì cứ tiến lên.

Ta ở chỗ cao mà thấy rõ địch thì cứ uy hiếp địch.

Nếu ta nói năng không cảnh giác thì sẽ bị địch nghe trộm.

Ta tiến đánh bừa bãi thì sẽ bị địch bao vây và quân ta sẽ bị rối loạn.

Bởi thế phải dẹp yên nhưng điều nguy hại

Diệt trừ đi tai họa
Dùng mưu trí mà quyết đoán
Tôn trọng chiêu dụ của triều đình
Như vậy ta không cần đánh mà kẻ địch sẽ phải hàng phục.

Thiên thư mười ba

TRỌNG HÌNH LỆNH

Tướng chỉ huy từ ngàn người trở lên, khi đánh giặc lại bỏ chạy, thủ thành mà đầu hàng, bỏ chiến địa, bỏ rơi binh sĩ, gọi là quan tặc. Tướng như thế thì sẽ thân mất nhà tan, mô phải bị khai quật, phơi thân trước chợ búa.

Người làm quan chỉ huy trăm người trở lên. Khi đánh giặc lại bỏ chạy, giữ thành mà đầu hàng, rời khỏi chiến địa, bỏ rơi binh sĩ gọi là quan tặc. Quan như thế thì sẽ bị thân mất, nhà tan.

Kẻ làm quan làm cho dân chúng phải kính trọng và không sợ địch.

Cho nên tiên vương trước hết phải chứng tỏ lòng dũng cảm sau mới coi nặng hình luật.

Hình luật được coi trọng thì đất nước vững mạnh.

Thiên thư mười bốn

NGŨ CHẾ LỆNH

Theo quy chế trong quân đội thì:

Năm người là một ngũ, những người trong ngũ bảo vệ nhau.

Mười người là một thập, những người trong thập bảo vệ nhau.

Năm mươi người là một thuộc, những người trong thuộc bảo vệ

nhau.

Trăm người là một lư, những người trong lư bảo vệ nhau.

Ở trong ngũ có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, nếu biết mà không tố giác thì toàn ngũ đều bị phạt.

Ở trong thập có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, biết mà không tố giác thì toàn thập đều bị phạt.

Ở trong lữ có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, biết mà không tố giác thì toàn lữ đều bị phạt.

Ở trong lữ có kẻ phạm lệnh cấm, nếu tố giác thì miễn tội, biết mà không tố giác thì toàn lữ đều bị phạt.

Quan từ thập trưởng đến tả hữu tướng, trên dưới đều bảo vệ nhau. Trong đó ai phạm lệnh cấm nếu tố giác thì miễn tội, kẻ nào biết mà không tố giác thì bị coi như là đồng loã.

Thập và ngũ liên kết với nhau thì mọi kẻ gian đều bị bắt, mọi tội phạm đều bị tố giác.

Cha không thể che giấu cho con, anh không thể che giấu cho em, huống chi những người chỉ ăn ở chung với nhau mà có tội, làm sao có thể che giấu cho nhau được.

Thiên thư mươi lăm

PHÂN TÁI LỆNH

Trung quân, tả quân, hữu quân, tiền quân và hậu quân tất cả đều có địa phận riêng của mình phải có hàng rào chung quanh khu vực, không để cho người tự tiện đi lại.

Tướng có địa phận riêng, suý có địa phận riêng, bá có địa phận riêng, phải có khu vực ranh giới rõ ràng.

Không phải là người của đơn vị thì không được vào.

Không phải người trong đơn vị mà vào khu vực thì bá có quyền giết, nếu bá không giết thì bị tội đồng loã.

Ở những con đường ngang dọc trong khu vực đóng quân cứ mỗi ~~làng~~ hai mươi bộ thì có một trạm gác, người không có phù hiệu của ~~hàng~~ hoặc quan thì không được vào.

Kẻ chăn trâu, người đốn củi muốn đi qua phải sấp hàng nếu không ~~nh~~ hàng ngũ thì không được đi qua.

Quan lại không có phù hiệu, binh sĩ không có hàng ngũ đi ngang ~~hàng~~ thì bị chém đầu, người vượt địa phận cũng bị chém đầu.

Cho nên nếu bên trong không phạm lệnh cấm thì không có một kẻ ~~đàn~~ nào ở bên ngoài vào mà không bị bắt.

Thiên thư mười sáu

THÚC NGŨ LỆNH

Theo nguyên tắc tổ chức trong quân đội thì năm người là một ngũ.

Mất một ngũ mà được một ngũ thì hoà.

Được một ngũ mà không mất một ngũ thì được thưởng.

Mất ngũ mà không được ngũ thì thân chết nhà tan.

Mất ngũ trưởng mà được ngũ trưởng là hoà.

Được ngũ trưởng mà không mất ngũ trưởng thì được thưởng.

Mất ngũ trưởng mà không được ngũ trưởng thì thân mất nhà tan.

Nếu tái chiến mà được ngũ trưởng thì tha tội.

Mất tướng mà được tướng thì hòa

Được tướng mà không mất tướng thì được thưởng.

Mất tướng mà không được tướng thì bị chém đầu.

Binh pháp nói:

Thập trưởng phải giết mươi người thì bá trưởng phải giết thập trưởng.

Tướng của ngàn người phải giết người chỉ huy trăm người.

Tướng của muôn người phải giết tướng của ngàn người.

Tả hữu tướng quân phải giết tướng của muôn người.

Đại tướng quân cũng phải giết như vậy.

Thiên thư mười bảy

KINH TỐT LỆNH

Một đạo binh có chia ra tả quân, hữu quân và trung quân.

Tả quân dùng cờ xanh, binh sĩ cắm lông chim màu xanh ở trên đầu.

Hữu quân dùng cờ trắng, binh sĩ cắm lông chim màu trắng ở trên đầu. Trung quân dùng cờ vàng, binh sĩ cắm lông chim màu vàng ở trên đầu.

Có năm thứ phù hiệu cho binh sĩ

Một hàng đầu phù hiệu xanh

Hai hàng kế phù hiệu đỏ

Ba hàng kế phù hiệu vàng

Bon hàng, kè phu hiệu trắng
Năm hàng, kè phu hiệu đen
Kẻ nào đánh mất phu hiệu thì bị phạt
Năm hàng thứ nhất đeo phu hiệu ở đầu
Năm hàng thứ nhì đeo phu hiệu ở cổ
Năm hàng thứ ba đeo phu hiệu ở ngực
Năm hàng thứ tư đeo phu hiệu ở bụng
Năm hàng thứ năm đeo phu hiệu ở lưng
Đeo phu hiệu như vậy, khiến cho binh sĩ không nhầm lẫn giữa cấp
chỉ huy và binh sĩ.

Nếu thấy sai mà không tố giác, thấy loạn mà không ngăn chặn thì
là đồng loã. Khi đánh trống trận thì hàng đầu tiến lên gọi là mạo hiểm,
hang tiến lên sau cảm thấy nhục nhã.

Vượt năm hàng mà tiến tới thì được thưởng, vượt năm hàng mà
thoát lui thì bị phạt.

Binh sĩ biết tiến thoái, biết trước sau là nhờ công của sĩ quan.

Cho nên nói:

Quân tiến như sấm sét
Hành động như vũ bão
Không ai dám ngăn cản ở phía trước
Chẳng ai dám bám sát ở đằng sau.

Thiên lính mười lăm

LẶC TỐT LỆNH

Chiêng, trống, chuông, cờ đều có cách thức riêng của nó.

Đánh trống thì tiến, đánh thêm một lần nữa thì giáp chiến.

Đánh chiêng thì dừng, đánh thêm một lần nữa là rút lui.

Chuông là dùng để truyền lệnh.

Cờ phất qua trái thì tiến sang trái. Cờ phất qua phải thì tiến sang phải.

Kẻ đánh trống không có thứ tự thì bị phạt.

Kẻ nào vô tổ chức kỉ luật thì bị phạt.

Kẻ nào không nghe theo chiêng, trống, chuông cờ mà tự ý hành
động thì bị phạt.

Một trăm người tập đánh giặc, tập xong dạy ngàn người.
Ngàn người tập xong dạy vạn người
Vạn người tập xong dạy ba quân
Khi tập luyện thành thuộc thì cho thao duyệt thử.
Bày trận vuông cũng thắng
Bày trận tròn cũng thắng
Ngang dọc cũng thắng
Nguy hiểm cũng thắng
Địch ở chân núi ta cũng đánh
Địch ở thung lũng sâu ta cũng đánh
Tìm địch như đi tìm đứa con bị thất lạc
Đánh địch mà không nghi ngờ cho nên có thể thắng và nắm được sinh mạng của địch.

Phải tính toán cẩn mật để lo đối phó với địch trước.

Nếu không tính mưu kế trước, nếu chuẩn bị không cẩn thận thì tiến thoái gắt khó khăn. Nghi ngờ thì sẽ thất bại.

Cho nên trước hết là dùng quân chính quy rồi sau mới dùng quân giả, trận địa giả nhưng cũng có thể đảo ngược lại để mà khống chế.

Tướng tầm thường hành động một cách máy móc, cho rằng đánh trước là can đảm, bởi thế thường là thất bại.

Việc làm đáng nghi ngờ mà không nghi ngờ, việc đáng tin cậy mà không tin cậy, việc nên chậm trễ mà không chậm trễ. Đó là ba điều thất bại.

Thiên thư mười chín

TƯỚNG LỆNH

Bậc tướng quân khi thụ mệnh vua ắt phải mưu tính trước tại miêu đường.

Nhà vua đích thân giao búa rìu (hình luật) cho tướng suý mà nói rằng:

Tả quân, hữu quân và trung quân đều có chức phận rõ ràng, kẻ nào vượt qua chức phận sẽ bị giết. Quân đội không có hai lệnh, kẻ nào phạm lệnh thì bị giết.

Tướng quân ra lệnh cho binh sĩ rằng;

Khi ra khỏi quân ái thí đóng trại, quá hạn mà không xong thì bị phạt.

Khi tướng vào trại thí đóng cửa trại ngay, kẻ nào dám len lỏi đến vùng đất cấm thì bị chém đầu, kẻ nào không tuân theo mệnh lệnh cũng bị chém.

Thiên thứ hai mươi

BINH GIÁO THƯỢNG

Binh sĩ phải phân trại, chia ra trận địa mà luyện tập.

Kẻ nào tiến thoái không đúng theo mệnh lệnh thì bị kết tội vi phạm giáo lệnh.

Hàng trước thì dạy theo phương pháp của hàng trước.

Hàng sau thì dạy theo phương pháp của hàng sau.

Hàng bên trái thì dạy theo phương pháp của hàng bên trái.

Hàng bên phải thì dạy theo phương pháp của hàng bên phải.

Ai dạy được năm người thì được thưởng, nếu không dạy được thì bị kết tội phạm giáo lệnh.

Trong ngũ nếu có kẻ phạm tội, người nào tố giác sẽ miễn tội.

Nếu trong ngũ khi ra trận không chịu tiến lên đánh địch, thì người dạy phải bị tội như trong ngũ.

Những người trong thập bảo vệ nhau, nếu một người tử trận mà chun người khác không liều chết thì người dạy cũng bị tội.

Từ thập trưởng, lên tới tỳ tướng nếu có ai không làm đúng theo giáo lệnh thì người dạy bị đồng tội.

Hình phạt rõ ràng, khen thưởng đúng đắn là do phương pháp huấn luyện.

Tướng có cờ khác nhau

Binh sĩ có phù hiệu khác nhau

Tả quân thì đeo ở vai trái

Hữu quân thì đeo ở vai phải.

Trung quân thì đeo ở trước ngực

Ngũ trưởng dạy bốn người trong ngũ của mình

Dụng ván làm trống;

Dùng ngói làm chiêng

Dùng sào làm cờ

Đánh trống thì tiến

Hạ cờ xuống thì đuổi

Đánh chiêng thì thoái

Phát qua trái thì tiến sang trái, phát qua phải thì tiến sang phải.

Vừa đánh chiêng vừa đánh trống thì ngồi xuống.

Ngũ trưởng dạy xong rồi tới thập trưởng

Thập trưởng dạy xong rồi tới tốt trưởng.

Tốt trưởng dạy xong rồi tới bá trưởng

Bá trưởng dạy xong rồi tới binh uý

Binh uý dạy xong rồi tới tỳ tướng

Tỳ tướng dạy xong rồi tới đại tướng

Đại tướng tập trận ở đồng bằng

Cứ ba trăm bộ thì cắm một cái bảng dùng làm dấu hiệu, khi bày trận xong thì nhổ bảng đi.

Cứ một trăm bộ là xung phong

Một trăm bộ là xua đuổi.

Một trăm bộ là chạy nhanh.

Khi tập thành thuộc mới khen thưởng.

Theo binh pháp thì sĩ quan cấp uý đều có cờ, chiến thắng mà được cờ thì căn cứ theo chiến công nhiều hay ít mà ban tước lộc để khích lệ lòng người.

Chiến thắng là lập được uy

Lập uy là do có sức chiến đấu

Sức chiến đấu là do trùng phạt đúng đắn

Trùng phạt đúng đắn để làm sáng tỏ việc khen thưởng

Nên sự huấn luyện có thể khiến cho dân lấy quan ải làm chỗ giới hạn sự tiến lui, dám hi sinh, không sợ chết là thành công.

Nếu giao cho họ giữ thành thì vững chắc.

Giao cho họ đánh giặc thì quyết chiến.

Kẻ gian mưu không dám hành động

Kẻ gian tà không dám nói

Khó khăn họ không dao động

Hành động họ không nghĩ ngay
Mạnh như sấm set
Khiến cho địch sợ hãi

Khen thưởng người có công, và lựa chọn người có đức phải rõ ràng
như trăng với đèn.

Phải khiến dân phục tùng lệnh trên tựa như từ chi nghe theo trái tim.

Nếu tiên quân mà xung phong hâm trận như nước vỡ bờ thì thành công. Đó mới gọi là huấn luyện binh sĩ. Cũng nhờ đó mà mở mang bờ cõi, giữ gìn xà tặc, diệt trừ tai họa, để trở thành người văn võ song toàn.

Thiên thứ hai mươi một

BINH GIÁO HẠ

Họ thần nghe nói có mười hai điều để chiến thắng, cho nên có thể giữ vững chế độ và uy danh lẫy lừng trong thiên hạ.

Một là liên hình: cùng một loại tội phạm có liên quan với nhau.

Hai là cấm địa: Ngăn cấm sự đi lại để ngừa kẻ gian.

Ba là toàn quân: Hàng ngũ liên kết với nhau

Bốn là ranh giới: Phân chia ranh giới, địa phận của ai, thì người đó phải bảo vệ.

Năm là phân hạn: Bên trái và bên phải ngăn ngừa lẫn nhau, mặt trước và mặt sau không được lấn ranh giới.

Sáu là hiệu biệt: Khi hàng đầu tiến lên thì các hàng sau không tranh giành không làm mất trật tự.

Bảy là chuông hiệu: Hiệu lệnh của hàng ngũ, để cho binh sĩ không rối loạn.

Tám là toàn khúc: Tuy khi đi đường quanh có uốn khúc nhưng vẫn giữ được đội ngũ.

Chín là chiêng trống (kim cổ): Làm phán khởi người có công và có đức.

Mười là chiến xa: Sự tiếp liền với mặt trận.

Mười một là tử sĩ: Những người có tài lược trong đám ba quân, ngồi ở trên chiến xa, tung hoành và bất ngờ để thắng địch mà hi sinh.

Mười hai là lực tốt: Dám chiến sĩ tĩnh nhuệ.

Mười hai điều trên khi đã được quy định, nếu kẻ nào phạm lệnh thì không tha thứ.

Nếu được như vậy thì:

Binh yếu cũng trở thành mạnh

Vua thấp hèn cũng trở nên cao sang

Pháp lệnh nếu yếu kém cũng trở nên minh bạch

Dân tú phuơng cũng có thể thân nhau

Người đông đảo cũng có thể trị

Đất rộng rãi cũng có thể giữ

Chiến xa không ra khỏi quan ải

Binh giáp không đem ra khỏi kho, mà thiên hạ quy phục

Người làm tướng vì nước thè quên nhà

Khi vượt biên giới thì quên thân thích

Khi gặp địch thì quên bản thân

Quyết tử để được thắng lợi nhanh chóng

Như vậy hàng trăm người sẽ xung phong hâm trận

Ngàn người sẽ bắt giặc giết tướng

Vạn người sẽ hành hành trong thiên hạ

Vũ Vương hỏi Thái Công Vọng rằng:

Có cách nào tận dụng nhân lực mà không vất vả?

Thái Công Vọng đáp rằng:

Thưởng như núi

Phạt như khe

Thái Thượng nghe theo mà lo sửa lỗi, làm như vậy khiến cho dân không xì xào.

Kẻ nào bị phạt nhiều lần mà xin miễn phạt thì giết.

Kẻ nào được thưởng nhiều lần mà xin miễn thưởng thì giết.

Muốn đánh một nước phải nhân theo sự biến hóa của nước ấy.

Dùng của cải mua chuộc để xem sự cùng quẫn của nước ấy ra sao.

Gây thiệt hại để xem sự phản ứng của họ ra sao.

Cấp trên hư hỏng thì cấp dưới li tán

Các điều kể trên là nguyên nhân để ta đánh.

Muốn giao chiến phải xét kỹ sự quản lí bên trong và bên ngoài để mà lập kế hoạch.

Dựa binh lính ra ngoài phải chuẩn bị chu đáo, lương thực phải có thừa, trực giao thông phải sửa sang xong xuôi, rồi mới dấy quân dẹp loạn, nhất định sẽ thắng lợi.

Đất rộng mà thành nhỏ thì nên chiếm đất trước.

Thành lớn mà đất hẹp thì nên chiếm thành trước. Đất rộng mà người ít thì cắt đứt đường hiểm yếu

Đất hẹp mà dân đông thì đắp gò cao để uy hiếp.

Không làm mất quyền lợi của dân

Không cướp đoạt thời gian của dân

Nền chính trị phải khoan dung

Sự làm ăn phải dễ dàng

Tệ nạn xấu phải được sửa chữa

Như vậy sẽ có điều kiện để cai trị thiên hạ.

Thiên Thú hai mươi hai

BINH LỆNH THƯỢNG

Việc binh là việc hệ trọng. Tranh giành là trái với đạo đức.

Sự việc đều có gốc, cho nên bậc đế vương diệt bạo loạn và lấy nhân nghĩa làm gốc.

Các nước đánh nhau phải tạo nên uy thế để mà chống lại nhau, tranh giành nhau mà không bỏ bê việc binh.

Việc binh phải xây dựng bằng võ và huấn luyện bằng văn, võ ở bên ngoài văn ở bên trong. Xin chú ý hai điều này thì sẽ chiến thắng.

Nhờ văn mà thấy rõ lợi hại và phân biệt được an nguy

Nhờ võ mà thắng được địch hùng mạnh và đủ sức công và thủ.

Đoàn kết thì thắng

Chia rẽ thì bại

Bay trận cẩn mật thì chắc thắng

Dội ngũ thưa ra thì thành công

Binh sĩ sợ tướng suy hơn sợ địch thì thắng

Binh sĩ sợ địch hơn sợ tướng suy thì bại.

Sở dĩ biết được thắng bại là so sánh giữa tướng ta với tướng địch
xem ai hơn ai kém.

Bày binh bố trận đều có quy luật nhất định.

Khoảng cách của hàng ngũ cũng có quy tắc nhất định.

Trước sau phải có khoảng cách thích nghi.

Trước sau không có trật tự thì thất bại.

Nếu ở đằng trước loạn thì ở đằng sau chém.

Bày trận đều hướng về phía địch

Có chia ra nội hướng và ngoại hướng

Có trận đứng và trận ngồi

Nội hướng là lo giữ ở giữa

Ngoại hướng là phòng bị ở ngoài

Trận đứng là tiến

Trận ngồi là dừng

Trận đứng và trận ngồi thay nhau mà tiến hoặc dừng

Tướng suý thì ở giữa

Bày trận ngồi thì binh sĩ sử dụng kiếm và rìu

Bày trận đứng thì binh sĩ sử dụng kích và nỏ

Tướng suý luôn luôn ở giữa để chỉ huy dễ dàng.

Dùng chính binh giao chiến với địch trước rồi sau mới đánh úp, đó là nghệ thuật thắng địch chắc chắn. Người có công thì được thưởng.

Kẻ phạm lệnh thì bị chém

Sự mất còn sống chết đều ở trong tay tướng soái, dù thiên hạ có quân lính thiện chiến cũng không thể chống đỡ nổi.

Chưa giáp chiến mà ở đằng trước hò hét gọi là hư, ở đằng sau hò hét gọi là thực, không hò hét gọi là bí mật.

Hư thực tức là bản chất của việc binh.

Thiên thư hai mươi ba

BINH LỆNH HẠ

Khi các đội quân tiền tiêu của các huyện ở biên giới và quân các nước chư hầu đóng cách nhau năm ba dặm chuẩn bị chiến đấu, thì tất cả đều cấm đi lại để giữ an ninh cho bên trong. Binl lính phải đi tuần ở bên ngoài. Tướng giao cho họ, cờ, trống, binh giáp.

Ngày xuất hành, kẻ nào đến sau tướng thì bị tội, vi phạm lệnh tuần

thú. Tà linh đòn thù được một năm, khi đội quân khác chưa kịp đến thay thế mà đã mất đòn, thì bị kết tội vong quân, cha mẹ vợ con nếu có liên quan thì bị đồng tội, nếu không có liên quan thì tha.

Binh sĩ nào về đòn trẽ hơn tướng một ngày thì cha mẹ vợ con đều bị đồng tội.

Binh sĩ trốn về nhà một ngày mà cha mẹ vợ con không tố giác thì bị đồng tội.

Tướng đánh giặc luôn luôn thua trận, hoặc bỏ binh sĩ chạy trốn thì bị giết.

Quan lại của đội quân trước chạy trốn mà quan lại của đội quân sau giết được quan đội quân trước, giữ được binh lính của họ thì được thưởng.

Quân đội nào không có công thì bắt đi đòn thú ba năm.

Khi ba quân đại chiến, nếu đại tướng đã chết mà các quan còn lại nắm trong tay trên năm trăm binh lính mà không liều chết với giặc thì bị giết, tất cả binh cự vệ đều bị giết. Tất cả những người còn lại nếu kẻ nào trước kia đã lập được chiến công thì hạ xuống một cấp, kẻ nào trước kia không có công thì đưa đi đòn thú ba năm.

Khi đánh giặc nếu người trong ngũ bị tử trận mà đồng đội lấy được xác mang về thì tha tội.

Sự quan trọng của việc dùng binh là cái "danh" và "thực" của một nước.

Ngày nay cái "danh" thì ở quan mà cái "thực" thì ở nhà.

Quan không có "thực", nhà không có "danh" thì tập hợp binh sĩ thành quân đội chỉ có cái hư không.

Bên ngoài không đủ để chống địch.

Bên trong không đủ để giữ nước.

Cho nên quân đội không đủ cung cấp, tướng suýt mất uy quyền.

Theo ý của hạ thần thì khi binh sĩ đào ngũ về nhà, đồng đội đều bị phạt.

Tích trữ lương thực để làm cho đầy đủ cái danh và để cho quân đội có cái thực.

Trong nước mà trông rỗng thì đời sống của dân bị nghèo khổ. Đó là nguyên nhân khiến cho binh sĩ khi đánh giặc thì bỏ chạy.

Nay ta áp dụng biện pháp ngăn chặn binh sĩ đào ngũ khiến cho hàng ngũ không tan rã. Đó là điều thắng thứ nhất.

Hàng ngũ liên kết nhau, đến khi đánh giặc thì binh sĩ hỗ trợ nhau. Đó là điều thắng thứ hai.

Tướng suý tạo được uy, binh sĩ giữ được kỉ luật, hiệu lệnh rõ ràng, tiến thoái đều thuận lợi, đó là điều thắng thứ ba.

Hạ thần nghe nói ngày xưa người giỏi dùng binh có thể giết một nửa binh sĩ, kế đó có thể giết ba phần mười, sau đó có thể giết một phần mười.

Nếu giết một nửa binh sĩ thì uy danh áp đảo thiên hạ.

Nếu giết ba phần mười thì sức mạnh áp đảo chư hầu.

Nếu giết một phần mười thì mệnh lệnh được binh sĩ tuân hành.

Cho nên nói: Có một triệu binh sĩ nhưng không tuân theo mệnh lệnh thì không bằng mười ngàn người đánh giặc.

Mười ngàn người đánh giặc, không bằng trăm người hăng say đánh giặc.

Nếu khen thưởng như mặt trời mặt trăng, uy tín như bốn mùa, pháp chế như bảo kiếm (thanh kiếm báu) thì không có ai không phục tùng mệnh lệnh vậy.

BÌNH PHÁP KHỔNG MINH
VÔ HẦU GIA CÁT LUỢNG

ĐỒ THỊ BÌNH ĐIỀN

Khi quân đã đến gần lều trại⁽¹⁾ của địch thì thường nên ra đi lúc trời mới sáng⁽²⁾.

Rút quân phía trước trong vòng mười dặm, đều cho án giữ vào hai bên phải và trái⁽³⁾; ở các đường thấp cũng rút quân hết trong vòng mươi dặm⁽⁴⁾.

Vài dặm ngoài thì năm người hợp thành một đội (đội ngũ). Người cầm một lá cờ trắng, trèo lên cao, hướng ra phía ngoài, nhìn cho kỹ để tìm xem nơi nào nên dùng làm chỗ ẩn nấp.

Người chủ tướng cầm quân nên dời chuyển tìm chỗ cao và ở đằng trước.

Người thứ nhất gặp giặc thì báo ra đằng sau cho người thứ hai. Người thứ ba đến gặp người chủ tướng để trình lại.

Phàm người lính thám sát⁽⁵⁾ khi gặp giặc từ trăm người trở xuống thì chỉ đưa cờ lên mà ra hiệu; nếu gặp từ trăm người trở lên thì liền đưa cờ lên và la lớn... Người chủ tướng sai lính cưỡi ngựa mau chạy đi xem xét đám quân địch ấy.

(1) Là lều vải; là nơi tụ tập đông người, tức là thôn lạc, dinh trại (camp, campment).

(2) Đến gần địch vào ban ngày thì dễ dò xét hơn.

(3) Rút quân phía trước là để tránh khỏi bị đánh bất ngờ, sát quân vào hai bên phải và trái là để bảo vệ trung quân.

(4) Quân ở đường thấp thì thắt thế để bị đánh úp nên phải rút đi.

(5) Hậu ở đây có nghĩa là đợi chờ, do xem tham sát.

TIẾN NGHỊ THẬP LỰC SÁCH

THỨ NHẤT: YÊN NƯỚC

Phép yên nước là do ở phép yên nhà.

Phép yên nhà là cốt xây cái gốc. Cái gốc mà xây được thì ắt là cái ngọn phải ngay thẳng vậy. Thế mà gốc là cái phải nói trước. Ngọn là cái ứng hòa theo.

Cái phải nói trước hết là Trời Đất. Cái ứng hòa theo là vạn vật.

Về vạn vật thì không thể sinh ra nếu không có Trời, không thể lớn lên nếu không có Đất, không thể thành hình nếu không có tay người.

Lễ học ở nhà trường, nhạc bát dật⁽¹⁾, minh đường (cửa quan) rộng rãi hòa nhã, tôn miếu cao lớn, cốt là để lo về cái gốc của con người⁽²⁾.

Cho nên cái gốc là phép thông thường, là quy củ chính yếu. Đục tròn không thể đục được lỗ mộng vuông, dao chì không thể chặt chém. Đó chẳng phải là việc thường dùng, nên không làm được xong công việc. Chẳng phải là khí cụ thường dùng thì không thể đạt tới sự tinh xảo.

Cho nên Trời mà thất thường ắt là có nghịch khí. Đất mà thất thường ắt là có sự khô bại. Người mà thất thường ắt là có hoạn hại.

THỨ HAI: ĐẠO VUA TÔI

Mối quan hệ giữa vua và tôi là do cái tượng của Trời Đất mà hiện ra⁽³⁾.

(1) Nhạc bát dật là một loại nhạc dùng tại triều đình của Vua.

(2) Minh đường (cửa quan) tượng trưng cho hình pháp, chính trị. Tôn miếu tượng trưng cho sự thờ cúng tổ tiên. Lễ nhạc, chính trị, hình pháp, tôn giáo có mục đích là gìn giữ lòng người cho được điều hòa.

(3) Theo quan niệm cổ xưa thì mối quan hệ giữa Vua và Tôi tùy thuộc mối quan hệ thiên văn giữa sao Bắc Thần và các sao Thai, Phụ, Nhị Thập Bát Tu. Như thế đạo vua tôi không phải là một vấn đề luân lý mà là một vấn đề thiên văn học (vật lý học).

Tương của Trời mà sang, át là đạo vua tôi được đầy đủ. Vua ban ơn xuống dưới để làm điều nhân, bê tôi thờ người trên để làm điều nghĩa.

Bê tôi mà hai lòng, thì không thể thờ vua. Vua mà nghi ngờ phép tắc của bê tôi thì không thể trao trách nhiệm cho bê tôi.

Trên dưới đều mến lè nghi, át là dân dẽ sai khiến. Trên dưới mà hòa thuận, át là đạo vua tôi được đầy đủ. Vua dùng lễ để sai khiến bê tôi, bê tôi đem lòng trung để thờ vua.

Vua sắp đặt nền chính trị, bê tôi lo phụng sự vua. Việc chính trị là việc chính danh⁽¹⁾, phụng sự là khuyến khích thi hành các công tác. Vua khuyến khích việc chính trị, bê tôi khuyến khích việc thờ vua, át là cái đạo công danh được thành tựu đối với mọi người.

Bởi thế cho nên, vua quay mặt về phía Nam, hướng dương phát ra các âm thính⁽²⁾, bê tôi quay mặt về phía Bắc, hướng âm, nhìn hình ảnh (của công việc; xem tiếp ở sau thì rõ). Âm thính vang dội ra là cái mệnh lệnh dạy xuống, hình ảnh là sự công hiệu của việc thi hành. Lệnh dạy xuống, mà vừa phải thì công việc sẽ thành tựu; công việc mà thành tựu át là vạn vật hưởng được phước ban xuống.

7- Đó là lấy ba giềng, sáu phép⁽³⁾ có trên, giữa và dưới. Trên hết là vua tôi, ở giữa là cha con, ở dưới hết là chồng vợ, đều răn mình theo đạo thì phước may sẽ đến.

Vua tôi trên dưới lấy lễ làm gốc, cha con trên dưới lấy ân làm thân, chồng vợ trên dưới lấy hòa làm vốn.

Trên không thể không ngay thẳng, dưới không thể không đúng đắn. Người chủ chốt ở bên trên không được cong vạy, lời nói của kẻ dưới không được phản nghịch.

Cho nên nhà vua chỉ nghĩ đến việc chính trị, bê tôi chỉ nghĩ đến việc phụng sự. Ấy nên vua sáng mà sửa mình ngay thẳng, thì việc làm của bê tôi trung sẽ được thành tựu. Kẻ học trò thì mong được thầy sáng, kẻ sĩ thi mong được vua sáng.

11- Cho nên đặt ra toàn bộ quan chức, chia ngôi thứ tước lộc, bày ra nghi khí để xem thiên văn, lập ra chức thai phụ để phò tá. Tư không

(1) Việc chính danh là dùng cái danh cho hợp với cái nghĩa, rồi sắp đặt người và việc theo một tôn ti, trật tự đúng với danh nghĩa.

(2) Lời của vua có một uy lực huyền bí mãnh liệt.

(3) Ba giềng là ba mối quan hệ vua tôi, cha con, chồng vợ

Hai phép là sáu đạo làm vua, làm tôi, làm cha, làm con, làm chồng, làm vợ.

được làm loạn công, kẻ sai quấy không được xúc phạm người doan chính, ấy là đạo trị quốc đầy đủ

THÚ BA: XEM NGHE

Phép xem xét và nghe ngóng⁽¹⁾ là xem xét cái hình nhỏ, nghe ngóng cái tiếng nhỏ, hình nhỏ mà không thấy được, tiếng nhỏ mà không nghe được.

Cho nên bậc vua sáng suốt xem xét cái "nhiều nhặt" ở trong cái vật nhỏ nhặt, nghe ngóng cái "vang âm" ở trong cái tiếng nhỏ nhẹ, lấy trong hòa với ngoài, lấy ngoài hòa với trong.

Cho nên **đạo** làm chính trị cốt ở nghe ngóng nhiều, để mà lượm lặt và thu nạp lời tâu của kẻ dưới. Khi sắp đặt mưu kế mà dùng tới cả kẻ sĩ bậc thấp, ắt vạn vật sẽ giúp cho mắt thấy rõ, các âm thính sẽ giúp cho tai nghe rõ.

Cho nên kinh sách có nói: Thánh nhân không có tâm ý bình thường (nhất định)⁽²⁾ mà lấy tâm ý của trăm họ làm tâm ý của mình, dùng mắt của trăm họ để cho tâm xem xét, dùng miệng của trăm họ để tâm nói năng, dùng tai của trăm họ để tâm nghe ngóng, lấy thân của trăm họ để tâm yên ổn.

Cho nên thân có tâm⁽³⁾ cũng như nước có vua. Dùng trong để hòa ngoài thì vạn vật sáng tỏ ra.

Thấy được cái hình của mặt trời mặt trăng thì không đủ để gọi là sáng mắt; nghe được tiếng sấm sét không đủ để gọi là rõ tai. Cho nên bậc vua trong loài người, lấy thấy nhiều làm trí, lấy nghe nhiều làm thần. Thế mà năm âm không nghe thì không biết lấy gì mà phân biệt cung thương⁽⁴⁾, năm sắc không thấy thì không biết lấy gì mà phân biệt đèn vàng.

Bởi vì được nghe bậc vua sáng thường giống như ngày đêm. Ngày thì việc công thi hành, đêm thì việc tư phán phát. Hoặc có điều oan ức trong tiếng kêu than mà lại không nghe được, hoặc có điều thành thực

(1) Vì muốn tôn trọng ý tứ của người xưa muốn phân biệt thị với kiến, thính với văn nên dịch giả phải dịch: thị: xem xét; kiến: thấy được; thính: nghe ngóng; văn: nghe được.

(2) Sách *Luận Ngữ*, thiên *Tử Hán* có nói: "Tử tuyệt tú: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã" nghĩa là Đức Khổng Tử không hề có bốn điều lỗi: không có ý riêng, không có thành kiến, không cố chấp, không có tính riêng.

(3) Tâm làm chủ đời sống.

(4) Cung, thương là hai trong năm âm: cung, thương, giác, chüz, vũ.

trong sự kiện cử việc lành mà lại không được tin cậy; tiếng kêu oan mà không nghe ắt là kẻ bị oan khuất không thể giải thoát được; tiến cử việc lành mà không thu nạp ắt là người trung thành không được tin cậy, kẻ ta sẽ dùng đường việc gian tra.

Cho nên *Kinh Thư* nói rằng: Sự xem xét của Trời là sự xem xét của dân nơi ta, sự nghe ngóng của Trời là sự nghe ngóng của dân nơi ta; đó gọi là xem xét và nghe ngóng.

THÚ TƯ: THU NAP LỜI KHUYÊN

Phép nghe lời khuyên gọi là phép can gián để lựa chọn những mưu kế của kẻ dưới.

Cho nên vua có tội khuyên can, gặp việc bất nghĩa ắt là can ngăn, chiêu theo việc tốt đẹp, cứu vớt khỏi việc hung xấu. Việc hung xấu chẳng nên chiêu theo, việc tốt đẹp chẳng nên chống đối. Nước nào mà chiêu theo việc hung xấu, chống đối việc tốt đẹp, ắt phải gặp nguy biến.

Bậc vua trong loài người chống đối sự khuyên can ắt là tội trung không dám dâng mưu kế, còn quan lại gian tà thì chuyên quyền nắm giữ tất cả giềng mối chính trị, đó là điều nguy hại của nước.

4- Cho nên ở nước có đạo thì nói mạnh, làm mạnh⁽¹⁾, ở nước vô đạo thì làm mạnh, nói yếu (nói lời khiêm tốn), trên chẳng có chô nào được nghe, dưới chẳng có chô nào được nói.⁽²⁾

Cho nên Khổng Tử không hề xấu hổ khi học hỏi kẻ dưới, Chu Công không hề xấu hổ khi hạ mình làm việc nhỏ nhặt nên làm việc thành công, nêu cao danh tiếng, được đời sau xem là bậc thánh nhân. Đó là nhà hổ ở dưới, kín ở trên. Nếu trên mà dột không kín, thì dưới không thể ở được.

THÚ NĂM: XÉT VIỆC ĐÁNG NGHI

Phép xét điều đáng nghi, là xét các màu đỏ tím, phân biệt các âm cung, thương. Cho nên các màu hồng, tím làm loạn màu đỏ, tiếng dâm

(1) Nếu dịch là lời nói cao xa, việc làm cao xa thì không đúng ý tú. Đúng ra phải dịch là dám nói lời khó nói, dám làm việc khó làm.

(2) Có thể hiểu là: Người trên chẳng có ai được nghe lời nói phải, người dưới chẳng có ai được dâng lên lời nói phải (dưới chẳng dám nói, trên chẳng được nghe). Hoặc cũng có thể hiểu là: Ở trên chẳng ai nói điều phải, ở dưới chẳng có thể giảng cho ai nghe được điều phải.

làm nhiễu loạn loại âm nhạc đúng đắn. Loạn sinh ở xã, ngũ sinh ở ngõ.

Các vật có nhiều loại khác nhau, các hình có sắc giống nhau. Đá trắng như ngọc, kẽ ngu cũng quý. Mắt cá giống như hạt châu, kẽ ngu cũng lấy. Giống chồn, lạc giống như chó, kẽ ngu cũng nuôi. Cây quát, cây lâu giống như dưa, kẽ ngu cũng ăn. Cho nên Triệu Cao chỉ con nai cho là ngựa mà Tần Vương chẳng lấy làm nghi; Phạm Lãi cống gái đẹp nước Việt mà Ngô Vương chẳng lấy làm ngờ

Mưu kế mà nghi ngờ thì việc không định yên, việc mà nghi ngờ thì không thành công. Cho nên thánh nhân không thể lấy sự thuyết trình ý kiến làm rõ ràng, thì ắt là tin cậy ở sự bói toán, để xem việc lành dữ.

Kinh Thư nói rằng: Ba người chiêm đoán thì ắt là theo lời hai người⁽¹⁾ nếu còn nghi nhiều, thì dùng tới mưu kế của đông người.

Cho nên Khổng Tử nói rằng: Phép trị nước của bậc vua sáng suốt là không lo rằng người chẳng biết mình mà chỉ lo mình chẳng biết người, không lo ngoài chẳng biết trong, mà chỉ lo trong chẳng biết ngoài; không lo dưới chẳng biết trên, mà chỉ lo trên chẳng biết dưới, không lo hèn chẳng biết sang, mà chỉ lo sang chẳng biết hèn.

Cho nên kẻ sĩ chết cho người biết mình, gái đón nhận người mến quý mình, ngựa chạy mau vì người biết cưỡi nó, thần linh hiện ra cho người thông cảm.

Cho nên bậc vua trong loài người khi xử án hành hình (tử hình), chỉ lo rằng mình không sáng suốt, hoặc kẻ vô tội bị kết án, hoặc kẻ có tội được tha thứ, hoặc kẻ mạnh được nhường nhẹn, hoặc kẻ yếu bị xâm phạm, thù oán, hoặc kẻ ngay thật bị oan uổng, hoặc kẻ oan khuất chẳng được tháo gỡ, hoặc kẻ tín thực bị nghi oan, hoặc người trung nghĩa bị hãi hại. Đó là do nghịch khí của Trời, nạn tai ách bạo ngược, và họa ương rối loạn.

Chỉ có bậc vua sáng suốt xử án, kết tội, tìm hỏi tình tiết, nếu không hư dối, không giấu giếm, không cong vạy, không che đậy, xem sự qua lại, xét sự tới lui, nghe tiếng đồn đại, xem cách trông nhìn, vẻ mặt sợ hãi, tiếng kêu thảm thương, sự đến mau đi chậm, quay về thở than: đó là kẻ bị kết tội oan uổng không được tháo gỡ.

9- Còn kẻ cúi mặt nhìn trộm, thấy mà sợ, lui về, hơi thở hổn hển, chẳng dám nghe ngóng, trầm ngâm tính kế trong bụng, nói năng trái

(1) Nếu ý hai người giống nhau thì tin được.

phép, đèn châm đì máu, không dám quay nhìn: đó là tội nhân muốn lẩn tránh

10. Không Tứ nói rằng: Coi thử để làm gì, xem thử do đâu mà ra, xét thử an vui ở chỗ nào, người ta có thể giấu giếm được sao? Người ta có thể giấu giếm được sao?

THỨ SÁU: TRỊ NGƯỜI

Phép trị người là phong hóa của đạo, nhờ sự bày tỏ ra ngoài mà thi hành được.

Cho nên *Kinh sách* nói rằng: Bày tỏ đức và nghĩa ra thì dân hưng thịnh và hành thiện; bày tỏ sự thương ghét ra thì dân biết điều cấm đoán.

Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng được dân chúng ngẩng mặt lên xem, đó là trường hợp các vua Nghiêng Thuấn được các gióng rợ ở chốn xa xôi đến cống hiến.

Dối với các vua Kiệt Trụ, thì thuộc hạ bội phản, không phải là do Trời làm cho lòng người thay đổi, mà là do người trên khiến sinh ra như vậy.

Cho nên trị người còn giống như trồng lúa, trước hết phải nhổ cỏ.

Phép chính trị của bậc vua sáng suốt cốt là hiểu biết điều lo âu của người, hiểu biết các chức lại nhỏ hầu hạ tay chân, hiểu biết các chức quan lớn của nước nhỏ.

Cho nên có nói: Kẻ tay chân hầu hạ khắc hại dân chúng không chừa nơi nào, chẳng biết tới đâu là cùng cực. Khắc hại miếng ăn (lợi lộc) của nhân dân, mà nhân dân chịu nạn đói kém, ắt là sinh ra loạn nghịch.

Chỉ khuyến khích nghè nông mà không đoạt thì giờ của nông dân, chỉ thu thuế má mà không lấy hết của cải của dân chúng; như thế nước giàu nhà yên, chẳng phải là thích đáng hay sao? Có nước, có nhà, thì không lo nghèo mà chỉ lo không yên.

Cho nên nền chính trị của thời Đường Ngu gặp nhau ở chỗ lợi người, dùng thời trời, chia lợi đất, để chuẩn bị các năm xáu. Mùa thu dư lương thực để bù thêm vào các mùa thiếu lương. Của cải trong thiên hạ thông thương với nhau, ngoài đường không lượm của rơi và công việc của dân không hề khi thì bỏ, khi thì làm⁽¹⁾.

Cho nên theo cái thế của đời Ngũ Bá thì người không có đủ lại hiến

(1) Nghĩa là người dân được an cư lạc nghiệp, không có bôn ba vô định.

dâng cho kẻ có dư, do đó ngày nay các chư hầu đều tham lobi Điều lobi
sinh ra thì dân chúng tranh nhau, các điều tai hại cũng xảy ra, kẻ mạnh
người yếu xâm phạm nhau, việc tự súc cày cấy thì ít ỏi, mà việc công
thương thì nhiều⁽¹⁾ đời sống của dân trôi nổi như mây trời, tay chân
không được yên ổn.

Kinh sách nói rằng: Không quý vật khó được, khiến dân không trộm cắp; không quý vật vô dụng, khiến lòng dân chẳng loạn, tất cả chỉ chăm lo, coi sóc phận sự của mình mà thôi, đó là phép chính trị của thánh nhân.

Ngày xưa vào thời Tề Cảnh Công, chỉ lo dân không tiêu pha xa xỉ và không thỏa lòng về lễ chế, còn nghi chế đời Chu Tần thì bỏ văn vẻ bề ngoài, chỉ giữ thực chất và khuyên dân trọng điều ích lợi.

ngoài, chí giữ thực chất và khuyên dân dotrong...
Chế ra những vật vô dụng, chứa những hàng hóa vô ích, vàng, bạc, ngọc bích, ngọc trai, chim phỉ thủy, các vật quý báu lạ lùng, sản xuất từ phương xa, đó chẳng phải là đồ dùng của hạng thường dân. Gấm vóc, thao đũi, lụa là, the sa, áo lụa bạch đen vàng, đó chẳng phải là thứ mà khó thành đều có trổ ngại cho nghề nông. Xe kiệu ra vào, áo bào, áo dạ, áo tơ, đó chẳng phải là thứ mà thường dân chung diện. Cung, thất, đường, điện, cửa lầu, tranh ảnh, thú vật, thành lũy dài rộng, mô mả ở cửa thường dân.

Kinh sách có nói: Điều mà kẻ thường dân yêu mến chỉ là sự siêng năng khổ sở về việc cày cấy, trồng trọt, là sự cẩn thận giữ mình, tiêu dùng dè dặt, để nuôi cha mẹ; lấy của cải để chế ngự sai khiến họ, lấy lẽ năm tốt để sử dụng họ, năm tốt được mùa mà không xa xỉ, năm xấu mất mùa mà không tằn tiện, chưa trữ sẵn sàng để phòng bị về sau, đó là đạo tri dân, chẳng hợp với tiết khí của bốn mùa hay sao?

THÚ BẨY: CẤT NHẮC, SẮP ĐẶT

Phép cát nhắc, sắp đặt có nghĩa là cát nhắc người ngay thảng, đặt yên các người cong vạy.

yên các người cong vạy.

Phép trị nước giống như phép trị mình. Phép trị mình là cốt ở dưỡng thân (một trong tam bảo tinh, khí, thần của đạo gia), đạo tri

⁽¹⁾ Ngày xưa nghề nông gọi là bản nghiệp (nghề gốc), nghề công thương gọi là
mat tóc (nghề ngọn).

nước có cát nhắc các bậc hiền tài. Đó là đường than để cầu sông, cát nhắc hiền tài để cầu yên.

Cho nên nước có bậc đại thần phò tá cũng như nhà có cây cột cái. Cột cái không thể nhỏ, bậc phò tá không thể yếu. Cột cái mà nhỏ thì có hại, bậc phò tá mà yếu thì nước nghiêng đổ.

Cho nên đạo trị nước là cất nhắc người ngay thẳng, sắp đặt các người công vạy, thì nước ấy bèn yên ổn.

Về cột cái thì dùng cây thẳng làm vững chắc, về kẻ phò tá thì dùng kẻ sĩ ngay thẳng làm hiền tài. Cây thẳng lấy từ rừng sâu, kẻ sĩ ngay thẳng; lấy từ hạ dân (dân đen).

Cho nên bậc vua trong loài người khi chọn lựa cát nhắc,ắt là phải mời kẻ ở ẩn:

Hoặc là kẻ ôm giấu của quý trong thời nước loạn, phải ở cùng thứ vị với kẻ thất phu⁽¹⁾.

Hoặc kẻ tài cao trác tuyệt, không được thấy mời mọc;

Hoặc kẻ trung, hiền, hiếu, nghĩa, mà làng xóm không cất nhắc;

Hoặc kẻ ẩn cư cầu chí làm việc nghĩa để đạt đạo;

Hoặc kẻ trung trực đối với vua mà bị bè đảng dèm pha.

Vua Nghiêu cất nhắc kẻ ở ẩn, vua Thành Thang mời kẻ đã ném trại nhiều cay đắng, ông Châu Công chọn lựa kẻ hèn để dùng, đều được người vừa ý để đem lại thái bình.

Cho nên bậc vua trong loài người treo thưởng để đai công lao, đặt ra các chức vị để đai kẻ sĩ, nên không bỏ sót chức quan nào, mở bốn cửa để mà hưng trị, chuyên việc biếu lụa huyền (lụa quý) để mời kẻ ẩn dật ở chốn thâm sâu, nhờ thế mà thiên hạ có lòng trở về và kẻ bất nhân phải rời xa.

Kẻ được dùng không phải là kẻ được nuôi, kẻ được mời không phải là kẻ được dùng; kẻ nghèo hèn thô lậu ở dưới, kẻ tài sắc ở trên; kẻ gian tà dèm pha được đặc chí, kẻ trung trực phải đi xa; phép biếu lụa huyền không được thi hành, mà cầu được kẻ hiền tài đến phò tá hay sao?

Vì bằng nước Ngụy không được trị yên, dân không được ở yên, đó là vì cái lối làm mất kẻ hiền tài đó. Mất bậc nhân hiền mà không

(1) *Chương Dương Hóa* trong sách *Luận Ngữ* kể rằng Dương Hóa trách Khổng Tử như sau: "Hoài kỳ bảo nhí mê kỳ bang, khả vi nhân hổ" nghĩa là: ôm giấu của quý trong khi nước loạn, có thể gọi là kẻ có nhân hay sao?

nguy, được bậc nhân hiền mà không yên, điều ấy chưa từng có

Vì người mà chọn chức quan là loạn, vì chức quan mà chọn người là trị. Ấy là mồi hiền, đón sī, giống như việc giá thú. Chưa từng có gái tự gả, bỏ tiền của ra để làm vợ. Cho nên gái mến lê vật di hói mà được chữ trình; kẻ sī chọn phép biếu lụa huyền mà được cái danh; dùng lẽ để mồi kẻ sī mà nước được yên lành vậy.

THÚ TÁM: TRA XÉT, TRUẤT PHẾ

Phép tra xét, truất phế có nghĩa là sửa thành tốt (cải thiện), bỏ điều xấu.

Bậc vua sáng suốt ở trên, lòng dạ sáng rực như trời, xét biết việc tốt xấu, rộng khắp bốn biển, không dám bỏ sót các quan lớn ở nước nhỏ, soi xuống tới thường dân, cử dùng bậc hiền lương, đuổi bỏ kẻ tham lam biếng nhác khiến cho trên dưới được sáng sửa tốt lành và chờ đến khi sửa trị nước xong thì các bậc hiền tài đến tụ tập như mưa. Đó là khuyên làm điều tốt, lìa bỏ điều xấu, bày tỏ điều hay, việc dở.

Cho nên phép tra xét, truất phế cốt là biết cái khổ của người. Những cái khổ ấy có năm thứ:

- Hoặc có viên chức nhỏ, nhân việc công mà làm việc tư, thừa dịp được quyền hành mà làm việc gian tà, tay trái cầm binh khí, tay mặt làm việc để sinh lợi riêng, bên trong xâm phạm tới quan trên, bên ngoài bòn rút của dân, đó là cái khổ thứ nhất đó;

- Hoặc có kẻ làm lõi nặng mà chỉ bị phạt nhẹ, pháp lệnh không công bằng, vô tội mà phải chịu tội, đến nỗi thân thể bị tàn diệt. Hoặc có kẻ có tội nặng mà được khoan dung, giúp mạnh hiếp yếu, lại thêm hình phạt nghiêm khắc, trách cứ tình lí không đúng, đó là cái khổ thứ hai.

- Hoặc có viên chức nhỏ có tội làm bậy bạ, gặp trường hợp người bị tố cáo oan uổng, mà không chịu nghe người ấy nói nặng giải bày, lại che đậy tình tiết, bắt bớ bóc lột làm cho kẻ ấy phải vong mạng, việc oan uổng ấy bất thường, đó là cái khổ thứ ba.

- Hoặc có nhiều quan lớn giữ chức trọng yếu, kiêm việc phò vua, trông coi việc chính trị mà tính lợi riêng, đối với người thân thì cư xử công vạy (thiên lệch) đối với người thù thì bức thiết (búc bách hành hạ), làm việc quan thì sơ sài cẩu thả, không theo pháp chế, lại nhân việc thu thuế mà lấy lợi riêng, đuổi cũ đai mới, kết bè đảng với người cùng việc để chi thu tùy ý, làm việc giả dối sấp đặt sẵn sàng để đổi thành của nhà, đó là cái khổ thứ tư.

Huân có quan huyện tham công, khi coi việc thưởng phạt, việc công ích, sự phì tàn mua bán, nhiều việc do lường thì tự chuyên về giá cả và số lượng, làm cho dân thất nghiệp, đó là cái khố thứ năm.

Năm việc ấy là năm diệu hại dân, có việc xảy ra như thế thì không thể không phê bỏ, nếu không có như thế thì không thể không thăng thưởng.

Cho nên *Kinh Thư* có nói: Ba lần xét công lao, ba lần xét để truất phế, thăng thưởng thì sự sáng tối bày ra rõ ràng.

THỨ CHÍN: TRỊ QUÂN

Việc trị quân là việc coi biên cảnh, là đạo cứu nước: trong cơn loạn lớn, lấy uy vũ làm phép tắc, đánh dẹp kẻ bạo nghịch để giữ nước nhà bền vững, là kế trị yên xâ tắc.

Dó là đã có văn thì phải có võ. Cho nên con vật uống máu ắt phải có nanh vuốt, vui thì cùng chơi, giận thì hại nhau. Con người không có nanh vuốt nên mới bày ra binh khí để mà tự vệ. Cho nên nước dùng quân đội để phụ trợ. Vua dùng bồ tát để phò tá.

Kẻ phụ trợ mạnh thì nước yên, kẻ phụ trợ yếu thì nước nguy, đó là do cách bổ nhiệm tướng súy.

Chẳng có dân nào mà không có tướng, chẳng có nước nào mà không có bồ tát, chẳng có quân đội nào mà không có chủ.

Cho nên muốn trị nước thì lấy văn làm phép tắc, muốn trị quân thì lấy võ làm mưu kế.

Trị nước không thể không theo ngoài, trị quân không thể không theo trong. Trong là trăm họ trong nước⁽¹⁾, ngoài là rợ nhung (phía Tây) và rợ địch (phía Bắc). Rợ nhung, rợ địch khó lấy lẽ mà giáo hóa, dễ lấy uy vũ mà khắc phục.

Lẽ nghi áp dụng tùy nơi, uy vũ thi thổ tùy chỗ: đó là trường hợp vua Huỳnh Đế đánh dẹp tại vùng Trác Lộc, vua Nghiêu đời Đường đánh dẹp tại sông Đan Phổ, vua Thuấn đánh rợ Hữu Miêu, vua Vũ dẹp rợ Hữu Hồ.

Các Chúa Thánh từ đời Ngũ Đế, Tam Vương, đều dùng đức mà cảm hóa như vậy, ngoài ra mới dùng uy vũ. Cho nên việc binh là việc dữ, việc chẳng đã mới dùng.

(1) Hợp trong nước.

Về đạo dùng binh thi trước hết định mưu kế, rồi sau mới thi hành việc binh, tìm hiểu đạo trời đất, xét lòng người, tập sử dụng binh khí, hiểu rõ lí thưởng phạt, quan sát mưu kế của địch, xét các chỗ đương sa hiềm trỏ, phân biệt các nơi an nguy, xem tình thế chủ khách, biết khi nào nên tới nêu lui, thuận theo cơ hội, sắp đặt chuẩn bị việc phòng ngự, tăng cường cái thế chinh phạt, nâng cao năng lực của sĩ tốt, lo toan việc sống chết, rồi sau mới ra quân dùng tướng, mở rộng cái thế bắt địch, đó là tóm tắt sơ lược phép cầm binh.

Bậc tướng súy cầm vận mệnh của nhân dân, là khí cụ sắc bén của nước nhà, trước hết hoạch định mưu kế, rồi sau ban hành mệnh lệnh, giống như là chim ưng, chim chuẩn chụp mồi, lặng lẽ giống như cung nỏ trương sẵn, chuyển động như máy móc phát chạy, hướng vào cho nào thì phá hủy chỗ ấy mà kẻ kình địch phải tự diệt.

Tướng không lo nghĩ, sĩ tốt không có thể mạnh và không đồng lòng, mà chỉ chuyên dùng mưu kế, dầu có binh trăm vạn, cũng không làm cho địch sợ hãi.

Không thù nghịch thì chẳng oán hận, không phải cứu địch thi chẳng nên đánh.

Xét về công trình nếu chẳng có mắt của Lỗ Ban thì không biết lấy gì để trông thấy sự tinh xảo; xét về chiến đấu nếu không có mưu trí của Tôn Vũ thì không biết lấy gì để thi thố, vận dụng kế hoạch.

Mưu kế cần phải mật nhém, đánh địch cần phải mau chóng, bắt địch như chim ưng chụp mồi, đánh phá như nước vỡ bờ, ắt là binh lính chưa mệt mà quân địch phải tự tan vỡ, đó là thế dùng binh.

Cho nên kẻ giỏi đánh thì không giận, kẻ giỏi thắng thì không sô. Vì thế cho nên bậc trí thức trước đã thắng rồi sau mới mong đánh, kẻ ngay độn trước phải đánh rồi sau mới mong thắng.

Người thắng theo đạo lí mà sửa chữa đường lối, kẻ bại hành động tà vay nên lạc lối, đó là kế thuận lí hay nghịch lí đó.

Bậc tướng súy phải làm cho người phục uy vũ của mình, kẻ sĩ tốt phải chuyên cần tập luyện cho mạnh mẽ.

Binh thế chẳng nên chấn động vô ích, phải vận chuyển như đa tron từ cao rơi xuống, hướng vào chỗ nào thì phá vỡ chỗ ấy, không thể cùn ngăn được. Như thế để mà trước mặt không ai địch lại, sau lưng không ai địch lại, đó là thế dùng binh.

Cho nên việc quân lấy kế hoạch lạ lùng làm mưu mô, lấy tu tú tuyệt diệu làm chủ chốt.

Mêm được cứng, được yếu được mạnh, được con được mồi được.

Mau chóng như gió như mưa, thư thả như sông như biển, yên lặng như Thái Sơn, kho hiếu như âm dương, vô cùng như đất đai, đầy đủ như trời, không bao giờ hết như nước sông ngòi, có đầu có đuôi như tam quang (mặt trời, trăng, sao), sống chết như bốn mùa, suy vượng như ngũ hành, phép kì (biến ảo) và phép chính (thường dùng) sinh nhau mà không bao giờ hết.

Cho nên quân đội lấy lương thực làm gốc, binh pháp lấy kí, chính làm đầu, lấy khí giới để áp dụng, lo tích trữ để phòng bị.

Cho nên nước nhà khôn đốn vì vật dụng đắt đỏ, nghèo nàn vì chuyên quân đi xa. Không thể công phá hai lần, không thể chiến đấu ba lần. Do lương, sức mạnh mà dùng, dùng nhiều ắt là tốn kém, mau hết.

Tư khử cái vô ích thì nước nhà trở nên tốt lành, đuổi bỏ kề bất tài, ta là nước nhà được lợi ích.

Kẻ đánh phá giỏi thì quân địch không biết nơi nào mà giữ, kẻ giữ ~~không~~ giỏi thì quân địch không biết nơi nào mà đánh. Cho nên kẻ đánh pha giỏi không cần dùng binh khí, kẻ giữ gìn giỏi không cần dùng thành quách. Đó là thành cao, hào sâu không đủ làm vững chắc, giáp ~~trong~~ binh giỏi không đủ làm mạnh mẽ.

Dịch muốn giữ vững thì ta đánh chúng lúc không phòng bị, địch ~~lập~~ hận thì ta đánh chúng lúc bất ngờ.

Ta đi thì địch đến, cẩn thận sắp đặt chổ ở. Ta khởi đánh thì địch ~~thông~~ lại, ta bèn đánh ở hai bên hông phải và trái.

Ta tính (trước) người gặp địch, đánh trước vào chổ có thực của chúng, thì chúng không biết đất giữ, không biết ngày đánh.

Biết phòng bị, (tức là cũng như) có nhiều người, ắt là chuyên chú phòng bị thì sẽ thiếu người. Lấy điều lo lắng để phòng bị cho nhau, xét ~~trong~~ mạnh yếu để cùng đánh, xét sự dũng khiếp để giúp nhau, đằng ~~nhìn~~ và đằng sau phải cùng đi theo một hướng, hai bên phải và trái, ~~phóng~~ đi theo một chiều như rắn Thường Sơn, đầu đuôi cùng đến, đó là ~~phép~~ tiếp cùu của quân đội.

Cho nên kẻ thắng thế, ắt phải có uy vũ hoàn toàn, tự riêng mình lập ~~mưu~~ kế, biết hình thế đất đai, không thể nói trước cho người biết, bàn ~~mưu~~ mà biết hơn thua, địch giả đối mà mình cũng biết chúng yên hay ~~truy~~, tính toán mà biết quân địch nhiều hay ít, xem hình trạng của địch ~~mà~~ biết địch có thể sống hay chết, xem cách địch lô liệu mà biết chúng

sương, hay khô, xem cách địch mưu đồ mà biết chúng, ta giao súng, tức như thế nào.

Cho nên phép cầm binh là theo sống mà đánh chết, tránh thực mà đánh hu⁽¹⁾.

- Đánh tại núi đồi thì không đánh lên,
- Đánh dưới nước thì không đi ngược dòng,
- Đánh trong vùng lau cỏ thì không lội qua chỗ sâu,
- Đánh tại đất bằng thì không đi ngược vào chỗ trống trải,
- Đánh trên đường thì không đi ngược vào chỗ đường độc đạo.

Năm điều ấy là những chỗ lợi ích của binh pháp, chỗ hỗ trợ của đất đai.

Việc quân:

- Thành công nhờ cách dùng thế, bại vong vì mưu kế tiết lộ.
- Đói vì đi xa, khát vì hết giếng,
- Mệt vì phiền nhiễu, nhàn rỗi nhờ yên tĩnh,
- Nghi vì không đánh, ngờ vì thấy lợi,
- Lui vì sợ hình phạt, tới vì được ban thưởng,
- Yếu vì thấy bị hiếp bức, mạnh nhờ dùng thế,
- Khốn vì bị vây, lo vì tới trước,
- Sợ vì đêm nghe tiếng la, loạn vì sự ám muội,
- Mê mờ vì trái đạo, cùng khốn vì vào đất chết.
- Thua vì hung ác, được nhờ tính trước.

Cho nên:

- Đặt ra cờ xí để mắt thấy rõ,
- Đánh chiêng trống để tai nghe rõ,
- Đặt ra rìu búa (phủ việt) để lòng người đồng nhất,
- Bày rõ giáo lệnh để mọi người cùng theo một đạo lý chung,
- Nêu cao sự ban thưởng để khuyến khích công lao,
- Thi hành việc trừ giết để đề phòng sự giả dối,
- Đánh ngày mà không nghe nhau thì giờ cờ xí làm dấu hiệu,
- Đánh đêm không thấy nhau thì nổ lửa, đánh trống.

Lệnh dạy không nghe theo thì sử dụng búa rìu để trừng phạt.

(1) Ta ở thế sống mà đánh địch ở thế chết, ta tránh chỗ mạnh của địch mà đánh vào chỗ yếu của địch.

Không biết điều kiện lợi của chín thế đất⁽¹⁾ sẽ không biết chín cách biến hóa⁽²⁾.

Tinh chất âm dương của trời, hình tên của đất đai, lòng dạ của con người, biết được ba điều ấy thì thủ hoạch thành công.

Biết được sĩ tốt của mình thì biết được quân địch. Không biết sĩ tốt của mình thì không biết quân địch. Không biết quân địch, mỗi lần đánh sẽ thiệt hại. Cho nên khi đem quân đánh phá, trước hết phải biết lòng dạ của sĩ tốt và biết năm cách dùng gián điệp⁽³⁾.

Điều mà quân sĩ yêu mến, mà tướng súy coi trọng hậu, nếu không có thánh trí thì không dùng được, nếu không phải nhân hiền thì không thể sai khiến.

Phép ngũ gián mà được hợp tình ắt là dân chúng có thể sử dụng, nước nhà có thể bảo tồn lâu dài.

Cho nên binh muôn sông thì phải chuẩn bị, bất đắc dĩ mới đánh nhau, tĩnh để được yên ổn, động để tỏ uy vũ, không cậy vào sự địch không đến, mà nên cậy vào sự địch không thể đánh ta được, dùng binh giàn để chờ đánh binh xa, dùng binh an nhàn để chờ đánh binh nhọc

(1) Chín thế đất (cửu địa) là:

Tan địa: đất mà binh nhà dễ tan vỡ;

Khinh địa: đất gần với nước mình;

Tranh địa: đất lợi, hai bên đều tranh chiếm;

Cùo địa: đất mà hai bên đều đến được;

Cư địa: đất yết hầu dính với nhiều nước;

Trọng địa: đất ở sâu vào nước địch;

Tỷ địa: đất lồi lõm, hiểm trở;

Vị địa: đất dễ bị vây đánh úp;

Tử địa: đất đánh lâu thì chết;

(2) Chín cách biến hóa (cửu biến) là: Mưu, có lúc không dùng; Lợi, có lúc không hay; Quân địch, có lúc không đánh; Đất đai, có lúc không tranh; Bình phong, có lúc không giữ đúng; Giao chiến, có lúc không hợp; Đường, có lúc không đi theo; Thành, có lúc không phá; Lệnh vua, có lúc không tuân.

(3) Năm cách dùng gián điệp (ngũ gián) là:

Dụng người trong hàng ngũ của địch, hoặc đồng hương với quân địch (nhân phản)

Dụng quan viên thất thế của địch (nội gián)

Dụng lại gián điệp của địch (phản gián)

Dụng gián điệp quyết chết (tử gián).

Dụng gián điệp có địa vị, thề lực không thể lâm nguy mà chết (sinh gián).

mệt, dùng binh no để chờ đánh binh đối, dùng cho thực eo của mình để đánh vào chỗ khiếm khuyết của người, dùng binh song để chờ đánh binh chết⁽¹⁾ dùng binh nhiều để chờ đánh binh ít, dùng binh vượng để chờ đánh binh suy, dùng binh ẩn nấp để chờ đánh binh đang đến, cờ xí ngay ngắn, chiêng trống chũng chac, đang theo ở đằng trước mà lật ngược ra đằng sau, giữ vững các chỗ hiểm trở để xây dựng bờ thế bên ngoài, lấy điều lợi để khuyến dụ địch, lấy điều hại để làm cho địch mềm yếu (thoái nhượng) đó là phép trị quân đầy đủ.

THỨ MƯỜI: THƯỞNG PHẠT

Phép tắc của sự thưởng phạt là thưởng điều thiện, phạt điều ác. Thưởng để nêu cao công lao, phạt để ngăn cấm điều gian tà.

Thưởng thì không thể không công bằng, phạt thì không thể không đồng đều.

Sự ban thưởng biết chỗ mà thi hành ắt là dũng sĩ biết nơi mà liều chết. Hình phạt biết chỗ mà áp dụng ắt là kẻ tà ác biết nơi mà kiêng sợ.

Cho nên thưởng không thể thi hành sai lầm, phạt không thể áp dụng bừa bãi. Thưởng sai lầm ắt là kẻ bê tôi có công lao sẽ oán thán, phạt bừa bãi ắt là kẻ sỉ phu ngay thẳng sẽ hờn giận. Đó là trường hợp Dương Canh phải chịu thiệt hại vì đã xú đoán bất công. Sở Vương phải bại trận vì đã tin lời đèm pha.

Người tướng chuyên dùng uy quyền sinh sát, ắt là kẻ đáng giết thi cho sống, kẻ đáng sống thì đem giết đi, giận dữ không có lí do rõ ràng, phạt thưởng không sáng suốt, lệnh dạy không thường, lấy việc riêng làm việc chung, đó là năm điều nguy hại của quốc gia.

Thưởng phạt không sáng suốt, lệnh dạy có khi không theo đúng, al là kẻ đáng sống thì đem giết chết, bọn gian tà không ngăn cấm ắt là kẻ đáng chết thì cho sống.

Sĩ tốt tan vỡ, giận dữ không có lí do rõ ràng, uy vũ không thi hành, thưởng phạt không sáng suốt, không khuyến khích công việc của kẻ dưới, phép chính trị và giáo hóa không thích hợp, pháp lệnh không được tuân theo, lấy việc riêng làm việc chung, thì người sẽ sinh hai lòng.

Cho nên bọn gian tà mà không ngăn cấm được thì sự nghiệp không tồn tại lâu dài.

(1) Dùng binh ở thế sống để chờ đánh binh ở thế chết

Sỉ tốt tan vỡ, thì người sẽ ít ỏi;
Uy vũ không thi hành thì khi thấy quân địch, binh sỹ không
muôn đánh;
Không khuyên khích công lao của kẻ dưới thì bè trên sẽ không
được giúp đỡ mạnh mẽ.

Pháp lệnh không được theo đúng thì công việc sẽ lộn xộn không
chỉnh đốn được;

Người có hai lòng thì nước nhà chịu nguy hại.

Cho nên dùng chính pháp để phòng ngự kẻ gian tà, lấy sự kiệm
trúc để cứu chữa việc xa xỉ, người trung thực có thể cử coi ngực tù,
người liêm khiết công bình có thể cử coi việc thưởng phạt. Thưởng phạt
không tà khúc ắt là người ta dẫu chết cũng cam phục. Trên đường có
người đối, mà trong chuồng có ngựa béo, điều ấy có thể gọi là giết
người ta chết để mình được sống, xử mỏng với người mà dày với mình.

Cho nên bậc vua của loài người trước hết mới tìm rồi sau mới ban
thưởng, trước hết ra giáo lệnh rồi sau mới trừng phạt, ắt là có người
thân cận phụ họa theo, kính sợ mà thương mến.

Không ra lệnh mà thi hành, thưởng phạt không thích đáng, ắt là
tụng, thần sẽ chết vì việc không đáng tội, mà gian thần sẽ được thăng
thưởng nhờ việc không đáng công.

Ban thưởng mà không ty hiềm người có thù oán với mình, nhờ đó
ma Te Hoàn Công được sự giúp sức của Quản Trọng; trừng phạt mà
không miễn cho thân nhân họ hàng gần xa, đó là trường hợp Chu Công
giết em mà nổi tiếng.

Cho nên Kinh Thư nói rằng:

Không thiên lệch, không bè đảng,

Vương đạo rộng rãi;

Không bè đảng, không thiên lệch,

Vương đạo công bằng.

Đó là điều đã nói ở trên.

THỨ MƯỜI MỘT: MỪNG GIẬN

Phép mừng, giận là khi mừng thì chẳng nên mừng về việc không
đáng mừng, khi giận thì chẳng nên giận về điều không đáng giận.

Trong khi mừng, giận phải hiểu rõ vào loại nào. Khi giận không nên
hỗn hùng kề vai tối, khi mừng không nên nghe theo lời kẻ sĩ đáng trừ bỏ.

Sát lợt tan vỡ, thi người sẽ it ôi;
Uy vũ không thi hành thì khi thay quân địch, binh sỹ không
muôn đánh;

Không khuyên khích công lao của kẻ dưới thì bề trên sẽ không
được giúp đỡ mạnh mẽ.

Pháp lệnh không được theo đúng thì công việc sẽ lộn xộn không
chỉnh đốn được;

Người có hai lòng thì nước nhà chịu nguy hại.

Cho nên dùng chính pháp để phòng ngự kẻ gian tà, lấy sự kiệm
~~thực~~ để cứu chữa việc xa xỉ, người trung thực có thể cử coi ngực tù,
~~người~~ hiem khiết công bình có thể cử coi việc thưởng phạt. Thưởng phạt
~~không~~, ta khue ắt là người ta dầu chết cũng cam phục. Trên đường có
~~người~~ doi, mà trong chuồng có ngựa béo, điều ấy có thể gọi là giết
~~người~~ ta chết để mình được sống, xử mỏng với người mà dày với mình.

Cho nên bậc vua của loài người trước hết mới tìm rồi sau mới ban
~~thưởng~~, trước hết ra giáo lệnh rồi sau mới trừng phạt, ắt là có người
~~thân~~ can phụ họa theo, kính sợ mà thương mến.

Không ra lệnh mà thi hành, thưởng phạt không thích đáng, ắt là
~~hung~~, thần se chết vì việc không đáng tội, mà gian thần sẽ được thăng
~~thưởng~~, nhô việc không đáng công.

Ban thưởng, mà không tỵ hiềm người có thù oán với mình, nhờ đó
~~nhà~~ Lê Hoan Công được sự giúp sức của Quản Trọng; trừng phạt mà
~~không~~, miễn cho thân nhân họ hàng gần xa, đó là trường hợp Chu Công
~~nhại~~ em mà nổi tiếng.

Cho nên Kinh Thư nói rằng:

Không thiên lệch, không bè đảng,

Vương đạo rộng rãi;

Không bè đảng, không thiên lệch,

Vương đạo công bằng.

Đó là điều đã nói ở trên.

THI MUỒI MỘT: MÙNG GIẬN

Phép mừng giận là khi mừng thì chẳng nên mừng về việc không
~~hợp~~ mừng, khi giận thì chẳng nên giận về điều không đáng giận.

Trong khi mừng giận phải hiểu rõ vào loại nào. Khi giận không nên
~~hỗn~~ kêu vò tai, khi mừng không nên nghe theo lời kẻ sĩ đáng trừ bỏ.

Lúc mừng giận không thể không hiểu rõ lý do. Khi mừng không nên tha cho kẻ có tội, khi giận không nên giết kẻ vô tội.

Trong việc mừng giận, không nên làm bậy bạ, làm việc tư mà bỏ việc công. Người tướng không thể giận việc riêng mà gây việc chiến tranh, mà phải lợi dụng tâm chí của quân chúng, còn nếu lấy sự giận việc riêng mà gây chiến ắt là việc sử dụng quân chúng phải thất bại.

Đã giận rồi không thể vui trở lại, đã mừng rồi không thể lại giận.

Cho nên trước hết dùng văn rồi sau mới dùng võ. Trước hòn ắt là sau thua, trước giận ắt là sau hối tiếc, chỉ một sáng giận dữ để thân thể phải tiêu vong.

Cho nên người quân tử uy nghiêm mà không dữ tợn, bức túc mà không giận dữ, lo mà không sợ, vui mà không mừng, phải có việc đáng bức túc rồi sau mới dùng uy vũ thêm vào.

Dùng uy vũ thêm vào ắt là hình phạt được thi hành, hình phạt thi hành ắt là bọn gian tà bị ngăn cản. Không dùng uy vũ thêm vào ắt là hình phạt không đúng; hình phạt không đúng ắt là các việc xấu không được sửa chữa, nước ấy phải mất.

THÚ MUỜI HAI: DẸP LOẠN

Phép trừ rối loạn là khảo sát quan lại, kiêm gồm các chức vụ, dẹp bỏ cái văn vẻ giả dối ở bên ngoài, giữ lại cái thực chất ở bên trong.

Nếu các việc làng nhàng không dứt ắt là có mầm loạn sinh ra, nếu các việc nhỏ nhen hèn hạ không trừ ắt là trở nên tai họa quái gở.

Nếu *ba giềng*⁽¹⁾ không ngay thẳng, *sáu mối*⁽²⁾ không chỉnh đốn ắt là loạn lớn sinh ra.

Cho nên phép trị nước là giống như vẽ hình tròn thì đừng cho sai với thước quy⁽³⁾, vẽ hình vuông thì đừng cho sai với thước củ⁽⁴⁾, có gốc đừng để mất ngọn, làm chính trị thì đừng để cho mất đạo lí, như thế muôn việc có thể thành công, công nghiệp có thể bảo tồn.

Ba quân loạn lạc, lộn xộn rối ren, đều phải tìm hiểu lí do.

(1) Ba giềng (tam cương) là ba mối quan hệ vua tôi, cha con, chồng vợ.

(2) Sáu mối (lục kỉ) là sự liên lạc với hàng cha, hàng anh em, họ hàng, hàng cậu, hàng sư trưởng, bạn bè.

(3) Thước qui: cái compa.

(4) Thước củ: cai ê-ke.

Khi bậc vua sang suối sắp đặt giềng mới (phép tắc), thì nên chính trị nên có việc trước, việc sau.

- Trước sửa giềng, sau sửa mới;
 - Trước sắp đặt mệnh lệnh, sau sắp đặt hình phạt;
 - Trước lo gần, sau lo xa;
 - Trước lo trong, sau lo ngoài;
 - Trước lo gốc, sau lo ngọn;
 - Trước lo việc mạnh, sau lo việc yếu;
 - Trước lo việc lớn, sau lo việc nhỏ;
 - Trước lo sửa mình, sau lo sửa người,
- Đó là sửa giềng thì mới được tháo gỡ
- Sắp đặt mệnh lệnh thì hình phạt thi hành;
 - Lo việc gần thì việc xa yên;
 - Lo việc trong thì việc ngoài ngay thẳng;
 - Sửa gốc thì ngọn được thông;
 - Lo việc mạnh thì việc yếu cũng bành trướng;
 - Lo việc lớn thì việc nhỏ cũng thi hành;
 - Sửa phần trên thì phần dưới cũng được ngay thẳng;
 - Sửa mình thì được người kính;
- (Đó là đạo trù rối loạn vậy).

THỨ MƯỜI BA: LỆNH DẠY

Phép ra lệnh dạy có nghĩa là trên dạy dưới. Lời trái lẽ đúng nói, việc trái đạo đúng làm; các việc mà người trên làm là chô mà người ta ngược mắt trông vào.

Tha thứ cho mình mà đi dạy người đó là phép tắc trái ngược; sửa mình cho ngay thẳng để dạy người, đó là phép tắc hợp lí.

Cho nên bậc vua của loài người trước hết sửa mình rồi sau mới ban hành mệnh lệnh. Mình không ngay thẳng thì mệnh lệnh không được nghe theo, mệnh lệnh không được nghe theo ắt là sinh ra biến loạn.

Cho nên đạo làm vua trước hết là ban lệnh dạy dỗ, rồi sau mới trach phạt. Không dạy dỗ, tập luyện quân sĩ mà đem đi đánh dẹp thì cũng như đem chúng vứt bỏ đi. Trước hết tập luyện sĩ tốt về phép dùng binh, thì có năm phép tắc.

Thứ nhất là sai khiến con mắt: Tập luyện cách biến động theo sự chỉ huy⁽¹⁾ cờ xí, chạy dọc chạy ngang theo ý muốn.

Thứ hai là sai khiến lỗ tai: Tập nghe tiếng chiêng, trống, cách động tĩnh đi đứng.

Thứ ba là sai khiến lòng dạ: Tập chịu nghiêm cách của hình phạt, hưởng điều lợi ích của tước lộc, thưởng

Thứ tư là sai khiến cái tay: Tập cho biết phương tiện của năm binh, chuẩn bị việc chiến đấu.

Thứ năm là sai khiến cái chân: Tập các phép xông vào hay chạy trốn và các cách tới lui cho được chu toàn.

Cho nên gọi là năm cách dạy: lệnh về dạy về quân trận đều có phép tắc.

Bên trái dạy Thanh Long,

Bên phải dạy Bạch Hổ,

Đằng trước dạy Chu Tước,

Đằng sau dạy Huyền Võ,

Ở giữa là chõ ở của Hiên Viên Đại Tướng Quân.

Bên trái là mâu (giáo) bên phải là kích, đằng trước là thuẫn (mộc) đằng sau là nỏ, ở giữa là cờ trống; lúc động cùng dây, nghe trống thì tới, nghe chiêng thì lui, tùy theo sự chỉ huy, năm trận bèn có thể sắp bày.

Theo trận pháp chính cách thì cờ trống là chủ chốt.

Một tiếng trống, đưa cờ xanh lên, ắt là bày trận thắng (trực trận).

Hai tiếng trống, đưa cờ đỏ lên, ắt là bày trận bén (nhuệ trận).

Ba tiếng trống, đưa cờ vàng lên, ắt là bày trận vuông (phương trận).

Bốn tiếng trống, đưa cờ trắng, lên ắt là bày trận tròn (viên trận).

Năm tiếng trống, đưa cờ đen lên, ắt là bày trận cong (khúc trận).

Trận thắng là mộc trận (trận cây).

Trận bén là hỏa trận (trận lửa).

Trận vuông là thổ trận (trận đất).

Trận tròn là kim trận (trận loài kim).

Trận cong là thủy trận (trận nước).

Trận ngũ hành áy biến hóa mà sinh nhau, xung đồi mà hơ nhau, sinh nhau để cứu nhau, hơ nhau để mà đánh phá, sinh nhau để giữ nhau, hơ nhau để mà đối địch.

(1) Chỉ: trả, huy; phát, vẩy.

Phạm pháp lặp năm trấn là năm năm giữ nhau:
Năm người hợp thành một trưởng;
Năm trưởng hợp thành một sư;
Năm sư hợp thành một chi;
Năm chi hợp thành một hỏa;
Năm hỏa hợp thành một tràng;
Năm tràng hợp thành một quân.
Như thế ăn là quân sĩ hoàn bị.
Về việc binh, điều tiện lợi cốt là biết tiết độ:
Kẻ thấp cầm mâu kích;
Kẻ cao cầm cung nỏ;
Kẻ mạnh cầm cờ xí;
Kẻ bạo dạn cầm chiêng trống;
Kẻ yếu chu cấp lương thực và súc vật;
Kẻ tri thức lo lập mưu kế làm chủ chốt;
Làng xóm liên kết với nhau,
Năm năm giữ cho nhau.

- Nghe một tiếng trống thì đi ngay ngắn;
- Nghe hai tiếng trống thì tập trận;
- Nghe ba tiếng trống thì khởi ăn;
- Nghe bốn tiếng trống thì làm việc nghiêm chỉnh;
- Nghe năm tiếng trống thì khởi hành;
- Nghe tiếng chiêng trống, rồi sau mới đưa cờ lên; đem binh ra có thứ lớp;

Một lần đánh trống ba hồi, giương cờ xí lên, ai dấy binh đánh trước thi thường, ai rút lui thì chém, đó là lệnh dạy.

TUẤT MƯỜI BỐN: CHÉM ĐÚT

Phép chém đứt là phép chém những kẻ không làm theo lệnh dạy. Phép chém ấy có bảy trường hợp:

- Thứ nhất là trộm cắp;
- Thứ nhì là khinh thường;
- Thứ ba là ngạo慢;
- Thứ tư là lừa dối;

- Thứ năm là bội nghịch;
- Thứ sáu là lộn xộn;
- Thứ bảy là lầm lạc; (lầm bậy).

Đó là những điều cấm đoán trong phép trị quân.

Đáng chém mà không chém thì phải chịu cảnh lộn xộn. Cho nên bày ra rìu búa uy nghiêm để chờ có những kẻ trái lệnh mà đem giết đi.

Luật pháp của quân đội thuộc đẳng cấp khác thường:

- Lỗi nhẹ mà phạt nặng;
- Mệnh lệnh không thể làm trái, làm trái thì phải chém.

Việc hội họp đã định trước mà lại không tới; nghe trống mà không đi; thừa lúc khoan thai mà tự ý dừng lại; khi cần tránh lui mà tự ý đứng lại; ban đầu thì ở gần, về sau thì ở xa; gọi tên không ứng đáp; xe giáp không đầy đủ; binh khí không chuẩn bị; đó là quân có tính khinh thường; quân khinh thường thì phải chém.

Nhận được lệnh mà không truyền đi; truyền lệnh không cẩn thận, hấn hoi; làm mê hoặc các lại sĩ; không nghe chiêng trống; không nhìn cờ xí; đó là quân ngạo mạn, quân ngạo mạn thì phải chém.

Ăn phần lương không cho ăn (cấm ăn); làm việc quân mà không tiết kiệm số lính⁽¹⁾; chu cấp cho kẻ dưới không đồng đều, chỉ a dua riêng theo người thân; lấy đồ vật chẳng phải của mình; vay mượn mà không trả; đoạt đầu mục của người, để chiếm công lao; đó là quân trộm cắp; quân trộm cắp thì phải chém.

Thay đổi tên họ; y phục không hấn hoi (lành sạch); cờ xí rách nát; chiêng trống không đủ; giáo mác không mài; binh khí không chắc chắn; tên không gắn lông; cung nỏ không có dây; pháp lệnh không thi hành; đó là quân lừa dối, quân lừa dối thì phải chém.

Nghe trống mà không tiến; nghe chiêng mà không dừng, cờ hạ xuống mà không núp; cờ giơ lên mà không đứng dậy; không theo lệnh chỉ huy; tránh đằng trước ra đằng sau; đi ra lộn xộn không có hàng ngũ; làm hỏng cái thế cung nỏ; tránh lui mà không đánh; hoặc chạy qua trái hoặc chạy qua phải; nâng đỡ người bị thương; khiêng xác xác chết; tự nâng đỡ mà về; đó là quân bội nghịch, quân bội nghịch thì phải chém.

Khi tướng mang quân ra đi, sĩ tốt tranh nhau đi trước, rối loạn lộn xộn, xe ngựa liền nhau, bít nghẽn đường đi, đằng sau không thể tới

(1) Dùng số lính quá nhiều vào một công việc nhỏ nhặt, phung phí sức lính.

trước được, kêu gọi ôn áo, noi không nghe được, hàng ngũ rối loạn mất hết thứ tự; binh khí bị tàn hại, dài ngắn không sắp đặt gọn gàng, trên dưới dọc ngang; đó là quân lện xộn, quân lện xộn thì phải chém.

Nói quân đội đứng lại đóng đồn lập dinh, hỏi thăm xóm làng, gần gũi nương nhau, giữ gìn lương thực cho nhau, không được vượt hàng ngũ của mình; miễn cưỡng nhập vào hàng ngũ của toán khác, làm sai lạc thứ tự, bị quở trách mà không chịu thôi; ở chốn dinh trại, không chịu theo cửa ngõ mà ra vào (chui, leo hàng rào) không chịu tự mình thừa trình; chỗ nào có kẻ gian tà dấy lên làm bậy bạ, những ai biết được mà không báo cáo thì cũng đồng tội một hạng như nhau; hội họp cùng người uống rượu; a dua nhau làm các việc tư tà, lấy hoặc nhận đồ vật của người; lớn tiếng hăm dọa, nghi hoặc lại sĩ, đó là quân làm bậy, quân làm bậy thì phải chém.

Chém bọn ấy xong, mọi việc mới được chỉnh đốn.

THỨ MƯỜI LĂM: LO TÍNH

Phép lo tính là lo gần, tính xa.

Người không tính xa ắt phải lo gần.

Cho nên người quân tử không lo toan ngoài địa vị của mình. Lo là sắp đặt mưu mô, tính là sắp đặt kế hoạch để làm việc. Không được địa vị thì chẳng nên mưu tính việc chính trị; không có việc làm thì chẳng nên sắp đặt kế hoạch.

Việc lớn bắt đầu từ chỗ khó, việc nhỏ bắt đầu từ chỗ dễ.

Cho nên muốn tính điều lợi ắt phải lo điều hại; muốn tính việc thành ắt phải lo việc bại. Đó là trường hợp Cửu Trùng Đài tuy cao lớn, nhưng ắt có ngày hư hoại.

Cho nên ngẩng mặt trông lên thì không nên sơ ý phía dưới; dang trước thì không nên sơ ý ở dang sau. Đó là trường hợp Tân Mục Công đánh nước Trịnh mà hai người con biết sẽ bị thiệt hại; vua Ngô nhận gái Việt mà Tử Tư biết sẽ thất bại; nước Ngu nhận ngựa làm bằng ngọc bích mà Cung Chi Kì biết sẽ bị thiệt hại; Tống Tương Công tập luyện binh xa mà Mục Di biết rằng sẽ thua. Trí thức như thế, lo tính chu đáo như thế, có thể gọi là sáng suốt vậy.

Nương theo dấu vết của trận đổ vỡ, đi theo đuôi các việc suy sụp, chìm đắm, để tiến tới trước, thì làm sao mà kịp được. Cho nên nhà Tân nổi nghiệp bá chủ mà không theo kịp đạo của Nghiêu, Thuấn.

Sự nguy biến sinh ra từ sự yên ổn,
Sự mất sinh ra do sự còn,
Điều hại sinh ra từ điều lợi,
Sự rối loạn sinh ra từ sự yên trị.

Bậc quân tử xem điều nhỏ nhặt mà biết rõ ràng, thấy đâu mà biết đuôi, nên tai họa không thể theo đâu mà dây lên được, đó là phép lo tính.

THỨ MƯỜI SÁU: XEM XÉT ÂM THẦM

Phép xem xét âm thầm cũng giống như phân loại các đồ vật để hiểu rõ ý nghĩa của mỗi vật.

Ngoài bị tổn thương ắt là trong bị cô độc; trên ngờ ắt là dưới nghi; nghi ắt là người thân không dùng; ngờ ắt là người xem xét không đúng phép; không đúng phép thì mưu kế rối loạn; mưu kế rối loạn thì nước gắp cảnh nguy nan; nước nguy nan thì không yên ổn.

Đó là kế thường suy nghĩ thì lo xa; lo xa thì yên ổn; không lo nghĩ thì sẽ gặp nguy nan.

Kẻ giàu thì được thỏa chí; kẻ nghèo thì không gặp thời.

Ham thích nhiều thì tiêu phí nhiều; chưa trữ nhiều thì mất mát nhiều.

Đua nhau mua sắm thì hết tiền của; chuyên quyền thì không thành công.

Nhiều người cùng lo một việc thì phiền phức; sự phiền phức sinh ra do sự lười biếng (ỷ lại vào nhau).

Thuyền hở (đáy) thì nước vào; túi thủng (đáy) thì ở trong chẳng còn vật gì.

Núi nhỏ thì không có thú vật; nước cạn (nông) thì không cá; cây yếu thì không có ổ chim.

Tường hư thì nhà nghiêng; đê vỡ thì nước tràn ngập.

Chạy mau thì ngã; đi thong thả thì chậm trễ.

Đi thuyền trên chõ cạn thì nguy; đi trên nước đá thì sợ.

Lội suối thì chết đuối; gặp nước thì vượt bằng thuyền.

Không mái cheo thì không thể qua sông; mất bạn thì phải mong chờ người xa.

Thưởng phạt thì xét công; không thành thực thì không tin cậy.

Môi sứt (mất) thì răng lạnh; lông rụng thì da yếu.

Kẻ nịnh nọt thì lời nói rối loạn; chỉ nghe một bên thì sẽ có tai hại.

Mưu đồ việc lành thì thắng, mưu đồ việc ác thì chia rẽ.

Người thiện khuyên người ác cũng như mưa móc về mùa xuân.

Ngựa kì và ngựa kỵ thì dễ cưỡi, ngựa nô và ngựa đài thì khó tập.

Không nhìn là đui, không nghe là điếc.

Rèn hư thì lá khô; lá khô thì hoa rụng; hoa rụng thì quả thối.

Trụ nhỏ thì nhà nghiêng ngả; gốc nhỏ thì ngọn lung lay.

Dưới nhỏ thì trên phải đỡ.

Không phân biệt đèn trăng, bỏ đồ cao quý mà dùng đá thì cọp và
đè ở cùng bầy.

Áo rách thì vá, đai ngắn thì nối dài;

Chơi dao thì (có ngày) đứt tay, nhảy nhót thì (có ngày) què chân.

Giặt rửa không cần tới sông ngòi, cốt yếu là gột tẩy chất bẩn; cưỡi
ngựa không cần tới ngựa kì và ngựa kỵ, cốt yếu là nhanh chân; dùng
hiền tài chẳng cần phải là thánh nhân, cốt yếu là có trí thức thông suốt,
gồm có năm đức:

Thứ nhất là ngăn cấm việc hung bạo, dứt bỏ việc binh đao;

Thứ hai là tuổng thường bậc hiền tài, trùng phạt kẻ phạm tội ác;

Thứ ba là làm cho dân chúng yên ổn, nhân ái, hòa hiệp;

Thứ tư là che chở, bao bọc cho người khác, xét định công lao;

Thứ năm là ngăn chặn sự phong hoa, xa xỉ, phản đối việc dèm pha.

Đó gọi là năm đức.

TƯỚNG UYỀN NGỮ THẬP THIỆN

I. QUYỀN BÍNH CỦA TƯỚNG SUÝ

Quyền cầm binh là quyền nắm giữ vận mệnh của ba quân, là uy thế của bậc chủ tướng.

Bậc tướng súy cầm binh quyền, giữ binh thế, để coi sóc tay chân bộ hạ, cũng giống như cọp dữ mang thêm đôi cánh, bay lượn ngao du nơi bốn biển, tùy cảnh ngộ mà thi thoả.

Ví bằng tướng súy mất binh quyền, không còn nắm giữ uy thế, cũng giống như cá, rồng bị đem ra khỏi sông hồ, có muốn được thế ngao du bơi lượn, cưỡi nước giõn sóng, sao có thể được nữa?

II. ĐUỔI BỎ KẺ ÁC

Xét các điều hư tệ của việc binh trong nước thì thấy có năm điều hại sau này:

Thứ nhất là kết bè đảng liên lạc với nhau, hủy báng và che dấu kẻ hiền lương;

Thứ hai là dùng áo quần xa xỉ, mũ đai đặc biệt, khác thường;

Thứ ba là khoe khoang những việc yêu quái giả dối, bày đặt ra việc thờ quỷ thần;

Thứ tư là chuyên xét bàn các việc phải trái, ngầm có tà ý làm náo động quần chúng.

Thứ năm là xem xét dò la sự được thua, âm thầm liên kết với kẻ địch.

Đó là những kẻ làm điều gian tà, trái ngược với đạo đức, nên lìa xa mà chẳng có thể gần gũi được.

III. BIẾT NGƯỜI

Biết tính tình của người, chẳng gì khó bằng xem xét, (bởi vì) lành

đứa tuy khác nhau (nhưng) tinh tình và vẻ mặt chẳng phải như một:

Có kẻ thù ôn hòa, hiền lành nhưng làm việc trộm cắp;

Có kẻ bẽ ngoài thi cung; kinh nhưng trong bụng thì vô lễ, dối trá;

Có kẻ bẽ ngoài thi mạnh dạn nhưng trong bụng thì khiếp sợ;

Có kẻ làm việc tận lực nhưng không trung thành.

Tuy nhiên có bảy phép để biết người:

Thứ nhất là lấy việc phải trái mà hỏi họ để xem chí hướng của họ;

Thứ hai là lấy lời cật vấn đến kì cùng để xem cách ứng biến của họ;

Thứ ba là đem mưu kế mà hỏi ý kiến của họ để xem kiến thức của họ;

Thứ tư là lấy việc khó mà báo cáo cho họ biết để xem tính dũng cảm của họ;

Thứ năm là đem rượu cho họ uống say để xem tính tình của họ;

Thứ sáu là đưa việc lợi cho họ coi ngó để xét tính liêm khiết của họ;

Thứ bảy là đem việc để nhờ cậy họ để xét sự tín thật của họ.

IV. TÀI NĂNG CỦA TƯỚNG SÚY

Tài năng của tướng súy có tám hạng:

1) Dùng đức để đem đường cho người, dùng lễ nghi để sắp đặt yên ổn cho người, hiểu biết việc đối rét của họ, xem xét việc lao khổ của họ, đó gọi là hạng nhân tướng (tướng có lòng nhân ái);

2) Không làm việc cầu thả lấp ròi, không vì lợi mà náo động, có thể chết vinh mà không thể sống nhục, đó gọi là hạng nghĩa tướng (tướng có lòng nghĩa hiệp);

3) Ở địa vị cao quý mà không kiêu căng, hơn người mà không cậy công, có tài năng mà có thể hạ mình, cứng cỏi mà có thể nhẫn nhịn, đó là hạng lê tướng (tướng có lê nhượng);

4) Gặp biến cố bất ngờ mà chẳng lay chuyển, biết hành động ứng phó với các việc khó khăn, đổi họa thành phúc, gặp cơn nguy biến mà nấp đằng thành thắng thế, đó gọi là hạng trí tướng (tướng có mưu trí);

5) Bình tối thì thưởng lớn, bình lui thì phạt nặng, khen thưởng không chậm trễ, khi trùng phạt không buông tha cho kẻ cao quý, đó gọi là hạng tin tướng (tướng có lòng tin thực);

6) Tay chân lè lăng, cười ngựa dữ mạnh, khỏe hơn cả trăm người, giỏi dùng đoán binh (di chuyển mau lẹ) thông thạo kiếm kích, đó gọi là hổ tướng (tướng thủ hạ của bắc đại tướng).

7) Có thể vượt núi non cheo leo, từng trải các việc nguy hiểm, cưỡi ngựa bắn tên mau lẹ như chim bay, tới thì đi trước, lui thì đi sau, đó gọi là kỵ tướng (tướng cưỡi ngựa).

8) Khí thế vượt hẳn ba quân, có ý coi thường địch mạnh, gắp đánh nhỏ thì nhát sợ, gắp đánh lớn thì mạnh dạn, đó gọi là mãnh tướng (tướng mạnh dạn);

Còn như người khi thấy bậc hiền tài thì mình tỏ ra vẻ không kịp người, nghe lời can ngăn như là thuận trôi theo dòng nước, có bụng rộng rãi nhưng có chí cương quyết, giản dị nhưng có nhiều mưu kế, đó là bậc đại tướng, (vượt hẳn tám hạng tướng kể trên).

V. KHÍ CÁCH CỦA TƯỚNG SÚY

Về khí cách của tướng súy, thì có kẻ nhiều, người ít chẳng giống nhau, ví bằng xét họ lúc phạm tội, xem họ lúc gắp tai họa mà cũng làm cho mọi người kính phục, đó là hạng tướng coi được mười người.

Sáng dậy tối ngủ (làm việc đều đặn), lời lẽ kín đáo rõ ràng, đó là tướng coi được trăm người.

Ngay thẳng mà biết lo tính, mạnh dạn mà thường chiến đấu, đó là tướng coi được ngàn người.

Ngoài mặt điem đậm, trong lòng cứng cỏi mạnh mẽ, hiểu biết sự gian nan của người, nhớ nghĩ đến sự đói rét của người, đó là tướng coi được muôn người.

Gần gũi bậc hiền tài, tiến dần kẻ có tài năng, được một ngày, cẩn thận một ngày, khoan dung đại lượng, lo sửa trị việc rối loạn mà vẫn thanh nhàn, đó là tướng coi được mươi vạn người.

Đem lòng nhân ái mà trị kẻ dưới, có lòng tín nghĩa làm cho các nước ở gần phải kính phục, trên hiểu thiên văn, dưới xét địa lí, ở giữa biết rõ nhân sự, đối với người trong bốn biển thì thân mến gần gũi như trong nhà, đó là bậc hùng tướng trong thiên hạ, không thể chống cự được.

VI. CÁC NẾT XẤU CỦA TƯỚNG SÚY

Về đạo làm tướng có tám nét xấu:

- 1) Thứ nhất là tham lam mà không biết chán;
- 2) Thứ hai là ghen ghét người hiền lương hoặc có tài năng;
- 3) Thứ ba là tin lời đèm pha, thích lời nịnh hót;

- 4) Thứ tư là lo sửa cho người mà chẳng lo sửa cho mình;
- 5) Thứ năm là do dự (chán chường), không tự quyết định;
- 6) Thứ sáu là hoang dâm về việc tinh sắc;
- 7) Thứ bảy là gian trá mà trong lòng nhát sợ;
- 8) Thứ tám là nói lời viển vông mà không giữ lẽ nghĩ.

VII. LÒNG TRUNG NGHĨA CỦA TƯỚNG SÚY

Việc binh là việc dữ, tướng súy là người giữ nhiệm vụ nguy hiểm, đó là vì chí khí cứng cỏi thì phải thiếu thốn lầm lỗi; nhiệm vụ quan trọng thì nguy hại đến thân thể.

Cho nên tướng giỏi không ỷ mạnh, không cậy thế, được yêu mến mà không vui mừng, bị nhục nhã mà không lo sợ, thấy lợi mà không tham muốn, thấy sắc đẹp mà không mê dâm, đem thân quyết chết vì nước, chỉ có một tâm ý mà thôi.

VIII. ĐIỀU HAY GIỎI CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng súy có năm điều hay giỏi, bốn điều mong muốn.

Năm điều hay giỏi là:

- Giỏi biết hình thế của quân địch;
- Giỏi biết phép tới lui;
- Giỏi biết tình trạng hư thực của nước nhà;
- Giỏi biết thời trời, việc người;
- Giỏi biết các chỗ bằng phẳng hay hiểm trở của núi sông.

Bốn điều mong muốn là:

- Bàn tính thì muốn cho kì diệu (hay ho khác thường).
- Mưu kế thì muốn cho mật nhem;
- Dỗng người thì muốn được yên tĩnh;
- Tâm trí thì muốn cho chuyên nhất.

IX. TÍNH CỨNG CỎI CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng giỏi rất cứng cỏi mà không thể bẻ gãy, rất mềm mà không thể cuộn lại (uốn cong).

Cho nên lấy yếu mà trị mạnh, lấy mềm mà trị cứng.

Toàn là mềm, toàn là yếu ắt là thế sẽ bị tước đoạt; toàn là cứng, toàn là mạnh ắt là thế sẽ bị nguy vong.

Không mềm, không cứng là hợp với lẽ thường của đạo lí.

X. TÍNH KIÊU CĂNG CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng chẳng nên kiêu căng, tướng mà kiêu căng ắt là thất lễ, nếu thất lễ thì người sẽ lìa bỏ, nếu người lìa bỏ thì kẻ dưới sẽ làm phản.

Tướng chẳng nên bỗn xỉn hẹp hòi, nếu hẹp hòi ắt là sự tướng thường và tin cậy chẳng thi hành, nếu sự tin thường chẳng thi hành ắt là kẻ sĩ chẳng hết lòng tuân mệnh, nếu kẻ sĩ không hết lòng tuân mệnh ắt là quân đội không lập nên chiến công, nếu quân đội không có chiến công thì nước sẽ hư hao, nếu nước hư hao thì trộm cướp sẽ đầy rẫy.

Khổng Tử nói rằng: Như có kẻ có tài năng và nghề hay như ông Châu Công mà lại có tính kiêu căng và biến lận thì tài nghề ấy không đủ để người ta xem xét mà kính trọng nữa (Luận Ngữ: Chương Thái Bá, tiết 12).

XI. ĐIỀU MẠNH CỦA TƯỚNG SÚY

Tướng có năm điều mạnh, tám điều ác.

- Thanh cao và tiết tháo để có thể khuyên đời;
- Hiếu đế để có thể nêu danh;
- Tín nghĩa để có thể giao thiệp với bạn hữu;
- Có lòng thương yêu rộng rãi để có thể bao dung cho người;
- Hết sức làm việc để có thể lập công;

Đó là năm điều mạnh của tướng súy.

- Sắp đặt mưu kế mà chẳng thể tính việc phải trái;
- Sửa trị mà chẳng thể bổ nhiệm người hiền lương;
- Gặp loạn mà chẳng có thể sửa hình pháp cho đúng đắn;
- Giàu mà chẳng có thể giúp kẻ nghèo túng;
- Có trí thức mà chẳng có thể chuẩn bị khi việc chưa thành hình;
- Lo tính mà chẳng có thể giữ gìn công việc cho được kín đáo;
- Khi thành đạt mà chẳng có thể tiến cử kẻ mà mình biết khả năng;

Khi thất bại mà chẳng có thể tự ngửi giữ mình đứng, huy bảng người.
Đó gọi là tam diệu ác.

XII. RA QUÂN

Ngày xưa, khi nước nhà gặp nguy nan, nhà vua chọn kẻ hiền tài để dùng, giữ trai giới ba ngày, vào cửa Thái Miếu, đứng xoay mặt về hướng Nam, còn tướng súy xoay mặt về hướng Bắc, quan Thái sư bèn dâng rìu, búa lên cho vua.

Nhà vua cầm lấy rìu búa trao đầu cán cho tướng mà nói rằng: "Từ cửa thành trở ra, do tướng quân quyết đoán".

Lại ban mệnh dạy rằng:

- Thấy hư (không trở ngại) thì tiến;
- Thấy thực (có trở ngại) thì dừng;
- Chẳng nên quý mình mà khinh người;
- Chẳng nên giữ riêng ý kiến của mình mà vứt bỏ ý kiến của mọi người;

Dừng, nên dùng bọn xảo nịnh mà rời bỏ người trung tín;

Sỉ tốt chưa ngồi thì mình chẳng nên ngồi;

Sỉ tốt chưa ăn thì mình chẳng nên ăn;

Cùng chịu lạnh, nắng với nhau, cùng chịu mệt nhọc, hưởng an ninh với nhau;

Đều ném ngọt đắng với nhau, đều chịu cảnh nguy nan, lo lắng với nhau;

Như thế ắt là sĩ tốt phải hi sinh tính mệnh, và quân địch phải thua.

Tướng nghe lời dạy xong, luồn quanh cửa dữ (xấu)⁽¹⁾ dẫn quân mà đi ra.

Nhà vua tiến đưa, quỳ xuống hai tay cầm trực bánh xe nói rằng: "Lời lui hay giữ đúng thời nghi, việc trọng quân đội không còn tuân nghe mệnh vua, tất cả đều do tướng quyết đoán đưa ra".

Được như thế, ắt là ở trên không còn có Trời, ở dưới không còn có Đất, ở trước không sợ quân địch, ở sau không biết có Chúa, nhờ đó mà kẻ thù thực thi lo toan, kẻ mạnh dạn thi chiến đấu, cho nên đánh thắng đối với bên ngoài, lập công đối với bên trong, nêu danh tới đời sau, phuoc được hưởng tới con cháu.

(1) Cửa dữ ở đây là phương hướng xấu tùy theo ngày giờ (Bát Môn độn học).

XIII. CHỌN LỰA NHÂN TAI

Khi quân đội đang đi đường, nếu có những kẻ ham thích việc chiến đấu, có thể một mình bắt được địch mạnh, thì gom họ lại thành một toán, gọi là binh báo quốc (đền ơn nước).

Nếu có những kẻ có khí lực bao trùm ba quân, tài sức mạnh dạn mau mắn, thì gom họ lại thành một toán gọi là binh đột trận (xông trận).

Nếu có những kẻ lẹ chân, giỏi đi bộ, chạy như ngựa phi, thì gom họ lại thành một toán gọi là binh khiên kỵ (giựt cờ).

Nếu có những kẻ cưỡi ngựa, bắn tên như bay, chẳng phát nào không trúng, thì gom họ lại thành một toán gọi là binh tranh phong (giành đi trước).

Nếu có những kẻ bắn ắt là trúng, nếu trúng ắt là chết, thì gom họ lại thành một toán, gọi là binh phi trì (bay chạy).

Có những kẻ giỏi bắn nỏ mạnh, tuy từ xa mà đều trúng cả, thì gom họ lại thành một toán, gọi là binh tồi phong (bẻ gãy mũi nhọn).

Đó là hạng lính giỏi của sáu đội binh, đều nhân tài năng của họ mà dùng họ.

XIV. CÁCH DÙNG CƠ TRÍ

Đạo làm tướng là thuận theo ý trời, nhân thời cơ, dựa vào sức người để sắp đặt cho được thắng thế.

Cho nên trời làm, thời chẳng làm, mà người làm, đó gọi là nghịch trời.

Thời làm, trời chẳng làm, mà người làm, đó gọi là nghịch trời;

Trời làm, thời làm, mà người chẳng làm, đó gọi là nghịch với người.

Bậc trí thức chẳng nghịch với ý trời, chẳng nghịch với thời cơ, chẳng nghịch với lòng người.

XI. KHÔNG BÀY CHIẾN TRẬN

Ngày xưa, người sửa trị giỏi không cần dùng binh, kẻ giỏi dùng binh không cần bày trận, kẻ bày trận giỏi không cần đánh, kẻ giỏi đánh thì không để thua, kẻ giỏi thua không để mất.

Ngày xưa, bậc thánh nhân sửa trị tới nơi tới chốn làm cho dân an cư (yên ổn về chỗ ở), lạc nghiệp (vui vẻ nghề nghiệp) người người từ trẻ

đến giờ không đánh nhau, như thế đáng gọi là người sửa trị giỏi thì không cần dùng binh.

Như vua Thuần sửa lại phép tắc, pháp luật, Cửu Do dạy nhân sĩ, người người chẳng trai lệnh trên nêu hình phạt không có chẽ mà áp dụng, như thế đáng gọi là kẻ giỏi dùng binh thì không cần bày trận.

Như vua Hạ Vũ đánh rợ Hữu Miêu, cho múa mộc và múa quạt làm cảm động được dân Miêu, như thế đáng gọi là người giỏi bày trận mà không cần đánh (Theo Kinh Thượng Thư, thiên Đại Vũ Mô, thì Hạ Vũ ra quân mà không đánh, chỉ cho múa mộc múa quạt ở hai bên thềm, chỉ sau bảy tuần mà chúa Hữu Miêu đến đầu) ⁽¹⁾.

Như vua Thành Thang nhà Thương và vua Võ Vương nhà Chu làm lô thê sư (cùng thề với quân đội), chỉ dùng nhung y một lần mà thiên hạ đại định, như thế đáng gọi là kẻ giỏi đánh thì không thua.

Như vua Chiêu Vương nước Sở, gặp nạn, trốn qua nước Tân để xin binh cứu viện, chẳng bao lâu lại có thể trở về nước mình, như thế đáng gọi là kẻ giỏi thua thì không mất ⁽²⁾.

XVI. LÒNG THÀNH CỦA TƯỚNG SÚY

Kinh Thư nói rằng:

- Khinh thường người quân tử thì không thể dùng hết lòng người;
- Khinh thường kẻ tiểu nhân thì không thể dùng hết sức người.

Các điều trọng yếu của phép chỉ huy quân đội là:

- Nắm giữ lòng dạ của các bậc anh hùng;
- Sắp đặt việc thưởng phạt cho được nghiêm nhặt;
- Gom góp được cả hai nghề văn võ;
- Giữ kỉ luật được cả hai thuật cứng mềm,
- Giảng dạy lễ, nhạc và trau dồi thư, sách;
- Dưa nhân nghĩa ra trước, để trí dũng ra sau;
- Lặng lẽ như cá lặn, hành động như rái (cá) bơi;
- Phá tan thế liên kết của địch, bẻ gãy thế mạnh của địch;

(1) Vua Hạ Vũ không dùng võ đức mà dùng văn đức.

(2) Nhờ có tôi trung là Thân Bao Tư, qua cầu cứu với ông ngoại Sở Vương là Tần Hầu đứng giữa sân triều la khóc bầy ngày đêm, không chịu ăn uống để xin viên binh.

- Dùng cờ xí để thấy rõ, dùng chiêng trống để báo hiệu;
- Lui giống như núi dời chõ, tới giống như gió mưa;
- Đánh ngã giống như phá đổ, họp đánh như cọp bầy;
- Bức bách địch để mà dung nạp chúng, lấy điều lợi ích mà dẫn dụ chúng;

- Gây rối loạn để bắt địch, tự hạ mình để cho địch trở nên kiêu căng;
- Tỏ ý thân mật với địch để li gián chúng, tỏ ra mạnh mẽ để làm chúng nhụt nhuệ khí;
- Có ai gặp nguy nan thì làm cho họ yên ổn, có ai lo sợ thì làm cho họ vui lòng;
- Có ai phản trắc thì gọi họ quay về, có ai bị oan khuất thì giải thoát cho họ;
- Có ai cường bạo thì kiềm chế chúng lại, có ai yếu đuối thì giúp đỡ họ;
- Có ai nhiều mưu thì gần gũi họ, có ai dèm pha thì xét lại cho kỹ càng;
- Có ai được tiền của thì lấy của ấy cấp cho họ;
- Không nên yểm mạnh mà khinh địch;
- Chớ nên tự kiêu vì có tài mà khinh kẻ dưới.
- Chớ nên cậy được thương yêu mà làm oai;
- Trước hết phải tính toán rồi sau mới động binh, phải biết chắc thắng rồi sau mới đánh;
- Được tiền của, lụa là, chớ nên giữ làm của quý, được con trai, con gái, chớ nên tự sử dụng;

Người tướng có thể xử trí được như thế, chỉ cần ra hiệu, ban lệnh là người người quyết đánh giặc, binh sĩ chẳng phải đổ máu mà địch quân sẽ tự thất bại.

XVII. CHUẨN BỊ BINH NHUNG

Việc lớn của nước, chẳng có gì lớn bằng chuẩn bị việc binh nhung. Ví bằng để mất đi một việc nhỏ như hào li thì sẽ sai tới muôn dặm, để cho quân chết, tướng bị bắt, thế nguy chẳng vượt qua cho yên ổn được, thì chẳng đáng lo sợ hay sao?

Cho nên khi nước gặp nguy nan, vua tôi phải ăn tối mặc đêm⁽¹⁾ để

(1) Cán thực, tiêu y: Ăn tối, mặc đêm, ngày lo việc nước là việc chung, không kịp nghĩ tới việc ăn mặc là việc riêng.

mà mưu tính, chọn người hiền tài, liệu lượng, năng lực của họ để bổ nhiệm họ.

Vì băng cứ ở yên mà chẳng lo nguy, giặc đến mà không biết lo sợ, đó là chim én xây tổ ở trong màn, cá lội trong vách, ắt là phải mất chặng cần chờ hết ngày vậy.

Sach Truyện nói rằng: Không chuẩn bị thì không đáng gọi là quân đội.

Lại nói rằng: Việc nước chǎng có việc gì là việc nhỏ, có chuẩn bị đó là nền gốc.

Lại nói rằng: Có dự bị thì khỏi lo lắng, đó là phép chính trị tốt đẹp.

Lại nói rằng: Con ong và con bò cạp còn có nọc độc của chúng, huống là nước nhà sao? Không phòng bị thì dầu có đông dân, cũng không thể cậy vào đó được.

Kinh Thư nói rằng: Chỉ suy nghĩ về công việc thì công việc sẽ được hoàn bị, hoàn bị rồi thì khỏi phải lo lắng.

Cho nên khi ba quân ra đi đánh giặc, không thể không lo chuẩn bị trước.

XVIII. TẬP LUYỆN

Quân lính mà không tập luyện thì một trăm người không bằng một người có tập luyện. Tập luyện rồi mà đem dùng thì một người có thể bằng trăm người (không tập luyện).

Cho nên Trọng Ni nói rằng: Không dạy mà đem đi đánh nhau, đó gọi là đem đi vứt bỏ. (Luận Ngữ, chương Tử Lộ, tiết 30).

Lại nói rằng: Bậc tài giỏi dạy dân bảy năm cũng có thể khiến họ giàn trói nên những chiến sĩ hoàn toàn rồi. (Luận Ngữ, chương Tử Lộ, tiết 29).

Như thế ắt là sỹ tốt không thể không thay.

Trước hết lấy lẽ nghĩa mà dạy bảo.

Lấy điều trung tín mà khuyên răn,

Dùng pháp luật mà răn đe,

Dùng thưởng phạt mà làm cho sợ uy,

Người ta phải biết khuyến khích,

Rồi sau mới luyện tập.

Hoặc bày trận mà phản ho

- Đang ngồi mà bắt đứng; dậy đi.
- Đang đi mà bắt dừng lại.
- Đang ở xa nhau mà bắt hợp lại,
- Đang tiến lên trước mà bắt đi lui lại đằng sau,
- Đang bị phân tán mà bắt tụ lại một nơi.

Một người có thể dạy mười người, mười người có thể dạy trăm người, trăm người có thể dạy ngàn người, ngàn người có thể dạy vạn người, để lập thành ba quân. Cứ như thế mà luyện tập thì địch át phải thua vậy.

XIX. QUÂN SÂU MỘT (ĂN HẠI)

Khi ba quân ra đi để đánh giặc:

Có quân thám thính không cẩn thận, dùng lửa ra hiệu không đúng quy củ;

Trễ kì hạn, vi phạm lệnh trên, không kịp thời cơ, làm trở ngại và phá rối quân đội;

Khi thì ở đằng trước, khi thì ở đằng sau, không theo hiệu lệnh chiêng trống;

Làm người trên mà chẳng đoái nghĩ đến kẻ dưới, cướp bóc phá hoại không nhảm chán;

Chỉ lo tính làm lợi riêng, chỉ biết thân mình, không cứu giúp kẻ đối lạnh;

Nói lời trái lẽ, quái gở, lừa dối bày ra chuyện họa phúc;

Gây ra sự huyên náo, lộn xộn, làm cho quân đội sợ hãi rối loạn, lừa dối các tướng tá và các lại sĩ;

Mạnh dạn mà không chịu kiềm chế, chuyên làm những việc tà vạy, xúc phạm tới người trên;

Làm cho kho lâm của quân đội phải hư hao để cấp riêng cho mình.

Chín hạng người ấy là sâu mọt của quân đội, có chúng nó át phải thua.

XX. NGƯỜI TÂM PHÚC (NGƯỜI THÂN)

Làm tướng súy át phải có hạng người thân để làm bụng, tim, tai, mắt, móng, răng.

không có người để làm bụng và tim, cũng như người đi đêm, không biết đặt tay chân vào chỗ nào.

Không có người để làm tai và mắt cũng như ở chỗ tối tăm, không biết cách vận động.

Không có người để làm móng và răng cũng như người đói ăn phải vật độc, không thể tránh khỏi chết được

Cho nên bậc tướng giỏi ăn phải có:

- Hạng người nghe rộng, có nhiều cơ trí để làm bụng và tim.
- Hạng người lặng lẽ sâu xa, khảo sát kỹ càng, cẩn thận kín đáo, để làm tai và mắt,
- Hạng người mạnh dạn, dữ tợn, đánh giỏi để làm móng và răng.

XXI. DÒ XÉT CẨN THẬN

(Xét các cớ) làm cho quân đội thất bại tan rã, thì chưa bao giờ khinh địch mà lại không gặp tai họa.

Cho nên ra quân thì phải có kỉ luật; mất kỉ luật thì sẽ gặp việc chẳng lành. Các phép tắc kỉ luật có mười lăm thứ:

Thứ nhất là lo toan, nghĩa là thông hiểu việc gián điệp;

Thứ hai là thu thập tin tức, nghĩa là dò hỏi cẩn thận;

Thứ ba là mạnh dạn, nghĩa là quân địch mặc dầu đông người cũng không khuấy nhiễu ta được;

Thứ tư là liêm khiết; nghĩa là thấy được điều lợi mà nghĩ đến điều nghĩa;

Thứ năm là công bình, nghĩa là thưởng phạt đồng đều như nhau;

Thứ sáu là nhân nhục, nghĩa là giỏi chịu xấu hổ trong lòng;

Thứ bảy là có lòng rộng rãi, nghĩa là có thể bao dung người;

Thứ tám là tín thực, nghĩa là trọng lời hứa⁽¹⁾.

Thứ chín là kính cẩn nghĩa là giữ lễ nghi đối với người hiền lương và tài năng;

Thứ mười là sáng suốt, nghĩa là không thu nạp lời dèm pha;

Thứ mười một là tồn cổ, nghĩa là không bỏ cũ;

Thứ mười hai là nhân, nghĩa là thương yêu, nuôi nấng sĩ tử;

(1) Có thể hiểu là: Nhận lời (tư) một cách khó khăn.

Thứ mười ba là trung, nghĩa là quyết đem thân đến nơi nước;
Thứ mười bốn là phân, nghĩa là biết dừng chân;
Thứ mười lăm là mưu, nghĩa là tự lo tính cho mình rồi sau lo tính
cho người khác.

XXII. CÁC HÌNH THÁI CỦA CƠ TRÍ

Lấy ngu xuẩn để đánh đổ trí thức là nghịch.

Lấy trí thức để đánh đổ ngu xuẩn là thuận.

Lấy trí thức để đánh đổ trí thức là có cơ trí.

Có ba đường lối:

- Thứ nhất là công việc;
- Thứ nhì là thế lực;
- Thứ ba là tình cảm;

Cơ hội của công việc đã xảy tới mà không ứng biến được, là không có trí thức.

Cơ hội của thế lực đã chuyển tới mà không mưu đồ được, là không có tài năng.

Cơ hội của tình cảm đã phát sinh mà không thi hành được, là không mạnh dạn.

Kẻ giỏi làm tướng, ắt là nhân cơ hội mà xếp đặt để thắng trận.

XXIII. HÌNH PHẠT UY NGHIÊM

Ngô Khởi nói rằng:

- Trống và chuông mõ dùng để tai sợ uy;
- Các loại cờ xí dùng để mắt sợ uy;
- Các cấm chỉ, mệnh lệnh, hình phạt dùng để lòng sợ uy.
- Làm tai sợ uy thì dùng âm thanh, không thể không trọng;
- Làm mắt sợ uy thì dùng dung sắc (hình dáng, màu sắc) không thể không rõ ràng;

- Làm cho lòng sợ uy thì dùng hình phạt không thể không nghiêm.

Ba việc ấy mà không đúng đắn, hẩn hoi thì sự thiệt hại ắt là chờ xảy đến.

Cho nên nói rằng:

- Khi người tướng phất cờ, không thể không dời chuyển.
- Khi người tướng đưa tay chỉ, không thể không đi tới.
- Khi người tướng trông đợi, không thể không quyết chém.

TƯỚNG GIỎI

Bậc tướng giỏi ngày xưa có những kinh kỉ trọng đại (đường lối chính) là:

- Lấy sự tới lui của mình để cho người xem mà người biết các điều ngăn cấm;
- Lấy đức và nghĩa của mình tỏ bày cho người xem mà người biết lễ nghi;
- Lấy việc phải trái mà coi là quan trọng để cho người biết cách hành động;
- Lấy việc thưởng phạt để sai khiến mà người biết tín thực.
- Cấm chế, lễ nghi, hành động, tín thực là những kinh kỉ trọng đại của quân đội. Cho nên nếu đánh được thì ắt phải thắng, quân địch ắt phải bại.
- Quân chúng, ngây ngô, vụng về thì chẳng được như thế: Lui mà chẳng dừng được, tới mà chẳng ngăn lại được, thiện ác lẩn lộn với nhau, sĩ tốt không được khuyên răn, thưởng phạt không công bình, người người chẳng biết tín thực. Cho nên người hiền lương, phải lui về ẩn, mà bọn dua nịnh thì được cất nhắc tin dùng, đó là hễ đánh ắt phải thất bại tan vỡ.

XEM XÉT NHÂN DUYÊN

Nhân dựa vào thế của người để mà trừng phạt kẻ ác, đó là trường hợp vua Huỳnh Đế, không thể tranh uy với Ngài được.

Nhân dựa vào sức của người để mà quyết thắng đó là trường hợp vua Thành Thang và vua Võ Vương, không thể tranh công với các Ngài được.

Giỏi xét nhân duyên mà thêm uy tín vào đây, ắt là có thể mưu đồ làm tướng mạnh cầm muôn binh, có thể chế ngự được anh hào trong bốn biển.

THẾ TRỜI

Thế dùng binh có ba:

- Thứ nhất là trời;

- Thứ nhì là đất;
- Thứ ba là người.
- Thế trời là mặt trời mặt trăng trong sáng, năm sao⁽¹⁾ đi đúng đường, không có sao chổi sinh ra, gió mưa khí hậu thuận lợi điều hòa.
- Thế đất là hình thù hiểm trở, dễ dàng, hoặc cửa đá, động sâu, đường đi hiểm yếu như ruột dê, hoặc núi đèo cao vút, đá núi chồng chất, sông dài ngàn dặm.
- Thế người là chúa thánh, tướng hiền (có tài đức); ba quân giữ đúng lẽ nghi; sĩ tốt vâng mệnh; lương thực, giáp trụ vững bền đầy đủ.
- Bậc tướng giỏi, nhân theo thời trời đi theo thế đất, dựa theo lợi người, ắt là hướng vào nơi nào thì ở nơi ấy không ai chống nổi, đánh vào chỗ nào cũng được hoàn toàn thành công.

XXVII HƠN THUA

Bậc hiền tài ở trên, kẻ ngu xuẩn ở dưới, ba quân vui vẻ, sĩ tốt kính sợ, cùng nhau bàn bạc để đánh mạnh, cùng trông đợi nêu cao uy vũ, cùng lấy hình phạt để khuyên răn nhau, đó là dấu chứng sẽ thắng trận chắc chắn.

Ba quân nhiều lần kinh hãi, sĩ tốt biếng nhác, kiêu mạn⁽²⁾, kẻ dưới không có lẽ nghi, tín thực, người người chẳng sợ quân pháp, lấy tin tức về quân địch để khủng bố tinh thần nhau, đem điều lợi ích để bàn với nhau, đem việc họa phúc để dận dò nhau, nói lời quái gở để lừa dối nhau, đó là dấu chứng sẽ thất bại chắc chắn.

XXVIII MUỢN QUYỀN

Tướng súy là chỗ treo sinh mệnh của mọi người, là nơi trói buộc sự thành bại, là nơi nương tự của họa phúc, thế mà bề trên không cho muộn quyền thưởng phạt, chẳng khác gì trói buộc tay chân khi vượt

(1) Năm sao là Tuế tinh, Oanh cảm tinh, Trần tinh, Thái bạch, Thần tinh.

(2) Phóng túng, khinh nhờn, không chịu phục tùng cấp trên.

má trach sao không nhảy nhót, đã tram gần hai mặt của giống lì lâu mà
bất phân biệt xanh vàng, do là điều không thể được.

Vì bằng việc tướng thường ở trong tay bọn quyền thần, việc
trừng phạt không do nơi tướng súy, mọi người tự mưu lợi bừa bãi, ai
nà còn ôm lòng chiến đấu? Tuy rằng có mưu trí như Y Doãn, Lã
Vọng, có công nghiệp như Hàn Tín, Bạch Khởi, cũng không thể tự
giữ mình được!

XXIX THƯƠNG XÓT KẺ CHẾT

Bậc tướng súy ngày xưa, nuôi nấng người của mình như là thương
yêu chính con cái của mình, gặp nguy nan thì tự mình đi trước, lập
được công nghiệp thì để mình ra sau, gặp kẻ bị thương tích thì than
khóc mà vỗ về, khi có người chết thì thương xót mà lo chôn cất, gặp
người đói thì lấy đồ ăn của mình mà cho người ăn, gặp người rét
mướt thì cởi áo cho người mặc, gặp kẻ hiền tài thì kính trọng mà cấp
bóng lộc, gặp kẻ mạnh dạn thì khen thưởng mà khuyến khích, bậc
tướng súy mà có thể cư xử được như thế thì hướng và nơi nào đều
đánh được nơi ấy.

XXX BA HẠNG KHÁCH KHÚA

Khi ba quân ra đánh giặc,ắt phải có khách khứa, cùng nhau bàn
luận việc được thua, để nhờ cậy tướng súy tin dùng.

Có kẻ suy nghĩ như thác nước giữa trời, mưu lạ khó đò, nghe xa
thấy rộng, nghề nhiều, tài lớn, đó là kẻ mà muôn người trông mong,
đáng coi là khách hạng cao.

Có kẻ hung dữ như gấu cọp, nhanh nhẹn như khỉ vượn nhảy nhót,
cứng như sắt đá, sắc bén như gươm long tuyển, đó là hạng anh hùng
trong một thời, đáng coi là khách hạng vừa.

Có kẻ nói nhiều mà có khi nói trúng, kém năng lực, mà có chút tài
lai, đó là tài năng của hạng người thường, có thể cho đến làm khách
hạng thấp.

SẮP ĐẶT ỨNG BIẾN

Nếu mưu đồ được việc khó ở trong việc dễ, làm được việc lớn ở trong việc nhỏ, trước dùng sự tưởng thưởng, sau mới dùng hình phạt, đó là sự tinh diệu của phép dùng binh.

Bộ binh đã sắp bày hàng ngũ, xe ngựa đã họp đoàn phóng chạy, nỏ cứng vừa mới buông tên, đoàn binh xông vào tiếp chiến⁽¹⁾, uy dũng nâng cao, tin tưởng tràn đầy, quân địch xin hàng, đó là tài năng trong phép dùng binh.

Tự mình xông pha tên đá, cùng đối địch để tranh hòn nhau, quyết phân thành bại rõ ràng, bên kia bị tổn thương còn bên ta cũng phải chết chóc, đó là phép dùng binh thấp kém.

TIỆN LỢI

- Cỏ cây tụ tập lợi về chỗ đi lại thông thả;
- Núi rừng, thành lũy trập trùng nhiều lớp, lợi về chỗ đánh lúc không ngờ;
- Trời quang tạnh sáng sủa không thể ẩn bóng, lợi về chỗ dùng sức mạnh;
- Đường sá chật hẹp, cỏ sậy um tùm, lợi về chỗ ẩn núp;
- Lấy ít đánh nhiều, tiện lợi khi trời tối;
- Lấy nhiều đánh ít, tiện lợi vào lúc tảng sáng;
- Nỏ mạnh, binh nhiều, lợi về chỗ thành công mau chóng;
- Băng vực, vượt nước, gió lớn tối tăm, tiện lợi khi cần nắm đằng trước, bắt đằng sau (nắm đầu giữ đuôi).

ỨNG PHÓ VỚI THỜI CƠ

Thuật chiến thắng một cách chắc chắn, thích hợp với các hình thức

(1) Chữ tiếp ở đây có nghĩa là tiếp chiến (đánh xáp lá cà) chứ không có nghĩa là tiếp ứng.

bên động là do ở tại cõi biển, nếu chẳng phải là bậc cõi trí thì ai có thể làm như thế được?

Biết được cái đạo cõi biển thì chẳng có gì trọng đại bằng sự khởi công vào lúc không ngờ.

- Cho nên cọp dữ lạc bầy, thì đứa trẻ con cũng có thể mang kích mà đuổi đánh; khi con ong và bò cạp vào tay áo thì người trẻ mạnh cũng hoảng hốt tái mặt, đó là trường hợp tai họa tới không tính trước được, thay đổi quá nhanh không lo nghĩ kịp được.

XXXIV CÂN NHẮC TÀI SỨC

Kẻ dùng binh giỏi ngày xưa, cân nhắc tài sức của hai bên mà có thể tính toán biết được ai thắng ai bại:

- Bên nào có chúa thánh?
- Bên nào có tướng súy là bậc hiền tài?
- Bên nào lại sĩ có tài năng?
- Bên nào có lương thực đầy đủ?
- Bên nào sĩ tốt được luyện tập?
- Bên nào quân kỉ được tề chỉnh?
- Bên nào có khí giới, ngựa xe thừa thãi?
- Bên nào có hình thể hiểm trỏ?
- Bên nào có khách khứa trí thức?
- Bên nào có nước gần kinh sơ?
- Bên nào có nhiều tiền của?
- Bên nào có trăm họ yên ổn?

Do đó mà xem xét, thì có thể quyết đoán được sự mạnh yếu của đôi bên.

XXXV CHIẾN ĐẤU DỄ DÀNG

Giông trùng dùng nọc châm chích thì cậy vào chất độc của chúng; kẻ chiến sĩ mà mạnh dạn được là nhờ cậy vào khí giới đầy đủ; sở dĩ ~~nhào~~ bèn, giáp bèn là để mọi người chiến đấu dễ dàng.

Cho nên áo giáp mà không; bèn dày thì cũng như để thịt trần, nỏ mà không; bắn được xa thì cũng như đoàn binh (binh dùng khí giới

đánh gần), bắn mà không trúng thì cũng như không có binh, quân do thám không cẩn thận thì cũng như không có cặp mắt, tướng đánh không mạnh dạn thì cũng như không có tướng.

XXXVI ĐỊA THẾ

Địa thế là yếu tố giúp vào việc dùng binh; không biết chiến địa mà mong đánh thắng là điều chưa từng có.

Núi rừng, đá đống, gò, đồi, sông lớn, đó là đất sử dụng của bộ binh.

Đồng bằng, đất nghiêng, đồng ruộng nối nhau liên miên, đó là đất sử dụng của xe ngựa.

Tựa núi, nương khe, rừng cao, hang sâu, đó là đất sử dụng của cung nỏ.

Gò thấp, đất bằng, tới lui dễ dàng, đó là đất sử dụng của kích dài.

Lau sậy chen nhau, tre trúc cây cối giao bóng với nhau, đó là đất sử dụng súng và mâu.

XXXVII TÍNH TÌNH⁽¹⁾

Về tướng súy:

- Có người mạnh dạn mà coi thường sự chết;
- Có người nóng nảy nên lòng muốn cho mau chóng;
- Có người tham lam nên thấy lợi thì vui mừng;
- Có người nhân ái mà lòng bất nhẫn;
- Có người có cơ trí mà lòng nhát sợ;
- Có người có cơ trí mà lòng muốn thư thả.

Thế cho nên:

- Mạnh dạn mà khinh chết thì có thể táo bạo;
- Nóng nảy mà lòng muốn mau chóng thì có thể sinh ra trễ nải;
- Tham lam mà vui mừng khi thấy lợi thì có thể sơ suất;
- Nhân ái mà có lòng bất nhẫn thì có thể lao nhọc;

(1) Trong chính văn tiếng tình thế không có nghĩa thông thường mà phải hiểu là tính tình (xem hết bài này sẽ rõ).

Có tri thức mà long nhai sẽ thi có thể cung quân;

Có cõi tri mà long muôn thứ thả thi có thể bị đánh úp;

XXXVIII

THẾ ĐÁNH⁽¹⁾

Bậc tướng giỏi ngày xưa, trước hết do thám tình hình của quân địch rồi sau mới mưu đồ đánh chúng.

(Nếu bên địch), quân già lương hết, trăm họ sầu oán, nhân dân mắc phải nhiều bệnh tật, bệnh truyền nhiễm, kế hoạch không sắp đặt trước, khí giới không sửa chữa, lính không tập luyện, binh cứu viện bên ngoài không đến, đường xa mà trời đã tối (công việc còn nhiều mà không đủ thì giờ), sĩ tốt mệt mỏi, tướng súy cư xử nhạt nhẽo lại sĩ tỏ ý khinh nhau, biếng nhác chẳng lo sắp đặt chuẩn bị, đi tới chẳng thông thả lập trận, lập trận mà không yên định; đang di lên dốc, đang qua chổ hiểm, nửa nấp nửa ló; qua đò vượt sông, cờ xí tán loạn, tướng sĩ lìa nhau; đánh thắng mà kiêu căng, bày trận không có thứ lớp, lính mệt mỏi và sợ hãi, tuy đại quân đã cấp lương thực nhưng lính chưa ăn, tự đi tự dừng, không theo lệnh trên, hoặc có kẻ tới trước, hoặc có kẻ lui về sau, thì nên đánh mà chẳng nghi ngờ.

(Nếu bên địch), người trên vững vàng, người dưới nhân ái, tuy tin cậy và tướng thưởng mà cũng trùng phạt đều, đem lực lượng cũ kỹ ra phô bày, bổ nhiệm người hiền lương, sử dụng người tài năng, quân đội cung kính mà giữ lễ nghi, giáp binh chắc bén, lương thực được chuẩn bị để có dư dùng, nền chính giáo chẳng hư hoại, láng giềng bốn bên đều hòa mục, có nước lớn sẵn sàng ứng viện, nếu bên địch được như thế, thì nên rút lui mà tránh đi...

XXXIX

CHỈNH ĐỐN QUÂN ĐỘI

Ra quân đánh giặc thì lấy sự chỉnh tề làm hơn.

Nếu thưởng phạt không sáng suốt, pháp lệnh không được tín nhiệm, nghe chiêng mà không dừng, nghe trống mà không tiến, dầu có quân trăm vạn, cũng dùng không được việc gì.

(1) Thế ở đây có nghĩa là cơ hội, dịp

Quân đội chính tề có nghĩa là ở yên thì giữ lê nghì, chuyển động thì có uy nghi, tiến lên thì không ai có thể địch lại, lui về thì không ai đánh đuổi được, đằng trước và đằng sau ứng biến ăn khớp với nhau, bên trái và bên phải ứng biến đúng hiệu lệnh, cùng hướng cảnh an ổn với nhau, cùng chịu cảnh nguy khốn với nhau, sĩ tốt gắn bó với chủ tướng mà chẳng xa lìa, có thể dùng luôn mà chẳng mệt mỏi.

XXXX KHUYẾN KHÍCH SĨ TỐT

Về phép dùng người:

- Dùng tước vị để nâng cao họ, dùng tiền của để cấp dưỡng họ, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không đến;
- Dùng lẽ nghi để tiếp đãi họ, dùng lời nói để khuyến khích họ, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà chẳng chịu chết cho ta;
- Chứa trữ ân huệ không nhảm chán, giữ pháp lệnh nhất định, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà chẳng tâm phục;
- (Khi ra trận) đem mình ra trước, để người ra sau, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không trổ nên dũng cảm;
- Ghi chép tới các việc hay nhỏ, thưởng tới các công lao nhỏ, thì chẳng có kẻ sĩ nào mà không găng sức.

XXXXI TỰ KHUYÊN GĂNG SỨC

- Thánh nhân bắt chước theo Trời;
- Hiền nhân bắt chước theo Đất;
- Bậc trí thức giữ theo xưa;
- Ai kiêu căng thì sự hủy diệt sẽ đến;
- Ai khinh nhờn thì tai họa sẽ tới;
- Kẻ nói nhiều thì ít được tin cậy;
- Kẻ chỉ chăm nom cho mình thì thiếu ân huệ;
- Thường kẻ không có công lao thì người sẽ lìa bỏ;
- Phạt kẻ vô tội thì gây oán;
- Mừng giận không thường thì sẽ bị tiêu diệt.

PHÉP GIAO CHIẾN

Phép đánh giặc là ban ngày thì dùng nhiều cờ xí, ban đêm thì dùng nhiều lửa và trống, biết lợi dụng đoán binh, khéo léo ở cách ẩn núp ở những chỗ lẩn lùng không ngờ tới, hoặc để đánh úp ở đằng trước, hoặc để đánh úp ở đằng sau.

Phép họp đánh là lợi dụng kiềm, mộc; người tướng muốn lo liệu về sau thì trước hết phải dọn đường rộng rãi, mười dặm làm thành một ban, năm dặm xây một thành nhỏ, xếp cát cờ xí, hạn chế việc đánh chiêng trống, khiến cho quân địch không biết đặt tay chân vào đâu.

Phép đánh ở lũng núi là khéo đặt quân mai phục, lợi ích ở chỗ đánh mạnh, cho hạng sĩ tốt lẹ chân đánh ở phía cao, cho hạng sĩ tốt liều chết đi về phía sau, sắp quân mang nỏ mạnh để xông vào đánh, dùng đoán binh để tiếp chiến theo, bên kia không tiến lên được, bên ta cũng không tới được.

Phép đánh trên mặt nước, lợi ở chỗ dùng thuyền chèo, chọn sĩ tốt đã luyện tập để cưỡi thuyền, cho trương cờ xí cho thật nhiều để lừa gạt quân địch, cho bắn nỏ mạnh thật trúng, dùng đoán binh để giữ gìn, đặt hàng lao vững chắc (sáo, đặng) để bảo vệ, thuận theo dòng nước chảy mà đánh.

- Phép đánh ban đêm lợi ở chỗ kín đáo, hoặc cho quân ẩn nấp, ngựa nghiêm hàm thiết, ra đi vào lúc không ngờ, hoặc dùng nhiều lửa, trống để làm rối loạn tai mắt, cho phóng ngựa mà đánh vào, thì có thể thắng vậy.

XXXXIII

HOÀ HIỆP MỌI NGƯỜI

Phép dùng binh cát yếu là hòa hiệp nhân dân, nhân dân mà hòa hiệp thì không cần khuyên bảo, họ cũng tự đánh vậy.

Nếu nha lại và sĩ tốt nghi ngờ nhau, nhân sĩ và dân nhung không giúp đỡ, mưu kế của trung thần không được dung nạp, bọn tiểu nhân bàn luận việc ám muội, bọn hủy báng, dèm pha nẩy nầm sinh ra, thì tuy có trí thức như vua Thành Thang và vua Vũ Vương mà cũng không hơn được một kẻ thất phu, huống hồ là nhiều người sao?

Cho nên sách *Truyện* nói rằng: Việc binh cũng giống như lửa, không ngăn chặn thì sẽ tự cháy vậy.

XEM XÉT TÌNH HÌNH

Việc binh khởi sự do ở thực tình:

- Ở gần mà yên tĩnh, đó là nhờ cậy vào sự hiềm trở;
- Ở xa mà khiêu chiến, đó là muốn người ta tiến tới;
- Cây cối lay động, đó là giặc tới;
- Bụi mù thấp mà rộng, đó là giặc đi chân mà tới;
- Bụi mù cao mà nhọn, đó là giặc đi xe tới;
- Lời nói mạnh mẽ mà lại đánh ngựa đi, đó là giặc muốn lui;
- Lời nói tự khiêm, tự hạ mà chuẩn bị ráo riết, đó là giặc muốn tiến tới;
- Nửa tới, nửa lui, đó là giặc muốn dẫn dụ bên ta;
- Chống gậy mà đi, đó là giặc bị nạn đói;
- Thấy lợi mà không đến, đó là giặc mệt nhọc;
- Chim quay quần đến, như thế ở đó không có gì;
- Ban đêm mà la ó, đó là giặc sợ hãi;
- Quân lính náo động, đó là tướng không được tôn trọng;
- Cờ xí lay động, đó là giặc rối loạn;
- Lại sĩ giận dữ, đó là giặc mồi chán;
- Thường nhiều lần, đó là giặc cùng quẫn;
- Chỉ nghĩ đến sự trùng phạt, đó là giặc bị khốn đốn;
- Trước mạnh bạo rồi sau kiêng sợ quần chúng, đó là giặc không tinh nhuệ;
- Đến giao phó rồi từ biệt, đó là giặc muốn nghỉ ngơi;
- Tặng biếu nhiều mà lời nói ngọt ngào, đó là giặc muốn dẫn dụ bên ta đó.

TÌNH CẢNH⁽¹⁾ CỦA TƯỚNG SÚY

Phép làm tướng là:

- Giếng của quân chưa mực nước lên, thì tướng không được kêu khát;

(1) Trong chính văn, chữ "tình" có nghĩa là tình cảm vật chất.

- Còn trong quân chưa thổi nấu, thì tướng không được kêu đói;
Lửa trong quân chưa nhen nhúm, thì tướng không được kêu lạnh;
Màn của quân chưa giăng thì tướng không được kêu nóng;
- Hè không phẩy quạt, đông không mặc áo dà;
- Mưa không trương lọng, tình cảnh của tướng súy phải giống như
quân lính hết thảy.

XXXXVI UY LỆNH

Hoặc là chỉ một thân mình, hoặc là quần chúng đông tới trăm vạn, mà phải co vai, nín thở, bước dè dặt rón rén, cúi mặt nghe ngóng, chẳng dám ngẩng mặt ngó trông, đó là nhờ pháp chế mà khiến được như vậy.

Nếu trên không áp dụng hình phạt, dưới không theo lẽ nghĩa, tuy rằng cao sang tới bực có thiên hạ trong tay, giàu có tới bực gồm hết bốn biển, mà không thể tự truất bỏ, thì đó là hạng Kiệt, Trụ.

Kẻ thất phu nắm giữ binh quyền, dùng pháp lệnh mà chế ngự, lấy thường phạt để tỏ uy nghi, mà mọi người không thể nghịch mệnh, thì đó là hạng Tôn Vũ, Nhương Tư.

Cho nên mệnh lệnh không có thể khinh nhở, quyền thế chẳng có thể chống đối.

XXXXVII RỘ MIỀN ĐÔNG

Tinh của rợ miền đông là lẽ nghi sơ sài, nghĩa khí ít ỏi, hung hăn, mua gấp xong, đánh giặc giỏi, dựa vào núi non, cây cỏ biển vây bọc, bao vao các chỗ hiểm trở để cố thủ.

Nếu vua tối hòa mục, dân chúng yên vui, thì không thể mưu đồ đánh chúng được.

Trên rối loạn, dưới li tán, át là có thể dùng cách chia rẽ chúng; khi chúng đã bị chia rẽ thì có mối hiềm khích sinh ra; khi đã có hiềm khích sinh ra thì ta nên tu đức để với chúng đến, lo củng cố giáp binh để đánh chúng, thi cai thế ấy át là khắc trị chúng được.

XXXXVIII RỢ MIỀN TÂY

Tính của rợ miền Tây là mạnh dạn hung hăn, ham điêu lợi, hoặc ở thành trì, hoặc ở đồng nội, có ít lúa gạo lương thực, có nhiều vàng bạc, của quý.

Do đó mà nhân dân dũng mãnh, khi chiến đấu mà thất bại; (trong xứ) có nhiều đá chông chất nên mới có tên là Tây Nhung; dân chúng có nhiều chủng tộc khác nhau; đất đai thì rộng rãi mà hình thế lại hiểm trở; dân chúng có phong tục trái ngược, tính khí mạnh mẽ, tàn nhẫn.

Bởi thế, nhân dân có nhiều người không chịu thần phục. (Vậy) nên đợi chờ xem xét các kẽ hở ở bên ngoài, dò la sự rối loạn ở bên trong, ắt là có thể phá chúng được.

XXXXIX RỢ MIỀN NAM

Rợ phía Nam có nhiều giống, có tính không nghe lời dạy của người trên, liên hiệp thành bè đảng, không vừa ý thì làm phản, ở trong các hang động, nương tựa vào núi non, hoặc hợp hoặc tan, phía Tây tới núi Côn Luân, phía Đông tới biển, sản xuất những hàng hóa lạ lùng.

Cho nên dân chúng tham lam mà chiến đấu mạnh dạn; về mùa xuân và mùa hạ có nhiều chướng khí bệnh truyền nhiễm lợi ở chỗ đánh mau, không thể duy trì quân đội lâu dài.

L RỢ KHƯƠNG VÀ RỢ ĐỊCH

Rợ Khương và rợ Địch không ở thành quách, theo ở những nơi có nước và có cỏ, khi lợi thế thì xâm lấn về miền Nam, khi thất thế thì tự rút lui, núi dài mênh mông chông chát, đủ để tự vệ, khi đói thì bắt thú uống sữa, khi rét thì nằm trên da thú, mặc đồ da, chạy đuổi săn bắn lấy sự giết chóc làm việc cốt yếu, chưa có thể lấy đạo đức mà vỗ về, phủ dụ chúng được.

Nhà Hán muốn khôi đánh nhau với chúng thì áp dụng ba sách lược sau này:

Quân Hán khi thi cày cấy, khi thi đánh giặc, nên mệt mệt mà nhát sợ; con quân kị mà của rợ Dịch khi thi chăn súc vật, khi thi săn bắn, ắt là thông thả, khỏe khoắn mà lại mạnh dạn. Lấy kẻ mệt mỏi để chống với kẻ khỏe khoắn, lấy kẻ nhát sợ để chống với kẻ mạnh dạn thì không thể tranh hòn được, đó là lẽ thứ nhất chẳng nên đánh với chúng.

Quân Hán sở trường về đi chân, mỗi ngày đi được trăm dặm, rợ Dịch sở trường về cưỡi ngựa mỗi ngày đi gấp bội. Quân Hán muốn đánh rợ Dịch, ắt phải vận lương, mang giáp để đuổi theo; rợ Dịch muốn đánh quân Hán, ắt phải phóng ngựa đường dài để vận chuyển. Thế chuyền vận, khiêng mang đã khác nhau xa, cách đuổi đánh lại chẳng giống nhau, đó là lẽ thứ hai chẳng nên đánh với chúng.

Quân Hán đánh giặc thì phần nhiều đi chân, rợ Dịch đánh giặc thì phần nhiều cưỡi ngựa; xét về hình thế giao tranh thì cái thế cưỡi ngựa và đi chân khác nhau xa vời, đó là lẽ thứ ba chẳng nên đánh với chúng.

Gặp trường hợp cực chẳng đã (phải đối phó với chúng) thì chẳng gì bằng giữ gìn biên giới. Phép giữ gìn biên giới là kén chọn tướng giỏi để bổ nhiệm, huấn luyện sĩ tốt cho được tinh nhuệ để chế ngự chúng, mở rộng ruộng công ra để nuôi dưỡng quân sĩ cho được sung túc, tập luyện sĩ tốt để phòng bị, dùng nhiều phương sách để chúng lầm lạc, chờ khi chúng oán hận nhau để mà li giàn chúng, thừa dịp chúng suy vi để đánh chúng, ắt là nước nhà chẳng hao tổn nhiều mà rợ Dịch đã khắc che được, nhân dân chưa mỏi mà rợ Dịch đã trị yên vậy.

TỐ THƯ
HOÀNG THẠCH CÔNG

Chương thứ nhất:

NGUYÊN THỦY

Dạo, đức, nhân, nghĩa, lẽ năm điều ấy thuộc về một thế.

Dạo⁽¹⁾ là cái đường mà người ta bước theo, sai khiến tất cả vạn vật không biết do theo đâu mà có.

Đức⁽²⁾ là cái mà người ta được nơi mình, bao trùm mọi việc, làm cho tất cả đều như ý muốn của mình.

Nhân là điều mà người ta thương mến, là sự có lòng từ bi, thương xót để làm toại lòng muôn loài sinh ra trong trời đất⁽³⁾.

Nghĩa là điều mà người ta nên theo, như là tướng thường điêu thiện, trùng phạt điều ác để làm nên việc.

Lẽ là cái quy củ mà người ta theo, như là sớm dậy tối ngủ để thành ra cái luân thường thứ tự của con người.

Tín phải đủ để chỉ cho riêng một lòng mà thôi, nghĩa phải đủ để người ta theo mình, đức phải đủ để người ta mong nhớ nơi xa, tài phải đủ để noi gương người xưa, minh mẫn phải đủ để soi xuống dưới, người có đủ điều kiện trên là bậc anh tuấn.

Hạnh phải đủ để làm khuôn phép, trí phải đủ để dứt hiềm nghi, tín phải có để giữ hẹn, liêm phải có để khiến phân phôi của cải, người có đủ điều kiện trên là bậc anh hào.

Giữ chức vụ mà không bỏ phế, xử sự theo chính nghĩa mà không đổi lòng, thấy điều hiềm nghi mà không miên chấp bừa bãi, thấy điều lợi mà không lấy bừa bãi, người có đủ điều kiện trên là bậc anh kiệt.

(1) Đạo là luật biến hóa chung của vũ trụ cai quản muôn loài.

(2) Đức là quyền năng thiêng liêng của các bậc thánh nho, nhờ đó mà họ làm việc gì cũng dễ thành công.

(3) Cố ý nói rằng lòng nhân tham nhuần tối côn trùng, cây cỏ.

Chương thứ hai:

CẨU CHÍ HƯỚNG CỦA NGƯỜI

Muốn tạo ra căn bản cho người, chẳng thể không một vây⁽¹⁾.

Hiền nhân, quân tử hiểu rõ cái đạo thịnh suy, thông suốt cái số mệnh thành bại, xét cái thế trị loạn, hiểu thấu cái lí tan hợp, cho nên ẩn náu giữ đạo để chờ thời.

Nếu thời đã tới mà ra hành đạo thì có thể địa vị quá đại thần tối cao, gặp cơ hội mà hành động thì có thể làm nên công nghiệp vang nhất trên đời.

Nếu không gặp thời, thì thân thế phải chịu chìm đắm để tiêu tan.

Như thế để cho cái đạo đủ cao mà danh tiếng được lưu đến đời sau.

Chương thứ ba:

CHÍNH ĐẠO

Dứt điều thích, ngăn điều muôn để trừ phiền lụy.

Dần điều trái, bỏ việc ác để từ bỏ lỗi lầm.

Chè rượu, lánh xa để khỏi nhuốm bẩn.

Tránh điều ngờ, xa điều nghi để khỏi lầm lạc.

Học rộng, hỏi cặn kẽ để biết nhiều.

Làm việc to lớn, nói lời nhỏ nhẹ để sửa mình.

Kính cẩn, dè dặt, nhún nhường, tần tiện để giữ thân.

Mưu kế sâu xa để khỏi cùng khốn.

Gần gũi người nhân từ, kết bạn với người ngay thẳng để giúp đỡ nhau trong lúc tai nạn.

Gần gũi rộng lượng, cẩn thận chu đáo để tiếp đãi người.

Bổ nhiệm và sử dụng kẻ tài năng để cho xong việc.

Giận ghét kẻ độc ác, đuổi bỏ kẻ hèm pha để ngừa loạn.

Tìm xưa xét nay để khỏi nghi ngờ.

Trước đó sau lường để đối phó các việc bất ngờ gấp rút.

(1) Một đây có nghĩa là cái thế độc nhất chưa phân tán thành năm phần là đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ. (Xem câu đầu chương thứ nhất).

Bay dật ra các việc quyền biến để ý tòi
Buộc túi, gấp thuận để khôi tội lối⁽¹⁾.
Chặt che⁽²⁾ vung, vang⁽³⁾ để lập công.
Chăm lo⁽⁴⁾, hiền lành⁽⁵⁾ để giữ gìn chung cuộc cho toàn vẹn⁽⁶⁾

Chương thứ tư:

DÙNG SỨC LÀM NÊN GỐC, LẤY ĐẠO LÀM CAO QUÝ

Về thuật làm việc hết lòng, gắng sức thì chẳng có gì lâu dài bằng rộng mưu.

Chẳng có gì yên bằng nhẫn nhục
Chẳng có gì cần trước hơn là tu đức.
Chẳng có gì vui bằng mến điều lành.
Chẳng có gì mẫu nhiệm hơn lòng chí thành.
Chẳng có gì sáng suốt bằng cách xét cái thể chất bên trong của sự vật.
Chẳng có gì khổ bằng mong nhiều.
Chẳng có gì tốt bằng biết đủ.
Chẳng có gì đáng thương xót bằng tán tinh⁽⁷⁾.
Chẳng có gì bệnh hơn là sự vô thường (không chắc chắn).
Chẳng có gì ngu tối cho bằng tham lam, keo bẩn.
Chẳng có gì cô độc bằng ỷ mình.
Chẳng có gì nguy hiểm bằng dùng kẻ đáng nghi.
Chẳng có gì dễ thất bại bằng có óc riêng rẽ.

(1) Về chỗ này Lưu Bá Ôn chú thích như sau: Bậc quân tử nói, nín đều hợp thời xuất xứ đều hợp đạo, buộc túi lại để chẳng ai thấy cái đẹp, thuận gấp để chẳng ai thấy cơ mưu, nhờ đó mà khỏi tội lỗi, tai vạ.

(2) Theo Lưu Bá Ôn: Quyết quyết là có chỗ dựa cho nên không thể lay chuyển.

(3) Ngạnh ngạnh là có chỗ đứng nên không thể khuấy nhiễu.

(4) Tụ tụ là đã gắng lại gắng thêm mãi.

(5) Thực thực là đã lành lại càng lành thêm.

(6) Lập công không bằng giữ gìn chung cuộc cho vẹn toàn.

(7) Tinh đây là một trong ba cái quý báu: tinh, khí, thần của con người, cần thiết để giữ mạng sống lâu dài (đao dương sinh).

Chẳng có gì ngăn ngửi băng của voi nghĩa (tay băng cách không chính đáng).

Chương thứ năm:

HÀNH ĐỘNG THEO CHÍNH NGHĨA

Đem sự sáng suốt mà bày tỏ cho kẻ dưới rõ là ngu tối⁽¹⁾.

Có lỗi mà không biết là bị che lấp.

Mê mà không tỉnh lại là lầm lạc.

Dùng lời nói mà chuốc lấy thù oán là tự gây tai họa⁽²⁾.

Tâm ý và mệnh lệnh đều trái lệ thì việc sẽ bỏ phế (bê tắc).

Nói năng bừa bãi trước rồi ra lệnh sau thì hư việc.

Nỗi giận mà không có uy tín thì sẽ bị xúc phạm (hoặc mang tội lần lượt)⁽³⁾

Ưa sự ngay thẳng mà làm nhục người là mua lấy ương.

Trừ cái nhục (riêng) cho kẻ mà mình đang dùng là nguy hiểm⁽⁴⁾.

Ngạo mạn đối với các bậc đáng kính⁽⁵⁾ là việc hung ác xấu xa, bất lợi;

Bề ngoài thì hợp lí, mà trong lòng thì xa cách, như thế là lè loi;

Gần gũi kẻ dèm pha, xa cách người trung thực thì bị diệt vong;

Gần sắc đẹp mà xa người hiền là ngu tối;

Gái đến cửa công thì loạn;

Dùng người có lòng tư kỉ để làm việc quan (công ích) thì không chắc chắn;

Lấn lướt kẻ dưới để chiếm phần thắng là xâm phạm;

(1) Đạo của thánh hiền là trong thì sáng suốt mà ngoài tỏ ra tối tăm (Thánh hiền chỉ đạo nội minh ngoại hối: Lưu Bá Ôn).

(2) Làm mà dám nói ra, đó là quyền tại mình mà họa tại người: nói mà không làm được đó là quyền tại người, họa tại mình (Lưu Bá Ôn)

(3) Văn Vương không nói lớn mà bốn nước đều sợ uy nghi (Lưu Bá Ôn). Khổng Tử nói. Không cần nỗi giận mà dân cũng phải sợ cái uy lực của pháp lệnh (Bất nộ nhi dân uy ư thiết việt).

(4) Báo thù riêng cho kẻ dưới tay là nguy hiểm.

(5) Có ba bậc đáng kính: bậc có tuổi tác, bậc có tước vị, bậc có đức hạnh.

Danh mà không hồn thục thì hão tốn⁽¹⁾
Sợ sai⁽²⁾ đối với mình mà lại trách phạt người thì không thể trị yên.
Kẻ dâng với mình mà mỏng với người thì nên bỏ họ mà dửng dung.
Xét điều lỗi mà vứt bỏ công lao của người thì tổn hại tới quần chúng.

Kẻ dưới và người ngoài ai ai cũng khác lòng thì phải luân vong.
Dã dùng mà không tín nhiệm thì lạt lẽo.
Thường mà hẹp hòi thì hỏng việc.
Hứa nhiều mà cho ít thì sinh oán.
Đã tiếp đón mà lại phản đối thì trái lệ.
Làm ít mà trông mong nhiều thì không kết quả.
Sang mà quên hèn thì chẳng lâu.
Nhớ lỗi cũ mà vứt bỏ công mới là điều chẳng lành.
Dùng người không được chính đáng là điều nguy.
Cưỡng bách người mà dùng thì họ chẳng thuận theo.
Vì người mà chọn họ làm quan thì loạn.
Mất những điểm mạnh của mình thì trở nên yếu.
Sự quyết định chính sách mà ở trong tay kẻ bất nhân thì nguy hiểm.
Kế hoạch bí mật mà tiết lộ ra ngoài thì thất bại.
Thu vào nhiều mà chỉ ra ít thì hỏng việc.
Chiến sĩ thì nghèo, kẻ đi chơi rong mà giàu ắt là nước phải suy vong.
Dùng của đút lót việc công là ám muội.
Nghe điều thiện mà không lưu ý, lại không quên lỗi cũ của người, đó là bạo ngược.
Dã dùng mà không tin, đã tin mà không dùng, là lộn xộn.
Dùng đức mà nuôi người thì họ sẽ tụ tập.
Dùng hình pháp để trói buộc người thì họ sẽ phân tán.
Công nhỏ mà không thường thì không ai chịu lập công lớn.

⁽¹⁾ Thực lực là chỗ nương tựa của thanh danh, thanh danh đem lại uy quyền cho thực lực; nhiều thực lực mà ít thanh danh thì khó thành sự nghiệp, vậy danh phải đi đôi với thực (Lưu Bá Ôn).

⁽²⁾ Rộng lượng tha thứ đối với mình.

Không bỏ qua oán nhỏ thì oán lớn sẽ sinh ra.

Thưởng mà người không phục, phạt mà người không vui chịu thì họ sẽ làm phản.

Thưởng cho tới kẻ vô công, phạt cho tới kẻ vô tội là khốc hại. Nghe dèm pha mà vui, nghe can ngăn mà hờn giận là sê thất bại.

Thường giữ cái mình sẵn có là yên.

Tham của người là tàn hại.

Chương thứ sáu:

AN LỄ

Phúc sinh nhờ chúa thiện, họa sinh vì tích ác.

Oán sinh vì không bỏ qua lỗi nhỏ, mối lo hại sinh ra vì không tính trước mưu kế.

Đói vì khinh rẻ nghề nông, rét vì lười dệt.

Yên nhờ được người, nguy vì mất kẻ sĩ.

Giàu nhờ nghênh tiếp việc xảy tới, nghèo vì bỏ lỡ thời cơ.

Bậc trên hành động vô thường, thì kẻ dưới sê sinh lòng nghi kị.

Khinh nhờn bề trên thì sinh tội, lăng nhục kẻ dưới thì họ chẳng gần gũi mến yêu.

Bề tôi gần mà không trọng mình thì bề tôi xa sê khinh mình.

Tự nghi mình thì không tin người, tự tin mình thì không nghi người.

Kẻ sĩ có tà tâm thì không có bạn chính đáng, bề trên mà cong vạy thì kẻ dưới không ngay thẳng.

Nước ở cảnh nguy biến thì không có người hiền. Nền chính trị rối loạn thì không có người lành.

Mến người sâu xa thì cầu hiền gấp, vui được người hiền thì nuôi người trọng hậu.

Nước sắp làm bá chủ thì kẻ sĩ đều về giúp, nước sắp mất thì người hiền đã xa lánh trước.

Đất mà xấu thì vật lớn không sinh, nước mà cay thì cá lớn không

lời, cây mà trùi lá thì chum lòn không đầu, rưng mà thưa cây thi thu lòn không ổi.

Núi mà cao vút thì se dô, hồ mà dày nước thì se tràn.

Bó ngọc giữ đá là eo mặt không người, thân dê đội lốt cọp thì chỉ leo loẹt bè ngoài mà thôi.

Cầm áo mà không cầm nơi cổ thì áo sẽ gập xuống, chạy mà không nhìn đất thì sẽ vấp ngã.

Cột yếu thì nhà sẽ sập, bê tội phò tá mà yếu thì nước nghiêng đổ.

Chân lạnh thì hại tim, dân oán hận thì hại nước.

Núi sắp đổ thì đất đã lở trước, nước sắp suy yếu thì dân đã bị nạn chết.

Rẽ khô thì cành mục, dân khốn khổ thì nước điêu tàn.

Núi theo xe lật thì sẽ bị ngã, ở theo nước mất thì sẽ bị diệt.

Xem việc đã thất bại để mà thận trọng, thấy việc sắp thất bại thì phải sợ dẫm vết chân mà lo tránh trước đi.

Sợ nguy thì yên, sợ mất thì còn.

Người mà làm việc có đạo lí thì tốt, làm việc không có đạo lí thì xấu. Nếu tốt thì trăm điều may sẽ tới, nếu xấu thì trăm điều rủi sẽ dồn dập vào, chẳng phải nhờ thần thánh nào mà việc cũng tự nhiên xảy tới như thế.

Chuyên dùng kế lành thì không xảy việc dữ, không tính xa thì sẽ lo gần.

Cùng chí thì hợp nhau

Cùng nhân từ thì chung lo.

Cùng trí thức thì mưu đồ chung.

Cùng làm ác thì kết bè đảng

Cùng mến thì tìm nhau.

Cùng vẻ đẹp thì ghét nhau.

Cùng lợi thì kị (sợ) nhau.

Cùng lời nói thì hưởng ứng nhau.

Cùng chí thì cảm mến nhau.

Cùng loại thì nương nhau.

Cùng chính nghĩa thì gần gũi nhau.

Cùng nạn thì giúp nhau.

Cùng đạo thì chung xây dựng.

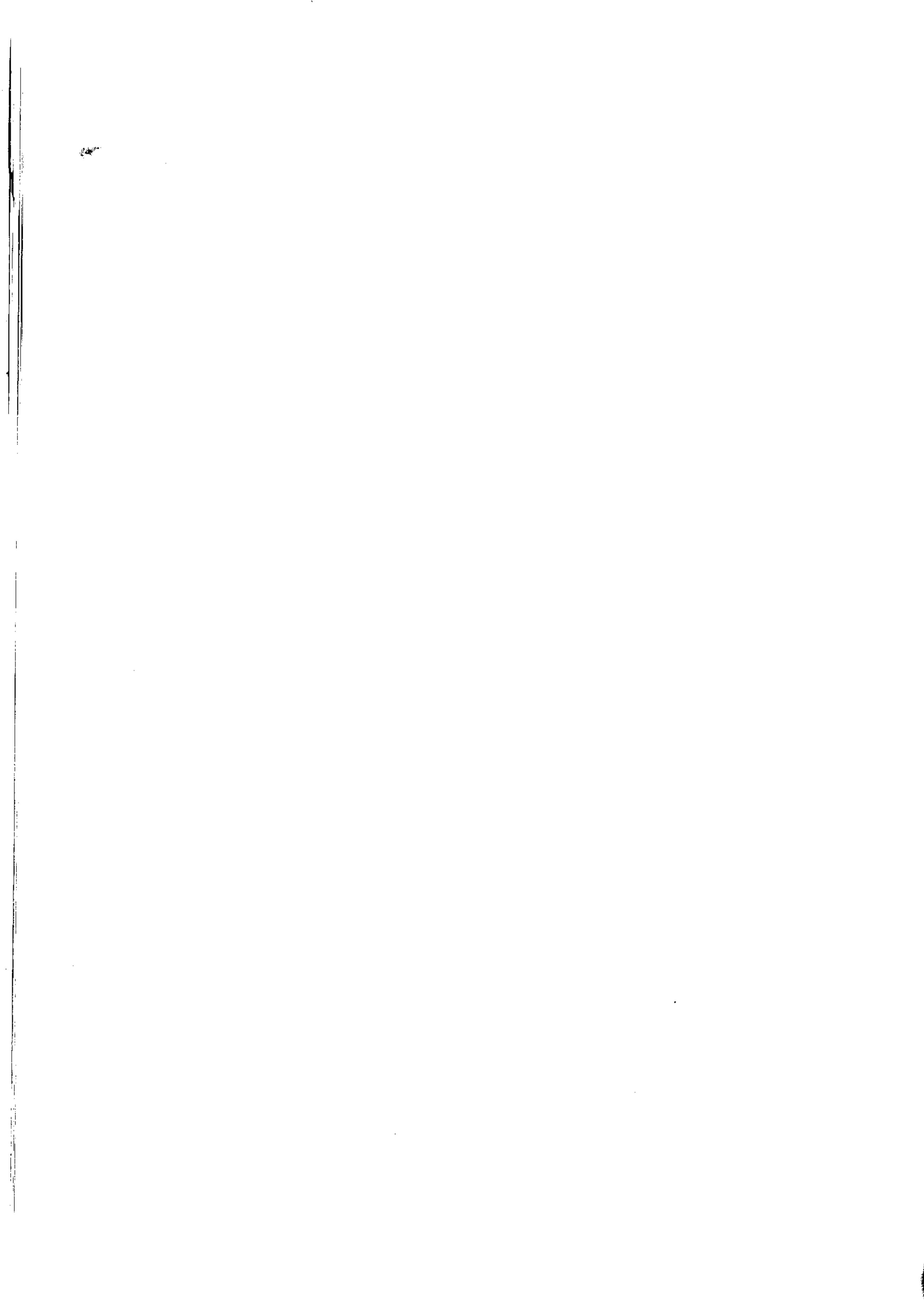
Cùng nghề thì dò nhau.

Cùng khéo thì tranh nhau.

Ấy là cái điều mà mình được theo số mệnh như thế, không thể đi ngược với lí lẽ ấy.

Bỏ bê không dạy mình mà đi dạy người là nghịch, sửa mình mà dạy người là thuận. Nghịch thì khó theo, thuận thì dễ làm; khó theo thì loạn, dễ làm thì yên trị. Như thế có thể trị mình, trị nhà, trị nước vậy.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG
- LÝ VỆ CÔNG VẤN ĐỐI LÝ TĨNH



QUYỀN THƯỢNG

Thái Tông hỏi: "Cao Li mấy phen xâm chiếm xứ Tân La, trẫm đã sai sứ phủ dụ, nhưng họ vẫn không tuân. Nay trẫm xuống chiếu cho tướng đi chinh phạt có nên chăng?".

Lí Tịnh đáp: "Thần xét thấy Cáp Tô Văn cậy mình đánh giỏi, cho rằng Trung Quốc không đủ sức đem binh chinh phạt, nên mới dám cưỡng lại mệnh vua. Xin bệ hạ cho thần đem ba vạn quân đi bắt hắn".

Thái Tông hỏi: "Quân ít đường xa, khanh dùng cách gì để đánh chúng?"

Lí Tịnh đáp: "Thần dùng chính binh".

Thái Tông hỏi: "Khi dẹp giặc Đột Quyết thì khanh dùng kỵ binh, nay khanh nói dùng chính binh, là thế nào?".

Lí Tịnh đáp: "Xưa Gia Cát Lượng bảy phen bắt sống Mạnh Hoạch, cũng chỉ dùng chính binh mà thôi".

Thái Tông hỏi: "Đời Tấn, Mã Long dùng kế chiếm Lương Châu là dựa theo Bát trận đồ mà chế ra xe Thiên tướng, đất rộng thì dùng xe Lộc giác làm bản doanh, đường hẹp thì làm nhà gỗ kéo trên xe, vừa đánh, vừa tiến. Phải chăng người xưa thích dùng chính binh hơn?".

Lí Tịnh đáp: "Khi đem binh chinh phạt xứ Đột Quyết, đi sâu vào phía Tây mấy nghìn dặm, nếu không dùng chính binh thì làm sao có thể đi xa được".

Xe Thiên tướng và xe Lộc giác là quân dụng chính yếu của việc binh. Một là có thể trị lực, hai là chống đỡ phía trước, ba là giữ chặt đội ngũ. Ba điều này có thể tùy nghi mà sử dụng. Mã Long quả đã thông hiểu phép xưa một cách sâu sắc vậy".

Thái Tông hỏi: "Khi trẫm phá quân Tống do Lão Sinh cầm đầu. Lúc mới giao chiến nghĩa quân lui về. Sau trẫm thân chinh đem quân thiết kỵ từ Nam Nguyên đuổi xuống, đánh xuyên hông, binh của Lão Sinh bị cắt đứt phía sau mà tan vỡ, nên bắt được Lão Sinh, như thế là chính binh hay kỵ binh?".

Lí Tĩnh đáp: "Bệ hạ được trời phù cho thiên tử thành vu, không học mà biết được. Thân xem trong binh pháp, từ Hoàng Đế trở về sau thi trước, dùng chính, sau dùng kì, trước dùng nhân nghĩa, sau dùng quyền mưu, như trận đánh ở áp Hoắc lấy điều nghĩa mà dạy quân là chính. Kiến Thành ngã ngựa nên cánh quân bên hữu lui lui về sau là kì".

Thái Tông hỏi: "Khi đó quân lui về gần hỏng đại sự sao gọi là kì?"

Lí Tĩnh đáp: "Thường trong việc binh, quân tiến tới trước là chính, lui về sau là kì. Vả lại nếu cánh quân bên hữu không lui về, thì Lão Sinh làm sao đuổi theo được.

Binh pháp có viết: "Lấy lợi mà nhử, thừa loạn mà đánh". Lão Sinh không biết dùng binh, chỉ cậy thế mạnh mà đánh nhanh, không ngờ bị cắt đứt phía sau nên bị bệ hạ bắt, như thế gọi là lấy kì làm chính vậy".

Thái Tông nói: "Xưa Hoắc Khứ Bệnh dùng binh vô tình có sự trùng hợp với Tôn Ngô việc này quả có thật.

Khi quân bên hữu lui về, Cao Tổ đã thắt sáu, kịp tới lúc trẫm đánh mạnh tới, chuyển thành lợi thế cho ta. Việc này vô tình cũng trùng hợp với Tôn Ngô, khanh thật đã biết rõ".

Thái Tông hỏi: "Phàm binh lui về đều gọi là kì chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Cũng không hẳn như thế. Khi quân lui và cờ xí so le không đều, tiếng trống nhỏ, tiếng trống lớn không hòa hợp, hiệu lệnh inh ỏi không đồng nhất, thì đây là thua thật chứ không phải là kì".

Nếu cờ xí chỉnh tề, trống đánh hòa hợp, hiệu lệnh đồng nhất, thoát nhìn tuy có vẻ lộn xộn, nhưng quân lui mà không thua, thì đây ắt là kì.

Binh pháp có viết: "Giả thua thì không nên đuổi theo". Lại viết "Giỏi mà tỏ ra kém". Đều gọi là kì cả.

Thái Tông hỏi: "Như trận đánh áp Hoắc, quân bên hữu lui về ở trời, mà Lão Sinh bị bắt là do người chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Nếu không phải chính binh biến thành kì, kì binh biến thành chính, thì làm sao thắng được?"

Cho nên đối với người giỏi dùng binh, thì kì hay chính là do người mà thôi, nhưng khi biến hóa mà trở nên thần diệu, thì cho là ở trời vậy!"

Thái Tông gật đầu cho là phải.

Thái Tông hỏi: "Kì chính vốn là phân ra hay đến khi lâm trận mới tạo ra?"

Lý Tịnh đáp: "Thần xem Tào Công tân thư⁽¹⁾ có viết: "Ta có hai mà địch có một, thì một thuật làm chính, một thuật làm kì. Ta có năm mà địch có một thì ba thuật làm chính, hai thuật làm kì". Đây là nói về đại lược.

Riêng Tôn Tử nói: "Thế đánh không ngoài kì chính, kì chính biến hóa thì vô cùng. Kì chính tương sinh, xoay vần không dứt". Ai có công nghiên cứu thì mới nắm vững, không có sự phân chia trước.

Nếu sĩ tốt chưa tập theo phép của ta, các quan chưa thuộc lệnh ta thì phải chia làm hai thuật. Khi dạy đánh, ai nấy phải nhìn cờ nghe trong, mà thay đổi, phân hợp, nên mới nói rằng phân hợp để biến hóa. Đây là phép dạy đánh.

Khi đã dạy xong, mọi người đều hiểu phép ta rồi, thì về sau như đuổi mồi đàn dê, đều theo sự chỉ huy của người tướng, không cần phân biệt kì chính nữa.

Tôn Tử nói: "Làm cho địch hữu hình, mà ta vô hình" là đạt đến chỗ cao sâu của phép kì chính vậy.

Ta chỉ phân ra để dạy mà thôi, còn lâm cơ tạo ra thì không biết đâu là cùng.

Thái Tông hỏi: "Sâu sắc thay! Tào Công hẳn đã biết như thế, nhưng Tân thư chỉ để tuyên cho chư tướng mà thôi, chứ không chuyên bàn về phép kì chính".

Thái Tông hỏi: "Tào Công nói rằng "Kì binh là bàng kích" (đánh vào bên cạnh) khanh nghĩ thế nào?"

Lý Tịnh đáp: "Thần xem Tào Công chú giải về binh thư Tôn Tử có nói rằng: "Quân ra trước mà hợp chiến là chính, ra sau là kì". Như thế chẳng phải là khác với bàng kích sao?"

"Thần cho rằng tất cả hợp lại là chính. Từ đó chia ra một phần là kì, không câu nệ là trước sau hay bàng kích".

Thái Tông hỏi: "Cái chính của ta làm cho địch tưởng là kì, cái kì của ta làm cho địch tưởng là chính. Như thế có phải là khiến địch hữu hình không?"

Lấy kì làm chính, lấy chính làm kì, biến hóa không thể đoán được, như thế có phải là vô hình?"

(1) Còn gọi là Mạnh Đức tân thư. Bản pháp do Tào Tháo soạn.

Lí Tĩnh bái phục mà thưa rằng: "Bệ hạ là bậc thân thánh hơn cả người xa, thần không thể sánh kịp".

Thái Tông hỏi: "Lấy sự phân hợp để biến hóa thì kì chính ở chỗ nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Người giỏi dùng binh thì không có gì là không chính, không có gì là không kì, khiến địch không thể đoán được. Cho nên chính cũng thắng mà kì cũng thắng."

Ba quân chỉ biết là thắng, chứ không biết vì sao mà thắng. Nếu không phải nhờ biến mà thông, thì làm sao sinh ra thế?"

Dùng cách phân hợp mà biến hóa thì chỉ có Tôn Tử là người giỏi nhất, còn từ Ngô Khởi trở về sau không ai có thể sánh kịp".

Thái Tông hỏi: "Phép đánh của Ngô Khởi như thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xin kể sơ lược về việc đó:

Ngụy Võ Hầu hỏi Ngô Khởi rằng: "Khi hai quân đối diện nhau thì phải làm sao?"

Ngô Khởi đáp: "Cho quân yếu dũng cảm ra đánh trước, khi đã giao chiến thì thua chạy, chạy mà dừng đánh, chờ xem địch tiến quân ra sao. Nếu bên địch kẻ đứng người ngồi, không thèm đuổi theo, tức là địch có mưu trí, nếu họ đem hết quân ra đuổi, đi đứng tung hoành, tức là địch bất tài. Ta cứ đánh mà không phải nghi ngờ gì cả".

Thần cho rằng phép đánh của Ngô Khởi phần nhiều đều giống như thế, chứ không phải như Tôn Tử đã nói là lấy chính mà hợp".

Thái Tông hỏi: "Câu của Khanh là Hàn Cầm Hổ thường nói, khanh có thể luận bàn về Tôn Ngô, có phải là nói về phép kì chính không?"

Lí Tĩnh đáp: "Cầm Hổ làm sao có thể hiểu đến chỗ cao sâu của phép kì chính được?

Nếu chỉ biết lấy kì làm kì, lấy chính làm chính, thì chưa hiểu rõ sự biến hóa tuần hoàn vô tận của phép kì chính vậy".

Thái Tông hỏi: "Người xưa khi lâm trận xuất kì đánh vào lúc người không để ý, như thế có phải là phép biến hóa chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Đời trước đánh nhau phản nhiều là lấy thuật nhỏ mà thắng vô thuật, lấy tài mọn mà thắng bất tài, như thế không đủ để luận bàn về binh pháp.

Cũng như Tạ Huyền phá được đai quân của Phù Kiên, không phải là nhờ cái tài của Tạ Huyền, mà vì Phù Kiên là kẻ bất tài vậy".

Thái Tông bảo quan cận thần lấy truyện Tạ Huyền ra xem qua rồi nói: "Phù Kiên thua là chỗ không hay".

Tù Tinh nói: "Thần xem quyền *Phù Kiên Tài kỵ* có viết: "Các đạo quân của nhà Tần đều tan vỡ, chỉ có đạo quân của Mộ Dung Thùy là được vẹn toàn. Phù Kiên đem hơn ngàn quân kị tìm đến. Con của Thùy là Bảo khuyên Thùy giết Kiên, nhưng việc không thành".

Tù do ta có thể thấy được cái loạn của quân nhà Tần, chỉ có Mộ Dung Thùy được vẹn toàn, thì rõ ràng là Kiên đã bị Thùy phá hoại.

Khi đã bị người hại mà còn mong thắng địch thì đó chẳng phải là một việc khó hay sao?"

Thái Tông nói: "Tôn Tử cho rằng người nhiều mưu tính thắng kẻ ít mưu tính, nên có thể biết kẻ ít mưu tính thắng hạng không mưu tính. Mọi việc đều như thế cả".

Thái Tông hỏi: "Thiên hạ truyền rằng Bình pháp của Hoàng đế là Ác Kì Văn hay còn gọi là Ác Cơ Văn nghĩa là gì?"

Tù Tinh đáp: "Chữ kì đọc là cơ, nên sau truyền lại là cơ, nhưng cũng đúng một nghĩa. Xét theo từ ngữ nói rằng bốn làm chính, bốn làm kì, dư kì để nắm lấy cơ (dư kì là số lẻ) nên cũng gọi là cơ.

Thần nghĩ rằng việc binh không có gì không phải là cơ, đâu phải chỉ nói đến chữ nắm mà thôi, nên gọi là dư kì thì đúng hơn.

Thường chính binh thì do vua điều khiển, kì binh thì do tướng tự xuất.

Bình pháp viết: "Lệnh được thi hành mà dạy dân thì dân phục", dạy là do vua điều khiển.

Lại viết: "Việc binh không thể nói trước được, có khi không cần theo lệnh vua". Đây là do tướng tự xuất.

Nếu tướng chỉ biết dùng chính, mà không biết dùng kì, là tướng chuyên về phòng thủ. Chỉ dùng kì mà không biết chính là tướng chuyên về chiến đấu.

Dùng kì hay dùng chính đều là hạng phò tá đắc lực của quốc gia.

Cho nên nắm lấy cơ hay nắm lấy kì vốn không phải là hai phép, chỉ là do học giả thông dùng mà thôi".

Thái Tông hỏi: "Số trận có 9, chính giữa là số lẻ, do đại tướng nắm giữ. Bốn phương, tám hướng, đều lấy đó làm chuẩn. Giữa trận còn có trận, giữa đội có đội. Lấy mặt trước làm mặt sau, lấy mặt sau làm mặt trước. Tiến không quá nhanh, lui không vội vã, bốn phương là đầu, tám hướng là đuôi, lấy chỗ chậm địch làm đầu. Dịch xong vào giữa, thì hai đầu đều đến cứu. Số bắt đầu là 9, số sau cùng là 8. Như thế có nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Gia Cát Lượng dùng đà xếp ngang, dọc, bay ra ghep bát hành phương trận, tức là trận đồ này.

Khi huấn luyện ba quân thì lấy trận này mà dạy trước. Dời sau truyền là năm lấy cơ văn, đại khái chỉ biết được sơ qua mà thôi".

Thái Tông hỏi: "Thiên, địa, phong, vân, long, hổ, điểu, bát trận nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Sự truyền đã nhầm rồi. Người xưa giữ kín phép này, nên ngụy tạo ra tám tên, chứ bát trận vốn chỉ là một, mà chia thành tám.

Như thiên địa vốn là hiệu cờ, phong vân vốn là tên phướn long hổ điểu xà vốn là đội ngũ khác nhau. Dời sau truyền nhầm là bát trận, chứ việc ngụy tạo ra tên vật tượng trưng đâu phải chỉ có tám mà thôi".

Thái Tông nói: "Số bắt đầu là 5, số sau cùng là 8, thì không phải là ngụy tạo, mà thực là phép xưa. Khanh thử bày ra xem".

Lí Tĩnh nói: "Xưa Hoàng Đế sáng lập ra phép Khâu tĩnh (bốn tĩnh là ấp, bốn ấp là khâu), rồi nhân đó mà biến chế ra việc binh.

Vì phép tĩnh điền chia làm bốn đường cho 8 nhà ở. Theo hình chữ tĩnh, chia thành 9 mảnh vuông, 5 chõ làm trận pháp, bốn chõ làm khoảng cách, nên số bắt đầu là 5. Chính giữa là chõ đại tướng ở, bốn phía có các bộ phận bao bọc chung quanh, nên số sau cùng là 8.

Còn về sự biến hóa để khống chế địch thì rõ răm, bộn bề, đánh loạn mà phép không loạn, hỗn độn mịt mù hình tròn mà không thể phân tán, nên chia ra thành toán, mà hợp lại là một".

Thái Tông nói: "Cao sâu thay! Phép trị binh của Hoàng Đế. Dời sau dù có thiên trí thần lược, cũng không hơn được phép này, về sau còn có ai kế tiếp nữa chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Khi nhà Chu bắt đầu hưng thịnh, Thái Công đã tu chỉnh phép này.

Lúc đầu ở Kì Đô, đặt ra phép tĩnh mẫu, nhưng xa 300 chiếc, hổ bón 300 người, lập thành quân chế 6 bộ 7 bộ, 6 cách đánh, 7 cách đánh, để dạy về phương pháp chiến đấu.

Bày trận nơi hoang dã. Thái Công dùng một trăm người cầm quân mà lập nên võ công, dùng 45.000 người đánh thắng 700.000 quân của vua Trụ. Tư Mã Pháp của nhà Chu cũng lấy binh pháp Thái Công làm căn bản.

Sau khi Thái Công mất, người nước Tề học được phép này. Đến thời Tề Hoàn Công bá chủ thiên hạ, giao cho Quản Trọng tu chỉnh

binh pháp Thái Công, gọi là đạo quân tiết chế, các nước chư hầu đều lấy làm phục".

Thái Tông nói: "Nhà già đều nói Quản Trọng chỉ là bá thần mà thôi, chứ không biết binh pháp vốn lấy vương chế làm căn bản.

Nhưng Gia Cát Lượng có tài phò tá quân vương mà tự sánh mình như Quản Trọng và Nhạc Nghị, thì ta có thể biết rằng Quản Trọng cũng là người có tài vương tá.

Đến khi nhà Chu suy yếu, không thể hành sự vương quyền, nên mới nhờ nước Tề khởi binh".

Lí Tịnh bái phục mà rằng: "Bệ hạ là bậc thần thánh hiểu rõ người như thế, thần dù chết cũng không hổ mặt với người hiền xưa.

Thần xin nói về phép trị nước của Quản Trọng là chia nước Tề làm ba phần, lập thành ba đạo quân.

Năm nhà hợp thành một quỹ, nên năm người làm một ngũ.

Mười quỹ hợp thành 1 lí, nên 50 người làm một tiểu nhung.

Bốn lí hợp thành một liên, nên 200 người làm một tốt.

Mười liên hợp thành một hương, nên 2.000 người làm một lữ.

Năm hương hợp thành một sư, nên 10.000 người làm một đạo quân.

Như thế, cũng như Tư Mã Pháp, một sư có 5 lữ, 1 lữ có 5 tốt, nhưng thực ra đều theo phương pháp của Thái Công truyền lại".

Thái Tông hỏi: "Người ta nói rằng: Tư Mã Pháp là do Nhương Tư biên chép, có phải không?"

Lí Tịnh đáp: "Theo *Sử Ký* chép về truyện Nhương Tư, thì đời vua Tề Cảnh Công, Nhương Tư dùng binh rất giỏi, đánh bại quân của nước Yên, nước Tần, nên được vua Cảnh Công phong chức Tư Mã, do đó mới gọi là Tư Mã Nhương Tư, về sau con cháu lấy hiệu là Tư Mã.

Đến đời Tề Úy Vương, truy luận về Tư Mã Pháp xưa, thuật lại những bài học của Nhương Tư, nên mới có mấy chục thiên binh pháp của Tư Mã Nhương Tư. Đời nay lưu truyền, trong các giới binh gia chia ra quyền mưu, hình thể, âm dương, kỹ xảo bốn loại, đều do ở Tư Mã Pháp mà ra".

Thái Tông hỏi: "Đời nhà Hán, Trương Lương và Hàn Tín tuân tự từ binh pháp của 182 binh gia, chọn lấy những chước mưu chủ yếu của 35 nhà, thế mà nay bị thất truyền, là vì sao?"

Lí Tịnh đáp: "Trương Lương vốn học theo binh pháp Thái Công, Lục Thao, Tam Lược, còn Hàn Tín thì học theo binh pháp của Nhương

Tư và Tôn Tử, nhưng về đại thể thì không ngoại Tam môn, Tứ chủng".

Thái Tông hỏi: "Thể nào gọi là Tam môn?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem 81 thiên về mưu của Thái Công, cho rằng âm mưu không thể nói cho cùng, 71 thiên về binh của Thái Công, nói về việc binh không thể đánh cho cùng, Sĩ thiên về lời của Thái Công nói về của cải không thể làm cho cùng. Như thế gọi là Tam môn".

Thái Tông hỏi: "Thể nào gọi là Tứ chủng?"

Lí Tĩnh đáp: "Đây là luận thuyết của Nhậm Hoành đời Hán. Trong giới binh gia chia ra quyền mưu một loại, hình thể một loại, và âm dương kỵ xảo hai loại. Như thế gọi là Tứ chủng".

Thái Tông hỏi: "Trong thiên đầu của Tư Mã Pháp có nói đến việc sưu thú nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Thuận theo thời mà khiến cho thiên hạ tôn trọng việc thờ kính mình".

Đời nhà Chu vốn lấy lê làm quốc chính, nên Thành Vương có cuộc tuần thú ở Kì Dương, Khang Vương có cuộc triều kiến ở Phong Cung, Mục Vương có cuộc họp ở Đồ Sơn. Đây là công việc của Thiên tử.

Đến khi nhà Chu suy yếu, Tề Hoàn Công có cuộc hưng binh ở Triệu Lăng, Tấn Văn Công có cuộc liên minh ở Tiền Thổ. Đây là chư hầu thừa hành công việc của thiên tử.

Sự thực chỉ là sự trùng phạt để thị uy với kẻ bất chính. Mượn cờ triều đình hoặc lấy cớ đi tuần thú, để huấn dụ việc giáp binh, nói là lú vô sự thì không nên dấy loạn, nhưng khi rỗi việc nông thì cũng không quên nghề võ bị.

Cho nên khởi đầu bàn về việc sưu thú không phải là cao thâm hay sao?

Thái Tông hỏi: "Thời Xuân - Thu, phép nhị quǎng của Sở Tử có nói rằng: "Bá quan xem xét sự vật gộp làm một, quân chính không nghiêm giới mà phòng bị". Như thế có phải là học theo biên chế binh lính nhà Chu không?"

Lí Tĩnh đáp: "Theo sách *Tả thi* nói thì Sở Tử dùng 30 cỗ xe trận làm nhị quǎng (một quǎng có 15 cỗ xe) mỗi quǎng có một tốt, mỗi tốt chia ra làm hai cánh quân đi kèm bên xe, dùng xe để lập trận. Cho nên cách đánh kèm theo xe là phương pháp của nhà Chu.

Thần cho rằng nếu 100 người làm một tốt, 50 người làm một lương, thì mỗi cỗ xe dùng 150 người, như thế hơi khác với biên chế binh lính

nha Chu. Một xe của nhà Chu có bộ từ 72 người, múa sаб 3 người, lè 25 người làm một giáp, 3 giáp cộng lại là 75 người.

Dát Sở có nhiều đam, nũi, xe ít mà người nhiều nếu chia làm hai đội thì cũng giống như biến chế binh lính nhà Chu vậy".

Thái Tông hỏi: "Thời Xuân Thu, Tuân Ngô đánh nước địch, huỷ xe mà đi bộ là chính binh hay kỵ binh?"

Lí Tịnh đáp: "Phép dùng xe của Tuân Ngô, tuy bỏ xe mà trong đó có phương pháp hǎn hoi. Một đội ở góc trái, một đội ở góc phải, một đội làm tiên phong chia làm 3 đội. Như thế là phép của một xe. Muôn nghìn xe cùng xếp như vậy thôi."

Thần xem *Tào Công tân thư* có nói phép đánh bằng xe có 75 người, 1 đội làm tiên phong, 2 đội ở hai góc tả hữu, 1 đội giữ xe, 10 người lo việc hỏa thực, 5 người coi việc tu bổ, 5 người chăn nuôi ngựa, 5 người lo cứu nước, cộng là 25 người. Công thủ 2 xe có trên 100 người, hưng binh mười vạn người thì dùng một nghìn chiếc xe, xe hạng nặng và xe nhẹ 2.000 chiếc. Như thế là theo phép xưa của Tuân Ngô.

Lại xem đến biến chế quân đội của nhà Hán, nhà Ngụy, Năm xe là một đội Bộc xa (ở đây có nghĩa là đội trưởng) một người mười xe làm một sứ, soái trưởng 1 người, phàm 1.000 xe thì có 2 tướng quân. Nhiều hơn nữa thì cũng làm theo như vậy.

Thần lấy phép đời nay mà dùng xen vào, lập thành đạo kỵ binh xung kích, gồm có quân bộ kỵ và chiến phong mỗi đội chiếm một nửa, trú quân và chiến xa cũng xuất trận một lượt.

Khi thần đi chinh phạt xứ Đột Quyết, vượt mấy nghìn dặm hiểm nguy, chưa hề dám thay đổi biến chế binh lính vì kỉ luật của người xưa thật đang tin cậy".

Thái Tông đi Linh Châu về, triệu Lí Tịnh vào ngồi mà hỏi rằng: "Trảm ra lệnh cho Đạo Tông và A Sử Na Xã Nhĩ đánh dẹp Tiết Diên Đà. Các bộ lạc Thiết Lạc xin đặt Hán quan, trảm đều chấp thuận.

Diên Đà chạy về phía Tây, trảm e có hậu hoạn nên sai Lí Tích đi đánh, nay phía Bắc đã yên, ở các nơi Phiên Hán lẩn lộn thì dùng cách nào để hai bên được yên ổn lâu dài?"

Lí Tịnh đáp: "Bè hạ ra sắc chỉ cho các bộ lạc từ Đột Quyết đến Hồi Hot, đặt 60 trạm để tuần tra cảnh giác, như thế là đắc sách rồi.

Nhưng theo ngũ ý, thần cho rằng quân Hán có đồn trú ở các nơi sẽ phải có phép riêng, cách huấn luyện khác nhau chứ không nên giống

nhau. Gặp khi có giặc đến thì mật sắc cho chủ tướng biết để kịp thời thay đổi hiệu lệnh và quân phục để xuất kì mà đánh địch".

Thái Tông hỏi: "Như thế là phép gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Như thế gọi là cái thuật đa phương để lừa địch. Phiên mà bảo là Hán, Hán mà bảo là Phiên. Địch không phân biệt được Phiên hay Hán thì không thể đoán được cái kế công thủ của ta.

Người giỏi dùng binh trước phải làm cho đối phương không thể đoán được ý mình, thì địch sẽ hành động sai lầm".

Thái Tông nói: "Thật là hợp với ý trẫm, khanh có thể bí mật dạy cho các tướng đóng ngoài biên ải biết. Chỉ một việc Phiên Hán cũng đủ thấy cái phép kì chính rồi".

Lí Tĩnh bái phục mà rằng: "Bệ hạ là bậc thánh trí trời cho, nghe một biết mười, thần không thể nói cho hết được".

Thái Tông nói: "Gia Cát Lượng nói rằng "Binh có quy củ mà tướng bất tài cũng không thua. Binh không quy củ mà tướng có tài cũng không thắng". Trẫm nghĩ lời này không phải là một luận thuyết chí lí".

Lí Tĩnh đáp: "Võ Hầu có dụng ý khích lệ nên nói như thế".

Tôn Tử có nói rằng: "Giáo đạo bất minh, tướng sẽ bất bình thường, trận binh lung tung là loạn. Từ xưa quân loạn đưa đến thắng lợi cho địch không sao kể xiết.

Giáo đạo bất minh là huấn luyện quân không theo phép xưa. Tướng sĩ bất bình thường là nói tướng quân nắm quyền không được lâu dài, quân loạn đưa lại thắng lợi cho địch là nói tự mình tan vỡ, chứ không phải là địch đánh thắng mình.

Như vậy Võ Hầu nói: Sĩ tốt có quy củ mà tướng bất tài cũng không thua.

Sĩ tốt tự rối loạn thì dù tướng có tài cũng nguy khốn, thì đâu có gì đáng nghi ngờ nữa".

Thái Tông nói: "Như thế thì phải tin theo phương pháp huấn luyện chứ không thể khinh thường".

Lí Tĩnh đáp: "Dạy đúng theo đạo thì quân sĩ vui lòng làm theo. Dạy không đúng phép thì dù cho buổi sáng đôn đốc, buổi chiều khiển trách cũng không ích lợi gì cho công việc cả.

Sở dĩ thần luôn luôn giữ theo phép xưa là muốn huấn luyện thành đạo quân có quy củ vậy".

Thái Tông nói: "Khanh chọn các trận pháp xưa và vẽ rõ bản đồ tác chiến cho trẫm".

Thái Tông hỏi: "Quân Phiên chỉ dùng ngựa tốt để xung phong như thế là kỉ binh chăng? Quân Hán chỉ dùng nó cứng để kìm chế như thế là chính binh chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Theo Tôn Tử nói: "Người giỏi dùng binh chỉ cậy vào thế, chứ không cậy vào người, nên có thể chọn người để giữ thế".

Nói chọn người là tuỳ theo sở trường của quân Phiên, quân Hán mà đánh. Quân Phiên giỏi dùng ngựa, ngựa lợi ở chỗ đánh nhanh. Quân Hán giỏi dùng nỏ, nỏ lợi ở chỗ đánh chậm, như thế là tự nhiên mọi nơi đều giữ lợi thế của mình, chứ không phải khác biệt ở kỉ chính.

Trước kia thần đã nói là: quân Phiên và quân Hán cần phải khác nhau về hiệu lệnh và sắc phục, đây là phép kì chính tương sinh vậy.

Ngựa cũng có chính, nỏ cũng có kỉ, có cái gì là thường xuyên đâu?"

Thái Tông nói: "Khanh hãy nói rõ về thuật này".

Lí Tĩnh đáp: "Đây là cách ngụy trang khiến địch phải theo ý ta".

Thái Tông nói: "Trẫm hiểu rồi. Tôn Tử có nói: "Ngụy trang khéo léo trở thành vô hình".

Lại nói: "Nhờ ngụy trang nên quân đông, mà khiến địch không thể nào biết được" là lẽ đó vậy".

Lí Tĩnh bái phục mà rằng: "Sâu sắc thay! Bệ hạ là bậc thánh trí đã nghĩ ra quá nửa rồi".

Thái Tông nói: "Gần đây, xứ Khiết Đan và xứ Hẽ đều là nội thuộc, đặt hai quan Đô Đốc ở Tụng Mạc và Nhiêu Lạc để trông coi việc đô hộ miền An Bắc. Trẫm dùng Vạn Triệt có được chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Vạn Triệt không bằng A Sử Na Xã Nhĩ. Chấp Thất Tự Lực và Khất Gian Hà Lực. Đây là những quân Phiên giỏi về việc binh.

Thần thường hay nói chuyện về họ về đất Tùng Mạc và Nhiêu Lạc, núi sông, đường sá. Tình hình bên Phiên chỗ thuận, chỗ nghịch, xa đến mấy chục bộ lạc ở Tây Vực, họ đều biết rõ, có thể tin được. Thần đem trận pháp ra dạy họ, không ai là không cúi đầu phục nghĩa. Mong bệ hạ dùng họ mà không ngại gì cả.

Còn như Vạn Triệt thì dũng cảm mà vô mưu, khó mà đảm nhận một mình".

Thái Tông cười nói: "Người Phiên đều bị khanh sai khiến cả. Cố nhân nói: "Dùng mưu đi đánh bọn man di là cái thế của nước lớn". Khanh đã làm đúng như vậy".

QUYỀN TRUNG

Thái Tông hỏi: "Trẫm xem các binh thư, đều không ngoài Tôn Tử, 13 thiên của Tôn Tử đều không ngoài hư thực. Dùng binh mà biết cái thế hư thực thì không trận nào mà không thắng.

Nay trong chư tướng, tuy biết nói là bỏ chô thực đánh chô hư, nhưng đến khi gặp địch, thì ai biết rõ thực hư, nên không thể lừa địch, mà trái lại còn bị địch lừa. Vì sao như thế? Khanh hãy nói rõ những điều cốt yếu cho chư tướng biết".

Lí Tĩnh đáp: "Trước phải dạy họ cái thuật kì chính biến hóa thay đổi lẫn nhau sau mới nói đến hình thể hư thực thì mới được.

Chư tướng phần đông đều không biết lấy kì làm chính, lấy chính làm kì, thì làm sao mà biết được hư là thực, thực là hư?"

Thái Tông nói: "Mưu tính mới biết kế thành hay bại, làm mới biết lẽ động hay tĩnh, xếp đặt mới biết đất sống hay chết, so sánh mới biết chô thiếu hay thừa, như thế là kì chính ở ta, hư thực ở địch, có phải chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Kì chính là nhằm vào chô hư thực của địch. Địch thực thì ta dùng chính, địch hư thì ta dùng kì.

Nếu tướng không biết kì chính, thì tuy có biết được chô hư thực của địch, cũng không thể lừa địch. Thần phụng chiêu dạy chư tướng về kì chính, thì về sau họ sẽ tự hiểu về hư thực".

Thái Tông hỏi: "Tôn Tử nói trị lực nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Lấy gần đợi xa, lấy nhàn đợi nhọc, lấy no đợi đói, đây là nói tóm tắt về trị lực".

"Người giỏi dùng binh xét ba nghĩa này mà suy ra thành sáu: Lấy dụ đợi đến, lấy tĩnh đợi gấp, lấy nặng đợi nhẹ, lấy nghiêm đợi biếng, lấy trị đợi loạn, lấy thủ đợi công.

Nếu trái lại thì sức không đủ, mà không có thuật trị lực thì làm sao có thể đánh nhau được".

Thái Tông nói: "Người đời nay học binh thư Tôn Tử, nhưng chỉ

thuộc lòng, cẩn vẫn, mà ít ai biết suy rộng ý nghĩa của nó, nên phép trị lực cần phải được phô biến cho chư tướng biết".

Thái Tông hỏi: "Tướng già binh yếu tàn tạ gần hết, quân mới mõ vào chưa ra trận, nay phải dùng đạo gì là chủ yếu để dạy họ?".

Lí Tĩnh đáp: "Thần thường chia ra ba giai đoạn để dạy quân.

Trước hết phải dạy về phép kết ngũ, ngũ pháp đã thuần thục, thì dạy về quân hiệu. Đây là một giai đoạn.

Phép quân hiệu là lấy 1 làm 10, lấy 10 làm 100. Đây là một giai đoạn.

Rồi dạy cho tỳ tướng, chỉ huy các hiệu đội, hợp thành trận đồ. Đây là một giai đoạn.

Đại tướng giám sát sự huấn luyện ba quân trong giai đoạn này, rồi qua chế độ kiểm tra, kế đến là phân biệt kì chính, dạy họ cách hành quân chinh phạt.

Bệ hạ ngự trên cao để quan sát, thì không việc gì mà không thể làm được".

Thái Tông hỏi: "Ngũ pháp có mấy nhà, ai được coi là chính yếu?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem *Xuân Thu Tả Thị truyện* có nói trước thiên sau ngũ" (Xe đi trước tốt theo sau).

Tư Mã Pháp viết: "5 người làm 1 ngũ". Uất Liễu Tử thì có thúc ngũ lệnh, biên chế binh lính nhà Hán thì có Xích tịch (bộ sổ ghi quân lệnh), Ngũ phù (phù tín quy định 5 ngũ bảo trợ lẫn nhau). Đời sau lấy giấy làm phù hiệu, nên biên chế của binh bị sai lạc đi.

Thần xin đổi lại từ 5 người biến thành 25 người, từ 25 người biến thành 75 người, như thế bộ tốt có 72 người, giáp sĩ có 3 người. Bỏ xe dùng kị thì 25 người bằng 1 kị đội (có 8 ngựa). Đây là phép ngũ binh ngũ đương.

Binh pháp của các binh gia đều lấy ngũ pháp làm chính yếu. Hàng nhỏ là 5 người, hàng lớn là 25 người, hàng lớn hơn nữa là 75 người, nên 5 hàng thành 375 người. 300 người làm chính, 60 người làm kị. Như thế 150 người chia làm 2 chính, 30 người chia làm 2 kị, đúng hai bên tả hữu.

Nhương Tư nói: "5 người là một ngũ, 10 ngũ làm một đội". Đến nay vẫn lấy đó làm điểm chính yếu".

Thái Tông hỏi: "Trẫm cùng Lí Tích luận bàn về binh pháp thì phần nhiều cũng giống như Khanh nói, nhưng Tích không nghiên cứu về xuất xứ của nó. Khanh làm thành Lục Hoa trận pháp là theo phép nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần theo bát trận pháp của Gia Cát Lượng. Trận lớn bao bọc trận nhỏ, doanh lớn bao bọc doanh nhỏ, các góc cạnh đều nối liền nhau, quanh co khúc khuỷu đối với nhau.

Phép xưa là thế. Thần theo đó mà lập bản đồ tác chiến ngoài vẽ hình vuông, trong vẽ hình tròn, tục gọi là Lục Hoa trận".

Thái Tông hỏi: "Trong tròn ngoài vuông nghĩa là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Vuông sinh ra chính, tròn sinh ra kì. Vuông làm quy củ cho bộ số, tròn để tiếp nối sự tuần hoàn.

Như thế, bộ số cố định ở đất tuần hoàn ứng với trời. Bộ số vững tuần hoàn đều, thì biến hóa mà không loạn. Bát trận đổi thành Lục Hoa là phép cũ của Võ Hầu vậy".

Thái Tông hỏi: "Vẽ hình vuông để thấy bộ, điểm hình tròn để thấy binh. Bộ dạy về phép bước, binh dạy về phép tay, tay chân mà được thuần thực thì sẽ biết quá nửa rồi chăng?".

Lí Tĩnh đáp: "Ngô Khởi nói: "Cắt mà không đứt, lui mà không rời, là nhờ bộ pháp. Dạy quân như sắp đặt quân cờ ở trên bàn, nếu không có đường vẽ thì làm sao sử dụng được quân cờ?"

Tôn Tử nói: "Đất sinh độ, độ sinh lượng, lượng sinh số, số sinh cân, cân sinh thắng. Bình thắng như đem quả dật (nặng 20 lượng) so với quả thù (nặng 1/24 lượng), bình bại như đem quả thù so với quả dật". Điều bắt đầu ở chỗ đo lường vuông tròn vậy".

Thái Tông hỏi: "Sâu sắc thay! Lời nói của Tôn Tử. Không đo đất đai xa gần, hình thế rộng hẹp thì làm sao tạo cho đúng nhịp được!".

Lí Tĩnh đáp: "Tướng thường ít có ai biết được cái nhịp độ đó.

Người giỏi dùng binh có cái thế hiểm, có cái nhịp ngắn. Thế như giương nỏ, nhịp như bắn tên.

Thần sửa lại phép này. Phàm khi lập đội, mỗi đội cách nhau 10 bộ (1 bộ là 5 thước) đội sau cách đội trước 20 bộ, cách 1 đội đặt 1 chiến đội.

Khi tiến tới trước thì lấy 50 bộ làm 1 nhịp. Nghe một tiếng còi các đội đều đứng tản ra, nhưng không quá 10 bộ. Đến tiếng còi thứ 4, quân lính cầm thương phải quỳ xuống.

Bấy giờ mới nói trống 3 lần, hô 3 lần, tiến đánh từ 30 bộ đến 50 bộ để không che quân địch.

Quân kị từ phía sau đi ra, cũng lấy 50 bộ làm nhịp mà dừng, trước là chính, sau là kì để xem xét tình hình quân địch.

Lại nói trong lén, đợi trước là kí, sau là chính rồi khiêu khích cho địch đến để do xem cho sờ hổ và cho yêu kém của địch.

Đây là Lục Hoa trận, đại lược đều như thế".

Thái Tông hỏi: "Tào Công tàn thư" nói: "Khi bày trận chiến đấu với kẻ địch phải lập kế hoạch trước, rồi đem binh đến, theo kế hoạch mà bày trận. Nếu 1 chỗ bị địch tấn công, các nơi khác không đến tiếp cứu thì bị chém, như thế là phép gì?"

Lý Tĩnh đáp: "Lâm trận mới lập kế hoạch là không đúng. Đây chỉ là phương pháp khi dạy đánh nhau mà thôi"

Xưa người giỏi dùng binh, dạy chính mà không dạy kì, xua quân như xua đàn dê, cùng tiến với chúng, cùng lui với chúng, không biết rõ vị trí ở đâu.

Tào Công là người tự kiêu và hiếu thắng. Lúc đương thời, chư tướng nhận binh thư mà không ai dám chỉ trích chỗ dở. Vả lại khi lâm trận mới lập kế hoạch, không phải là quá muộn hay sao?"

Thần trộm xem bệ hạ bày nhạc vũ phá trận, trước ra bốn biểu, sau nỗi theo 8 phương, trái phải quay có tiến bước, chiêng trống đều có nhịp riêng, như thế là 4 đầu và 8 đuôi của Bát trận đồ.

Thiên hạ chỉ thấy nhạc vũ tung bừng, chứ đâu có biết được trong đó hàm chứa cả việc binh".

Thái Tông hỏi: "Xưa Hán Cao Đế bình định thiên hạ nói rằng: "Cốt sao có được dũng sĩ để gìn giữ bốn phương".

Binh pháp chỉ có thể lấy ý mà dạy, chứ không thể lấy lời mà truyền. Trăm đặt ra phá trận nhạc vũ, chỉ có khanh là hiểu được cái ý của nó mà thôi. Dời sau có ai biết được trăm đã làm một việc không phải là đơn giản".

Thái Tông hỏi: "Phải chăng lấy 5 cờ vuông có màu sắc làm chính, cờ phướn để chống địch làm kì, rồi phân chia biến đổi cho thích hợp?"

Lý Tĩnh đáp: "Thần dùng theo phép xưa, hễ ba đội hợp lại thì cờ dựa mà không giao nhau, 10 đội hợp lại thì 5 cờ giao nhau.

Khi thổi còi phân ra, thì 5 cờ giao nhau, chia ra làm 10; 2 cờ giao nhau chia ra làm 5, cờ dựa nhau mà không giao nhau chia ra làm 3.

Lúc quân phân ra thì lấy hợp làm kì, khi quân hợp lại, thì lấy phân làm kì. Ra 3 lệnh, 5 lần tạm nghỉ, 3 lần chia ra, 3 lần hợp lại, rồi trở về thành, thành 4 đầu 8 đuôi, dạy được như thế mới sử dụng".

Thái Tông khen: "Hay lắm!".

Thái Tông hỏi: "Tào Công có chiến kỵ, hạm kỵ, du kỵ. Nay quân mã của ta thuộc hạng nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem *Tân thư* có nói rằng: "Chiến kỵ ở phía trước, hạm kỵ ở chính giữa, du kỵ ở đằng sau". Như thế là đặt ra danh hiệu để chia ra làm 3 loại, đại để thì một kỵ đội (8 ngựa) bằng 24 người bộ tốt, 24 kỵ binh bằng 72 người bộ tốt. Đây là phép xưa."

Bộ tốt thường được dạy về chính, kỵ đội thường được dạy về kỵ.

Theo Tào Công thì trước sau và chính giữa chia thành 3 lớp quân, không nói đến hai khu vực giữa và khoảng cách, như thế là chỉ nói về một phía thôi.

Người đời sau không hiểu nghĩa 3 lớp là chiến kỵ phải ở trước hạm kỵ, còn du kỵ được sử dụng ra sao?

Thần thường dùng phép này. Khi hồi quân chuyển trận thì du kỵ chống phía trước, chiến kỵ chống phía sau, còn hạm kỵ khi lâm chiến thì phân ra, đều là phép của Tào Công".

Thái Tông cười nói: "Nhiều người đều bị Tào Công mê hoặc".

Thái Tông hỏi: "Xa, bộ, kỵ ba thứ quân đều cùng 1 phép, mà sử dụng là ở người có phải chăng?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần xem Ngư Lệ Trận thời Xuân Thu thì trước thiên sau ngũ (xe đi trước tốt theo sau). Như thế chỉ có xa, bộ mà không có kỵ, gọi là chống đỡ hai bên tả hữu, nghĩa là chống giữ mà thôi, chứ không phải xuất kỵ để thủ thắng".

Như Tuân Ngô nhà Tấn đánh quân địch, bỏ xe mà đi như thế thì lấy kỵ nhiều làm lợi, chỉ dùng kỵ mà thắng chứ không phải chống giữ mà thôi.

Thần xem dùng phép này. Phàm một ngựa cho 3 người xa bộ cùng đi, hỗn hợp thành một phép, mà sử dụng được là ở người.

Địch làm sao có thể biết được xe ta từ đâu ra, quân kỵ từ đâu lại, quân bộ từ đâu đến, hoặc tiềm tàng dưới chín lớp đất hoặc bay lượn trên chín tầng mây, mưu trí như thần thánh, chỉ bệ hạ mới có mà thôi, thần làm sao hiểu thấu được".

Thái Tông hỏi: "Sách Thái Công nói rằng: "Đất vuông 600 bộ, hay 60 bộ, là đại biểu cho 12 chi, phép đó như thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Vạch đất vuông 1.200 bộ, là hình vuông. Mỗi phần chiếm đất vuông 20 bộ, bề ngang 5 bộ đặt 1 người, bề dọc 4 bộ đặt 1

người. Tất cả 25.000 người chia thành 5 phương, và đặt trong 4 chỗ, gọi là hàn ở trong trận.

Khi Võ Vương phạt Trụ, mỗi cánh quân Hồ Bôn có 30.000 người, mỗi trận 6.000 người cộng là 30.000 quân. Đây là phép chia đất của Thái Công".

Thái Tông hỏi: "Lục Hoa trận của khanh chia đất như thế nào?"

Lí Tịnh đáp: "Đại thể chia đất vuông thành 1.200 bộ. Lục trận có nghĩa là mỗi phần chiếm 400 bộ đất vuông, chia ra hai khu vực đông Tây, 1.200 bộ đất trống làm chỗ để tập trận.

Thần thường dạy 30.000 quân, mỗi trận 5.000 người, lấy một trận làm doanh, 5 trận làm thành hình vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, mỗi trận có 5 cách biến đổi, tất cả có 25 cách biến đổi".

Thái Tông hỏi: "Ngũ hành trận là thế nào?"

Lí Tịnh đáp: "Vốn do 5 phương sắc mà đặt ra tên đó, còn vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn là tùy theo địa hình mà bày trận. Nếu quân không tập quen 5 cách này thì làm sao có thể đánh địch".

Việc binh là đạo quý trá, nên đặt tên là ngũ hành, ý muốn nói dùng thuật số tương sinh, tương khắc thực ra binh hình cũng như nước, theo thể đất mà tạo ra như dòng nước chảy. Đây là ý chính của nó vậy".

Thái Tông hỏi:

"Tần Mẫu phương viên phục binh pháp đã có từ xưa rồi, có phải không".

Lí Tịnh đáp: "Phép Tần Mẫu là do tục truyền, thực ra chỉ có nghĩa âm dương mà thôi.

Thần xem Phạm Lai có nói rằng: "Sau thì dùng âm. Trước thì dùng dương, làm cho hết cái tiết dương của địch, làm cho thịnh cái tiết âm của ta, rồi chiếm lấy. Đây là sự huyền diệu về âm dương của các binh gia.

Phạm Lai lại nói rằng: "Đặt bên phải làm tần bên trái làm mẫu, sớm tối đổi thay để thuận theo đạo trời". Như thế thì trái, phải, sớm, tối, khi làm thời không giống nhau là do ở chỗ biến hóa của kì chính vậy.

Trái phải là âm dương của người, sớm tối là âm dương của trời, kì chính là sự tương biến giữa trời và người. Nếu cứ giữ nguyên âm dương mà không biến đổi thì âm dương đều trở thành vô dụng, chỉ còn cái binh tần mẫu mà thôi.

Cho nên khéo bày hình thể là lấy kì tỏ ra cho địch biết, nhưng không phải là chính của ta, mà thắng được địch là lấy chính đánh địch, nhưng không phải là kì của ta. Như thế gọi là kì chính tương biến.

Phục binh không phải chỉ nấp ở chỗ sơn cốc thảo mộc mới gọi là

phục. Lúc chính thì như núi, lúc kì như sấm sét. Tuy đối diện nhau cũng không thể biết được là kì chính của ta ở đâu. Như thế thì làm gì có hình dạng".

Thái Tông hỏi: "Tứ thú trận lấy thương, vũ, chuỷ, giác, tượng trưng cho đạo là gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Là đạo quý trá".

Thái Tông hỏi: "Có thể bỏ đi không?"

Lí Tĩnh đáp: "Giữ cũng được mà bỏ cũng được. Nếu bỏ mà không dùng thì càng thêm quý trá".

Thái Tông hỏi: "Tại sao vậy?"

Lí Tĩnh đáp: "Mượn trận Tứ thú, và hiệu là thiên, địa, phong, vân phối hợp với thượng kim, vũ thủy, truỷ hoả, giác mộc, đây là cái đạo quý trá của các binh gia từ thuở xưa. Nếu giữ lại thì cũng không thêm phần quý trá, mà bỏ đi thì làm sao áp dụng cái thuật sai khiến người tham, người ngu được?"

Thái Tông suy nghĩ hồi lâu rồi nói: "Khanh nên giữ kín, đừng tiết lộ ra ngoài".

Thái Tông hỏi: "Hình phạt nghiêm khắc khiến dân sợ ta chứ không sợ địch, nên trăm rất lấy làm nghi ngờ. Xưa vua Quang Vũ lấy quân ít mà chống với trăm vạn binh mã của Vương Mãng. Nếu không dùng binh pháp thì do đâu mà được như thế?"

Lí Tĩnh đáp: "Việc thắng bại của binh gia có nhiều trường hợp khác nhau, không thể chỉ lấy một việc mà suy luận. Như Trần Thắng, Ngô Quang đánh bại quân Tần, đâu phải vì hình phạt hơn Tần?"

Vua Quang Vũ khởi binh là hợp với lòng dân đang oán hận Vương Mãng, lại thêm Vương Tầm, Vương Ấp không thông binh pháp, chỉ cậy có quân đông, nên tự mình phải thua.

Tôn Tử có nói rằng: "Binh sĩ chưa gắn bó mà phạt thì chúng không phục, đã thân cận mà không phạt thì không thể dùng". Ý nói người làm tướng trước phải có sự thương mến của binh sĩ, rồi sau mới có thể nghiêm hình.

Nếu tình thương chưa đậm đà mà áp dụng luật pháp nghiêm ngặt thì ít khi làm cho nêu sự việc".

Thái Tông hỏi: "Sách *Thượng thư* có nói: "Cái uy khắc phục được tình thương thì làm nêu việc. Tình thương chế ngự được cái uy thì công, không thành" là nghĩa gì?"

Lí Tịnh đáp: "Tinh thương, đặt trước, cái uy đặt sau, không thể trái lại được. Nếu dùng uy trước rồi mới thương sau thì không có ích gì cho công việc."

Sách *Thượng thư* muốn cảnh giác về sau này chứ không phải để mưu sự lúc đầu. Nên cách trị quân của Tôn Tử muôn đời không thể đổi được".

Thái Tông hỏi: "Lúc khanh dẹp xong giặc Tiêu Tiễn, chư tướng đã muôn lấy tài sản ngụy để thưởng cho binh sĩ, nhưng khanh không nghe, nói rằng Khoái Thông không bị nhà Hán phanh thây mà sau đó cả Giang Hán đều quy thuận.

Do đó, trẫm nghĩ đến cổ nhân có nói rằng: "Văn có thể khiến dân quy thuận; Võ có thể uy hiếp địch quân; ý có phải lời khanh nói chăng?"

Lí Tịnh đáp: "Khi vua Quang Vũ bình định giặc Xích Mi, vào trong dinh địch tra xét, giặc đáp rằng: "Tiêu Vương đã đặt tấm lòng trung nghĩa vào trong lòng người". Do đó, ta biết được lòng người vốn không phải là độc ác, vậy mà không suy tính kỹ càng được sao?

Khi thần chinh phục xứ Đột Quyết cầm quân Phiên, Hán, xuất trại nghìn dặm, chưa từng đốn ngã một cây dương, hay chém giết một người dân vô tội, cũng vì muốn chứng tỏ tấm lòng thành thật, giữ sự công bình mà thôi.

Bệ hạ quá thương nên cất nhắc thần lên chức vị cao sang, chứ thần đâu dám nhận hai câu văn võ".

Thái Tông hỏi: "Xưa Đường Kiệm đi sứ ở Đột Quyết, khanh nhân đó mà đánh bại họ. Người ta cho rằng khanh dùng Kiệm làm kẻ tử gián, cho đến nay trẫm vẫn còn nghi ngờ không hiểu ra sao?"

Lí Tịnh bái phục mà rằng: "Thần với Kiệm vốn cùng thờ chung một vua. Vì đoán biết lời nói của Kiệm sẽ không thể khuất phục được địch, nên thần nhân đó tung quân đánh thẳng vào nước họ. Đây là vì muốn trừ được cái ác lớn mà bỏ chuyện nghĩa nhỏ.

"Thiên hạ cho rằng thần dùng tử gián, thật ra không phải là thần muốn như vậy, vì theo thiên dụng gián của Tôn Tử thì là hạ sách hơn cả.

Thần đã từng chú luận ở đoạn chót rằng: "Nước có thể chở thuyền, nhưng cũng có thể làm đắm thuyền, hoặc dùng gián điệp mà thành công, hoặc vì dùng gián điệp mà thất bại".

Như vậy kết tóc để thờ vua, đứng giữa triều đình nghiêm sắc mặt mà nói rằng, "Trung, để tròn khiết, tín để vẹn lòng thành" thì tuy có kế hay, làm sao có thể dùng được?

Việc Dượng Kiem chỉ là chuyện nghĩa nhỏ, Be ha con nghi ngờ làm chi?"

Thái Tông nói: "Đúng thay! Phi nhán nghĩa, không thể dùng, giàn điệp có phải hạng người nhỏ mọn mà làm được đâu? Chu Công vì đại nghĩa mà quên mình huống hồ là một vị sứ giả, thật là sáng tỏ không còn nghi ngờ chi nữa".

Thái Tông hỏi: "Binh quý làm chủ, không quý làm khách, quý nhanh không quý lâu là nghĩa gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Binh là việc bất đắc dĩ mới dùng đến, sao lại làm khách và lâu được?"

Tôn Tử nói: "Vận chuyển xa xôi, thì trăm họ nghèo". Đây là cái hại của thế làm khách.

Lại nói: "Binh không gọi lính hai lần, lương không tải ba lượt". Đây là kinh nghiệm không thể đánh lừa.

Thần lượng xét về cái thế chủ khách thì có phép biến khách thành chủ và biến chủ thành khách".

Thái Tông hỏi: "Thế là nghĩa gì?"

Lí Tĩnh đáp: "Lấy lương của địch là biến khách thành chủ. Khiến địch đang no thành đói, đang yên thành nhọc là biến chủ thành khách.

Cho nên việc binh không câu nệ ở chỗ chủ khách, nhanh chậm, mà cần ở chỗ phát cho đúng nhịp".

Thái Tông nói: "Xưa có mấy người làm được như thế?"

Lí Tĩnh đáp: "Xưa nước Việt đánh nước Ngô, dàn quân tả hữu hai cánh, nổi trống tiến lên. Ngô chia binh ra chống cự. Việt ngầm đưa trung quân, lặng lẽ không nổi trống, tập kích đánh bại quân Ngô. Đây là một kinh nghiệm về sự biến khách thành chủ.

Như trận đánh giữa Thạch Lặc và Cù Đam. Quân Đam từ xa đến, Lặc sai Khổng Trường đi tiên phong đón đánh quân Đam. Khổng Trường vờ lui cho Đam đuổi theo. Lặc dùng phục binh hợp kích, quân Đam đại bại. Đây là một kinh nghiệm về sự biến nhọc thành nhàn.

Người xưa đánh như thế rất nhiều".

Thái Tông hỏi: "Có phải Thái Công đã chế ra cỗ giá sắt để ngăn ngừa xe không?"

Lí Tĩnh đáp: "Phải, nhưng chỉ để chống địch mà thôi. Binh quý ở chỗ khiến địch bại, chứ không phải chỉ để chống địch.

Trong *Lục Thao*, Thái Công có nói đây là dụng cụ phòng thủ chứ không phải dùng để tấn công".

QUYẾN HAI

Thái Tông hỏi: "Thái Công nói: "Dùng bộ binh đánh với xa kị thì phải dựa vào nơi có gò đống hiểm trở. Còn Tôn Tử lại nói rằng: "Đất có khe trũng, gò đống, thành cũ, thì không thể đóng quân". Thế nghĩa là gì?"

Lý Tĩnh đáp: "Dùng binh cốt ở chỗ một lòng, một lòng là nhờ cẩm tin điều lạ, bỏ điều nghi ngờ. Nếu chư tướng có điều nghi kị, thì lòng quân dao động, lòng quân dao động thì địch sẽ thừa cơ mà đến.

Việc đóng doanh trại giữ đất cốt ở chỗ thuận tiện cho nhân sự mà thôi. Đất có khe trũng lõm sâu. Đồi núi vây quanh như ngực, cây cỏ rậm rạp như lưới thì không tiện lợi cho nhân sự, nên binh gia thường tránh những nơi đó, để phòng địch lợi dụng đánh ta.

Còn gò đống, thành cũ không phải là nơi hiểm yếu, chiếm được sẽ có lợi cho ta, sao lại phải bỏ đi?

Lời nói của Thái Công là điều chủ yếu của việc binh vây".

Thái Tông hỏi: "Trẫm nghĩ rằng vũ khí không hơn được người. Hành quân cần ở chỗ tiện lợi cho nhân sự, tại sao phải nghi ngờ mà tránh điều kiêng ky?

"Từ nay về sau, chư tướng lấy cớ âm dương làm điều kiêng kị, làm hỏng việc lớn, thì khanh nên răn dạy nhắc nhở cho họ biết".

Lý Tĩnh bái tạ mà rằng: "Thần thấy Uất Liễu Tử nói "Xưa Hoàng Đế dùng đức mà giữ, dùng hình mà đánh". Như thế gọi là hình đức chứ không phải là thiên quan ngày giờ. Nhưng đạo quý trá chỉ có thể dùng mà không thể cho biết được.

Sau này những tướng tầm thường hay câu nệ vào thuật số, nên bị thua nhiều, không thể không cảnh giác họ.

Lời thành huân của bệ hạ, thần sẽ đem tuyên cáo cho chư tướng biết".

Thái Tông hỏi: "Binh có khi phân khu hợp, đều quý ở cho thích nghi. Trong những sự tích đời trước có ai giỏi về việc này?"

Lí Tĩnh đáp: "Xưa Phù Kiên thống soái trăm vạn binh mã mà thua trận ở sông Phì là vì binh chỉ biết kết hợp lại mà không biết phân ra."

Còn như Ngô Hán đánh Công Tôn Thuật, cùng phò tướng là Lưu Thượng chia quân đóng đồn cách nhau 20 dặm. Khi Công Tôn Thuật đem binh đến đánh Ngô Hán, thì Lưu Thượng cũng xuất quân hợp kích, phá tan binh địch, là nhờ binh tuy phá mà biết hợp".

Thái Tông nói: "Khi phân, không phân thành my quân (quân bị bó buộc, không được tự do). Khi tụ không tụ thành cô lữ (quân bị cô độc, lẻ loi)".

Thái Tông nói: "Nhưng Phù Kiên lúc đầu được Vương Mãng là người biết dụng binh, nên chiếm được Trung Nguyên. Đến khi Vương Mãng mất, thì Kiên cô độc nên bị thua. Như thế gọi là my quân.

Còn Ngô Hán được Quang Vũ trọng dụng, việc binh không đặt ở nơi xa xôi nên Ngô Hán bình được đất Thục. Như thế gọi là không rơi vào tình trạng cô độc. Những sự tích thắng bại này đủ để làm gương cho muôn đời".

Thái Tông nói: "Trẫm xem nghìn chương vạn cú cũng không ngoài một câu là dùng nhiều phương kế để lừa địch".

Lí Tĩnh suy nghĩ hồi lâu rồi đáp: "Thật đúng như lời thánh thượng nói. Phàm việc dùng binh nếu địch không bị mắc mưu thì làm sao quân ta có thể thắng được?"

Ví dụ như đánh cờ, hai người đều ngang nhau mà đi lầm một nước thì không thể cứu được. Xưa nay việc thắng bại đều do sự nhầm lẫn, huống hồ có nhiều sự sai lầm.

Thái Tông hỏi: "Công và thủ, hai việc này thực ra cũng chỉ là một phép chăng?".

Tôn Tử nói: "Kẻ giỏi công thì địch không biết đâu mà thủ. Người khéo thủ thì địch không biết đâu mà công". Tức là không nói đến trường hợp địch đến đánh ta thì ta cũng đánh lại họ, hay ta cố thủ thì địch cũng phòng thủ.

Hai bên đều áp dụng chung một phép thì làm thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Đời trước những người cùng tiến công, hay cùng thê

thủ như thế rất nhiều. Họ đều nói thủ yếu kém, tiến công thì có thừa, cho rằng yếu kém là yếu mà thừa là mạnh. Đây là vì không biết cách công thủ.

Thần xem Tôn Tử có viết: "Không thể thắng được thì thủ, có thể thắng, được thì công". Nghĩa là khi chưa thắng được địch thì hãy tạm thủ, đợi đến lúc có thể thắng địch thì ta đánh, chứ không phải nói là mạnh hay yếu.

Người đời sau không hiểu nghĩa đó, thành thủ lúc nên đánh thì lại thủ, mà khi nên thủ thì lại đánh. Hai việc khác nhau nên không chung một phép được".

Thái Tông nói: "Không ngờ mấy chữ có thừa và yếu kém làm cho người đời sau nhầm lẫn đây là mạnh và yếu.

Họ không biết rằng phép thủ cốt khiến cho địch hiểu là thiếu kém, mà phép công cốt tỏ cho địch biết là có thừa.

Khiến địch hiểu là thiếu kém thì địch sẽ đến đánh. Đây là địch không biết đâu mà công.

Tỏ cho địch biết là có thừa, thì địch phải cố thủ. Đây là địch không biết đâu mà thủ.

Sự quyết định công thủ giữa địch và ta có thể chia thành hai việc. Nếu việc của ta được thì việc của địch hỏng, và trái lại việc của địch được thì việc của ta hỏng.

Được hay mất, thành hay bại là do việc của ta và địch mà phân chia ra. Công hay thủ chỉ là một mà thôi. Được một điều này thì trăm trận trăm thắng.

Nên mới nói rằng: "Thật là sâu sắc thay! Cái phép của thánh nhân.

Công là cơ nguy của việc thủ, thủ là kế sách của việc công, chung quy về một sự thắng mà thôi. Nếu công mà không biết thủ, thủ mà không biết công, thì không những trở thành hai việc, mà còn chia thành hai sự thể khác nhau. Miệng đọc Tôn Ngô, mà trong lòng không nghĩ đến sự huyền diệu là thuyết công thủ phải đi đôi với nhau, thì làm sao biết được cái lẽ phải ở trong đó".

Thái Tông hỏi: "Tư Mã Pháp nói: Nước tuy lớn nhưng hiếu chiến ắt phải mất. Thiên hạ tuy yên nhưng quên việc chiến ắt phải nguy, như thế cũng là một phép công, thủ chẳng?".

Lí Tĩnh đáp: "Đã có dat nước sao không thường; luyện giáng dày vè sự công thủ.

Công không chỉ có nghĩa là đánh thành phá trận mà còn phải đánh vào lòng địch.

Thủ không chỉ có nghĩa là giữ thành giữ trận, mà còn phải giữ khí thế của mình để chờ thời.

Lấy việc lớn mà nói là, cái đạo làm vua. Lấy việc nhỏ mà nói, là cái đạo làm tướng.

Đánh vào lòng địch gọi là biết người, giữ vững khí thế gọi là biết ta".

Thái Tông nói: "Đúng lắm, khi lâm trận, trẫm thường đoán trước lòng địch và lòng mình, suy xét thật kỹ rồi mới biết được người.

Quan sát khí thế của địch và của ta, so sánh thật kỹ rồi mới biết được ta.

Như vậy biết người biết ta là điều trọng yếu của binh gia. Các vị tướng ngày nay tuy chưa biết người, nhưng nếu biết ta, thì làm sao có thể không có lợi được?"

Lí Tĩnh đáp: "Tôn Tử nói: "Trước hết không để ai thắng mình" là biết ta. "Đợi đến lúc có thể thắng địch" là biết người.

Lại nói: "Không thể thắng là ở ta, có thể thắng là ở địch". Thần không bao giờ có thể quên lời khuyên này".

Thái Tông hỏi: "Tôn Tử nói: Phép đoạt khí thế của ba quân là khí thế buổi sáng thì tinh nhuệ, trưa thì lười biếng, chiều thì suy giảm, nên người giỏi dùng binh tránh cái khí tinh nhuệ của địch, mà đánh khi họ lười biếng và suy yếu". Thế nghĩa là gì?

Lí Tĩnh đáp: "Phàm con người bẩm sinh có bầu máu nóng, hăng hái đấu tranh, dù chết cũng không cần suy xét là do cái khí tạo ra như vậy. Nên theo phép dùng binh trước phải quan sát binh sĩ của ta, khích động cái khí thế chiến thắng của ta, rồi mới có thể đánh địch.

Ngô Khởi có bốn cơ mưu, mà vẫn lấy khí cơ là trọng hơn cả, cũng không ngoài lẽ đó, có thể khiến cho mọi người tự nguyện chiến đấu thì khí thế dũng mãnh không ai có thể ngăn được.

Nói khí thế buổi sáng tinh nhuệ, vốn không phải là chỉ hạn định ở thời gian. Đây là lấy một ngày từ sáng đến tối làm thí dụ mà thôi.

Phạm nói trong bài làm mà địch vẫn không suy kiệt thì làm sao có thể khêu địch lui bieng hay suy yếu?

Vì học hỏi chí hiếu sướng theo cau văn nên mới bị địch dụ, nếu thấu triết cai lì le để nhận địch thì có thể dùng binh".

Thái Tông nói: "Khanh đã từng nói Lí Tích có tài về binh pháp, về sau có thể dùng được. Nhưng nếu không do trãm chỉ đạo thì không thể dùng được. Sau này Thái tử lên trị vì, thì làm thế nào để sử dụng được hắn?"

Lí Tinh đáp: "Làm theo kế của bệ hạ thì không gì bằng truất bỏ Lí Tich, rồi mật lệnh cho Thái tử về sau sẽ thu dụng hắn, tất có sự nhớ ơn và lo việc báo đáp, như vậy cũng không có gì trái lẽ".

Thái Tông khen: "Đúng, trãm không còn ngại gì nữa".

Thái Tông hỏi: "Nếu Lí Tich và Trưởng Tôn Vô Kị cùng nắm quyền Quốc chính thì sau này sẽ ra sao?"

Lí Tinh đáp: "Lí Tich là người trung nghĩa, thần có thể bảo đảm được.

Vô Kị là người phò tá có công lớn, bệ hạ đã lấy tình tâm phúc mà ủy nhiệm hắn làm thừa tướng, nhưng bệ ngoài hắn có vẻ khiêm tốn, bên trong thì đố kị người hiền, nên Uất Trì Kính Đức đã chỉ trích thẳng vào mặt hắn rồi xin về hưu.

Hầu Quân Tập cũng vì giận hắn nên quên tình cũ mà phạm điều nghịch. Tất cả đều do Vô Kị mà ra.

Nay bệ hạ đã hỏi, thần không dám giấu những chuyện đó".

Thái Tông nói: "Đừng tiết lộ việc này, để rồi trãm nghĩ cách xử trí".

Thái Tông hỏi: "Hán Cao Tổ là người biết dùng tướng, nhưng về sau Hán Tin, Bành Việt đều bị giết. Tiêu Hà bị tống giam. Tại sao thế?"

Lí Tinh đáp: "Thần xem Lưu Bang Hạng Vũ đều không phải là hàng vua biết dùng tướng.

Khi nhà Tần bị mất, Trương Lương vì muốn báo thù cho vua Hán, Trần Bình, Hán Tin đều hận không được vua Sở trọng dụng, nên mới mượn cái thế của nhà Hán để vươn lên.

Còn Tiêu Hà, Tào Tham, Phàn Khoái, Quán Anh đều là những người dũng tỵ nạn. Hán Cao Tổ nhờ đó mà chiếm được thiên hạ.

Giả sử cả sau nước đều phục hưng, thì ai ai cũng nhớ đến nghĩa cũ,

dù có tài dùng tướng, cũng không chắc nhà Hán đã dùng được họ.

Thần cho rằng sở dĩ nhà Hán chiếm được thiên hạ là nhờ mưu chước của Trương Lương và công lao tiếp vận của Tiêu Hà.

Đem việc này ra luận thì Hàn Tín, Bành Việt bị giết, Phạm Tăng không được dùng, sự việc cũng giống nhau, nên thần mới nói Lưu Bang, Hạng Vũ đều không phải là "hạng vua biết dùng tướng".

Thái Tông hỏi: "Khi Hán Quang Vũ phục hưng đất nước, bảo toàn được công thần, không bổ nhiệm họ trông coi các địa phương, như vậy có phải là biết dùng tướng không?"

Lí Tĩnh đáp: "Vua Quang Vũ tuy nhờ vào sự gầy dựng của tổ tiên mà thành công dễ dàng, nhưng cái thế của Vương Mãng không kém gì Hạng Tịch; Khấu Tuân, Đặng Vũ cũng không hơn Tiêu Hà, Trương Lương, nhưng nhờ được lòng người và biết dùng nhu mà trị nên bảo toàn được công thần, hơn Cao Hán Tổ nhiều lắm."

Đem việc này mà luận đạo làm tướng, thì thần cho rằng vua Quang Vũ đã biết cách dùng tướng".

Thái Tông hỏi: "Xưa kia, trước khi xuất quân lập tướng, vua phải ăn chay ba hôm, rồi trao búa cho vị tướng mà nói rằng: "Từ đây lên đến trời mọi việc đều do tướng quân định đoạt" lại trao cho rìu mà nói rằng: "Từ đây xuống đến đất mọi việc đều do tướng quân chế ngự". Rồi đẩy bánh xe mà nói rằng: "Tiến lui tùy thời, việc binh chỉ theo lệnh tướng mà không theo lệnh vua".

Trẫm cho rằng cái lẽ đó đã bỏ từ lâu rồi, nay muốn cùng khanh thẩm định về nghi thức khiết tướng như thế nào?"

Lí Tĩnh đáp: "Thần trộm nghĩ rằng thánh nhân đã đặt ra lẽ ăn chay ở miếu là để mượn uy thần trao búa rìu và đẩy bánh xe là để uỷ thác quyền hành cho tướng.

Nay bệ hạ mỗi khi xuất quân đều nghị luận với công khanh và làm lẽ cáo miếu rồi mới khiết tướng, tức là đón lấy thần linh. Mỗi khi dùng tướng đều cho họ tùy nghi hành động, tức là uỷ thác trọng quyền. Như thế có khác chi việc ăn chay đẩy xe, đều hợp với lẽ xưa mà ý nghĩa cũng giống nhau, không cần thẩm định nữa".

Thái Tông cho là phải, bèn khiết cận thần chép hai việc đó để cho đời sau noi theo.

Thái Tông hỏi: "Thuật số về âm dương có thể bỏ được chăng?"

Lý Tĩnh đáp: "Không nên. Việc binh là đạo quý trá, nhờ thuật số âm dương để sai khiến người tham, kẻ ngu, vì thế không thể bỏ được".

Thái Tông hỏi: "Khanh thường nói tướng giỏi không cần quan sát thiên văn xem ngày giờ, chỉ có tướng dở mới cầu nệ những điều đó, vậy có nên bỏ đi chăng?"

Lý Tĩnh đáp: "Xưa vua Trụ chọn ngày Giáp Tí mà mất nước. Võ Vương chọn ngày Giáp Tí mà thịnh hưng.

Vì quan sát thiên văn, xem ngày giờ thì cũng là ngày Giáp Tí mà nhà Ân bị loạn, còn nhà Chu trị yên, sự hưng vong khác hẳn nhau.

Lại như Tống Võ Đế lấy ngày vãng vong (Vãng là đi, vong là mất) mà khởi binh, quan quân đều cho là không tốt. Nhà vua nói rằng: "Tá đi thì địch mất". Quả nhiên là thắng được địch. Vì thế mà cho rằng có thể bỏ đi, thật là đúng lầm.

Nhưng khi Điền Đan bị nước Yên bao vây, Đan bèn khiến một người giả làm thần linh rồi làm lễ cúng bái. Thần nói rằng: "Có thể phá được quân Yên".

Bấy giờ Đan mới dùng trâu lửa (đốt lửa cột ở đuôi trâu) xung kích đánh tan quân Yên. Đây là đạo quý trá của binh gia, nên thiên quan ngày giờ cũng giống như vậy".

Thái Tông hỏi: "Điền Đan muốn có thần linh để phá quân Yên. Thái Công đốt thi quy (một thứ quỷ mù rùa mà người xưa dùng để bói) mà diệt Trụ. Hai việc đó khác nhau ở chỗ nào?"

Lý Tĩnh đáp: "Về cơ mưu thì cũng là một, hoặc là làm ngược lại, hoặc là thuận theo mà làm.

Xưa kia Thái Công cho phép Võ Vương đến một nơi hoang dã gặp gió mưa sấm sét, cờ trống bị gãy đổ. Tân Nghi Sinh muốn bói được quẻ tốt thì mới hành quân, vì trong ba quân có sự nghi ngờ sơ hãi, nên phải mượn việc bói toán để hỏi thần linh.

Nhưng Thái Công cho rằng cổ nát xương khô không thể hỏi được, và bây tôi đem quân đi đánh vua há lại có thể hỏi thần linh hay sao?

Ta thấy Tân Nghi Sinh đưa cơ mưu ra trước, rồi Thái Công thành đạt cơ mưu sau. Thuận nghịch tuy có khác nhau, mà suy ra cái lí ở bên trong cũng giống nhau.

Trước kia thần cho rằng không nên bỏ thuật so là vì muốn giữ kín cơ mưu khi chưa đến lúc phát ra còn sự thành công là do con người".

Thái Tông hỏi: "Hiện trong các tướng lãnh chỉ có Lí Tích, Đạo Tông, Tiết Vạn Triệt, trừ Đạo Tông là người thân thuộc ra, thì ai có thể gánh được việc lớn?"

Lí Tĩnh đáp: "Bệ hạ thường nói Lí Tích Đạo Tông dùng binh thì không thắng lớn nhưng cũng không thua to. Còn Vạn Triệt không thắng lớn thì ắt thua to.

Thần trộm nghĩ, theo lời nói của thánh nhân thì không cần thắng lớn nhưng cũng không thua to là quân có kỉ luật còn hoặc thắng lớn, hoặc thua to là nhờ may mắn mà thành công vậy.

Tôn Tử nói: Người thiện chiến luôn luôn dùng ở chỗ không thể thua và không để mất cơ hội làm cho địch thua. Đó là yêu cầu của ta".

Thái Tông hỏi: "Hai trận cũng dàn ra, muốn không đánh có được không?"

Lí Tĩnh đáp: "Xưa quân Tần đánh quân Tần vừa giao chiến đã lui binh. Tư Mã Pháp viết: "Đuổi theo không xa, rút lui không kịp". Thần cho rằng lui binh là chế ngự - Nếu quân ta có kỉ luật, bên địch cũng hàng ngũ chỉnh tề, thì làm sao dám khinh ý đánh nhau?"

Cho nên có khi xuất quân để giao chiến, rồi lui binh không đuổi theo. Vì ai cũng đề phòng thất bại.

Tôn Tử nói: "Đừng đánh trận thế đường hoàng, không đón ngọn cờ chân chính".

Nếu hai trận đều có hình thể và lợi thế ngang nhau, thì chỉ cần một chút khinh xuất là có thể bị đối phương lợi dụng hoặc bị thua to. Đây là lẽ tự nhiên sinh ra như thế.

Cho nên việc binh có khi không đánh, không đánh là ở ta, phải đánh là ở địch".

Thái Tông hỏi: "Tại sao không đánh là ở ta?"

Lí Tĩnh đáp: "Tôn Tử nói rằng: "Ta không muốn đánh, chỉ vạch đất mà thủ, thì địch không thể đánh ta, vì ta đánh lạc hướng chúng rồi".

Nếu địch có đông người, thì trong lúc mới giao tranh, ta chưa có thể mưu thắng ngay được, nên mới nói rằng không đánh là ở ta.

Còn phải đánh là ở địch thì Tôn Tử có nói: "Người khéo khiêu chiến chỉ bày hình thể là địch phải tuân theo, đã cho thì địch phải nhận".

Lấy lối mà như, lấy yên mà đón, địch thấy không người ắt phải đến đánh, ta nhàn đó mà phả được địch, nên mới nói rằng phải đánh là ở địch".

Thái Tông nói: "Cao sâu thay! Quân có kỉ luật, làm đúng phép thì thịnh, sai phép thì mất.

Khanh tuân tự thuật lại những người giỏi việc tiết chế trong các thời đại kèm theo đồ hình dâng lên, trẫm sẽ chọn những chỗ tinh vi để lại cho đời sau".

Lý Tinh đáp: "Trước kia thần có dâng lên hai trận đồ của Hoàng Đế và Thái Công cùng với phép kì chính của Tư Mã Pháp và Gia Cát Lượng. Đó là những phép tắc vô cùng tinh vi.

Nhiều danh tướng ở các thời đại chỉ áp dụng một hay hai phép mà thành công. Nhưng các vị sứ quan ít người biết đến việc binh, nên không thể ghi chép tất cả sự thật. Thần đâu dám không tuân theo mệnh vua, sẽ tuân tự thuật lại cho bệ hạ nghe".

Thái Tông hỏi: "Trong binh pháp có chỗ nào cao thâm nhất?"

Lý Tinh đáp: "Thần thường chia làm ba bậc, để học giả theo đó tuân tự mà tiến. Một là đạo, hai là trời đất, ba là tướng pháp.

Thuyết về đạo rất tinh thâm, Kinh Dịch gọi là thông minh, trí tuệ thần vũ mà không giết người gọi là đạo.

Thuyết về trời gọi là âm dương, thuyết về đất gọi là hiểm và dễ. Người giỏi dùng binh có thể lấy âm đoạt dương, lấy chỗ hiểm đánh chỗ dễ. Mạnh Tử gọi là thiên thời, địa lợi.

Thuyết về tướng pháp là dùng người và vũ khí. Tam lược gọi là được kẻ sĩ thì hung thịnh. Quản Trọng nói là vũ khí cần phải cứng rắn".

Thái Tông nói: "Trẫm cho rằng không đánh mà khuất phục được quân người mới là thượng sách. Bách chiến bách thắng là trung sách. Còn dùng thành cao hào sâu để tử thủ là hạ sách. Đem việc này mà so sánh với ba bậc trong binh thư Tôn Tử đều có đầy đủ".

Lý Tinh đáp: "Xem câu văn rồi xét đến sự việc thì cũng có thể khác nhau.

Như Trương Lương, Phạm Lai, Tôn Tử thoát nhiên ẩn dật, không ai biết di đâu. Nếu không hiểu đạo, thì sao có thể làm được như thế?"

Như Nhạc Nghị, Quản Trọng, Gia Cát Lượng, họ đánh thi thắng, thủ thì vững bền, nếu không biết xét thiên thời, địa lợi, thì sao có thể làm được như thế?

Kế đến là Vương Mạnh giữ nước Tân, Tạ An giữ nhà Tân, nếu không biết cách dùng tướng, chọn người tài năng, hoàn bị cách phòng thủ, thì sao có thể làm được như thế?

Nếu cái học về cách luyện binh, trước hết phải từ bậc thấp đến bậc trung, từ bậc trung đến bậc cao thì mới dần dần tiến đến chỗ uyên thâm được. Bằng không thì chỉ biết nói suông hay đọc thuộc lòng, mà không thể dùng được".

Thái Tông nói: "Đạo gia kị ba đời làm tướng, nghĩa là không được truyền sai và cũng không thể không truyền. Khanh nên cẩn thận việc đó".

Lý Tĩnh bái phục mà lui ra, rồi đem tất cả sách vở truyền cho Lý Tích.